

Nikon

MÁY ẢNH SỐ

D610

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Cảm ơn bạn đã mua máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn (SLR). Để tận dụng máy ảnh hiệu quả nhất, hãy đọc kỹ đầy đủ các hướng dẫn và để ở nơi tất cả những ai sử dụng máy sẽ đọc.

Biểu Tượng và Quy Ước

Để tìm thông tin bạn cần dễ dàng hơn, những biểu tượng và các quy ước sau đây được sử dụng:

-  Biểu tượng này thể hiện cảnh báo; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng để tránh làm hỏng máy ảnh.
-  Biểu tượng này thể hiện các ghi chú; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng máy ảnh.
-  Biểu tượng này thể hiện tham chiếu tới các trang trong tài liệu hướng dẫn này.

Các mục menu, tùy chọn và thông báo hiển thị trên màn hình máy ảnh được hiện ở dạng **in đậm**.

Cài Đặt Máy Ảnh

Các giải thích trong tài liệu hướng dẫn này giả định các cài đặt mặc định được sử dụng.

Trợ giúp

Sử dụng tính năng trợ giúp trên máy ảnh để được trợ giúp về các mục menu và các chủ đề khác. Xem trang 18 để biết thêm chi tiết.

 **Vì Sự An Toàn Của Bạn**

Trước khi sử dụng máy ảnh lần đầu tiên, đọc các hướng dẫn an toàn trong “Vì Sự An Toàn Của Bạn” (□ xviii–xix).

Tìm ở đâu

Tìm những gì bạn đang tìm kiếm từ:

 Mục lục.....	 x	 Danh mục.....	 338
 Danh mục câu hỏi thường gặp.....	 ii	 Thông Báo Lỗi.....	 322
 Tùy chọn Menu.....	 iv	 Xử Lý Sự Cố	 316

 Giới thiệu	 1
 Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại	 35
 Xem Ảnh Trực Tiếp	 49
 Xem Trực Tiếp Phim	 57
 Các Chế Độ P, S, A, và M	 73
 Cài Đặt Người Dùng: Chế Độ U1 và U2	 81
 Chế Độ Nhả	 83
 Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh	 89
 Lấy Nét	 97
 Độ Nhạy ISO	 105
 Phơi Sáng	 109
 Cân Bằng Trắng	 115
 Tăng Cường Hình Ảnh	 129
 Chụp Ảnh Có Đèn Nháy	 143
 Tùy Chọn Chụp Khác	 151
 Thông Tin Thêm về Phát Lại	 177
 Kết nối	 193
 Hướng Dẫn Menu	 207
 Chú Ý Kỹ Thuật	 285

Danh mục câu hỏi thường gặp

Tìm những gì bạn đang tìm bằng cách sử dụng danh mục “câu hỏi và trả lời”.



Chụp ảnh



Các Chế Độ Chụp và Tùy Chọn Khuôn Hình

Có cách nào nhanh chóng và dễ dàng để chụp ảnh chụp nhanh (chế độ )?	35–39
Làm thế nào để điều chỉnh nhanh các cài đặt cho những cảnh khác nhau?	40–45
Tôi có thể điều chỉnh tốc độ cửa trập để đóng băng hoặc che mờ chuyển động (chế độ S) không?	76
Tôi có thể điều chỉnh độ mở ống kính để che mờ nền hoặc để đưa nền vào vùng lấy nét (chế độ A) không?	77
Làm thế nào để phơi sáng lâu (“thời gian”) (chế độ M)?	79
Tôi có thể tạo khuôn hình ảnh trong màn hình () xem trực tiếp) không?	49
Tôi có thể quay phim () xem phim trực tiếp)?	57
Tôi có thể ghép ảnh chụp trong khoảng thời gian đều đặn để làm phim quay chậm không?	168



Chế Độ Nhả

Tôi có thể chụp từng ảnh một hoặc chụp liên tiếp nhanh?	6, 83
Làm thế nào để chụp ảnh tự hẹn giờ hoặc với điều khiển từ xa?	85
Tôi có thể giảm tiếng ồn cửa trập trong môi trường yên tĩnh (chập-nhả tĩnh lặng) không?	6, 83



Lấy Nét

Tôi có thể chọn cách thức máy ảnh lấy nét không?	97–100
Tôi có thể chọn điểm lấy nét không?	101



Phơi Sáng

Tôi có thể làm cho ảnh sáng hơn hay tối hơn không?	112
Làm thế nào để giữ lại các chi tiết trong vùng tối và sáng?	137



Sử Dụng Đèn Nháy

Tôi có thể thiết lập đèn nháy bật tự động khi cần không?	
Làm thế nào để không cho đèn nháy bật?	35, 143–147
Làm thế nào để tránh “mắt đỏ”?	



Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Làm thế nào để chụp ảnh in ở kích cỡ lớn?	
Làm thế nào để chứa được thêm ảnh trên thẻ nhớ?	93–95



Xem Ảnh



Phát Lại

Làm thế nào để xem ảnh trên máy ảnh?	46, 177
Làm thế nào để tôi có thể xem thêm thông tin về một bức ảnh?	179–184
Tôi có thể xem ảnh trong trình diễn bản chiếu tự động?	213
Tôi có thể xem ảnh trên TV không?	204–205
Tôi có thể bảo vệ ảnh khỏi bị xóa vô tình không?	188



Xóa

Làm thế nào để xóa ảnh không mong muốn?	47, 189–191
---	-------------



Sửa Lại Ảnh



Làm thế nào để tạo ra các bản sao sửa lại của ảnh?	261–279
Làm thế nào để loại bỏ “mắt đỏ”?	264
Làm thế nào để tạo bản sao JPEG của ảnh RAW (NEF)?	271
Tôi có thể lồng hai ảnh NEF (RAW) để tạo ra một ảnh duy nhất?	269–270
Tôi có thể tạo bản sao của ảnh trông giống như một bức tranh không?	275
Tôi có thể xén cảnh phim trên máy ảnh hay lưu những hình ảnh tính trên phim không?	69



Menu và Cài đặt



Làm thế nào để sử dụng các menu?	18–20
Làm thế nào để hiển thị menu bằng ngôn ngữ khác?	27, 253
Làm thế nào để sử dụng đĩa lệnh?	12–16
Làm thế nào để giữ cho màn hình hiển thị khỏi tắt?	228
Làm thế nào để lấy nét kính ngắm?	33
Tôi có thể hiển thị lưới khuôn hình trong kính ngắm hoặc màn hình không?	55, 62, 229
Làm thế nào để tôi biết máy ảnh là cân bằng?	258
Làm thế nào để thiết lập đồng hồ máy ảnh?	27, 253
Làm thế nào để định dạng thẻ nhớ?	31, 250
Làm thế nào để khôi phục lại các cài đặt mặc định?	151, 214, 221
Làm thế nào để được trợ giúp về menu hoặc thông báo?	18, 322



Kết Nối



Làm thế nào để sao chép ảnh vào máy tính?	193–195
Làm thế nào để in ảnh?	196–203
Tôi có thể in ngay chụp lên ảnh của tôi không?	198, 203



Bảo Trì và Phụ Kiện Tùy Chọn



Tôi có thể sử dụng thẻ nhớ nào?	334
Tôi có thể sử dụng thấu kính nào?	285
Tôi có thể sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn (Đèn chớp) nào?	292
Có các phụ kiện khác nào cho máy ảnh của tôi?	297–298
Có phần mềm nào cho máy ảnh của tôi?	
Tôi làm gì với nắp thị kính được cung cấp?	86
Làm thế nào để vệ sinh máy ảnh?	
Tôi bảo dưỡng và sửa chữa máy ảnh ở đâu?	300

Tùy chọn Menu

▶ **PLAYBACK MENU (MENU PHÁT LẠI)** (📖 207)

Delete (Xóa)	Selected (Đã chọn)
	Select date (Chọn ngày)
	All (Tất cả)
Playback folder (Thư mục phát lại)	ND610 (mặc định)
	All (Tất cả)
	Current (Hiện tại)
Hide image (Ẩn hình ảnh)	Select/set (Chọn/đặt)
	Select date (Chọn ngày)
	Deselect all? (Bỏ chọn tất cả?)
Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại) (SD)	Done (Hoàn Tất)
	Basic photo info (Thông tin hình ảnh cơ bản)
	Focus point (Điểm lấy nét)
	Additional photo info (Thông tin hình ảnh bổ sung)
	None (image only) (Không (chỉ hình ảnh))
	Highlights (Làm nổi bật)
Copy image(s) (Sao chép (các) hình ảnh)	Select source (Chọn nguồn)
	Select image(s) (Chọn (các) hình ảnh)
	Select destination folder (Chọn thư mục đích đến)
	Copy image(s)? (Sao chép (các) hình ảnh?)
	On (Bật)
	Off (Tắt) (mặc định)
Image review (Xem lại hình ảnh) (SD)	Off (Tắt) (mặc định)
	On (Bật)
After delete (Sau khi xóa) (SD)	Show next (Hiển thị tiếp) (mặc định)
	Show previous (Hiển thị trước)
Rotate tall (Xoay dọc) (SD)	Continue as before (Tiếp tục như trước)
	On (Bật) (mặc định)
Slide show (Trình chiếu slide)	Off (Tắt)
	Start (Bắt đầu)
DPOF print order (Thứ tự in DPOF)	Image type (Kiểu ảnh)
	Frame interval (Quãng khuôn hình)
DPOF print order (Thứ tự in DPOF)	Select/set (Chọn/đặt)
	Deselect all? (Bỏ chọn tất cả?)

📷 **SHOOTING MENU (MENU CHỤP)** (📖 214)

Reset shooting menu (Đặt lại menu chụp)	Yes (Có)
	No (Không)
Storage folder (Thư mục lưu trữ)	Select folder by number (Chọn thư mục theo số)
	Select folder from list (Chọn thư mục từ danh sách)
File naming (Đặt tên tập tin) (SD)	File naming (Đặt tên tập tin)
Role played by card in Slot 2 (Vai trò được thể trong Khe 2 đảm nhận) (SD)	Overflow (Tràn) (mặc định)
	Backup (Sao lưu)
	RAW Slot 1 - JPEG Slot 2 (RAW Khe 1 - JPEG Khe 2)
Image quality (Chất lượng hình ảnh) (SD)  +  (📖 93)	NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW) + JPEG nét)
	NEF (RAW) + JPEG normal (NEF (RAW) + JPEG bình thường)
	NEF (RAW) + JPEG basic (NEF (RAW) + JPEG cơ bản)
	NEF (RAW)
	JPEG fine (JPEG nét)
	JPEG normal (JPEG bình thường) (mặc định)
	JPEG basic (JPEG cơ bản)
	Large (Lớn) (mặc định)
Image size (Cỡ hình ảnh) (SD)  +  (📖 95)	Medium (Vừa)
	Small (Nhỏ)
	Auto DX crop (Xén DX tự động)
Image area (Vùng hình ảnh) (SD)	Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)
	Auto DX crop (Xén DX tự động)
JPEG compression (Nén JPEG) (SD)	Size priority (Ưu tiên kích cỡ) (mặc định)
	Optimal quality (Chất lượng tối ưu)
NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW)) (SD)	Type (Loại)
	NEF (RAW) bit depth (Độ sâu bit NEF (RAW))
White balance (Cân bằng trắng) (SD)	Auto (Tự động) (mặc định)
	Incandescent (Sáng chói)
 +  (📖 115)	Fluorescent (Huỳnh quang)
	Direct sunlight (Ánh sáng mặt trời trực tiếp)
	Flash (Đèn nháy)
	Cloudy (Mây)
	Shade (Bóng râm)
	Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu)
	Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)

(SD)

Các mục đánh dấu bằng biểu tượng aSD có thể được lưu vào thẻ nhớ bằng cách sử dụng tùy chọn **Save/load settings** (Lưu/tải cài đặt) > **Save settings** (Lưu cài đặt) trong menu cài đặt máy ảnh (📖 249). Các cài đặt đã lưu có thể được sao chép vào các máy ảnh D610 khác bằng cách lắp thẻ nhớ vào máy ảnh và lựa chọn **Save/load settings** (Lưu/tải cài đặt) > **Load settings** (Tải cài đặt).

Set Picture Control (Đặt Picture Control) 	Standard (Tiêu chuẩn) (mặc định)
	Neutral (Trung tính)
	Vivid (Sống động)
	Monochrome (Đơn sắc)
	Portrait (Dạng chân dung)
Manage Picture Control (Quản lý Picture Control)	Landscape (Dạng phong cảnh)
	Save/edit (Lưu/sửa)
	Rename (Đổi tên) ¹
	Delete (Xóa) ¹
Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự động) 	Load/save (Tải/lưu)
	On (Bật)
	Off (Tắt) (mặc định)
Color space (Không gian màu) 	sRGB (mặc định)
	Adobe RGB
Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động) ² 	Auto (Tự động)
	Extra high (Rất cao)
	High (Cao)
	Normal (Bình thường)
	Low (Thấp)
HDR (high dynamic range) (Dải động cao)	Off (Tắt)
	HDR mode (Chế độ HDR)
	Exposure differential (Độ lệch phơi sáng)
Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 	Smoothing (Mượt)
	High (Cao)
	Normal (bình thường) (mặc định)
Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR) 	Low (Thấp)
	Off (Tắt)
	On (Bật)
High ISO NR (ISO Cao NR) 	Off (Tắt) (mặc định)
	High (Cao)
	Normal (bình thường) (mặc định)
ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO) 	Low (Thấp)
	Off (Tắt)
	ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)
 +  ( 105)	Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)
	Delayed remote (Từ xa trì hoãn) (mặc định)
Remote control mode (Chế độ điều khiển từ xa) 	Quick-response remote (Chế độ từ xa phản ứng nhanh)
	Remote mirror-up (Gương nâng lên từ xa)
	Multiple exposure mode (Chế độ đa phơi sáng)
Multiple exposure (Đa phơi sáng)	Number of shots (Số lần chụp)
	Auto gain (Tăng tự động)

Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quảng thời gian)	Choose start time (Chọn thời gian bắt đầu)
	Now (Ngay)
	Start time (Thời gian bắt đầu)
	Interval (Khoảng thời gian)
	Select no. of times×no. of shots (Chọn số lần × số ảnh chụp)
Time-lapse photography (Ảnh quay chậm)	Start (Bắt đầu)
	Interval (Khoảng thời gian)
	Shooting time (Thời gian chụp)
Movie settings (Cài đặt phim) 	Frame size/frame rate (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình)
	Movie quality (Chất lượng phim)
	Microphone (Micrô)
	Destination (Đích đến)

- 1 Không sẵn có nếu Picture Control tùy chọn được bật.
2 Mặc định là **Off** (Tắt) (chế độ **P, S, A, M, , , và **) hoặc **Auto** (Tự Động) (các chế độ khác).

CUSTOM SETTING MENU (MENU CÀI ĐẶT TÙY CHỈNH) (219)

Reset custom settings (Đặt lại cài đặt tùy chọn)	Yes (Có)
	No (Không)
a Autofocus (Lấy nét tự động) 	
a1 AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-C)	Release (Nhả) (mặc định)
	Focus (Lấy nét)
a2 AF-S priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-S)	Release (Nhả)
	Focus (Lấy Nét) (mặc định)
a3 Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy nét với khóa-bật)	5 (Dài)
	4
	3 (Normal) (bình thường) (mặc định)
	2
	1 (Ngắn)
a4 AF point illumination (Roi điểm lấy nét tự động)	Off (Tắt)
	Auto (Tự động) (mặc định)
	On (Bật)
a5 Focus point wrap-around (Quấn xung quanh điểm lấy nét)	Wrap (Quấn xung quanh)
	No wrap (Không quấn) (mặc định)
a6 Number of focus points (Số lượng điểm lấy nét)	39 points (39 điểm) (mặc định)
	11 points (11 điểm)
a7 Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)	On (Bật) (mặc định)
	Off (Tắt)

b Metering/exposure (Đo sáng/phơi sáng) (SD)		
b1	ISO sensitivity step value (Giá trị bước độ nhạy ISO)	1/3 step (1/3 bước) (mặc định) 1/2 step (1/2 bước)
b2	EV steps for exposure cntrl (Bước EV dành cho điều khiển phơi sáng)	1/3 step (1/3 bước) (mặc định) 1/2 step (1/2 bước)
b3	Easy exposure compensation (Bù phơi sáng dễ dàng)	On (Auto reset) (Bật (Tự động đặt lại)) On (Bật) Off (Tắt) (mặc định)
b4	Center-weighted area (Vùng ưu tiên trung tâm)	φ 8 mm φ 12 mm (mặc định) φ 15 mm φ 20 mm Average (Trung bình)
b5	Fine-tune optimal exposure (Chỉnh phơi sáng tối ưu)	Yes (Có) No (Không) (mặc định)
c Timers/AE lock (Hẹn Giờ/Khóa AE) (SD)		
c1	Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L)	On (Bật) Off (Tắt) (mặc định)
c2	Standby timer (Hẹn giờ chờ)	4 s (4 giây) 6 s (6 giây) (mặc định) 10 s (10 giây) 30 s (30 giây) 1 min (1 phút) 5 min (5 phút) 10 min (10 phút) 30 min (30 phút) No limit (Không giới hạn)
c3	Self-timer (Tự hẹn giờ)	Self-timer delay (Độ trễ tự hẹn giờ) Number of shots (Số lần chụp) Interval between shots (Quãng thời gian giữa các lần chụp)
c4	Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)	Playback (Phát lại) Menus (Các menu) Information display (Hiển thị thông tin) Image review (Xem lại hình ảnh) Live view (Xem trực tiếp)
c5	Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng)	1 min (1 phút) (mặc định) 5 min (5 phút) 10 min (10 phút) 15 min (15 phút)

d Shooting/display (Chụp ảnh/hiển thị) (SD)		
d1	Beep (Bíp)	Volume (Âm lượng) Pitch (Cao độ)
d2	Viewfinder grid display (Hiển thị lưới kính ngắm)	On (Bật) Off (Tắt) (mặc định)
d3	ISO display and adjustment (Hiển thị và điều chỉnh ISO)	Show ISO sensitivity (Hiện độ nhạy ISO) Show ISO/Easy ISO (Hiện ISO/ISO dễ dàng) Show frame count (Hiện đếm khuôn hình) (mặc định)
d4	Screen tips (Mẹo sử dụng màn hình)	On (Bật) Off (Tắt) (mặc định)
d5	CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế độ CL)	5 fps (5 khuôn hình trên một giây) 4 fps (4 khuôn hình trên một giây) 3 fps (3 khuôn hình trên một giây) (mặc định) 2 fps (2 khuôn hình trên một giây) 1 fps (1 khuôn hình trên một giây)
d6	Max. continuous release (Ảnh tối đa khi nhả liên tục)	1-100
d7	File number sequence (Trình tự số tập tin)	On (Bật) (mặc định) Off (Tắt) Reset (Đặt lại)
d8	Information display (Hiển thị thông tin)	Auto (Tự động) (mặc định) Manual (Bằng tay)
d9	LCD illumination (Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng)	On (Bật) Off (Tắt) (mặc định)
d10	Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng)	3 s (3 giây) 2 s (2 giây) 1 s (1 giây) Off (Tắt) (mặc định)
d11	Flash warning (Cảnh báo đèn nháy)	On (Bật) (mặc định) Off (Tắt)
d12	MB-D14 battery type (Loại pin MB-D14)	LR6 (AA alkaline) (kiểm AA) (mặc định) HR6 (AA Ni-MH) FR6 (AA lithium) (AA li-thi)
d13	Battery order (Thứ tự pin)	Use MB-D14 batteries first (Sử dụng pin MB-D14 trước) (mặc định) Use camera battery first (Sử dụng pin máy ảnh trước)

e Bracketing/flash (Chụp bù trừ/đèn nháy)			[SD]
e1	Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)	1/250 s (Auto FP) (1/250 giây (PP tự động)) 1/200 s (Auto FP) (1/200 giây (PP tự động)) 1/200 s (1/200 giây) (mặc định) 1/160 s (1/160 giây) 1/125 s (1/125 giây) 1/100 s (1/100 giây) 1/80 s (1/80 giây) 1/60 s (1/60 giây)	
e2	Flash shutter speed (Tốc độ cửa trập đèn nháy)	1/60 s (1/60 giây) (mặc định) 1/30 s (1/30 giây) 1/15 s (1/15 giây) 1/8 s (1/8 giây) 1/4 s (1/4 giây) 1/2 s (1/2 giây) 1 s (1 giây) 2 s (2 giây) 4 s (4 giây) 8 s (8 giây) 15 s (15 giây) 30 s (30 giây)	
e3	Flash cntrl for built-in flash (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn)	TTL (mặc định) Manual (Bằng tay) Repeating flash (Đèn nháy lặp lại) Commander mode (Chế độ bộ điều khiển)	
e3	Optional flash (Đèn nháy tùy chọn)*	TTL (mặc định) Manual (Bằng tay)	
e4	Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng đèn nháy)	Entire frame (Toàn bộ khuôn hình) (mặc định) Background only (Chỉ nền)	
e5	Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình)	On (Bật) (mặc định) Off (Tắt)	
e6	Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)	AE & flash (Tự động phơi sáng và đèn nháy) (mặc định) AE only (Chỉ AE) Flash only (Chỉ đèn nháy) WB bracketing (Cân bằng trắng bù trừ) ADL bracketing (Bù trừ ADL)	
e7	Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ)	MTR > under (dưới) > over (quá) (mặc định) Under (Dưới) > MTR > over (quá)	

* Hiển thị chỉ khi bộ đèn nháy tùy chọn SB-400 hoặc SB-300 được gắn.

f Controls (Điều Khiển)			[SD]
f1	OK button (shooting mode) (Nút OK (chế độ chụp))	Select center focus point (Chọn điểm lấy nét trung tâm) (mặc định) Highlight active focus point (Làm nổi bật điểm lấy nét hoạt động) Not used (Không sử dụng)	

f Controls (Điều Khiển)			[SD]
f2	Assign Fn button (Gán nút Fn)	Preview (Xem trước)	
		FV lock (Khóa FV)	
		AE/AF lock (Khóa AE/AF)	
		AE lock only (Chỉ khóa AE)	
		AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))	
		AF lock only (Chỉ khóa AF)	
		AF-ON (AF-BẬT)	
		Flash off (Đèn nháy tắt)	
		Bracketing burst (Chụp liên tục bù trừ)	
		Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	
		+ NEF (RAW)	
		Matrix metering (Đo sáng ma trận)	
		Center-weighted metering (Đo sáng cân bằng trung tâm)	
		Spot metering (Đo sáng điểm)	
		Framing grid (Lưới khuôn hình)	
		Choose image area (Chọn khu vực hình ảnh) (mặc định)	
		Viewfinder virtual horizon (Đường chân trời ảo trong kính ngắm)	
		MY MENU (MENU CỦA TÔI)	
		Access top item in MY MENU (Truy nhập mục hàng đầu trong MENU CỦA TÔI)	
		1 step spd/aperture (1 bước/độ mở ống kính)	
		Choose non-CPU lens number (Chọn số thấu kính không CPU)	
Playback (Phát lại)			
None (Không có)			
f3	Assign preview button (Gán nút xem trước)	Preview (Xem trước)	(mặc định)
		FV lock (Khóa FV)	
		AE/AF lock (Khóa AE/AF)	
		AE lock only (Chỉ khóa AE)	
		AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))	
		AF lock only (Chỉ khóa AF)	
		AF-ON (AF-BẬT)	
		Flash off (Đèn nháy tắt)	
		Bracketing burst (Chụp liên tục bù trừ)	
		Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	
		+ NEF (RAW)	
		Matrix metering (Đo sáng ma trận)	
		Center-weighted metering (Đo sáng cân bằng trung tâm)	
		Spot metering (Đo sáng điểm)	
		Framing grid (Lưới khuôn hình)	
		Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)	
		Viewfinder virtual horizon (Đường chân trời ảo trong kính ngắm)	
		MY MENU (MENU CỦA TÔI)	
		Access top item in MY MENU (Truy nhập mục hàng đầu trong MENU CỦA TÔI)	
		1 step spd/aperture (1 bước/độ mở ống kính)	
		Choose non-CPU lens number (Chọn số thấu kính không CPU)	
Playback (Phát lại)			
None (Không có)			

f Controls (Điều Khiển)		SD
f4	Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	AE/AF lock (Khóa AE/AF) (mặc định)
		AE lock only (Chỉ khóa AE)
		AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))
		AF lock only (Chỉ khóa AF)
		AF-ON (AF-BẬT)
f5	Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh)	FV lock (Khóa FV)
		None (Không có)
		Reverse rotation (Xoay ngược lại)
		Change main/sub (Thay đổi chính/phụ)
		Aperture setting (Cài đặt độ mở ống kính)
f6	Release button to use dial (Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh)	Menus and playback (Các menu và phát lại)
		Yes (Có)
f7	Slot empty release lock (Khóa nhà khe trống)	No (Không) (mặc định)
		Release locked (Khóa nhà)
f8	Reverse indicators (Chỉ báo ngược lại)	Enable release (Bật nhà) (mặc định)
		 (mặc định)
f9	Assign MB-D14 button (Gán nút MB-D14)	AE/AF lock (Khóa AE/AF) (mặc định)
		AE lock only (Chỉ khóa AE)
		AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))
		AF lock only (Chỉ khóa AF)
		AF-ON (AF-BẬT)
		FV lock (Khóa FV)
		Same as Fn button (Tương tự như nút Fn)

g Movie (Phim)		SD
g1	Assign Fn button (Gán nút Fn)	Index marking (Đánh dấu danh mục)
		View photo shooting info (Xem thông tin chụp ảnh)
		AE/AF lock (Khóa AE/AF)
		AE lock only (Chỉ khóa AE)
		AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))
		AF lock only (Chỉ khóa AF)
		AF-ON (AF-BẬT)
		None (Không) (mặc định)
		Index marking (Đánh dấu danh mục) (mặc định)
		View photo shooting info (Xem thông tin chụp ảnh)
g2	Assign preview button (Gán nút xem trước)	AE/AF lock (Khóa AE/AF)
		AE lock only (Chỉ khóa AE)
		AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))
		AF lock only (Chỉ khóa AF)
		AF-ON (AF-BẬT)
		None (Không có)

g Movie (Phim)		SD
g3	Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	Index marking (Đánh dấu danh mục)
		View photo shooting info (Xem thông tin chụp ảnh)
		AE/AF lock (Khóa AE/AF) (mặc định)
		AE lock only (Chỉ khóa AE)
		AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))
		AF lock only (Chỉ khóa AF)
		AF-ON (AF-BẬT)
g4	Assign shutter button (Gán nút cửa trập)	None (Không có)
		Take photos (Chụp ảnh) (mặc định)
		Record movies (Quay phim)

Y SETUP MENU (MENU CÀI ĐẶT)

(249)

Format memory card (Định dạng thẻ nhớ)	Slot 1 (Khe 1)
	Slot 2 (Khe 2)
Save user settings (Lưu cài đặt người dùng)	Save to U1 (Lưu sang U1)
	Save to U2 (Lưu sang U2)
Reset user settings (Cài đặt lại cài đặt người dùng)	Reset U1 (Cài đặt lại U1)
	Reset U2 (Cài đặt lại U2)
Monitor brightness (Độ sáng màn hình)	Auto (Tự động)
	Manual (Thủ công) (mặc định)
Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh) SD	Clean now (Làm sạch ngay)
	Clean at startup/shutdown (Làm sạch khi bật/tắt)
Lock mirror up for cleaning (Khóa gương nâng lên để làm sạch) ¹	Start (Bắt đầu)
Image Dust Off ref photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi)	Start (Bắt đầu)
	Clean sensor and then start (Vệ sinh cảm biến và sau đó bắt đầu)
HDMI SD	Output resolution (Độ phân giải đầu ra)
	Device control (Điều khiển thiết bị)
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy) SD	Auto (Tự động) (mặc định)
	50 Hz
	60 Hz
Time zone and date (Múi giờ và ngày) SD	Time zone (Múi giờ)
	Date and time (Ngày và thời gian)
	Date format (Định dạng ngày)
	Daylight saving time (Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày)
Language (Ngôn ngữ) SD	Czech, Danish, Deutsch, English, Español, Ελληνικά, Français, Indonesian, Italiano, Magyar, Nederlands, Norsk, Polski, Português (BR), Português (PT), Русский, Română, Suomi, Svenska, Türkçe, Українська, العربية, 中文 (繁體), 中文 (简体), 日本語, 한글, বাংলা, हिन्दी

Image comment (Chú thích hình ảnh)	Done (Hoàn Tất)
	Input comment (Nhập chú thích)
	Attach comment (Đính kèm chú thích)
Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh)	On (Bật) (mặc định)
	Off (Tắt)
Battery info (Thông tin pin)	–
Copyright information (Thông tin bản quyền)	Done (Hoàn Tất)
	Artist (Nghệ sĩ)
	Copyright (Bản quyền)
Save/load settings (Lưu/Tải cài đặt)	Attach copyright information (Đính kèm thông tin bản quyền)
	Save settings (Lưu cài đặt)
	Load settings (Tải cài đặt)
GPS	Standby timer (Hẹn giờ chờ)
	Position (Định vị)
	Use GPS to set camera clock (Dùng GPS để đặt giờ máy ảnh)
Virtual horizon (Đường chân trời ảo)	–
Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU)	Done (Hoàn Tất)
	Lens number (Số thấu kính)
	Focal length (Tiêu cự) (mm)
AF fine-tune (tinh chỉnh lấy nét tự động)	Maximum aperture (Độ mở ống kính tối đa)
	AF fine-tune (On/Off) (tinh chỉnh lấy nét tự động (Bật/Tắt))
	Saved value (Giá trị đã lưu)
	Default (Mặc định)
	List saved values (Danh sách các giá trị đã lưu)
Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi)	Slot 1 (Khe 1)
	Slot 2 (Khe 2)
Firmware version (Phiên bản vi chương trình)	–

1 Không có sẵn ở mức pin hoặc thấp hơn.

2 Chỉ có sẵn với thẻ nhớ tương thích Eye-Fi.

RETOUCH MENU (MENU SỬA LẠI) 261

D-Lighting	–
Red-eye correction (Điều chỉnh mắt đỏ)	–
Trim (Xén)	–
Monochrome (Đơn sắc)	Black-and-white (Đen trắng)
	Sepia (Màu nâu đỏ)
	Cyanotype (Màu xanh tím)
Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	Skylight (Ánh sáng trời)
	Warm filter (Bộ lọc ấm)
	Red intensifier (Tăng cường màu đỏ)
	Green intensifier (Khuếch đại màu xanh lá cây)
	Blue intensifier (Khuếch đại màu xanh trời)
	Cross screen (Màn hình chéo)
	Soft (Mềm)

Color balance (Cân bằng màu)	–
Image overlay (Lớp phủ hình ảnh) ¹	–
NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW))	–
Resize (Thay đổi kích cỡ)	Select image (Chọn ảnh)
	Choose destination (Chọn điểm đến)
	Choose size (Chọn kích thước)
Quick retouch (Sửa đổi nhanh)	–
Straighten (Nắn thẳng)	–
Distortion control (Điều khiển biến dạng)	Auto (Tự động)
	Manual (Bằng tay)
Fisheye (Mắt cá)	–
Color outline (Phác màu chính)	–
Color sketch (Phác họa màu)	–
Perspective control (Điều chỉnh phối cảnh)	–
Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hơn)	–
Selective color (Màu chọn lọc)	–
Edit movie (Chỉnh sửa phim)	Choose start/end point (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc)
	Save selected frame (Lưu khuôn hình đã chọn)
Side-by-side comparison (So sánh cạnh nhau) ²	–

1 Chỉ có khi nút MENU được bấm và tab được chọn trong menu.

2 Chỉ có khi các nút hoặc được bấm để hiển thị menu sửa lại trong khi phát lại khuôn hình đầy.

MY MENU (MENU CỦA TÔI) 280

Add items (Thêm các mục)	Playback menu (Menu phát lại)
	Shooting menu (Menu chụp)
	Custom setting menu (Menu cài đặt tùy chọn)
	Setup menu (Menu cài đặt)
	Retouch menu (Menu sửa lại)
Remove items (Xóa các mục) *	–
Rank items (Xếp hạng mục)	–
Choose tab (Chọn thẻ)	My Menu (Menu Của Tôi)
	Recent settings (Cài đặt gần đây)

* Cũng có thể xóa các mục bằng cách làm nổi bật chúng trong MENU CỦA TÔI và bấm nút hai lần.

Mục lục

Danh mục câu hỏi thường gặp.....	ii
Tùy chọn Menu	iv
Vì Sự An Toàn Của Bạn	xviii
Chú ý.....	xx
Nội Dung Gói	xxiv

Giới thiệu

1

Tìm Hiểu Máy Ảnh	1
Thân Máy Ảnh	1
Đĩa Lệnh Chế Độ	5
Đĩa Lệnh Chế Độ Nhỏ	6
Bảng Điều Khiển	7
Kính Ngắm	8
Hiển Thị Thông Tin	9
Đĩa Lệnh	12
Nắp Màn Hình BM-14	17
Menu Máy Ảnh.....	18
Sử Dụng Menu Máy Ảnh	19
Các Bước Đầu Tiên	21
Sạc Pin	21
Lắp Pin	23
Lắp Thấu Kính.....	25
Cài Đặt Cơ Bản.....	27
Lắp Thẻ Nhớ.....	29
Định Dạng Thẻ Nhớ	31
Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm	33

Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại

35

Nhiếp Ảnh “Ngắm và Chụp” (Chế độ  và ).....	35
Bước 1: Bật Máy Ảnh	35
Bước 2: Chọn Chế Độ  hoặc 	36
Bước 3: Tạo Khuôn Hình Cho Bức Ảnh	37
Bước 4: Lấy Nét	38
Bước 5: Chụp.....	38

Nhiếp Ảnh Sáng Tạo (Chế Độ Cảnh)40

 👤 Chân Dung.....41

 🏡 Phong Cảnh41

 👶 Trẻ Em41

 🏊 Thể Thao.....41

 🌿 Cận Cảnh.....42

 🌃 Chân Dung Ban Đêm42

 🏡 Phong Cảnh Ban Đêm42

 🍷 Tiệc/Trong Nhà42

 ❄️ Biển/Tuyết.....43

 🏝️ Hoàng Hôn43

 🏰 Chạng Vạng/Bình Minh.....43

 🐾 Chân Dung Vật Nuôi.....43

 💡 Ánh Sáng Đèn Nến.....44

 🌸 Nở hoa44

 🍂 Các Màu Mùa Thu.....44

 🍴 Thức Ăn.....44

 👤 Hình Bóng45

 🏡 Khoá Cao45

 🏡 Khoá Thấp.....45

Phát Lại Cơ Bản46

 Xóa Các Bức Ảnh Không Mong Muốn47

Xem Ảnh Trực Tiếp 49

Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp51

Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Ảnh Trực Tiếp53

Hiển Thị Thông Tin: Xem Ảnh Trực Tiếp55

Lấy Nét Bằng Tay55

Xem Trực Tiếp Phim 57

Danh Mục.....60

Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Trực Tiếp Phim61

Hiển Thị Thông Tin: Xem Trực Tiếp Phim62

Vùng Hình Ảnh.....63

Cài Đặt Phim.....65

Xem Phim.....67

Chỉnh Sửa Phim.....69

 Cắt Xén Phim.....69

 Luu Khuôn Hình Đã Chọn.....72

Các Chế Độ P, S, A, và M 73

P: Tự động được lập trình75

S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập.....76

A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính77

M: Bằng tay78

 Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chỉ Chế Độ M)79

Cài Đặt Người Dùng: Chế Độ U1 và U2	81
Lưu Cài Đặt Người Dùng	81
Gọi Lại Cài Đặt Người Dùng	82
Cài Đặt Lại Cài Đặt Người Dùng.....	82
Chế Độ Nhà	83
Chọn Chế Độ Nhà	83
Chế Độ Tự Hẹn Giờ và Chế Độ Điều Khiển Từ Xa	85
Chế Độ Gương Năng Lên	88
Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh	89
Vùng Hình Ảnh	89
Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh	93
Chất Lượng Hình Ảnh.....	93
Cỡ Hình Ảnh.....	95
Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ	96
Lấy Nét	97
Lấy Nét Tự Động.....	97
Chế Độ Lấy Nét Tự Động.....	97
Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động	99
Chọn Lựa Điểm Lấy Nét	101
Khóa Lấy Nét.....	102
Lấy Nét Bằng Tay.....	103
Độ Nhạy ISO	105
Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động	107
Phơi Sáng	109
Đo Sáng	109
Khóa Tự Động Phơi Sáng	110
Bù Phơi Sáng.....	112
Cân Bằng Trắng	115
Dò Tinh Chính Cân Bằng Trắng	117
Chọn Nhiệt Độ Màu	120
Cài Đặt Trước Bằng Tay	121

Tăng Cường Hình Ảnh

129

Picture Control	129
Chọn Picture Control	129
Sửa Đổi Picture Control	131
Tạo Picture Control Tùy Chọn	134
Chia Sẻ Picture Control Tùy Chọn	136
Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng	137
D-Lighting hoạt động	137
Dải Động Cao (HDR)	139

Chụp Ảnh Có Đèn Nháy

143

Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn	143
Chế Độ Đèn Nháy	144
Bù Đèn Nháy	148
Khóa FV	149

Tùy Chọn Chụp Khác

151

Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định	151
Chụp Bù Trừ	153
Đa Phơi Sáng	160
Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian	164
Chụp Ảnh Tua Nhanh Thời Gian	168
Thấu Kính Không CPU	172
Thiết bị GPS GP-1/GP-1A	175

Thông Tin Thêm về Phát Lại

177

Phát Lại Khuôn Hình Đầy	177
Thông Tin Ảnh	179
Phát Lại Hình Thu Nhỏ	185
Phát Lại Theo Lịch	186
Xem Gắn: Thu Phóng Phát Lại	187
Bảo Vệ Ảnh Không Bị Xóa	188
Xóa Ảnh	189
Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ và Theo Lịch	189
Menu Phát Lại	190

Kết Nối với Máy Tính 193

 Trước Khi Kết Nối Máy Ảnh 193

 Kết Nối Máy Ảnh 194

In ảnh 196

 Kết Nối tới Máy In 196

 In Từng Ảnh Một 197

 In Đa Ảnh 199

 Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In 202

Xem Ảnh trên TV 204

Hướng Dẫn Menu

▶ Menu Phát Lại: *Quản Lý Hình Ảnh* 207

 Playback Folder (Thư Mục Phát Lại) 207

 Hide Image (Ẩn Hình Ảnh) 208

 Playback Display Options (Tùy Chọn Hiển Thị Phát Lại) 209

 Copy Image(s) (Sao Chép (các) Hình Ảnh) 209

 Image Review (Xem Lại Hình Ảnh) 212

 After Delete (Sau Khi Xóa) 212

 Rotate Tall (Xoay Đọc) 212

 Slide Show (Trình Chiếu Slide) 213

📷 Menu Chụp: *Các Tùy Chọn Chụp* 214

 Reset Shooting Menu (Đặt Lại Menu Chụp) 214

 Storage Folder (Thư Mục Lưu Trữ) 215

 File Naming (Đặt Tên Tập Tin) 216

 Auto Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng Tự Động) 217

 Color Space (Không Gian Màu) 217

 Vignette Control (Quản Lý Tạo Hóa Tiết) 218

 Long Exposure NR (NR Phơi Sáng Lâu) (Giảm Nhiều Phơi Sáng Lâu) 218

 High ISO NR (ISO Cao NR) 218

✎ Cài Đặt Tùy Chọn: *Tình Chỉnh Cài Đặt Máy Ảnh* 219

 Reset Custom Settings (Đặt Lại Cài Đặt Tùy Chọn) 221

 a: Autofocus (Lấy Nét Tự Động) 221

 a1: AF-C Priority Selection (Lựa chọn Ưu Tiên AF-C) 221

 a2: AF-S Priority Selection (Lựa Chọn Ưu Tiên AF-S) 221

 a3: Focus Tracking with Lock-On (Theo Dõi Lấy Nét với Khóa-Bật) 222

 a4: AF Point Illumination (Rọi Điểm Lấy Nét Tự Động) 222

 a5: Focus Point Wrap-Around (Quấn Xung Quanh Điểm Lấy Nét) 222

 a6: Number of Focus Points (Số Lượng Điểm Lấy Nét) 223

 a7: Built-in AF-assist Illuminator (Đèn Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động Gắn Sẵn) 223

 b: Metering/Exposure (Đo Sáng/Phơi Sáng) 224

 b1: ISO Sensitivity Step Value (Giá Trị Bước Độ Nhạy ISO) 224

 b2: EV Steps for Exposure Cntrl (Bước EV dành cho Điều Khiển Phơi Sáng) 224

 b3: Easy Exposure Compensation (Bù Phơi Sáng Dễ Dàng) 225

 b4: Center-Weighted Area (Vùng Ưu Tiên Trung Tâm) 226

 b5: Fine-tune Optimal Exposure (Tình Chỉnh Phơi Sáng Tối Ưu) 226

c: Timers/AE Lock (Hẹn Giờ/Khóa AE)	226
c1: Shutter-Release Button AE-L (Nút Nhả Cửa Trập AE-L)	226
c2: Standby timer (Hẹn giờ chờ)	227
c3: Self-Timer (Tự Hẹn Giờ)	227
c4: Monitor off Delay (Độ Trễ Tắt Màn Hình)	228
c5: Remote on Duration (Chụp Từ Xa Theo Thời Lượng)	228
d: Shooting/Display (Chụp Ảnh/Hiển Thị)	228
d1: Beep (Bíp)	228
d2: Viewfinder Grid Display (Hiển Thị Lưới Kính Ngắm)	229
d3: ISO Display and Adjustment (Hiển Thị và Điều Chỉnh ISO)	229
d4: Screen Tips (Mẹo Màn Hình)	229
d5: CL Mode Shooting Speed (Tốc Độ Chụp Chế Độ CL)	229
d6: Max. Continuous Release (Ảnh Tối Đa Khi Nhả Liên Tục)	230
d7: File Number Sequence (Trình Tự Số Tập Tin)	230
d8: Information Display (Hiển Thị Thông Tin)	231
d9: LCD Illumination (Đèn Rọi Màn Hình Tinh Thể Lỏng)	231
d10: Exposure Delay Mode (Chế Độ Trễ Phơi Sáng)	231
d11: Flash Warning (Cảnh Báo Đèn Nháy)	231
d12: MB-D14 Battery Type (Loại Pin MB-D14)	232
d13: Battery Order (Thứ Tự Pin)	233
e: Bracketing/Flash (Chụp Bù Trừ/Đèn Nháy)	234
e1: Flash Sync Speed (Tốc Độ Đồng Bộ Đèn Nháy)	234
e2: Flash Shutter Speed (Tốc Độ Cửa Trập Đèn Nháy)	235
e3: Flash Cntrl for Built-in Flash (Điều Khiển Đèn Nháy Cho Đèn Nháy Gắn Sẵn)	236
e4: Exposure Comp. for Flash (Bù Phơi Sáng Đèn Nháy)	240
e5: Modeling Flash (Đèn Nháy Tạo Mô Hình)	241
e6: Auto Bracketing Set (Đặt Chụp Bù Trừ Tự Động)	241
e7: Bracketing Order (Thứ Tự Chụp Bù Trừ)	241
f: Controls (Điều Khiển)	241
f1: OK Button (Nút OK) (Chế Độ Chụp)	241
f2: Assign Fn Button (Gán Nút Fn)	242
f3: Assign Preview Button (Gán Nút Xem Trước)	244
f4: Assign AE-L/AF-L Button (Gán Nút AE-L/AF-L)	244
f5: Customize Command Dials (Tùy Chỉnh Đĩa Lệnh)	245
f6: Release Button to Use Dial (Nhả Nút để Sử Dụng Đĩa Lệnh)	246
f7: Slot Empty Release Lock (Khóa Nhả Khe Trống)	246
f8: Reverse Indicators (Chỉ Báo Ngược Lại)	246
f9: Assign MB-D14  Button (Gán Nút MB-D14 )	247
g: Movie (Phim)	247
g1: Assign Fn Button (Gán Nút Fn)	247
g2: Assign Preview Button (Gán Nút Xem Trước)	248
g3: Assign AE-L/AF-L Button (Gán Nút AE-L/AF-L)	248
g4: Assign Shutter Button (Gán Nút Cửa Trập)	248

 Menu Cài Đặt: <i>Cài Đặt Máy Ảnh</i>	249
Format Memory Card (Định Dạng Thẻ Nhớ)	250
Monitor Brightness (Độ Sáng Màn Hình)	250
Image Dust Off Ref Photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi)	251
Flicker Reduction (Giảm Nhấp Nháy)	252
Time Zone and Date (Múi Giờ và Ngày)	253
Language (Ngôn Ngữ)	253
Image Comment (Chú Thích Hình Ảnh)	253
Auto Image Rotation (Tự Động Xoay Hình Ảnh)	254
Battery Info (Thông Tin Pin)	255
Copyright Information (Thông Tin Bản Quyền)	256
Save/Load Settings (Lưu/Tải Cài Đặt)	257
Virtual Horizon (Đường Chân Trời Ảo)	258
AF Fine-tune (Tinh chỉnh Lấy Nét Tự Động)	259
Eye-Fi Upload (Tải Lên Eye-Fi)	260
Firmware Version (Phiên Bản Vi Chương Trình)	260
 Menu Sửa Lại: <i>Tạo Bản Sao Sửa Lại</i>	261
Tạo Bản Sao Sửa Lại	262
D-Lighting	264
Red-Eye Correction (Điều chỉnh Mắt Đỏ)	264
Trim (Xén)	265
Monochrome (Đơn Sắc)	266
Filter Effects (Hiệu ứng Bộ Lọc)	267
Color Balance (Cân bằng Màu)	268
Image Overlay (Lớp phủ Hình Ảnh)	269
NEF (RAW) Processing (Xử lý NEF (RAW))	271
Resize (Thay đổi Kích cỡ)	272
Quick Retouch (Sửa đổi nhanh)	273
Straighten (Nắn thẳng)	274
Distortion Control (Điều khiển biến dạng)	274
Fisheye (Mắt cá)	274
Color Outline (Phác màu chính)	275
Color Sketch (Phác họa màu)	275
Perspective Control (Điều chỉnh phối cảnh)	275
Miniature Effect (Hiệu ứng cỡ tí hơn)	276
Selective Color (Màu chọn lọc)	277
Side-by-side Comparison (So sánh cạnh nhau)	279
 My Menu (Menu của tôi)/  Recent Settings (Cài đặt gần đây)	280
Recent Settings (Cài đặt gần đây)	283

Các Thấu Kính Tương Thích.....	285
Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn (Đèn Chớp).....	292
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)	293
Các Phụ Kiện Khác.....	297
Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC	299
Chăm Sóc Máy Ảnh.....	300
Lưu Trữ	300
Lau Chùi	300
Bộ Lọc Qua Chậm	301
"Clean Now" ("Làm Sạch Ngay")	301
"Clean at Startup/Shutdown" ("Làm Sạch khi Bật/Tắt")	302
Làm Sạch Bằng Tay	303
Chăm Sóc Máy Ảnh và Pin: Cảnh báo	306
Cài Đặt Có Sẵn	309
Mặc Định	312
Chương Trình Phơi Sáng (Chế độ P).....	315
Xử Lý Sự Cố.....	316
Pin/Hiển thị.....	316
Chụp (Tất Cả Các Chế Độ)	317
Chụp (P, S, A, M).....	319
Phát Lại.....	320
Khác.....	321
Thông Báo Lỗi.....	322
Chi Tiết Kỹ Thuật.....	326
Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt	334
Dung Lượng Thẻ Nhớ	335
Tuổi Thọ Pin	337
Danh mục.....	338

Vì Sự An Toàn Của Bạn

Để tránh làm hỏng sản phẩm Nikon hoặc gây thương tích cho chính mình hay cho người khác, hãy đọc đầy đủ các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi sử dụng thiết bị này. Hãy giữ những hướng dẫn an toàn này ở nơi tất cả những ai sử dụng sản phẩm sẽ đọc chúng.

Hậu quả có thể xảy ra do việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được liệt kê trong phần này được chỉ báo bằng biểu tượng sau đây:



Biểu tượng này đánh dấu cảnh báo. Để tránh chấn thương có thể xảy ra, hãy đọc tất cả các cảnh báo trước khi sử dụng sản phẩm Nikon này.

■ CẢNH BÁO



Để khuôn hình tránh ánh nắng mặt trời

Để khuôn hình tránh xa khỏi ánh nắng mặt trời khi chụp các đối tượng bị ngược sáng. Ánh sáng mặt trời tập trung vào máy ảnh khi mặt trời ở trong hoặc gần khuôn hình có thể gây cháy hình.



Không nhìn vào mặt trời qua kính ngắm

Nhìn mặt trời hoặc nguồn sáng mạnh khác thông qua kính ngắm có thể làm giảm thị lực vĩnh viễn.



Sử dụng điều khiển điều chỉnh diốt kính ngắm

Khi sử dụng điều khiển điều chỉnh diốt kính ngắm với mắt nhìn vào kính ngắm, cần cẩn thận để không vô tình đặt ngón tay của bạn vào mắt.



Tắt ngay lập tức trong trường hợp sự cố

Nếu bạn nhận thấy có khói hay mùi bất thường trong thiết bị hoặc bộ đổi điện AC (có riêng), rút phích cắm bộ đổi điện AC và tháo pin ngay lập tức, cẩn thận để không bị bỏng. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây thương tích. Sau khi tháo pin, mang máy đến Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.



Không sử dụng ở nơi có khí dễ cháy

Không sử dụng thiết bị điện tử ở nơi có khí dễ cháy, vì điều này có thể gây nổ hoặc cháy.



Không đặt dây đeo quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em

Việc đặt dây máy ảnh quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em có thể dẫn đến nghẹt thở.



Để xa tầm tay của trẻ nhỏ

Việc không tuân thủ biện pháp để phòng này có thể gây thương tích. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng các bộ phận nhỏ gây nguy cơ chẹn họng. Nếu một đứa trẻ nuốt phải bất kỳ bộ phận nào của thiết bị này, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.



Không tháo rời

Việc chạm vào các bộ phận bên trong của máy có thể gây thương tích. Trong trường hợp sự cố, việc sửa chữa phải do kỹ thuật viên có trình độ thực hiện. Trong trường hợp máy bị vỡ do bị rơi hoặc sự cố khác, tháo pin và bộ đổi điện AC sau đó mang máy tới Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.



Không duy trì tiếp xúc với máy ảnh, pin hoặc bộ sạc trong thời gian dài trong khi các thiết bị này đang được bật lên hoặc đang được sử dụng

Các bộ phận của thiết bị nóng lên. Việc tiếp xúc da trực tiếp với thiết bị trong thời gian dài có thể gây bỏng ở nhiệt độ thấp.



Không để sản phẩm ở nơi sẽ bị tiếp xúc với nhiệt độ cực cao, chẳng hạn như trong ô tô kín hoặc dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp

Không tuân thủ để phòng này có thể gây hư hỏng hoặc hỏa hoạn.



Không chiếu đèn nháy vào người lái xe

Việc Không tuân thủ biện pháp để phòng này có thể gây tai nạn.



Tránh tiếp xúc với tinh thể lỏng

Nếu bị vỡ màn hình, cần cẩn thận để tránh chấn thương do kính vỡ và không để các tinh thể lỏng màn hình chạm vào da, vào mắt hoặc miệng.

Quan sát thận trọng khi sử dụng đèn nháy

- Sử dụng máy ảnh với đèn nháy để gắn da hoặc các đối tượng khác có thể gây ra bỏng.
- Sử dụng đèn nháy để gắn mắt của đối tượng có thể gây suy giảm thị lực tạm thời. Không để đèn nháy gần hơn 1 m với đối tượng. Phải đặc biệt cẩn thận khi chụp ảnh trẻ sơ sinh.

Cẩn có các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý pin Pin có thể rò rỉ hoặc phát nổ nếu được xử lý không phù hợp. Cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau khi xử lý pin để sử dụng trong sản phẩm này:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không làm chập mạch hoặc tháo rời pin.
- Hãy chắc chắn tắt máy ảnh trước khi thay pin. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, hãy chắc chắn phải rút bỏ.
- Không cố lắp lộn ngược pin hoặc ngược ra sau.
- Không để pin tiếp xúc trực tiếp với lửa hay với nhiệt quá nóng.
- Không nhúng hoặc để tiếp xúc với nước.
- Thay nắp phủ đầu cuối khi vận chuyển pin. Không mang hoặc lưu trữ pin cùng với các vật kim loại như vòng cổ hoặc kẹp tóc.
- Pin dễ bị rò rỉ khi xả hết điện. Để tránh làm hỏng máy, hãy chắc chắn tháo pin khi không còn điện.
- Khi không sử dụng pin, lắp nắp phủ đầu cuối và cất giữ ở nơi khô, mát.
- Pin có thể nóng ngay sau khi sử dụng hoặc khi máy dùng nguồn pin trong một thời gian dài. Trước khi tháo pin hãy tắt máy ảnh và để cho pin nguội.
- Ngừng sử dụng ngay lập tức khi bạn thấy bất kỳ thay đổi nào ở pin, chẳng hạn như đổi màu hoặc biến dạng.

Cẩn tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý sạc

- Để khô ráo. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến thương tích hoặc làm hỏng sản phẩm do cháy hoặc điện giật.
- Cần loại bỏ bụi trên hoặc gắn các bộ phận kim loại của phích cắm bằng miếng vải khô. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây cháy.
- Không sử dụng cáp nguồn hoặc tới gần sạc trong cơn bão. Việc không tuân thủ để phòng này có thể bị điện giật.

- Không làm hỏng, sửa đổi, hoặc dùng sức mạnh kéo hoặc bẻ cong phần cáp nguồn. Không đặt các vật nặng lên trên hoặc để tiếp xúc với nhiệt hoặc lửa. Nếu cách nhiệt bị hư hỏng và dây điện bị hở, mang cáp nguồn tới Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra. Không tuân thủ để phòng này có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Không sử dụng phích cắm hoặc sạc với tay ướt. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến thương tích hoặc làm hỏng sản phẩm do cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng bộ chuyển đổi du lịch hoặc bộ điều hợp được thiết kế để chuyển đổi từ một điện áp này sang điện áp khác hoặc với biến tần DC-sang-AC. Việc không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra quá nhiệt hoặc cháy.

Sử dụng cáp phù hợp

Khi kết nối cáp với giắc cắm đầu vào và đầu ra, chỉ sử dụng các loại cáp của Nikon cung cấp hoặc được bán với mục đích duy trì tuân thủ các quy định của sản phẩm.

CD-ROM

Không nên mở CD-ROM chứa phần mềm hoặc tài liệu hướng dẫn trên thiết bị CD âm thanh. Việc phát đĩa CD-ROM trên máy nghe nhạc CD âm thanh có thể gây mất thính lực hoặc hư hỏng thiết bị.

Không mang giá ba chân khi còn lắp thấu kính hoặc máy ảnh

Bạn có thể sẩy chân hoặc vô tình va vào người khác gây thương tích.

Thực hiện theo các chỉ dẫn của nhân viên hãng hàng không và bệnh viện

Máy ảnh truyền tần số vô tuyến có thể làm nhiễu thiết bị y tế hoặc khả năng điều hướng máy bay. Tắt tính năng mạng không dây và tháo các phụ kiện không dây khỏi máy ảnh trước khi lên máy bay, tắt máy ảnh trong quá trình cất cánh và hạ cánh. Tại các cơ sở y tế, hãy làm theo hướng dẫn của nhân viên về việc sử dụng thiết bị không dây.

Chú ý

- Không phần nào của tài liệu hướng dẫn này được phép tái tạo, truyền, sao chép, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc được dịch sang các ngôn ngữ dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nikon.
- Nikon có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong các hướng dẫn sử dụng này bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.
- Nikon sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào từ việc sử dụng sản phẩm này.
- Dù đã nỗ lực để đảm bảo rằng các thông tin trong tài liệu hướng dẫn là chính xác và đầy đủ, chúng tôi đánh giá cao việc bạn lưu ý bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào với người đại diện Nikon trong khu vực của bạn (địa chỉ cung cấp riêng).

Thông báo liên quan đến Cấm Sao Chép hoặc Tái Tạo

Lưu ý rằng việc chỉ đơn giản là sở hữu tài liệu đã được sao chép về mặt kỹ thuật số hoặc tái tạo bằng máy quét, máy ảnh kỹ thuật số, hoặc thiết bị khác là cũng có thể bị trừng phạt theo quy định của pháp luật.

- **Pháp luật cấm sao chép hoặc tái tạo các mục**

Không sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, chứng khoán, trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu chính quyền địa phương, ngay cả khi bản sao hoặc các bản tái tạo đó có đóng dấu “Mẫu.”

Việc sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, hoặc chứng khoán được lưu hành ở nước ngoài đều bị cấm.

Trừ khi có sự cho phép trước của chính phủ, việc sao chép hoặc tái tạo tem bưu chính không sử dụng hoặc bưu thiếp do chính phủ phát hành đều bị cấm.

Việc sao chép hoặc tái sản xuất tem do chính phủ phát hành và các văn bản chứng nhận theo quy định của pháp luật là bị cấm.

- **Lưu ý với một số bản sao và bản tái tạo**

Chính phủ đã ban hành cảnh báo về các bản sao hoặc bản tái tạo chứng khoán do công ty tư nhân phát hành (cổ phiếu, hóa đơn, séc, giấy chứng nhận quà tặng v.v...), vé tháng, hoặc phiếu giảm giá, ngoại trừ số lượng tối thiểu bản sao cần thiết cần cho công việc của công ty. Ngoài ra, không được sao chép hoặc tái tạo hộ chiếu do chính phủ ban hành, giấy phép do cơ quan công quyền và các nhóm tư nhân, thẻ chứng minh thư, và vé, chẳng hạn vé tháng và phiếu giảm giá bữa ăn.

- **Tuân thủ chú ý bản quyền**

Việc sao chép hoặc tái tạo bản quyền tác phẩm sáng tạo như sách, âm nhạc, tranh vẽ, tranh khắc gỗ, bản in, bản đồ, bản vẽ, phim ảnh, và bức ảnh được điều chỉnh theo luật bản quyền quốc gia và quốc tế. Không sử dụng sản phẩm này với mục đích tạo bản sao bất hợp pháp hoặc vi phạm luật bản quyền.

Xử Lý Thiết Bị Lưu Trữ Dữ Liệu

Xin lưu ý rằng việc xóa các hình ảnh hoặc định dạng thẻ nhớ hoặc các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác không xóa hoàn toàn dữ liệu hình ảnh gốc. Đôi khi các tập tin đã xóa có thể phục hồi được từ các thiết bị lưu trữ bằng cách sử dụng phần mềm thương mại có sẵn, điều này có khả năng dẫn tới việc sử dụng nguy hại các dữ liệu hình ảnh cá nhân. Bảo đảm sự riêng tư của các dữ liệu đó là trách nhiệm của người dùng.

Trước khi loại bỏ một thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho người khác, xóa tất cả dữ liệu bằng cách sử dụng phần mềm xóa thương mại, hoặc định dạng thiết bị và sau đó nạp vào các hình ảnh không chứa thông tin cá nhân (ví dụ, hình ảnh về bầu trời không mây). Hãy chắc chắn thay bất kỳ hình ảnh nào được chọn cho cài đặt trước bằng tay (□ 121). Cần cẩn thận để tránh chấn thương khi hủy các thiết bị lưu trữ dữ liệu.

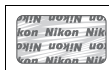
Giấy Phép Danh Mục Bằng Sáng Chế AVC

SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ AVC CHO SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐỂ (i) GHI MÃ VIDEO THEO CHUẨN AVC ("AVC VIDEO") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐƯỢC GHI MÃ BỞI KHÁCH HÀNG THAM GIA VÀO HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC LẤY TỪ NHÀ CUNG CẤP VIDEO CÓ GIẤY PHÉP CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Y CHO BẤT CỨ VIỆC SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ LẤY THÊM THÔNG TIN TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM <http://www.mpegla.com>

Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Điện Tử Thương Hiệu Nikon

Máy ảnh Nikon được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất và có các mạch điện tử phức tạp. Chỉ các phụ kiện điện tử thương hiệu Nikon (bao gồm sạc, pin, bộ đổi điện AC, và các phụ kiện đèn nháy) có xác nhận của Nikon đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn của mạch điện tử này.

Việc sử dụng các linh kiện điện tử không phải của Nikon có thể làm hỏng máy ảnh và có thể làm mất hiệu lực bảo hành của Nikon. Việc sử dụng pin sạc Li-ion của bên thứ ba không có tem bảo đảm của Nikon ở bên phải có thể gây trở ngại cho hoạt động bình thường của máy ảnh hoặc khiến pin bị quá nóng, chảy, phồng, hoặc bị rò rỉ.



Để biết thêm thông tin về phụ kiện thương hiệu Nikon, hãy liên hệ với đại lý Nikon được ủy quyền ở địa phương.

Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Thương Hiệu Nikon

Chỉ các phụ kiện được Nikon chứng nhận đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn. VIỆC SỬ DỤNG CÁC LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KHÔNG PHẢI CỦA NIKON CÓ THỂ LÀM HỒNG MÁY ẢNH VÀ CÓ THỂ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA NIKON.

Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là một thiết bị chính xác và cần được bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến cáo máy ảnh được kiểm tra bởi nhà bán lẻ ban đầu hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền từ một đến hai năm một lần, và cần được bảo dưỡng sau mỗi ba đến năm năm (lưu ý có thể phải trả phí cho các dịch vụ này). Nên thường xuyên kiểm tra vào bảo dưỡng nếu máy ảnh được sử dụng một cách chuyên nghiệp. Nên kiểm tra hoặc bảo dưỡng bất kỳ phụ kiện nào thường xuyên được sử dụng với máy ảnh, chẳng hạn như các ống kính, bộ đèn nháy tùy chọn khi kiểm tra và bảo dưỡng máy ảnh.

Trước Khi Chụp Ảnh Quan Trọng

Trước khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng (như tại đám cưới hay trước khi đem máy ảnh trong một chuyến đi), hãy chụp thử để đảm bảo rằng máy ảnh đang hoạt động bình thường. Nikon không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc bị mất lợi nhuận do sự cố sản phẩm.

Học Tập Suốt Đời

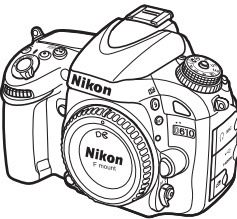
Là một phần cam kết “Học Tập Suốt Đời” của Nikon với hỗ trợ và hướng dẫn liên tục, thông tin được cập nhật liên tục trên web sau đây:

- **Dành cho người dùng ở Hoa Kỳ:** <http://www.nikonusa.com/>
- **Dành cho người dùng ở châu Âu và châu Phi:** <http://www.europe-nikon.com/support/>
- **Dành cho người dùng ở châu Á, châu Đại Dương và Trung Đông:** <http://www.nikon-asia.com/>

Truy cập vào các trang web này để cập nhật các thông tin sản phẩm, thủ thuật, câu trả lời cho câu hỏi thường gặp (FAQs), và lời khuyên chung mới nhất về ảnh kỹ thuật số và nhiếp ảnh. Thông tin thêm có thể được cung cấp từ đại diện của Nikon trong khu vực của bạn. Xem URL sau để biết thông tin liên lạc: <http://imaging.nikon.com/>

Nội Dung Gói

Xác nhận hộp đóng gói có chứa các mục sau đây:



- Máy ảnh D610



- Nắp ngàm gắn phụ kiện BS-1



- Nắp màn hình BM-14



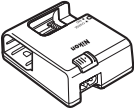
- Hốc mắt cao su DK-21



- Nắp thân máy BF-1B



- Pin sạc Li-ion EN-EL15 (với nắp phủ đầu cuối)



- Bộ sạc pin MH-25 (bộ đổi điện AC trên tường chỉ có ở các nước hoặc khu vực theo yêu cầu. Hình dạng của cáp nguồn phụ thuộc vào quốc gia bán.)



- Nắp thị kính DK-5

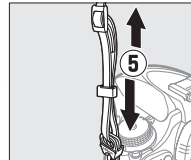
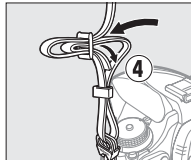
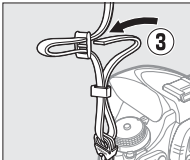
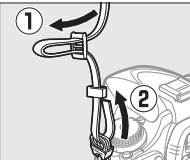
- Dây đeo AN-DC10
- Cáp USB UC-E15
- ViewNX 2 CD
- Tài liệu hướng dẫn người dùng (hướng dẫn này)
- Bảo hành

Thẻ nhớ được bán riêng.



Dây máy ảnh

Lắp chặt dây đeo vào hai lỗ dây đeo trên thân máy như hình dưới đây.



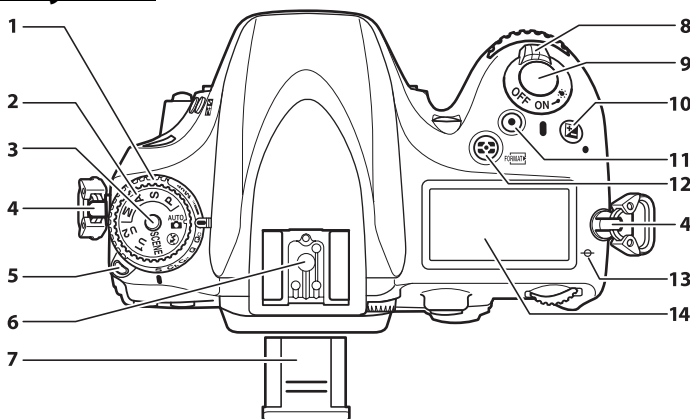


Giới thiệu

Tìm Hiểu Máy Ảnh

Phải mất ít phút để làm quen với các điều khiển máy ảnh và hiển thị. Bạn có thể thấy hữu ích để đánh dấu phần này và tham khảo lại khi đọc qua phần còn lại của tài liệu hướng dẫn.

Thân Máy Ảnh

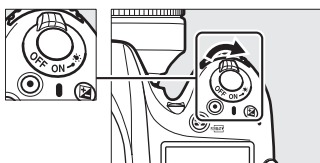


1	Đĩa lệnh chế độ nhả.....	6, 83
2	Đĩa lệnh chế độ.....	5
3	Nhà khóa đĩa lệnh chế độ nhả	5
4	Lỗ đeo giày máy ảnh	
5	Nhà khóa đĩa lệnh chế độ nhả	6, 83
6	Ngàm gắn phụ kiện (bộ đèn nháy tùy chọn)....	292
7	Nắp ngàm gắn phụ kiện.....	292
8	Công tắc điện	1
9	Nút nhả cửa trập	38, 39

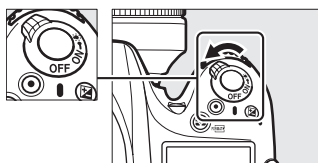
10	Nút	
	Bù phơi sáng	112
	Khởi động lại hai nút.....	151
11	Nút ghi phim	58
12	Nút	
	Đo sáng.....	109
	Định dạng thẻ nhớ	31
13	Dấu mặt phẳng tiêu điểm (∞).....	103
14	Bảng điều khiển	7

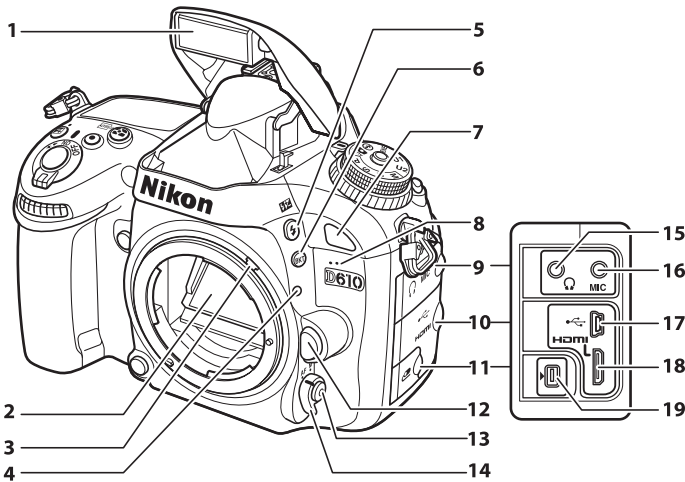
Công Tắc Điện

Xoay công tắc điện như minh họa để bật máy ảnh.



Xoay công tắc điện như minh họa để tắt máy ảnh.



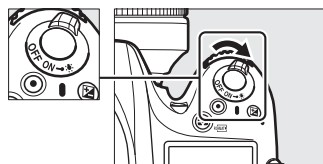


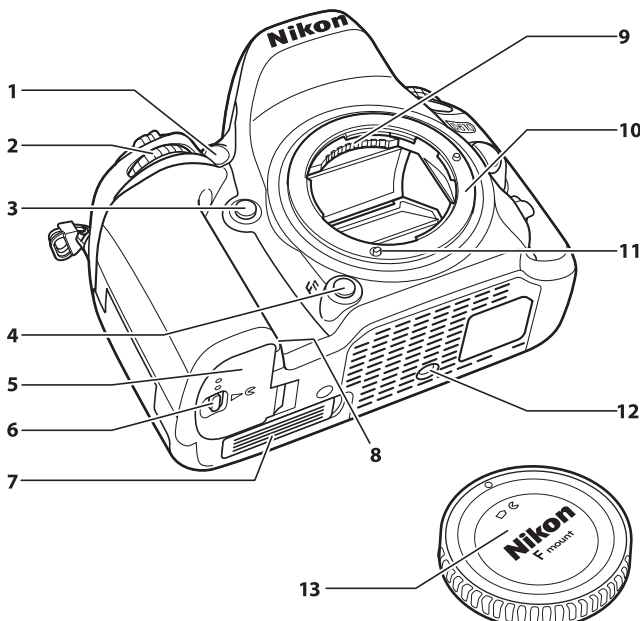
1 Đèn nháy gắn sẵn	143	10 Nắp đầu nối HDMI/USB	194, 196, 204
2 Gương	88, 303	11 Nắp đầu cuối phụ kiện	298
3 Móc ghép đo sáng	328	12 Nút nhà thấu kính	26
4 Dấu gắn thấu kính	26	13 Nút chế độ AF	51, 98, 100
5 Nút 		14 Bộ chọn chế độ lấy nét	97, 103
Chế độ đèn nháy	143	15 Đầu nối tai nghe	61
Bù đèn nháy	148	16 Đầu nối cho micro ngoài	61
6 Nút BKT		17 Đầu nối USB	
Chụp bù trừ	153, 156, 158	Kết nối với máy tính	194
7 Bộ nhận hồng ngoại (phía trước)	86	Kết nối với máy in	196
8 Micro gắn sẵn	58, 65	18 Đầu nối pin-mini HDMI	204
9 Nắp đầu nối âm thanh	61, 298	19 Đầu cuối phụ kiện	175, 298

Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng

Xoay công tắc điện về để bật hẹn giờ chờ và đèn nền bảng điều khiển (đèn rọi màn hình tinh thể lỏng), cho phép đọc màn hình hiển thị trong bóng tối. Sau khi công tắc điện được nhả và trở về vị trí **ON**, đèn rọi sẽ vẫn sáng sáu giây trong khi hẹn giờ chờ được bật hoặc cho đến khi cửa trập được nhả hoặc công tắc điện được xoay lại về phía .

Công tắc điện

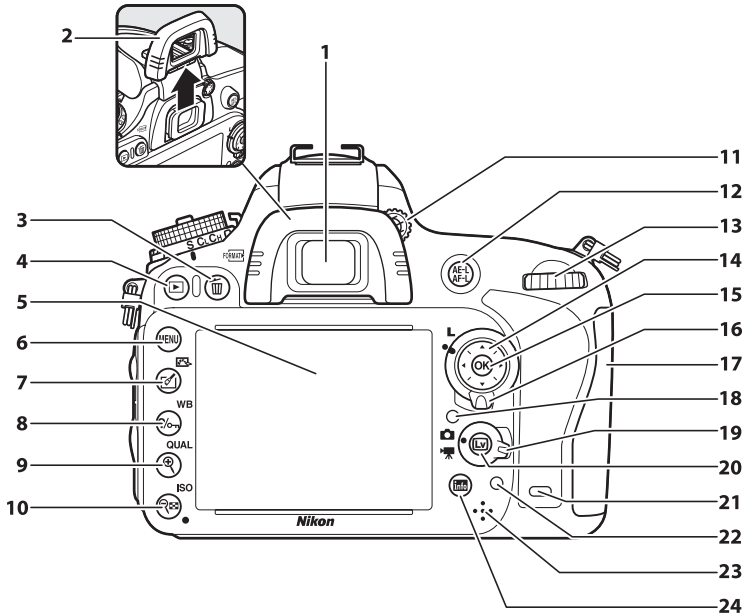




1 Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động.....	223	7 Nắp tiếp xúc cho bộ pin MB-D14 tùy chọn	297
Đèn hẹn giờ	86	8 Nắp đầu nối nguồn.....	299
Đèn giảm mắt đỏ.....	145	9 Tiếp xúc CPU.....	
2 Đĩa lệnh phụ	12, 245	10 Gắn thấu kính.....	26, 103
3 Nút xem trước độ sâu của trường.....	60, 77, 244, 248	11 Khớp nối AF.....	
4 Nút Fn (chức năng)	92, 149, 174, 242	12 Hốc giá ba chân.....	
5 Nắp khoang pin.....	23	13 Nắp thân máy.....	25, 298
6 Chốt nắp hộp pin.....	23		

✓ Micro và Loa

Không đặt micro hoặc loa gần với các thiết bị từ. Không tuân thủ đề phòng này có thể ảnh hưởng đến các dữ liệu được ghi trên các thiết bị từ.



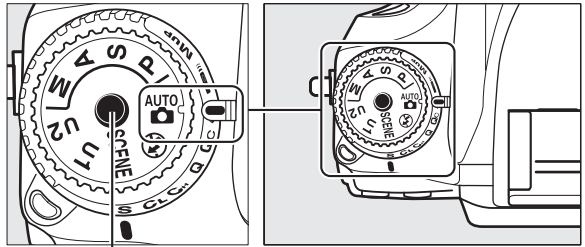
1	Nắp thị kính.....	33
2	Hốc mắt cao su	86
3	Nút 	
	Xóa.....	47, 189
	Định dạng thẻ nhớ.....	31
4	Nút 	
	Phát lại.....	46, 177
5	Màn hình	
	Xem cài đặt.....	9
	Xem trực tiếp	49, 57
	Xem ảnh.....	46
	Phát lại khuôn hình đầy.....	177
6	Nút MENU	
	Menu.....	18, 207
7	Nút 	
	Sửa lại.....	69, 261
	Picture Control	50, 129
8	Nút /WB	
	Trợ giúp.....	18
	Bảo vệ.....	188
	Cân bằng trắng	115, 117, 120
9	Nút /QUAL	
	Phóng to phát lại.....	187
	Chất lượng hình ảnh/cỡ hình ảnh.....	93, 95

10	Nút /ISO	
	Hình thu nhỏ/Thu nhỏ phát lại	185, 186
	Độ nhạy ISO.....	105
	Kiểm soát độ nhạy ISO tự động	107
	Khởi động lại hai nút.....	151
11	Điều khiển điều chỉnh điốt.....	33
12	Nút 	
	Sử dụng nút AE/AF	102, 110, 244
13	Đĩa lệnh chính	12, 245
14	Đa bộ chọn	19
15	Nút (OK)	19, 241
16	Khóa bộ chọn lấy nét.....	101
17	Nắp phủ khe thẻ nhớ	29
18	Cảm biến độ sáng chung quanh cho điều khiển độ sáng màn hình tự động	53, 250
19	Bộ chọn xem trực tiếp	
	Xem ảnh trực tiếp.....	49
	Xem trực tiếp phim.....	57
20	Nút 	49, 57
21	Bộ nhận hồng ngoại (phía sau).....	86
22	Đèn tiếp cận thẻ nhớ.....	29, 38
23	Loa.....	67
24	Nút (thông tin)	9, 11

Đĩa Lệnh Chế Độ

Máy ảnh có các chế độ được liệt kê dưới đây. Để chọn một chế độ, nhấn nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả và xoay đĩa lệnh chế độ.

Đĩa lệnh chế độ

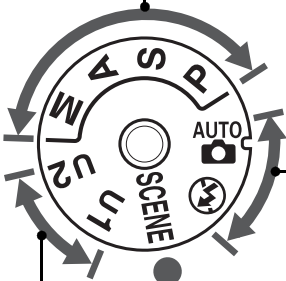


Nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả

Các Chế Độ P, S, A, và M

Chọn các chế độ này để có toàn quyền kiểm soát cài đặt máy ảnh.

- **P**—tự động được lập trình (☐ 75)
- **S**—tự động ưu tiên cửa trập (☐ 76)
- **A**—tự động ưu tiên độ mở ống kính (☐ 77)
- **M**—bằng tay (☐ 78)



Chế Độ Tự Động

Chọn các chế độ này để chụp ảnh ngấm và chụp đơn giản.

- **Tự động** (☐ 35)
- **Tự động (đèn nháy tắt)** (☐ 35)

Chế Độ Cảnh (☐ 40)

Máy ảnh tự động tối ưu hóa các cài đặt phù hợp với cảnh chọn. Phù hợp lựa chọn của bạn với cảnh được chụp ảnh.

Chế Độ U1 và U2 (☐ 81)

Lưu trữ và nhớ lại các cài đặt chụp tùy chỉnh.

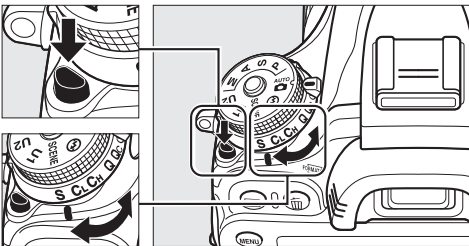
Thấu Kính Không CPU

Các thấu kính không CPU (☐ 285) chỉ có thể dùng ở các chế độ **A** và **M**. Việc chọn chế độ khác khi có thấu kính không CPU được lắp sẽ tắt chức năng nhả cửa trập.

Đĩa Lệnh Chế Độ Nhả

Để chọn một chế độ nhả, bấm nhà khóa đĩa lệnh chế độ và xoay đĩa lệnh chế độ nhả tới cài đặt mong muốn (📖 83).

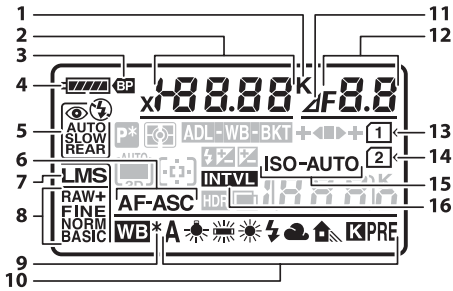
Nhà khóa đĩa lệnh chế độ nhả



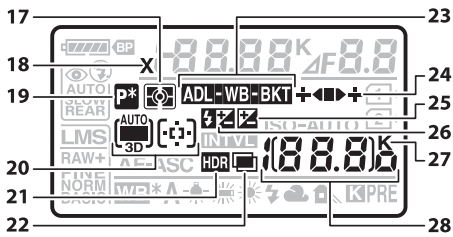
Đĩa lệnh chế độ nhả

Chế độ	Mô tả
 S Khuôn hình đơn	Bức ảnh được chụp mỗi khi nút nhả cửa trập được nhấn.
 CL Tốc độ thấp liên tục	Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ thấp trong khi nút nhả cửa trập được nhấn.
 CH Tốc độ cao liên tục	Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ cao trong khi nút nhả cửa trập được nhấn.
 Q Nhả cửa trập tĩnh lặng	Với khuôn hình đơn, trừ việc nhiều máy ảnh được giảm.
 Qc Nhả cửa trập Qc (tĩnh lặng liên tục)	Máy ảnh chụp ảnh trong khi nút nhả cửa trập được nhấn; tiếng ồn máy ảnh sẽ được giảm.
 T Tự hẹn giờ	Chụp ảnh tự hẹn giờ.
 R Điều khiển từ xa	Chụp ảnh với điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn.
 MUP Gương nâng lên	Nâng gương trước khi chụp ảnh.

Bảng Điều Khiển



1	Chỉ báo nhiệt độ màu.....	120
2	Tốc độ cửa trập.....	76, 78
	Giá trị bù phơi sáng.....	112
	Giá trị bù đèn nháy.....	148
	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.....	118
	Nhiệt độ màu.....	115, 120
	Số cài đặt trước cân bằng trắng.....	121
	Số lần chụp trong bù trừ đèn nháy và phơi sáng.....	153
	Số lần chụp trong chuỗi chụp cân bằng trắng bù trừ.....	156
	Số khoảng thời gian chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian.....	165
	Tiêu cự (thấu kính không CPU).....	172



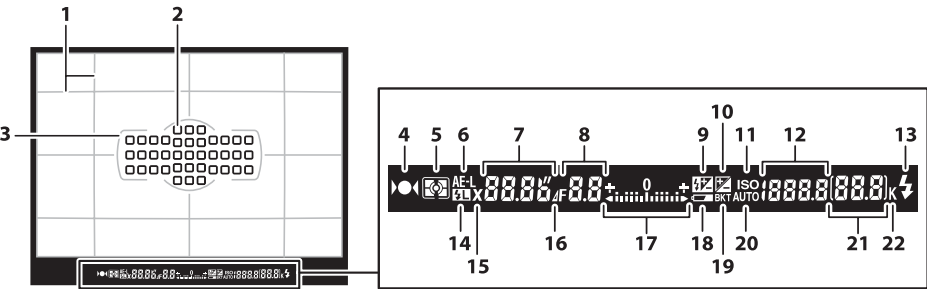
17	Đo sáng.....	109
18	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy.....	234
19	Chỉ báo chương trình linh động.....	75
20	Chỉ báo lấy nét tự động vùng tự động.....	99
	Chỉ báo chế độ vùng lấy nét tự động.....	100
	Chỉ báo theo dõi 3D.....	99
21	Chỉ báo HDR.....	140
22	Chỉ báo đa phơi sáng.....	161

3	Chỉ báo pin MB-D14.....	233
4	Chỉ báo pin.....	35
5	Chế độ đèn nháy.....	144
6	Chế độ lấy nét tự động.....	97
7	Cỡ hình ảnh.....	95
8	Chất lượng hình ảnh.....	93
9	Chỉ báo dò tinh chỉnh cân bằng trắng.....	118
10	Cân bằng trắng.....	115
11	Chỉ báo dừng độ mở ống kính.....	73, 288
12	Độ mở ống kính (số f).....	77, 78
	Độ mở ống kính (số các điểm dừng).....	73, 288
	Gia số chụp bù trừ.....	154, 156
	Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ ADL.....	158
	Số lượng ảnh chụp mỗi khoảng thời gian.....	165
	Độ mở ống kính tối đa (thấu kính không CPU).....	174
	Chỉ báo chế độ PC.....	195
13	Chỉ báo thẻ nhớ (Khe 1).....	30, 96
14	Chỉ báo thẻ nhớ (Khe 2).....	30, 96
15	Chỉ báo độ nhạy ISO.....	105
	Chỉ báo độ nhạy ISO tự động.....	108
16	Chỉ báo quãng thời gian.....	166
	Chỉ báo tua nhanh thời gian.....	170

23	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng.....	153
	Chỉ báo cân bằng trắng bù trừ.....	156
	Chỉ báo bù trừ ADL.....	158
24	Chỉ báo tiến độ bù trừ.....	153, 156, 158
25	Chỉ báo bù phơi sáng.....	112
26	Chỉ báo bù đèn nháy.....	148
27	"K" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng).....	36
28	Số phơi sáng còn lại.....	36
	Số lần chụp còn lại trước khi bộ nhớ đệm đầy.....	38, 84, 335
	Độ nhạy ISO.....	105
	Chỉ báo ghi cân bằng trắng cài đặt trước.....	122
	Gắn D-Lighting hoạt động.....	138
	Chỉ báo ghi tua nhanh thời gian.....	170
	Số thấu kính bằng tay.....	174
	Chỉ báo chế độ chụp.....	195
	Chỉ báo kết nối HDMI-CEC.....	205



Kính Ngắm



1	Lưới khuôn hình (hiển thị khi On (Bật) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d2)	229	14	Chỉ báo khóa FV	149
2	Điểm lấy nét	38, 101, 222	15	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy	234
3	Chế độ vùng lấy nét tự động	99	16	Chỉ báo dừng độ mở ống kính	73, 288
4	Khung vùng lấy nét tự động	33, 37, 179	17	Chỉ báo phơi sáng	78
5	Chỉ báo lấy nét	38, 102, 103		Hiện thị bù phơi sáng	112
6	Đo sáng	109		Chỉ báo cuộn	243
7	Khóa tự động phơi sáng (AE)	110	18	Cảnh báo pin yếu	35
8	Tốc độ cửa trập	76, 78	19	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng	153
9	Chế độ lấy nét tự động	97		Chỉ báo cân bằng trắng bù trừ	156
10	Độ mở ống kính (số f)	77, 78	20	Chỉ báo bù trừ ADL	158
11	Độ mở ống kính (số các điểm dừng)	73, 288		Chỉ báo độ nhạy ISO tự động	108
12	Chỉ báo bù đèn nháy	148	21	Số phơi sáng còn lại	36
13	Chỉ báo bù phơi sáng	112		Số lần chụp còn lại trước khi bộ nhớ đệm đầy	38, 84, 335
	Chỉ báo độ nhạy ISO	105		Chỉ báo ghi cân bằng trắng cài đặt trước	122
	Gắn D-Lighting hoạt động	138		Giá trị bù phơi sáng	112
	Chế độ vùng lấy nét tự động	99		Giá trị bù đèn nháy	148
	Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	39, 231	22	"K" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng)	36

❑ Không Có Pin

Khi pin hoàn toàn cạn kiệt hoặc không được lắp, màn hình hiển thị trong kính ngắm sẽ mờ. Điều này là bình thường và không phải là sự cố. Hiển thị kính ngắm sẽ trở lại bình thường khi lắp vào pin sạc đầy.

❑ Bảng Điều Khiển và Hiển Thị Kính Ngắm

Độ sáng của bảng điều khiển và hiển thị kính ngắm thay đổi theo nhiệt độ, và thời gian đáp ứng của màn hình hiển thị có thể giảm ở nhiệt độ thấp. Điều này là bình thường và không phải là sự cố.

Nhấn nút **Info** để hiển thị tốc độ của tệp, độ mở ống kính, số phơi sáng còn lại, chế độ vùng lấy nét tự động và các thông tin chụp khác trong màn hình.

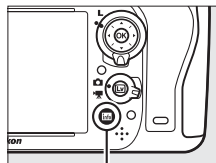
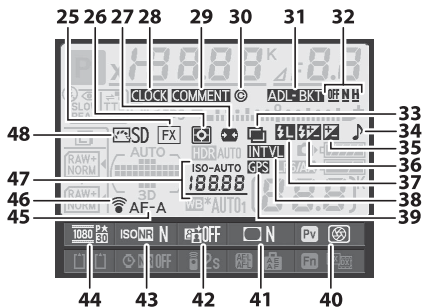


Figure 1-1 shows the back view of the camera. The LCD screen displays various status information, including battery level, signal strength, and camera settings. The controls include a power button, a mode button, a playback button, a zoom button, a menu button, and a delete button. The LCD screen is labeled with numbers 1 through 14, and the controls are labeled with numbers 15 through 24.

1	Chế độ chụp	35, 40, 73
2	Chỉ báo chương trình linh động.....	75
3	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy.....	234
4	Tốc độ cửa trập.....	76, 78
	Giá trị bù phơi sáng.....	112
	Giá trị bù đèn nháy.....	148
	Số lần chụp trong bù trừ đèn nháy và phơi sáng.....	153
	Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ cân bằng trắng.....	156
	Tiêu cự (thấu kính không CPU)	172
	Nhiệt độ màu	115, 120
5	Chỉ báo nhiệt độ màu.....	120
6	Chỉ báo dùng độ mờ ống kính.....	73, 288
7	Độ mờ ống kính (số f).....	77, 78
	Độ mờ ống kính (số các điểm dùng)	73, 288
	Gia số chụp bù trừ	154, 155
	Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ ADL.....	158
	Độ mờ ống kính tối đa (thấu kính không CPU)	174

8	Chế độ nhà.....	6, 83
	Tốc độ chụp liên tục.....	229
9	Chỉ báo phơi sáng.....	78
	Hiển thị bù phơi sáng.....	112
	Chỉ báo tiến độ bù trừ	
	Bù trừ đèn nháy và phơi sáng.....	153
	Cân bằng trắng bù trừ.....	156
10	Chỉ báo HDR.....	140
	Độ lệch phơi sáng HDR.....	140
11	Chỉ báo pin máy ảnh.....	35
12	Hiển thị loại pin MB-D14.....	232
	Chỉ báo pin MB-D14.....	232
13	“K” (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng).....	36
14	Số phơi sáng còn lại	36
	Chỉ báo ghi tua nhanh thời gian	170
	Số thấu kính bằng tay.....	174
15	Gán nút Fn.....	242
16	Gán nút AE-L/AF-L.....	244
17	Chế độ điều khiển từ xa.....	85
18	Chỉ báo giảm nhiễu phơi sáng lâu.....	218
19	Vai trò được thể trong khe 2 đảm nhận	96
20	Cân bằng trắng.....	115
	Chỉ báo dò tinh chỉnh cân bằng trắng.....	118
21	Chỉ báo lấy nét tự động vùng tự động.....	100
	Chỉ báo điểm lấy nét.....	101
	Chỉ báo chế độ vùng lấy nét tự động.....	100
	Chỉ báo theo dõi 3D.....	100
22	Chất lượng hình ảnh.....	93
23	Cỡ hình ảnh.....	95
24	Chế độ đèn nháy.....	144





25	Chỉ báo vùng hình ảnh	90
26	Đo sáng.....	109
27	Điều khiển biến dạng tự động.....	217
28	Chỉ báo “Chưa đặt đồng hồ”	28, 253
29	Chỉ báo nhận xét ảnh	253
30	Thông tin bản quyền	256
31	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng.....	153
	Chỉ báo cân bằng trắng bù trừ.....	156
	Chỉ báo bù trừ ADL	158

32	Khoảng bù trừ ADL.....	138
33	Chỉ báo đa phơi sáng	162
34	Chỉ báo “bíp”	228
35	Chỉ báo bù phơi sáng	112
36	Chỉ báo bù đèn nháy	148
37	Chỉ báo khóa FV.....	149
38	Chỉ báo quang thời gian.....	166
	Chỉ báo tua nhanh thời gian.....	170
39	Chỉ báo kết nối GPS.....	175
40	Gắn nút xem trước độ sâu của trường	244
41	Chỉ báo quản lý tạo họa tiết.....	218
42	Chỉ báo D-Lighting hoạt động.....	138
43	Chỉ báo giảm nhiễu ISO	218
44	Cài đặt phim	65
45	Chế độ lấy nét tự động	97
46	Chỉ báo kết nối Eye-Fi.....	260
47	Chỉ báo độ nhạy ISO	105
	Độ nhạy ISO	105
	Chỉ báo độ nhạy ISO tự động	108
48	Chỉ báo Picture Control	130

Tắt Màn Hình

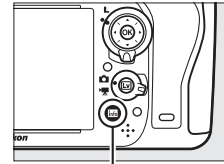
Để xóa thông tin chụp từ màn hình, nhấn nút  thêm hai lần hoặc nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng. Màn hình sẽ tự động tắt nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng 10 giây.

Xem Thêm

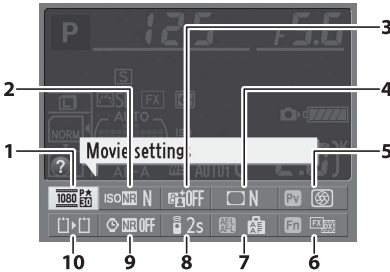
Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian chờ màn hình, xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Monitor off delay** (Độ trễ tắt màn hình),  228). Để biết thông tin về thay đổi màu của các ký tự trong hiển thị thông tin, xem Cài Đặt Tùy Chọn d8 (**Information display** (Hiển thị thông tin),  231).

■ Thay đổi Cài đặt trong Hiển Thị Thông Tin

Để thay đổi cài đặt cho các mục được liệt kê dưới đây, bấm nút **Info** trong hiển thị thông tin. Chọn các mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn **OK** để xem các tùy chọn cho mục đã chọn.



Nút **Info**



1	Cài đặt phim	65
2	Giảm nhiễu ISO cao.....	218
3	D-Lighting hoạt động	137
4	Quản lý tạo họa tiết	218
5	Gán nút xem trước độ sâu của trường	244
6	Gán nút Fn	242
7	Gán nút AE-L/AF-L	244
8	Chế độ điều khiển từ xa.....	85
9	Giảm nhiễu phơi sáng lâu.....	218
10	Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận.....	96



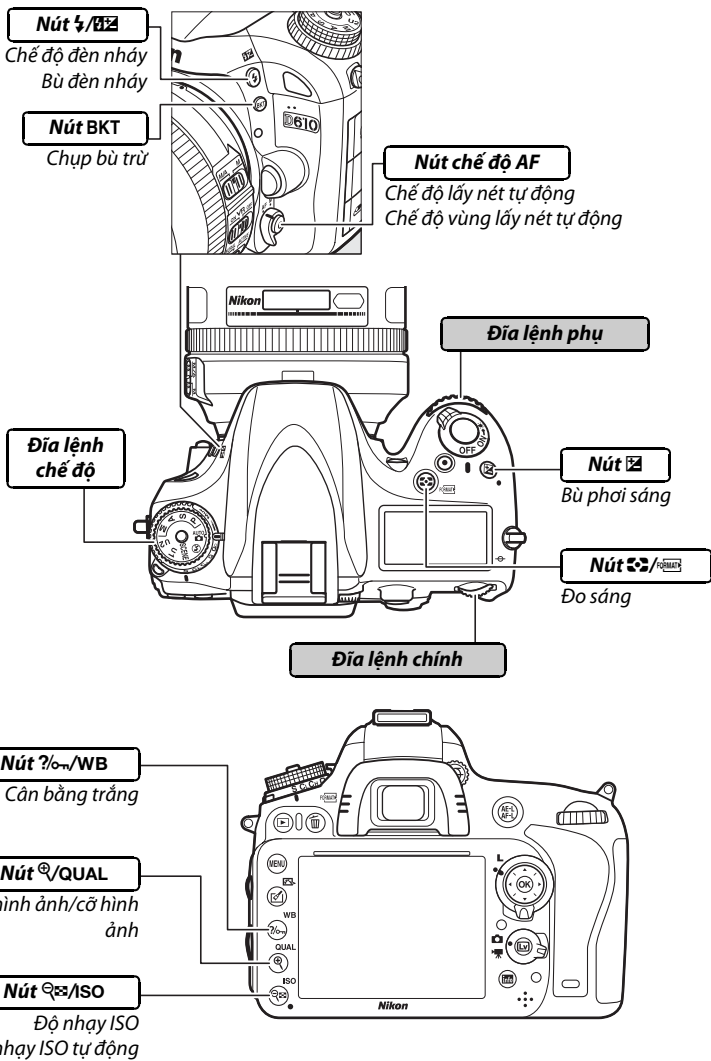
Mẹo Công Cụ

Mẹo công cụ cho biết tên của mục được chọn xuất hiện trong hiển thị thông tin. Có thể tắt mẹo công cụ bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn d4 (**Screen Tips** (Mẹo màn hình); □ 229).



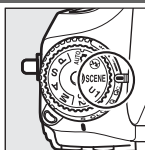
Đĩa Lệnh

Đĩa lệnh chính và phụ được sử dụng một mình hoặc kết hợp với các điều khiển khác để điều chỉnh các cài đặt.



■ Chế Độ Cảnh

Chọn cảnh (SCENE; □ 40).



Chế độ SCENE



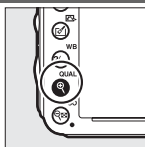
Đĩa lệnh chính



Màn hình

■ Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Thiết lập chất lượng hình ảnh
(□ 93).



Nút (QUAL)

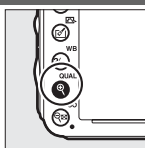


Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

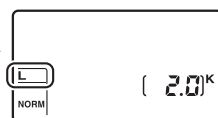
Chọn cỡ hình ảnh (□ 95).



Nút (QUAL)



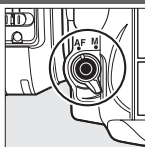
Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

■ Lấy Nét Tự Động

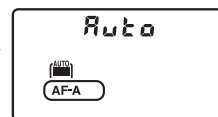
Chọn chế độ lấy nét tự động (□ 98).



Nút chế độ AF

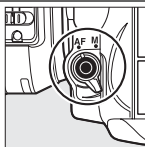


Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

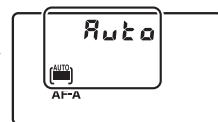
Chọn chế độ vùng lấy nét tự động
(□ 100).



Nút chế độ AF



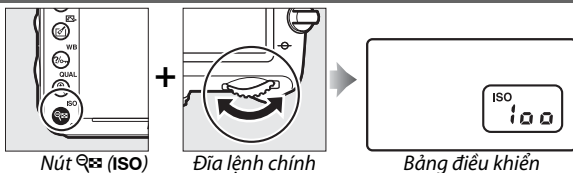
Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

■ Độ Nhạy ISO

Thiết lập độ nhạy ISO (□ 105).

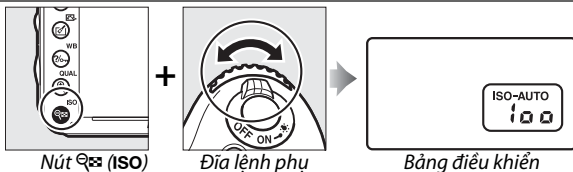


Nút (ISO)

Đĩa lệnh chính

Bảng điều khiển

Điều khiển độ nhạy ISO tự động (□ 107).



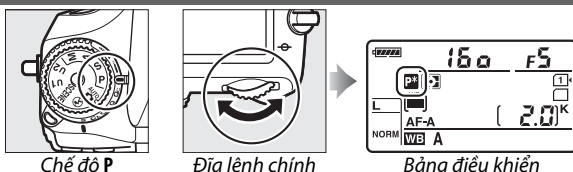
Nút (ISO)

Đĩa lệnh phụ

Bảng điều khiển

■ Phơi Sáng

Chọn kết hợp độ mở ống kính và tốc độ cửa trập (chế độ P; □ 75).

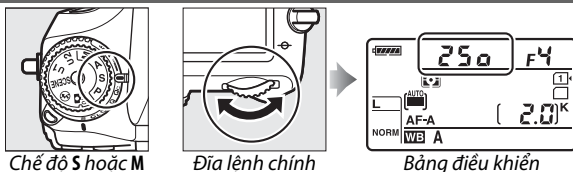


Chế độ P

Đĩa lệnh chính

Bảng điều khiển

Chọn tốc độ cửa trập (chế độ S hoặc M; □ 76, 78).

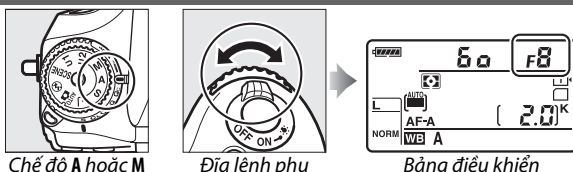


Chế độ S hoặc M

Đĩa lệnh chính

Bảng điều khiển

Chọn độ mở ống kính (chế độ A hoặc M; □ 77, 78).

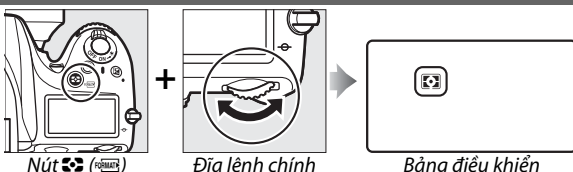


Chế độ A hoặc M

Đĩa lệnh phụ

Bảng điều khiển

Chọn lựa chọn đo sáng (chế độ P, S, A, hoặc M; □ 109).

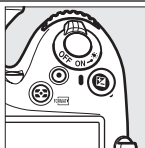


Nút (METER)

Đĩa lệnh chính

Bảng điều khiển

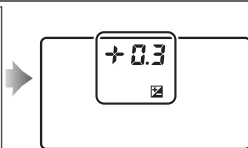
Thiết lập bù phơi sáng (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**; □ 112).



Nút □

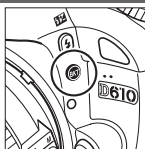


Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

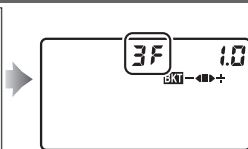
Bật hoặc hủy chụp bù trừ/chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**; □ 153).



Nút BKT

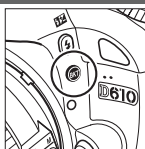


Đĩa lệnh chính

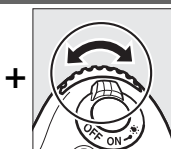


Bảng điều khiển

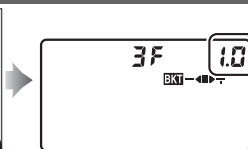
Chọn giá số chụp bù trừ (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**; □ 154).



Nút BKT



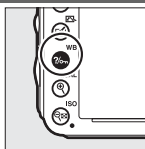
Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

■ Cân Bằng Trắng

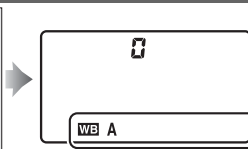
Chọn tùy chọn cân bằng trắng (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**; □ 115).



Nút WB (WB)

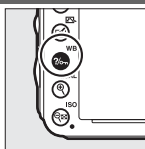


Đĩa lệnh chính

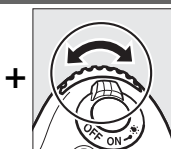


Bảng điều khiển

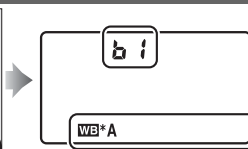
Tinh chỉnh cân bằng trắng (□ 117), thiết lập nhiệt độ màu (□ 120), hoặc chọn cài đặt trước cân bằng trắng (□ 121) trong chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**.



Nút WB (WB)



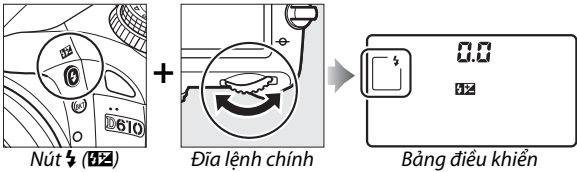
Đĩa lệnh phụ



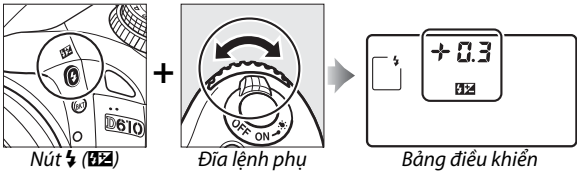
Bảng điều khiển

■ ■ Cài Đặt Đèn Nháy

Chọn một chế độ đèn nháy (□ 144).

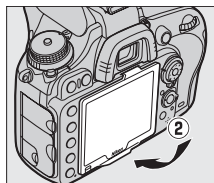
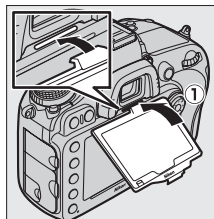


Thiết lập bù đèn nháy (chế độ P, S, A, hoặc M; □ 148).

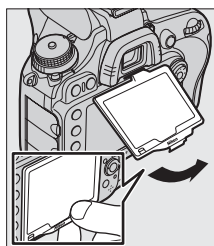


Nắp Màn Hình BM-14

Một nắp nhựa trong được cung cấp với máy ảnh để giữ màn hình sạch và bảo vệ màn hình khi máy ảnh không sử dụng. Để gắn nắp, lắp phần nhô ra trên đỉnh nắp vào chỗ lõm phía trên màn hình máy ảnh (❶) và nhấn dưới đáy nắp cho đến khi nó khớp vào vị trí (❷).

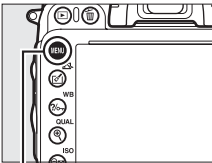


Để tháo nắp, giữ chặt máy ảnh và kéo đáy nắp nhẹ nhàng ra ngoài như minh họa ở bên phải.



Menu Máy Ảnh

Hầu hết các tùy chọn chụp, phát lại, và các tùy chọn cài đặt có thể được truy cập từ các menu máy ảnh. Để xem các menu, bấm nút **MENU**.



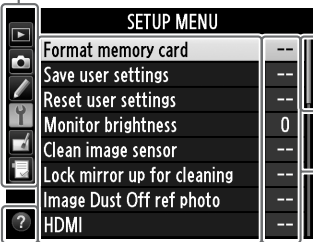
Nút MENU



Tab

Chọn từ các menu sau đây:

- : **Phát lại** (207)
- : **Chụp** (214)
- : **Cài Đặt Tùy Chỉnh** (219)
- : **Cài đặt** (249)
- : **Sửa lại** (261)
- : **My Menu** (Menu Của Tôi) hoặc **Recent settings** (Cài đặt gần đây) (mặc định sang **My Menu** (Menu Của Tôi); 280)



Thanh trượt cho thấy vị trí trong menu hiện tại.

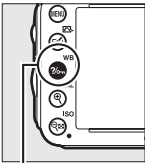
Cài đặt hiện tại được hiển thị bằng các biểu tượng.

Tùy chọn Menu

Tùy chọn trong menu hiện tại.



Nếu biểu tượng hiển thị ở góc dưới cùng bên trái của màn hình, có thể hiển thị trợ giúp bằng cách nhấn nút (**WB**). Một mô tả của tùy chọn hiện đang được chọn hoặc menu sẽ được hiển thị trong khi nút được nhấn. Bấm hoặc để cuộn qua màn hình.



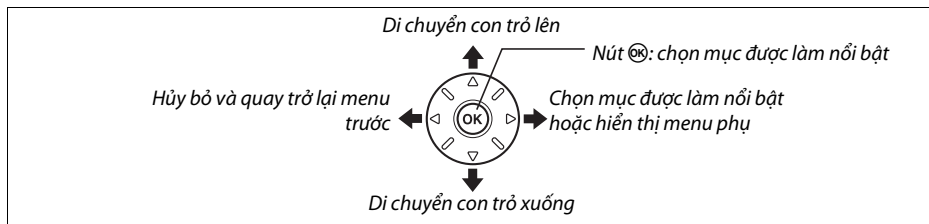
Nút (**WB**)

Multiple exposure

Record the specified number of shots as a single image. The standby timer is extended by 30 s. If the timer expires, shooting will end and a multiple exposure will be created from any shots that have been taken.

Sử Dụng Menu Máy Ảnh

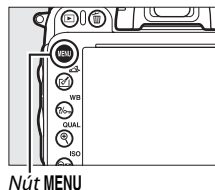
Đa bộ chọn và nút **OK** được sử dụng để điều hướng các menu máy ảnh.



Thực hiện theo các bước dưới đây để điều hướng các menu.

1 Hiển thị các menu.

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu.



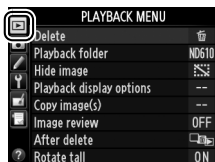
2 Làm nổi bật biểu tượng cho menu hiện tại.

Bấm **◀** để làm nổi bật biểu tượng cho menu hiện tại.



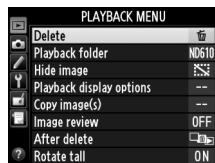
3 Chọn một menu.

Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn menu mong muốn.



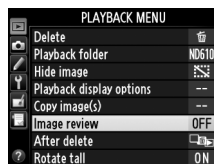
4 Đặt con trỏ vào menu được chọn.

Bấm **▶** đến vị trí con trỏ trong menu được chọn.



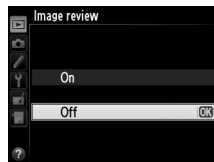
5 Làm nổi bật mục menu.

Bấm ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật mục menu.



6 Hiển thị các tùy chọn.

Bấm ► để hiển thị các tùy chọn cho mục menu được chọn.



7 Làm nổi bật một tùy chọn.

Bấm ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn.



8 Chọn mục đã được làm nổi bật.

Bấm **OK** để chọn mục đã được làm nổi bật. Để thoát ra mà không chọn, bấm nút **MENU**.



Lưu ý những điều sau:

- Các mục menu được hiển thị màu xám là không sẵn có.
- Trong khi nhấn ► thường có tác dụng tương tự như cách nhấn **OK**, có một số trường hợp, chỉ có thể thực hiện lựa chọn bằng cách nhấn **OK**.
- Để thoát khỏi menu và trở lại chế độ chụp, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (39).

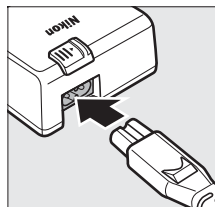
Các Bước Đầu Tiên

Sạc Pin

Máy ảnh được trang bị pin sạc Li-ion EN-EL15 (được cung cấp). Để tối đa hóa thời gian chụp, sạc pin trong bộ sạc pin MH-25 được cung cấp trước khi sử dụng. Cần khoảng 2 giờ và 35 phút để sạc đầy pin khi pin đã hết điện.

1 Nối cáp nguồn AC.

Nối cáp nguồn AC. Sử dụng phích cắm bộ đổi điện AC trong vị trí hiển thị ở bên phải; không xoay.

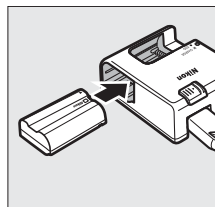


2 Tháo nắp phủ đầu cuối.

Tháo nắp phủ đầu cuối khỏi pin.

3 Lắp pin.

Đặt pin vào khoang pin như trong hình minh họa trên bộ sạc.



4 Cắm sạc vào.

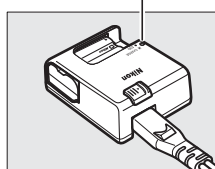
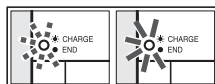
Đèn **CHARGE** (SẠC) sẽ nhấp nháy chậm trong khi sạc pin.

☒ Sạc Pin

Sạc pin trong nhà ở nhiệt độ môi trường xung quanh giữa 5 °C–35 °C.
Pin không sạc nếu nhiệt độ dưới 0 °C hoặc cao hơn 60 °C.

Sạc pin

Sạc xong

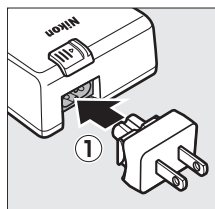


5 Tháo pin sau khi đã sạc xong.

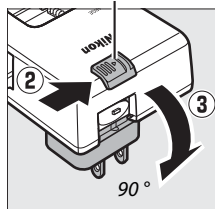
Việc sạc hoàn tất khi đèn **CHARGE** (SẠC) ngừng nhấp nháy. Rút phích cắm bộ sạc và tháo pin.

Bộ Điện AC Trên Tường

Tùy thuộc vào quốc gia hoặc khu vực mua hàng, một bộ đổi điện AC trên tường cũng có thể được cung cấp với bộ sạc. Để sử dụng bộ đổi điện, lắp nó vào lỗ cắm AC của sạc (①). Trượt chốt bộ đổi điện AC trên tường theo hướng minh họa (②) và xoay bộ đổi điện 90° để cố định nó như trong vị trí minh họa (③). Làm các bước ngược lại để tháo bộ đổi điện.



Chốt bộ đổi điện AC trên tường



Lắp Pin

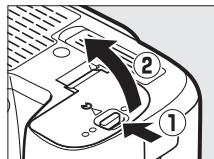
Trước khi lắp pin, xoay công tắc điện sang **OFF**.

✓ Lắp và Tháo Pin

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo pin.

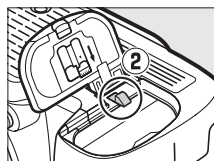
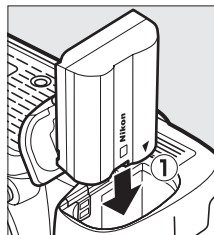
1 Mở nắp khoang pin.

Mở chốt (①) và mở nắp khoang pin (②).



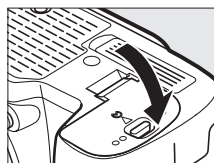
2 Lắp pin.

Lắp pin theo hướng minh họa (①), sử dụng mặt có sọc màu da cam để giữ chốt pin được bấm về một phía. Chốt khóa pin vào vị trí khi pin đã được lắp vào hết (②).



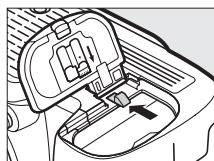
Chốt pin

3 Đóng nắp khoang pin.



✎ Tháo Pin

Tắt máy ảnh và mở nắp khoang pin. Nhấn chốt pin theo hướng được thể hiện bằng mũi tên để nhả pin và sau đó dùng tay tháo pin ra.



Pin và Bộ Sạc

Đọc và làm theo những cảnh báo và lưu ý trên các trang xviii–xix và 306–308 của tài liệu hướng dẫn này.

Không sử dụng pin ở nhiệt độ môi trường xung quanh dưới 0 °C hoặc cao hơn 40 °C; không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng pin hoặc làm giảm hiệu suất pin. Công suất có thể bị giảm và thời gian sạc có thể tăng ở nhiệt độ từ 0 °C đến 15 °C và từ 45°C đến 60 °C.

Nếu đèn **CHARGE** (SẠC) nhấp nháy (khoảng tám lần một giây) trong quá trình sạc, xác nhận rằng nhiệt độ ở phạm vi phù hợp và sau đó rút phích cắm bộ sạc và tháo và lắp lại pin. Nếu vấn đề vẫn còn, ngừng sử dụng ngay lập tức và mang pin và bộ sạc tới đại lý bán lẻ của bạn hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Không làm chập các đầu cuối của bộ sạc; Không tuân thủ để phòng này có thể dẫn đến quá nóng và làm hỏng sạc. Không di chuyển bộ sạc hoặc chạm vào pin trong quá trình sạc. Việc không tuân thủ để phòng này thì trong một số trường hợp khiến bộ sạc báo là đã sạc xong nhưng pin chỉ được sạc một phần. Tháo và lắp lại pin để bắt đầu sạc lại. Dung lượng pin tạm thời có thể giảm nếu pin đã được sạc ở nhiệt độ thấp hoặc được sử dụng ở nhiệt độ dưới nhiệt độ mà nó được sạc. Nếu pin được sạc ở nhiệt độ dưới 5 °C, chỉ báo tuổi thọ pin trong màn hình hiển thị thông tin **Battery info** (Thông tin pin) (□ 255) có thể cho thấy sự sụt giảm tạm thời.

Pin có thể nóng ngay sau khi sử dụng. Đợi pin nguội trước khi sạc lại.

Cáp nguồn và bộ đổi điện AC trên tường kèm theo chỉ được sử dụng với MH-25. Chỉ sử dụng bộ sạc với pin tương thích. Rút phích cắm khi không sử dụng.

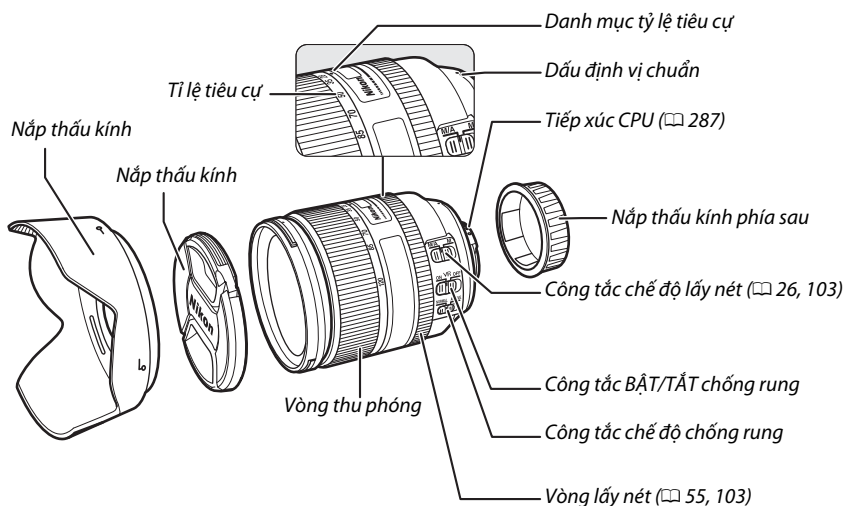
Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của pin sạc đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin mới.

Pin Sạc Li-ion EN-EL15

EN-EL15 kèm theo máy chia sẻ thông tin với các thiết bị tương thích, cho phép máy ảnh hiển thị trạng thái sạc pin trong sáu cấp độ (□ 35). Tùy chọn **Battery info** (Thông tin pin) trong menu cài đặt hiển thị chi tiết về sạc pin, tuổi thọ pin và số ảnh đã chụp kể từ khi pin được sạc lần cuối (□ 255).

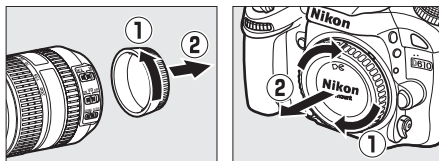
Lắp Thấu Kính

Cần cẩn thận để tránh bụi xâm nhập vào máy ảnh khi tháo thấu kính. Thấu kính thường được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này cho mục đích minh họa là AF-S NIKKOR 24-120mm f/4G ED VR.



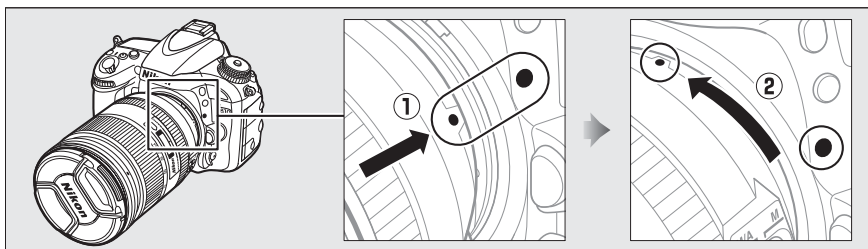
1 Tắt máy ảnh.

2 Tháo nắp thấu kính phía sau và nắp thân máy.



3 Lắp thấu kính.

Giữ dấu định vị chuẩn trên thấu kính thẳng với dấu định vị chuẩn, đặt thấu kính vào gắp khớp cài của máy ảnh (①). Cần thận để không nhấn nút nhả thấu kính, xoay thấu kính ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nó khớp vào vị trí (②).



Nếu thấu kính được trang bị công tắc chế độ lấy nét, chọn chế độ lấy nét tự động (A, M/A, hoặc A/M).



Tháo Thấu Kính

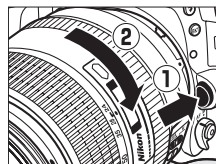
Hãy chắc chắn tắt máy ảnh khi tháo hoặc đổi thấu kính. Để tháo thấu kính, nhấn và giữ nút nhả thấu kính (①) trong khi xoay thấu kính theo chiều kim đồng hồ (②). Sau khi tháo thấu kính, thay nắp thấu kính và nắp thân máy.

Thấu Kính CPU với Vòng Độ Mở Ống Kính

Trong trường hợp thấu kính CPU được trang bị vòng độ mở ống kính (□ 287), khóa độ mở ống kính ở cài đặt tối thiểu (số f cao nhất).

Vùng Hình Ảnh

Vùng hình ảnh định dạng DX được chọn tự động khi thấu kính DX được gắn vào (□ 89).



Vùng hình ảnh

Cài Đặt Cơ Bản

Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thị lần đầu tiên máy ảnh được bật. Chọn ngôn ngữ và thiết lập thời gian và ngày tháng. Không thể chụp được ảnh cho tới khi bạn đã cài đặt thời gian và ngày tháng.

1 Bật máy ảnh.

Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thị.

2 Chọn ngôn ngữ.

Bấm ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật ngôn ngữ mong muốn và nhấn OK.



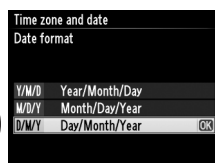
3 Chọn múi giờ.

Một hộp thoại lựa chọn múi giờ sẽ được hiển thị. Bấm số ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật múi giờ địa phương (trường UTC thể hiện sự khác biệt giữa múi giờ đã chọn và Múi giờ quốc tế, hoặc UTC, tính bằng giờ) và nhấn OK.



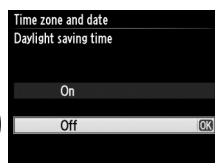
4 Chọn định dạng ngày.

Bấm ▲ hoặc ▼ để lựa chọn thứ tự hiển thị năm, tháng và ngày. Nhấn OK để tiến hành bước tiếp theo.



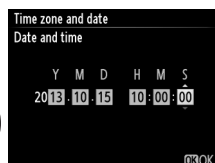
5 Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày.

Các tùy chọn thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày sẽ được hiển thị. Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày được tắt theo mặc định; nếu thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày có hiệu lực theo múi giờ địa phương thì nhấn ▲ để làm nổi On (Bật) và nhấn OK.



6 Thiết lập ngày và thời gian.

Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị. Nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn một mục, ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn OK để thiết lập đồng hồ và thoát khỏi chế độ chụp.



Cài Đặt Đồng Hồ

Có thể thay đổi ngôn ngữ và ngày/thời gian bất cứ lúc nào bằng sử dụng tùy chọn **Language** (Ngôn ngữ) (☐ 253) và **Time zone and date** (Múi giờ và ngày) (☐ 253) trong menu cài đặt. Đồng hồ máy ảnh cũng có thể được đồng bộ hóa với thiết bị GPS (☐ 175).

Pin Đồng Hồ

Đồng hồ máy ảnh được cấp nguồn bởi nguồn điện có thể sạc độc lập, nó sẽ được nạp điện khi cần thiết khi pin chính được lắp hoặc khi máy ảnh được cấp nguồn nhờ đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện AC EH-5b (☐ 297). Hai ngày sạc sẽ cấp đủ nguồn cho đồng hồ khoảng ba tháng. Nếu máy ảnh hiển thị cảnh báo lúc khởi động rằng đồng hồ không được thiết lập và biểu tượng **Clock** nhấp nháy trong màn hình hiển thị thông tin, pin đồng hồ đã hết và đồng hồ được thiết lập lại. Cài đặt thời gian và ngày chính xác cho đồng hồ.

Đồng Hồ Máy Ảnh

Đồng hồ máy ảnh không chính xác bằng đa số các đồng hồ đeo tay và đồng hồ hộ gia đình. Kiểm tra đồng hồ thường xuyên để chỉnh thời gian chính xác hơn và thiết lập lại khi cần thiết.



Lắp Thẻ Nhớ

Máy ảnh lưu ảnh trên thẻ nhớ Kỹ thuật số Bảo mật (SD) (bán riêng; □ 334). Máy ảnh này có hai khe cắm thẻ nhớ (Khe 1 và Khe 2); nếu bạn chỉ sử dụng một thẻ nhớ, hãy lắp vào Khe 1 (□ 30).

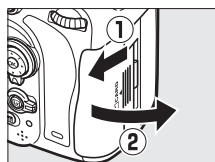
1 Tắt máy ảnh.

✍ Lắp và Tháo Thẻ Nhớ

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo thẻ nhớ.

2 Mở nắp khe thẻ.

Trượt nắp khe thẻ ra (①) và mở khe cắm thẻ nhớ (②).

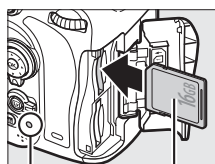


3 Lắp thẻ nhớ.

Giữ thẻ nhớ như minh họa ở bên phải, trượt vào trong cho đến khi khớp vào vị trí. Đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ sáng trong vài giây.

✓ Lắp Thẻ Nhớ

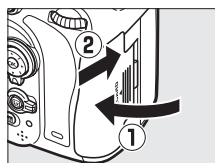
Việc lắp lộn ngược hoặc lắp trái đầu có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thẻ. Kiểm tra để lắp thẻ đúng hướng. Nắp khe thẻ sẽ không đóng lại nếu thẻ không được lắp chính xác.



Phía trước

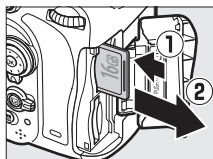
Đèn tiếp cận thẻ nhớ

Đóng nắp phủ khe thẻ nhớ. Nếu đây là lần đầu tiên thẻ nhớ được sử dụng trong máy ảnh hoặc thẻ đã được định dạng ở thiết bị khác, định dạng thẻ như mô tả trên trang 31.



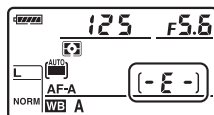
✍ Tháo Thẻ Nhớ

Sau khi xác nhận đèn tiếp cận thẻ nhớ đã tắt, tắt máy ảnh, mở nắp phủ khe thẻ nhớ, và nhấn thẻ để đẩy ra (①). Lúc này có thể lấy thẻ ra bằng tay (②).



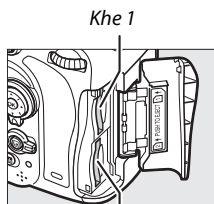
✎ Không Có Thẻ Nhớ

Nếu máy ảnh tắt với pin đã sạc EN-EL15 và không có thẻ nhớ, (- E -) sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm.



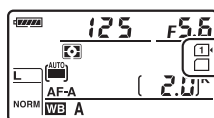
✎ Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ

Khe 1 để lắp thẻ chính, thẻ trong khe 2 đóng vai trò dự phòng hoặc phụ. Nếu các cài đặt mặc định của **Overflow** (Tràn) được chọn cho **Role played by card in Slot 2** (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận) (☐ 96) khi hai thẻ nhớ được lắp, thẻ trong khe 2 sẽ chỉ được sử dụng khi thẻ trong khe 1 đầy.

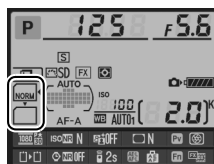


Khe 2

Bảng điều khiển cho thấy khe hoặc các khe hiện đang giữ thẻ nhớ (ví dụ ở bên phải cho thấy các biểu tượng hiển thị khi thẻ được lắp vào mỗi khe). Nếu thẻ nhớ đầy hoặc đã bị khóa hoặc có lỗi, biểu tượng của thẻ bị ảnh hưởng sẽ nhấp nháy (☐ 324).



Bảng điều khiển



Hiển thị thông tin

✓ Thẻ Nhớ

- Thẻ nhớ có thể nóng sau khi sử dụng. Quan sát thận trọng khi tháo thẻ nhớ khỏi máy ảnh.
- Tắt nguồn trước khi lắp hay tháo thẻ nhớ. Không tháo các thẻ nhớ khỏi máy ảnh, tắt máy ảnh, hoặc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi định dạng hoặc trong khi ghi dữ liệu, xóa, hoặc sao chép vào máy tính. Không tuân thủ đề phòng này có thể dẫn đến mất dữ liệu hoặc hư hại máy ảnh hoặc thẻ nhớ.
- Không để ngón tay hoặc các vật kim loại chạm vào các đầu cuối thẻ.
- Không bẻ cong, làm rơi hay để va đập mạnh.
- Không dùng lực ép vỏ thẻ. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hư thẻ.
- Không để tiếp xúc với nhiệt, nước, độ ẩm cao, hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không định dạng thẻ nhớ trong máy tính.

Định Dạng Thẻ Nhớ

Thẻ nhớ phải được định dạng trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi sử dụng hoặc định dạng trong các thiết bị khác.

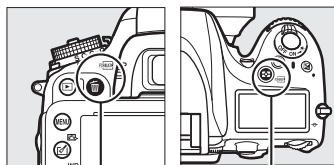
✓ Định Dạng Thẻ Nhớ

Việc định dạng thẻ nhớ sẽ xóa vĩnh viễn bất kỳ dữ liệu nào có trên đó. Hãy chắc chắn sao chép bất kỳ bức ảnh và dữ liệu nào khác mà bạn muốn giữ lại vào máy tính trước khi tiến hành (□ 193).

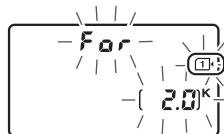
1 Bật máy ảnh.

2 Nhấn nút (FORMAT) và (POWER).

Giữ nút  (FORMAT) và  (POWER) xuống đồng thời cho đến khi **For** nhấp nháy (định dạng) xuất hiện trong hiển thị tốc độ cửa trập trong bảng điều khiển và kính ngắm. Nếu lắp hai thẻ nhớ, thẻ trong Khe 1 (□ 30) sẽ được chọn; bạn có thể chọn thẻ trong Khe 2 bằng cách xoay đĩa lệnh chính. Để thoát mà không định dạng thẻ nhớ, đợi cho đến khi **For** dừng nhấp (khoảng sáu giây) hoặc nhấn bất kỳ nút nào khác ngoài các nút  (FORMAT) và  (POWER).



Nút  (FORMAT) Nút  (POWER)



3 Nhấn lại nút (FORMAT) và (POWER).

Đồng thời nhấn các nút  (FORMAT) và  (POWER) lần thứ hai trong khi **For** đang nhấp để định dạng thẻ nhớ. *Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi đang định dạng.*

Khi định dạng xong, bảng điều khiển và kính ngắm sẽ hiển thị số các bức ảnh có thể được ghi ở các cài đặt hiện hành.

Công Tắc Bảo Vệ Ghi

Các thẻ nhớ SD được trang bị công tắc bảo vệ ghi để tránh mất mát dữ liệu ngẫu nhiên. Khi công tắc này ở vị trí "lock" (khóa), không thể định dạng thẻ nhớ và không thể xóa hoặc ghi được ảnh (cảnh báo sẽ được hiển thị trong màn hình nếu bạn cố gắng nhả cửa trập). Để mở khóa thẻ nhớ, trượt công tắc sang vị trí "ghi".



Công tắc bảo vệ ghi

Xem Thêm

Xem trang 250 để biết thông tin về định dạng thẻ nhớ bằng cách sử dụng tùy chọn **Format memory card** (Định dạng thẻ nhớ) trong menu cài đặt.



Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

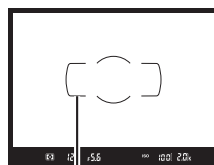
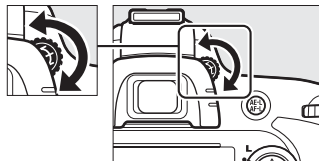
Máy ảnh được trang bị điều chỉnh điốt để thích ứng với khác biệt cá nhân về tầm nhìn. Kiểm tra để hiển thị trong kính ngắm được lấy nét trước khi lấy khuôn ảnh trong kính ngắm.

1 Bật máy ảnh.

Tháo nắp thấu kính và bật máy ảnh.

2 Lấy nét kính ngắm.

Xoay điều khiển điều chỉnh điốt cho đến khi khung vùng lấy nét tự động được lấy nét sắc nét. Khi sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt với mắt đang ngắm kính ngắm, cẩn thận không chọc ngón tay hoặc móng tay vào mắt.



Khung vùng lấy nét tự động

Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

Nếu bạn không thể lấy nét kính ngắm như mô tả ở trên, chọn lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S; □ 97), lấy nét tự động điểm đơn (□ 99) và điểm lấy nét giữa (□ 101), sau đó đóng khung đối tượng tương phản cao trong điểm lấy nét giữa và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét máy ảnh. Khi máy ảnh lấy nét, sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt để đưa đối tượng vào vùng lấy nét rõ trong kính ngắm. Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh thêm lấy nét kính ngắm bằng cách sử dụng các thấu kính khắc phục quang (□ 297).





Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại

Nhiếp Ảnh “Ngắm và Chụp” (Chế độ AUTO và)

Phần này mô tả cách chụp ảnh ở chế độ  (tự động), chế độ tự động “ngắm và chụp” mà phần lớn cảnh vật được máy ảnh điều chỉnh tương thích với điều kiện chụp, và ở chế độ này đèn nháy sẽ tự động nháy nếu đối tượng thiếu ánh sáng. Để chụp ảnh với đèn nháy tắt trong khi để máy ảnh kiểm soát các cài đặt khác, xoay đĩa lệnh chế độ sang chế độ  để chọn chế độ tự động (đèn nháy tắt).



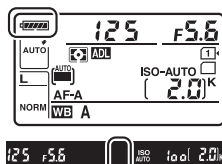
Bước 1: Bật Máy Ảnh

1 Bật máy ảnh.

Tháo nắp thấu kính và bật máy ảnh. Bảng điều khiển sẽ bật và màn hình hiển thị trong kính ngắm sẽ sáng.

2 Kiểm tra mức pin.

Kiểm tra mức pin trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm.



Bảng điều khiển *	Kính Ngắm *	Mô tả
	—	Pin đã được sạc đầy.
	—	Pin đã được xả một phần.
	—	
	—	
		Pin yếu. Sạc pin hoặc sẵn sàng pin dự phòng.
		Tắt nhà cửa trập. Sạc hoặc thay pin.
(nháy)	(nháy)	

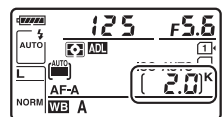
* Các biểu tượng sẽ không xuất hiện khi máy ảnh được cấp điện bởi đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện EH-5b.  xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin.

Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Máy ảnh làm rung bộ lọc qua chậm bao quanh bộ phận cảm biến hình ảnh để loại bụi bẩn khi mở tắt máy ( 301).

3 Kiểm tra số phơi sáng còn lại.

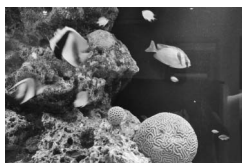
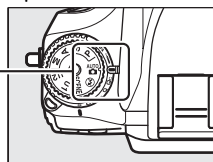
Bảng điều khiển và kính ngắm cho biết số lượng bức ảnh có thể chụp được ở cài đặt hiện hành (giá trị hơn 1.000 sẽ được làm tròn xuống đơn vị trăm gần nhất. Ví dụ: các giá trị trong khoảng 2.000 và 2.099 sẽ được hiển thị là 2,0 K). Nếu gắn hai thẻ nhớ, phần trống khả dụng của thẻ nhớ ở Khe 1 sẽ được hiển thị (□ 30). Khi số phơi sáng còn lại đạt đến **0**, con số sẽ nhấp nháy, **FuL** hoặc **FuL** sẽ nhấp nháy ở phần hiển thị tốc độ cửa trập, và biểu tượng thẻ ảnh hưởng sẽ nhấp nháy. Lắp thẻ nhớ khác (□ 29) hoặc xóa bớt ảnh (□ 47, 189).



Bước 2: Chọn Chế Độ ^{AUTO} hoặc

Để chụp ở nơi cắm đèn nháy, chụp ảnh trẻ sơ sinh hay chụp dưới điều kiện ánh sáng yếu, xoay đĩa lệnh chế độ sang . Nếu không thì xoay đĩa lệnh chế độ sang ^{AUTO}

Đĩa lệnh chế độ



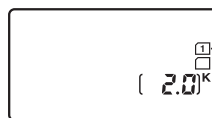
Chế độ



Chế độ ^{AUTO}

Hiển Thị Máy Ảnh Tắt

Khi máy ảnh tắt mà vẫn còn pin và thẻ nhớ, biểu tượng thẻ nhớ và số phơi sáng còn lại sẽ hiển thị (trong một số trường hợp hiếm hoi một số thẻ nhớ có thể chỉ hiển thị thông tin này khi máy ảnh được bật).



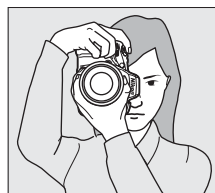
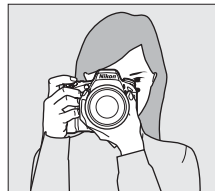
Bảng điều khiển

Bước 3: Tạo Khuôn Hình Cho Bức Ảnh

1 Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh.

Khi tạo khuôn hình cho bức ảnh trong kính ngắm, tay phải giữ phần tay nắm và tay trái đặt vào thân máy hoặc thấu kính. Giữ khuỷu tay chống nhẹ lên thân người làm điểm tựa và đặt chân này trước chân kia nửa bàn để giữ vững phần trên cơ thể. Khi lấy khung hình cho ảnh chân dung (hướng dọc), giữ máy ảnh như minh họa ở phần cuối của ba hình minh họa ở bên phải.

Ở chế độ , tốc độ cửa trập sẽ chậm khi ánh sáng yếu; bạn nên dùng giá ba chân.



2 Tạo khuôn hình bức ảnh.

Tạo khuôn hình bức ảnh trong kính ngắm với đối tượng chính nằm trong dấu vùng lấy nét tự động.



Khuôn vùng lấy nét tự động

Sử Dụng Thấu Kính Thu Phóng

Sử dụng vòng thu phóng để phóng to đối tượng hiển thị lớn hơn trong vùng tạo hình, hoặc thu nhỏ để tăng vùng nhìn thấy trong ảnh cuối (chọn độ dài tiêu cự trong vùng tiêu cự của thấu kính để phóng to và giảm để thu nhỏ).

Phóng to



Thu nhỏ

Bước 4: Lấy Nét

1 Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.

Nhấn nút chụp nửa chừng để lấy nét. Điểm lấy nét thực sẽ hiển thị. Nếu đối tượng được chiếu sáng yếu, đèn nháy có thể lóe lên và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động có thể sáng.

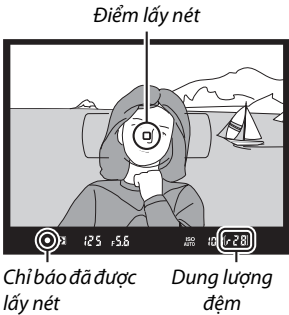


2 Kiểm tra các chỉ báo trong kính ngắm.

Khi lấy nét hoàn tất, chỉ báo đã được lấy nét (●) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

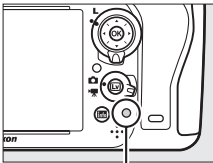
Chỉ báo đã được lấy nét	Mô tả
●	Đối tượng lấy nét.
▶	Điểm lấy nét nằm giữa máy ảnh và đối tượng.
◀	Điểm lấy nét nằm sau đối tượng.
▶ ◀ (nháy)	Máy ảnh không thể sử dụng lấy nét tự động để lấy nét. Xem trang 98.

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, số phơi sáng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ đệm ("f"; 84) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.



Bước 5: Chụp

Nhấn nhẹ nút nhả cửa trập hết cỡ để nhả cửa trập và ghi ảnh. Đèn tiếp cận thẻ nhớ kể bên nắp phủ khe thẻ nhớ sẽ sáng khi ảnh được lưu vào thẻ nhớ. *Không tháo hoặc di chuyển thẻ nhớ hay ngắt nguồn cho đến khi đèn này tắt và việc lưu hoàn tất.*



Đèn tiếp cận thẻ nhớ

Nút Nhả Cửa Trập

Máy ảnh này có một nút nhả cửa trập hai giai đoạn. Máy ảnh sẽ lấy nét khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Để chụp ảnh, tiếp tục nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ.



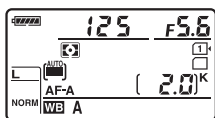
Lấy nét: nhấn nửa chừng



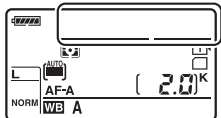
Chụp: nhấn hết cỡ

Hẹn Giờ Chờ

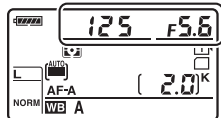
Hiển thị kính ngắm, bảng điều khiển tốc độ cửa trập và độ mở ống kính sẽ tắt nếu không hoạt động trong vòng 6 giây, giảm tiêu hao pin. Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để bật hiển thị. Có thể chọn độ dài thời gian trước khi hẹn giờ chờ hết hạn tự động bằng cách sử dụng c2 Cài Đặt Tùy Chọn (**Standby timer** (Hẹn giờ chờ),  227).



Bật đo phơi sáng



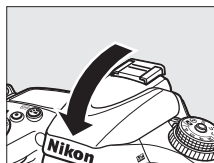
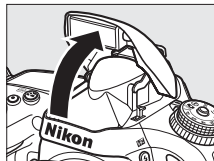
Tắt đo phơi sáng



Bật đo phơi sáng

Đèn Nháy Gắn Sẵn

Nếu cần thêm ánh sáng để phơi sáng chính xác trong chế độ , đèn nháy gắn sẵn sẽ tự động lóe lên khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập. Nếu bật đèn nháy, ảnh chỉ được chụp khi chỉ báo đèn nháy sẵn sàng () được hiển thị. Nếu chỉ chỉ báo đèn nháy sẵn sàng không hiển thị, tức là đèn nháy đang sạc; bỏ ngón tay ra khỏi nút nhả cửa trập một lúc và thử lại.



Để tiết kiệm pin khi đèn nháy không được sử dụng, nhấn nhẹ nút hạ xuống cho đến khi chốt khớp vào đúng vị trí.

Nhiếp Ảnh Sáng Tạo (Chế Độ Cảnh)

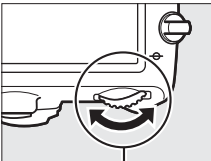
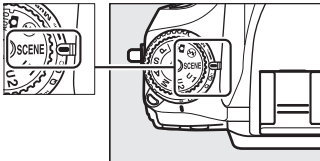
Máy ảnh cung cấp lựa chọn chế độ “cảnh”. Chọn chế độ cảnh tự động cài đặt để phù hợp với cảnh được chọn, nhiếp ảnh sáng tạo cũng đơn giản như việc chọn chế độ, lấy khuôn hình một bức tranh, và chụp như mô tả ở các trang 35–39.



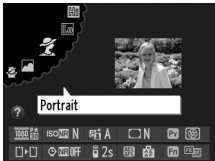
■ Chế Độ SCENE

Để xem cảnh hiện đang được chọn, xoay đĩa lệnh chế độ sang **SCENE** và nhấn nút **info**. Để chọn cảnh khác, xoay đĩa lệnh chính.

Đĩa lệnh chế độ



Đĩa lệnh chính



Màn hình

Portrait (Chân dung) 	Landscape (Phong cảnh) 	Child (Trẻ em) 	Sports (Thể thao) 	Close up (Cận cảnh) 	Night portrait (Chân dung ban đêm) 	Night landscape (Phong cảnh ban đêm)
Party/indoor (Tiệc/trong nhà) 	Beach/snow (Biển/Tuyết) 	Sunset (Hoàng hôn) 	Dusk/dawn (Chạng vạng/bình minh) 	Pet portrait (Chân dung vật nuôi) 	Candlelight (Ánh sáng đèn nến) 	Blossom (Hoa nở)
Autumn colors (Các màu mùa thu) 	Food (Thức ăn) 	Silhouette (Hình bóng) 	High key (Khóa cao) 	Low key (Khóa thấp) 		

■ Chế Độ Cảnh Chân Dung



Sử dụng tông màu nhẹ nhàng, tự nhiên cho chân dung. Nếu đối tượng ở xa hoặc sử dụng thấu kính chụp ảnh xa, chi tiết sẽ được làm mềm để ảnh có chiều sâu.

■ Phong Cảnh



Sử dụng cho chụp phong cảnh đậm ban ngày. Đèn nháy gắn sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; sử dụng giá ba chân để chống mờ khi ánh sáng yếu.

Trẻ Em



Sử dụng ảnh chụp nhanh cho trẻ em. Quần áo và các chi tiết có nền sinh động, khi tông màu vẫn duy trì được mềm mại và tự nhiên.

Thể Thao



Tốc độ cửa trập nhanh sẽ đóng băng chuyển động đối với các bức ảnh thể thao năng động mà đối tượng chính rõ ràng. Đèn nháy gắn sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt. Để chụp ảnh theo chuỗi, chọn chế độ nhả liên tục (6, 83).

Cận Cảnh



Sử dụng chụp cận cảnh hoa, côn trùng, và các đối tượng nhỏ khác (có thể dùng thấu kính lớn để lấy nét ở góc rất gần). Nên dùng đế ba chân để tránh bị mờ.

Chân Dung Ban Đêm



Dùng cân bằng trắng tự nhiên giữa đối tượng chính và nền trong chân dung dưới ánh sáng yếu. Dùng giá ba chân rất tốt để chống mờ khi ánh sáng yếu.

Phong Cảnh Ban Đêm



Giảm tiếng ồn và màu sắc không tự nhiên khi chụp ảnh phong cảnh ban đêm, bao gồm ánh sáng đường phố và đèn neon. Khi đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt, nên dùng giá ba chân để tránh mờ.

Tiệc/Trong Nhà



Chụp hiệu ứng của ánh sáng nền trong nhà. Sử dụng cho các cảnh tiệc và trong nhà.

Biển/Tuyết



Chụp độ sáng ánh sáng mặt trời trải rộng trên nước, tuyết hoặc cát. Đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt.

Hoàng Hôn



Lưu giữ các sắc đậm của hoàng hôn và bình minh. Đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; sử dụng giá ba chân để chống mờ khi ánh sáng yếu.

Chạng Vạng/Bình Minh



Lưu giữ các màu sắc của ánh sáng mờ tự nhiên trước chạng vạng và sau bình minh. Đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; sử dụng giá ba chân để chống mờ khi ánh sáng yếu.



Chân Dung Vật Nuôi



Sử dụng cho chân dung vật nuôi hoạt động. Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt.

Ánh Sáng Đèn Nến



Với ảnh chụp với ánh sáng đèn nến. Khi đèn nháy gần sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để tránh che mờ khi ánh sáng yếu.

Nở hoa



Sử dụng cho các vườn hoa, vườn cây nở hoa và các cảnh khác có đặc điểm nhiều hoa. Khi đèn nháy gần sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để tránh che mờ khi ánh sáng yếu.

Các Màu Mùa Thu



Lưu giữ các màu đỏ chói và vàng rực của lá mùa thu. Khi đèn nháy gần sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để tránh che mờ khi ánh sáng yếu.

Thức Ăn



Sử dụng chụp ảnh sống động về thức ăn. Nên dùng giá ba chân để tránh che mờ; đèn nháy cũng có thể được sử dụng (☐ 143).

Hình Bóng



Hình bóng của đối tượng ngược với độ sáng nền. Khi đèn nháy gần sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để tránh che mờ khi ánh sáng yếu.

Khoá Thấp



Sử dụng khi chụp những cảnh tối để tạo ra hình ảnh tối, âm đậm làm nổi bật. Khi đèn nháy gần sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để tránh che mờ khi ánh sáng yếu.



Khoá Cao



Sử dụng khi chụp những cảnh tươi sáng để tạo hình ảnh đầy sáng. Đèn nháy gần sẵn tắt.

Phát Lại Cơ Bản

1 Nhấn nút .

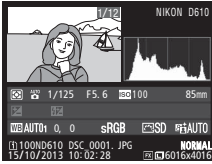
Bức ảnh sẽ hiển thị trên màn hình. Thẻ nhớ chứa ảnh hiển thị hiện thời được thể hiện bằng một biểu tượng.



Nút 

2 Xem ảnh bổ sung.

Ảnh bổ sung có thể được hiển thị bằng cách nhấn  hoặc . Để xem thông tin bổ sung trên bức ảnh hiện thời, nhấn  và  (☞ 179).



Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhà cửa trạng nửa chừng.

Xem Lại Hình Ảnh

Khi **On** (Bật) được chọn cho **Image review** (Xem lại hình ảnh) trong menu phát lại (☞ 212), các bức ảnh được tự động hiển thị trên màn hình khoảng vài giây sau khi chụp.

Xem Thêm

Xem trang 178 về thông tin lựa chọn khe thẻ nhớ.





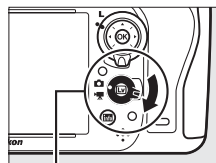
Xem Ảnh Trực Tiếp

Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh trong xem trực tiếp.

1 Xoay bộ chọn xem trực tiếp sang (xem ảnh trực tiếp).

Đậy Kính Ngắm

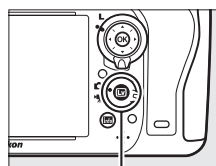
Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu phơi sáng, tháo ốc mắt cao su và đậy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp trước khi chụp ( 86).



Bộ chọn xem trực tiếp

2 Nhấn nút .

Gương sẽ được nâng lên và xem qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh. Không còn nhìn thấy đối tượng trong kính ngắm.



Nút 

3 Định vị điểm lấy nét.

Định vị điểm lấy nét trên đối tượng như được mô tả ở trang 51.

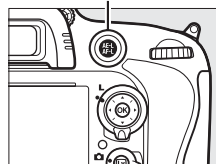
4 Lấy nét.

Nhấn nút chụp nửa chừng để lấy nét.

Điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu xanh lá cây trong khi máy ảnh lấy nét. Nếu máy ảnh có thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ hiển thị màu xanh lá cây, nếu máy ảnh không thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu đỏ (lưu ý có thể chụp ảnh ngay cả khi điểm lấy nét nhấp đỏ, kiểm tra lấy nét trong màn hình trước khi chụp). Có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút  **AE-L/AF-L** ( 110); khóa lấy nét trong khi nút nhả của trập được nhấn nửa chừng. Trong chế độ **M**, có thể điều chỉnh phơi sáng với sự hỗ trợ của chỉ báo phơi sáng ( 78).



Nút  **AE-L/AF-L**



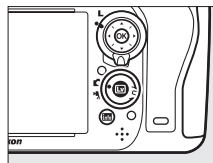
5 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để chụp. Màn hình sẽ tắt.



6 Thoát khỏi chế độ xem trực tiếp.

Xoay nút để thoát chế độ xem trực tiếp.



Kết Thúc Xem Trực Tiếp

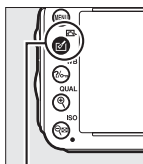
Xem trực tiếp kết thúc tự động khi thấu kính bị tháo ra. Chế độ xem trực tiếp cũng có thể kết thúc tự động để tránh làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh. Lưu ý nhiệt độ của các mạch bên trong của máy ảnh có thể tăng và nhiều (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong các trường hợp sau đây (máy ảnh bị ẩm lên đáng kể, nhưng đây không phải là sự cố):

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Máy ảnh được sử dụng trong thời gian dài ở chế độ xem trực tiếp hoặc để quay phim
- Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài

Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn nhấn nút , hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại.

Chọn Picture Control (Chỉ Chế Độ P, S, A và M)

Việc nhấn (P) trong khi đang xem trực tiếp sẽ hiển thị danh sách các Picture Control. Làm nổi bật Picture Control mong muốn và bấm để điều chỉnh các cài đặt chế độ Picture Control (129).



Nút (P)



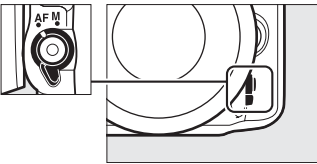
Phim

Chức năng ghi phim không có sẵn trong xem ảnh trực tiếp và việc bấm nút ghi phim không có tác dụng. Chọn xem phim trực tiếp (57) để quay phim.

Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp

Để lấy nét bằng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang **AF** và làm theo các bước dưới đây để chọn lấy nét tự động và chế độ vùng lấy nét tự động. Để có thêm thông tin về lấy nét thủ công, xem trang 55.

Bộ chọn chế độ lấy nét

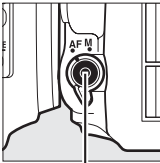


■ Chọn Chế Độ Lấy Nét

Chế độ lấy nét tự động sau đây sẵn có trong xem trực tiếp:

Chế độ	Mô tả
AF-S	Lấy nét tự động phản phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.
AF-F	Lấy nét tự động phản phụ toàn thời gian: Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục cho đến khi nút nhả cửa trập được nhấn. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

Để chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.



Nút chế độ AF



Đĩa lệnh chính



Màn hình

✓ Sử dụng Lấy Nét Tự Động trong Xem Trực Tiếp

Sử dụng thấu kính AF-S. Có thể không đạt được các kết quả mong muốn với các thấu kính hoặc bộ chuyển từ xa khác. Lưu ý rằng trong xem trực tiếp, tự động lấy nét chậm hơn và màn hình có thể sáng hoặc tối trong khi máy ảnh lấy nét. Điểm lấy nét đôi khi có thể được hiển thị bằng màu xanh khi máy ảnh không thể lấy nét. Máy ảnh có thể không thể lấy nét trong những tình huống sau đây:

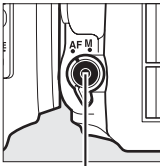
- Đối tượng có đường song song với cạnh dài của khuôn hình
- Đối tượng thiếu tương phản
- Đối tượng tại các điểm lấy nét có chứa các khu vực có độ sáng tương phản mạnh, hoặc đối tượng được chiếu sáng bởi ánh sáng tại chỗ hoặc đèn neon hoặc nguồn sáng khác thay đổi về độ sáng
- Nhấp nháy hoặc dải xuất hiện dưới đèn huỳnh quang, đèn khí thủy ngân, khí natri, hoặc ánh sáng tương tự
- Bộ lọc (ngôi sao) ngang hoặc bộ lọc đặc biệt khác được sử dụng
- Đối tượng xuất hiện nhỏ hơn điểm lấy nét
- Đối tượng bị chi phối bởi các mẫu hình học thông thường (ví dụ như rèm hoặc hàng cửa sổ trong tòa nhà chọc trời)
- Đối tượng đang di chuyển

Chọn Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động

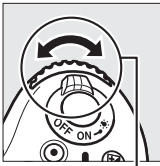
Có thể chọn các chế độ vùng lấy nét tự trong xem trực tiếp:

Chế độ	Mô tả
	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt: Sử dụng để chụp chân dung. Máy ảnh tự động phát hiện đối tượng và lấy nét đối tượng chân dung; nếu đối tượng được chọn có viền kép màu vàng (nếu có nhiều khuôn mặt, tối đa là 35, được phát hiện, máy ảnh sẽ lấy nét vào các đối tượng gần nhất; để chọn đối tượng khác, sử dụng đa bộ chọn). Nếu máy ảnh không còn có thể phát hiện đối tượng nữa (ví dụ, vì đối tượng đã quay mặt đi với máy ảnh), đường biên sẽ không còn được hiển thị nữa.
	Vùng lấy nét tự động rộng: Sử dụng để chụp cầm tay ảnh phong cảnh và các đối tượng không phải chân dung. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn phím  để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình. Nên sử dụng giá ba chân.
	Vùng lấy nét tự động bình thường: Sử dụng lấy nét điểm cố định trên một điểm cố định trong khuôn hình. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn phím  để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình. Nên sử dụng giá ba chân.
	Tự động lấy nét dò tìm đối tượng: Định vị điểm lấy nét trên đối tượng và nhấn  . Điểm lấy nét sẽ theo dõi đối tượng được chọn khi đối tượng di chuyển qua khuôn hình. Để kết thúc dò tìm, nhấn  lần nữa. Lưu ý rằng máy ảnh máy ảnh không thể theo dõi đối tượng nếu đối tượng di chuyển nhanh, rời khỏi khuôn hình hay bị che khuất bởi các đối tượng khác, thay đổi rõ ràng về kích thước, màu sắc hay độ sáng, hoặc quá nhỏ, quá lớn, quá sáng, quá tối, hay tương tự về màu sắc hay độ sáng với nền.

Để chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.



Nút chế độ AF

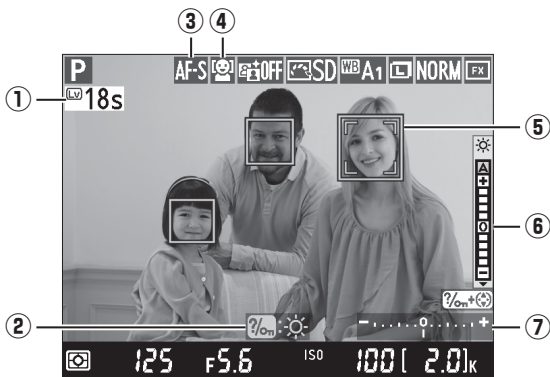


Sub-command dial (Đĩa lệnh phụ)



Màn hình

Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Ảnh Trực Tiếp



Mục	Mô tả	
① Thời gian còn lại	Số lượng thời gian còn lại trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động. Hiển thị nếu quay sẽ kết thúc trong 30 giây hoặc ít hơn.	56
② Chỉ dẫn	Chỉ dẫn cho các tùy chọn có sẵn trong khi xem ảnh trực tiếp.	—
③ Chế độ lấy nét tự động	Chế độ lấy nét tự động hiện tại.	51
④ Chế độ vùng lấy nét tự động	Chế độ vùng lấy nét tự động hiện tại.	52
⑤ Điểm lấy nét	Điểm lấy nét hiện tại. Màn hình hiển thị khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động.	49
⑥ Chỉ báo độ sáng màn hình	Bấm giữ nút (WB), bấm hoặc để điều chỉnh độ sáng màn hình (lưu ý rằng độ sáng màn hình không có tác dụng trên các bức ảnh chụp với máy ảnh). Nếu A (tự động) được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh độ sáng theo điều kiện ánh sáng môi trường chung quanh như được đo bằng cảm biến độ sáng chung quanh khi màn hình bật (4).	—
⑦ Chỉ báo phơi sáng	Cho biết ảnh sẽ được phơi sáng quá ít hay quá nhiều tại các cài đặt hiện tại (chỉ chế độ M).	78

Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp

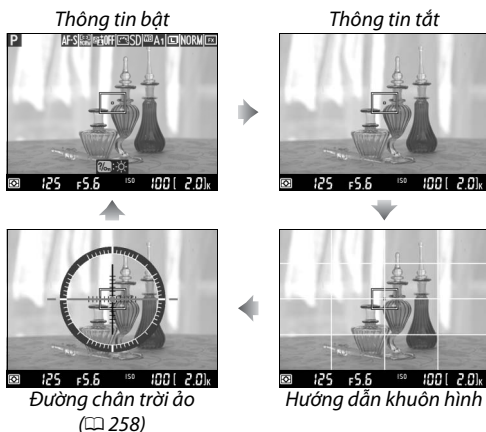
Mặc dù không xuất hiện trong bức ảnh cuối cùng, các đường mép răng cưa, viền màu, nhiễu và các điểm sáng có thể xuất hiện trên màn hình, trong khi các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng với các dấu nhấp nháy và các nguồn sáng đứt đoạn khác hoặc nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng nào khác. Ngoài ra, có thể xảy ra biến dạng nếu máy ảnh được lia theo chiều ngang hoặc đối tượng di chuyển ở tốc độ cao thông qua khuôn hình. Nhấp nháy và tạo dải dễ nhìn thấy trên màn hình dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri có thể được giảm xuống bằng cách sử dụng **Flicker reduction** (Giảm nhấp nháy) (☐ 252), mặc dù chúng vẫn có thể được nhìn thấy trên bức ảnh cuối cùng ở một số tốc độ cửa trập. Khi chụp trong chế độ xem trực tiếp, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh.

Phơi Sáng

Tùy thuộc vào cảnh, phơi sáng có thể khác khi xem trực tiếp không được sử dụng. Đo sáng trong xem trực tiếp được điều chỉnh cho phù hợp với hiển thị xem trực tiếp, tạo ra ảnh có phơi sáng gần với những gì được nhìn thấy trong màn hình. Trong các chế độ **P**, **S**, **A** và **M**, có thể điều chỉnh phơi sáng bằng ± 5 EV (☐ 112). Lưu ý rằng ảnh hưởng của giá trị trên +3 EV hoặc dưới -3 EV không thể xem trước được trên màn hình.

Hiển Thị Thông Tin: Xem Ảnh Trực Tiếp

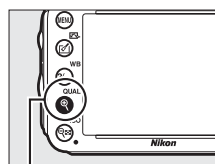
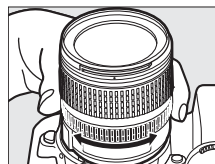
Để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trong màn hình trong khi xem ảnh trực tiếp, nhấn nút **info**.



Lấy Nét Bằng Tay

Để lấy nét ở chế độ lấy nét bằng tay (103), xoay vòng lấy nét thấu kính cho đến khi đối tượng được lấy nét.

Để phóng to cảnh trong màn hình lên đến khoảng $19\times$ để lấy nét chính xác, nhấn nút **Q (QUAL)**. Trong khi xem qua thấu kính được thu nhỏ, một cửa sổ điều hướng sẽ xuất hiện trong khung màu xám ở góc dưới cùng bên phải màn hình. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển đến khu vực khuôn hình không hiển thị trong màn hình (chỉ có nếu chế độ vùng lấy nét tự động rộng hoặc bình thường được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động), hoặc nhấn **ISO** để thu nhỏ.



Nút **Q (QUAL)**



Cửa sổ định hướng

Thấu Kính Không CPU

Khi sử dụng thấu kính không CPU, chắc chắn phải nhập tiêu cự và độ mở ống kính tối đa bằng cách sử dụng tùy chọn **Non-CPU lens data** (Thấu kính không CPU) trong menu cài đặt (□ 172). Thấu kính không CPU chỉ có thể được dùng trong các chế độ **A** và **M** (□ 73); khi độ mở ống kính chỉ được điều chỉnh bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính.

☒ **Hiện Thi Đếm Ngược**

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động (☐ 53; bộ hẹn giờ chuyển sang màu đỏ nếu chế độ xem trực tiếp chuẩn bị kết thúc để bảo vệ các mạch nội bộ hoặc, nếu một tùy chọn khác **No limit** (Không giới hạn) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c4—☐ **Monitor off delay** (độ trễ tắt màn hình) > **Live view** (Xem trực tiếp); ☐ 228—5 giây trước khi màn hình tắt tự động). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi xem trực tiếp được chọn. Lưu ý rằng mặc dù đếm ngược không xuất hiện trong quá trình phát lại, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn.

 HDMI

Nếu máy ảnh được gắn vào thiết bị video HDMI trong chế độ xem ảnh trực tiếp, màn hình máy ảnh sẽ vẫn bật và thiết bị video sẽ hiển thị xem qua thấu kính như minh họa ở bên phải. Nếu thiết bị hỗ trợ HDMI-CEC, chọn **Off** (Tắt) cho tùy chọn **HDMI > Device control** (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt (□ 205) trước khi chụp trong xem trực tiếp.

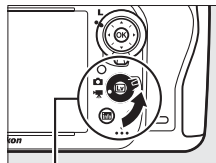




Xem Trực Tiếp Phim

Có thể quay phim trong chế độ xem trực tiếp.

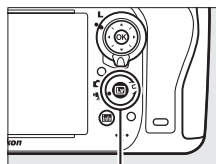
1 Xoay bộ chọn xem trực tiếp sang (xem trực tiếp phim).



Bộ chọn xem trực tiếp

2 Nhấn nút .

Gương sẽ được nâng lên và cảnh xem qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh như nó sẽ xuất hiện trong phim thực tế, điều chỉnh cho hiệu ứng phơi sáng. Không còn nhìn thấy đối tượng trong kính ngắm.



Nút 

Biểu tượng

Biểu tượng  ( 61) cho biết không thể quay phim.

Trước Khi Ghi

Trước khi ghi, chọn độ mở ống kính, (chỉ chế độ **A** và **M**,  77, 78); bạn cũng có thể chọn Picture Control (chỉ chế độ **P**, **S**, **A**, và **M**,  129) hoặc không gian màu ( 217). Trong chế độ **P**, **S**, **A**, và **M**, cân bằng trắng ( 115) có thể được thiết lập bất cứ lúc nào bằng cách nhấn nút  (**WB**) và xoay đĩa lệnh chính.

3 Chọn chế độ lấy nét (51).



4 Chọn chế độ vùng lấy nét tự động (52).



5 Lấy nét.

Tạo khuôn hình cho ảnh mở đầu và lấy nét như mô tả trong Bước 3 và 4 trên các trang 49 (để biết thêm thông tin về lấy nét trong xem trực tiếp phim, xem trang 51). Lưu ý rằng số lượng các đối tượng có thể được phát hiện trong lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt sẽ giảm trong chế độ xem trực tiếp phim.



 **Phơi Sáng**

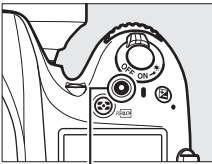
Có thể điều chỉnh các cài đặt sau trong xem trực tiếp phim:

	Độ mở ống kính	Tốc độ cửa trập	ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)	Exposure compensation (Bù phơi sáng)
P, S, A	—	—	—	✓
M	—	✓	✓	—
Other shooting modes (Các chế độ chụp khác)	—	—	—	—

Trong chế độ **M**, độ nhạy sáng ISO có thể được đặt sang các giá trị giữa 100 và Hi 2 và tốc độ cửa trập sang các giá trị giữa $\frac{1}{25}$ giây và $\frac{1}{4.000}$ giây (tốc độ cửa trập chậm nhất thay đổi với tỷ lệ khuôn hình;  65). Trong các chế độ khác, tốc độ cửa trập và độ nhạy ISO được điều chỉnh tự động. Nếu kết quả là phơi sáng thừa hoặc thiếu, thoát ra và khởi động lại xem trực tiếp phim.

6 Bắt đầu quay.

Nhấn nút ghi phim để bắt đầu ghi. Chỉ báo ghi và thời gian còn lại được hiển thị trong màn hình. Phơi sáng được đặt bằng cách sử dụng đo sáng ma trận và có thể khóa bằng cách nhấn nút  **AE-L/AF-L** ( 110) hoặc (trong các chế độ **P**, **S**, và **A**) thay đổi bằng cách tăng lên ± 3 EV trong các bước $\frac{1}{3}$ EV bằng cách sử dụng bù phơi sáng ( 112). Trong chế độ lấy nét tự động, có thể khóa lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



Nút ghi phim

Chỉ báo quay



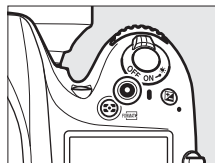
Thời gian còn lại

 **Âm Thanh**

Máy ảnh có thể ghi lại cả video và âm thanh; không che micrô trên mặt trước của máy ảnh trong quá trình ghi phim. Lưu ý rằng micrô gắn sẵn có thể ghi lại tiếng ồn thấu kính trong khi lấy nét tự động hoặc chống rung.

7 Kết thúc ghi.

Nhấn nút ghi phim lần nữa để kết thúc việc ghi. Việc ghi sẽ tự động kết thúc khi đạt độ dài tối đa, hoặc thẻ nhớ đầy.



Độ Dài Tối Đa

Chiều dài tối đa của từng tập tin phim là 4 GB (để biết thời gian ghi tối đa, xem trang 65); lưu ý rằng tùy thuộc vào tốc độ ghi thẻ nhớ, việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt đến chiều dài này (□ 334).

Chụp Ảnh

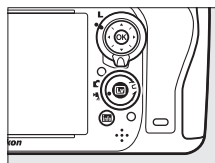
Để chụp ảnh trong khi đang ghi, nhấn nút nhả của trập xuống hết cỡ (nếu muốn, có thể gán hiển thị thông tin chụp ảnh sang **Fn**, xem trước độ sâu của trường hoặc nút **AE-L/AF-L** và nút được sử dụng để hiển thị các cài đặt ảnh tĩnh của máy ảnh trước khi chụp; □ 247, 248). Ghi phim sẽ kết thúc (đoạn phim được quay cho đến lúc đó sẽ được lưu lại) và máy ảnh sẽ trở về xem trực tiếp. Ảnh sẽ được ghi lại tại cài đặt vùng hình ảnh hiện tại bằng cách sử dụng xén tỷ lệ 16:9. Ảnh sẽ được chụp với đèn nháy tắt. Lưu ý không thể xem trước phơi sáng của ảnh trong chế độ xem trực tiếp phim, chế độ **P**, **S**, hoặc **A** hoặc được khuyến cáo nhưng kết quả chính xác có thể đạt được trong chế độ **M** bằng cách sử dụng **Fn**, xem trước độ sâu của trường hoặc nút **AE-L/AF-L** (□ 247, 248), sử dụng nút để hiển thị thông tin chụp ảnh và kiểm tra chỉ báo phơi sáng. Có thể đặt bù phơi sáng cho ảnh sang các giá trị giữa -5 và +5 EV, nhưng chỉ các giá trị giữa -3 và +3 là có thể xem trước được trên màn hình (chế độ **P**, **S**, và **A**; □ 112).

Hiển Thị Đếm Ngược

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp tự động kết thúc (□ 53). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi bắt đầu ghi phim. Lưu ý rằng bất kể thời lượng của thời gian ghi là bao nhiêu, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn. Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục ghi phim.

8 Thoát khỏi chế độ xem trực tiếp.

Xoay nút  để thoát chế độ xem trực tiếp.



Danh Mục

Nếu **Index marking** (Đánh dấu danh mục) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Assign Fn button** (Gán nút Fn), □ 247), g2 (**Assign preview button** (Gán nút xem trước), □ 248), hoặc g3 (**Assign AE-L/AF-L button** (Gán nút AE-L/AF-L), □ 248), bạn có thể bấm nút trong khi ghi để thêm danh mục có thể được dùng để xác định vị trí khuôn hình trong khi chỉnh sửa và phát lại (□ 68). Có thể thêm 20 danh mục vào mỗi phim.



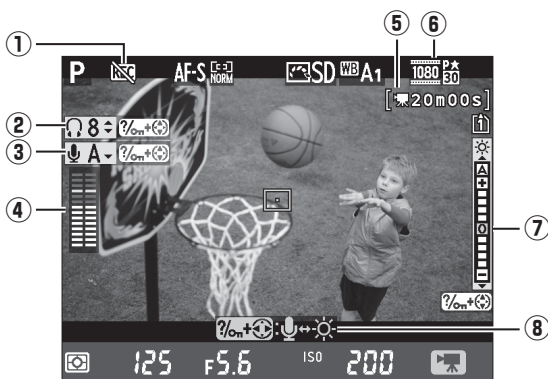
Danh mục



Xem Thêm

Cơ khuôn hình, độ nhạy micrô và các tùy chọn khe cắm thẻ có trong menu **Movie settings** (Cài đặt phim) (□ 65). Có thể điều chỉnh lấy nét bằng tay như mô tả trên trang 55. Có thể chọn vai trò của các nút **Fn**, xem trước độ sâu của trường, và nút **AE-L/AF-L** bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**OK button (shooting mode)** (Nút OK (chế độ chụp)); □ 241), g1 (**Assign Fn button** (Gán nút Fn); □ 247), g2 (**Assign preview button** (Gán nút xem trước); □ 248), và g3 (**Assign AE-L/AF-L button** (Gán nút AE-L/AF-L), □ 248), tương ứng (ba tùy chọn cuối cho phép bạn khóa phơi sáng mà không cần phải giữ bấm nút). Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Assign shutter button** (Gán nút cửa trập); □ 248) kiểm soát việc sử dụng nút nhà cửa trập để khởi động xem trực tiếp phim hoặc để khởi động và kết thúc ghi phim.

Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Trực Tiếp Phim



Mục	Mô tả	
① Biểu tượng “Không thể quay phim”	Cho biết không thể quay phim.	—
② Âm lượng tai nghe	Âm lượng đầu ra âm thanh cho tai nghe.	62
③ Độ nhạy micrô	Độ nhạy micrô để ghi phim.	62
④ Mức âm thanh	Mức âm thanh để ghi âm. Được hiển thị ở màu đỏ nếu mức quá cao; điều chỉnh độ nhạy micrô theo đó. Các chỉ báo kênh trái (L) và phải (R) xuất hiện khi micrô ME-1 tùy chọn hay micrô stereo khác được sử dụng.	62
⑤ Thời gian còn lại (xem trực tiếp phim)	Thời gian ghi dành cho phim.	58
⑥ Cỡ khuôn hình phim	Cỡ khuôn hình ghi phim.	65
⑦ Chỉ báo độ sáng màn hình	Chỉ báo độ sáng màn hình.	62
⑧ Chỉ dẫn	Chỉ dẫn cho các tùy chọn có sẵn trong khi xem trực tiếp phim.	62

 **Sử Dụng Micrô Bên Ngoài**
Micrô stereo ME-1 tùy chọn có thể được sử dụng để ghi âm thanh stereo hoặc để tránh ghi tiếng ồn thấu kính gây ra bởi lấy nét tự động (□ 298).

 **Tai Nghe**
Có thể dùng tai nghe của bên thứ ba. Lưu ý rằng mức độ âm thanh cao có thể dẫn đến âm lượng lớn; cần đặc biệt cẩn thận khi sử dụng tai nghe.

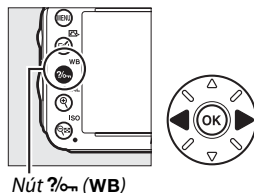


■ ■ Điều chỉnh Cài đặt trong Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp

Độ nhạy micro, âm lượng tai nghe, và độ sáng màn hình có thể được điều chỉnh như mô tả dưới đây. Lưu ý rằng độ nhạy micro và âm lượng tai nghe không thể được điều chỉnh trong quá trình đang ghi, và độ sáng chỉ ảnh hưởng đến màn hình (□ 61); phim được ghi với máy ảnh không bị ảnh hưởng.

1 Làm nổi bật một cài đặt.

Bấm và giữ **WB** (WB) và bấm ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật chỉ báo của cài đặt mong muốn.



Nút **WB** (WB)

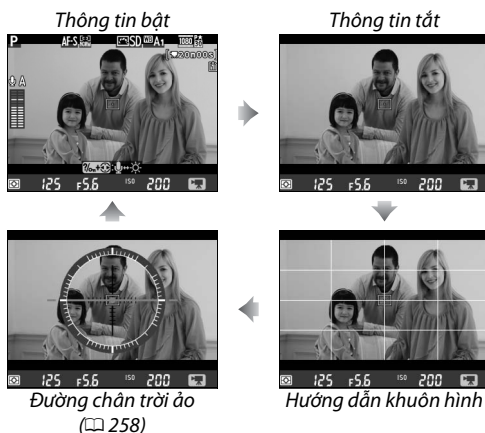
2 Điều chỉnh cài đặt được làm nổi bật.

Bấm giữ nút **WB** (WB), bấm ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh cài đặt được làm nổi bật.



Hiển Thị Thông Tin: Xem Trực Tiếp Phim

Để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trong màn hình trong khi xem trực tiếp phim, nhấn nút **info**.



Vùng Hình Ảnh

Bất kể tùy chọn nào được chọn **Image area** (Vùng hình ảnh) trong menu chụp (☐ 89), tất cả các phim và hình ảnh được ghi lại trong chế độ xem trực tiếp phim (☐ 57) có tỉ lệ khung hình là 16: 9. Ảnh được chụp với **On** (Bật) được chọn cho **Image area** (Vùng hình ảnh) > **Auto DX crop** (Xén DX tự động) và thấu kính DX được gắn vào sử dụng định dạng phim DX, như ảnh được chụp với **DX (24×16) 1.5×** được chọn cho **Image area** (Vùng hình ảnh) > **Choose image area** (Chọn vùng hình ảnh). Định dạng phim dựa trên FX được sử dụng khi **FX (36 × 24) 1.0 ×** được chọn. Biểu tượng  được hiển thị khi định dạng phim dựa trên DX được chọn.



 **Ảnh Chụp Trong Chế Độ Xem Trực Tiếp Phim**

Bảng sau đây cho thấy kích thước của ảnh chụp trong chế độ xem trực tiếp phim:

Image area (Vùng hình ảnh)	Tùy chọn	Kích cỡ (điểm ảnh)	Cỡ in (cm) *
Định dạng FX (35,5 × 20,0 mm)	Lớn	6.016 × 3.376	50,9 × 28,6
	Vừa	4.512 × 2.528	38,2 × 21,4
	Nhỏ	3.008 × 1.688	25,5 × 14,3
Định dạng DX (23,5 × 13,2 mm)	Lớn	3.936 × 2.224	33,3 × 18,8
	Vừa	2.944 × 1.664	24,9 × 14,1
	Nhỏ	1.968 × 1.112	16,7 × 9,4

* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in theo đơn vị inch bằng với cỡ hình ảnh theo đơn vị điểm ảnh được phân chia bằng độ phân giải máy in ở điểm mỗi inch (dpi; 1 inch = khoảng 2,54 cm).

Chất lượng hình ảnh được xác định bởi tùy chọn cho **Image quality** (Chất lượng hình ảnh) trong menu chụp (☐ 93).

HDMI

Nếu máy ảnh được kết nối với thiết bị HDMI (□ 204), giao diện xem qua thấu kính sẽ xuất hiện ở cả màn hình máy ảnh và trên thiết bị HDMI. Các chỉ báo xuất hiện trên thiết bị HDMI trong quá trình ghi phim được hiện ra bên phải. Màn hình máy ảnh không hiển thị mức âm thanh hoặc đường chân trời ảo; các chỉ báo trong màn hình và trên thiết bị HDMI không thể được ẩn hoặc hiển thị bằng cách sử dụng nút .

Để sử dụng chế độ xem trực tiếp khi máy ảnh được kết nối với thiết bị HDMI - CEC, chọn **Off** (Tắt) cho **HDMI > Device control** (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt (□ 205).



Dây Chụp Từ Xa

Nếu **Record movies** (Ghi phim) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Assign shutter button** (Gán nút chụp), □ 248), nút nhả cửa trập trên dây chụp từ xa MC-DC2 (□ 298) có thể được dùng để khởi động xem trực tiếp phim và bắt đầu và kết thúc ghi phim.

Ghi Phim

Nhấp nháy, tạo dải hoặc biến dạng có thể dễ nhìn thấy trên màn hình và trong phim cuối cùng dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri hoặc nếu máy ảnh được lướt ngang hay đối tượng di chuyển với tốc độ cao qua khuôn hình (để biết thông tin về giảm nhấp nháy và tạo dải, xem **Flicker reduction** (Giảm nhấp nháy), □ 252). Cảnh lờm chờm, viền màu, nhòe, và điểm sáng chói cũng có thể xuất hiện. Các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng của khuôn hình với các dấu nháy và các nguồn sáng đứt đoạn khác hoặc nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng khác. Khi ghi phim, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh. Lưu ý rằng tiếng ồn (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) và màu sắc bất ngờ có thể xuất hiện nếu bạn phóng to trên màn hình qua thấu kính (□ 55) trong chế độ xem trực tiếp phim.

Không thể sử dụng chiếu sáng đèn nháy trong xem trực tiếp phim.

Việc ghi tự động kết thúc nếu thấu kính được lấy ra, đĩa lệnh chế độ được xoay, hoặc chế độ nhà điều khiển từ xa được chọn.

Chế độ xem trực tiếp có thể kết thúc tự động để tránh làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh. Lưu ý nhiệt độ của các mạch bên trong của máy ảnh có thể tăng và nhiễu (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các trường hợp sau đây (máy ảnh bị ấm lên đáng kể, nhưng đây không phải là sự cố):

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Máy ảnh được sử dụng trong thời gian dài ở chế độ xem trực tiếp hoặc để quay phim
- Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài

Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn nhấn nút , hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại.

Cài Đặt Phim

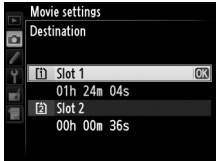
Sử dụng tùy chọn **Movie settings** (Cài đặt phim) trong menu chụp để điều chỉnh các cài đặt sau.

- **Frame size/frame rate** (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình), **Movie quality** (Chất lượng phim): Chọn từ các tùy chọn sau đây:

Frame size/frame rate (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình)		Movie quality (Chất lượng phim)	Độ dài tối đa (★ chất lượng cao/ Bình thường)
Cỡ khuôn hình (điểm ảnh)	Tốc độ khuôn hình*	Tốc độ bit tối đa (Mbps) (★ chất lượng cao/Bình thường)	
 1920 × 1080	30p	24/12	20 phút/ 29 phút 59 giây
 1920 × 1080	25p		
 1920 × 1080	24p		
 1280 × 720	60p		
 1280 × 720	50p		
 1280 × 720	30p	12/ 8	29 phút 59 giây/ 29 phút 59 giây
 1280 × 720	25p		

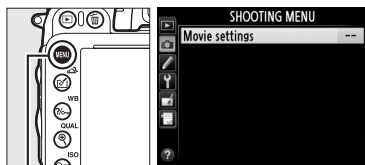
* Giá trị niêm yết. Tốc độ khuôn hình thực tế cho 60p, 50p, 30p, 25p và 24p tương ứng là 59,94, 50, 29,97, 25 và 23,976 fps.

- **Microphone** (Micro): Bật hoặc tắt micrô stereo ME-1 gắn sẵn hoặc tùy chọn hoặc điều chỉnh độ nhạy micrô. Chọn **Auto sensitivity** (Độ nhạy tự động) để điều chỉnh độ nhạy tự động, **Microphone off** (Tắt micrô) để tắt ghi âm; để chọn độ nhạy micrô bằng tay, chọn **Manual sensitivity** (Độ nhạy bằng tay) và chọn độ nhạy.
- **Destination** (Đích đến): Chọn khe để ghi phim. Menu cho biết thời gian còn lại trên mỗi thẻ; việc ghi tự động kết thúc khi không còn thời gian.



1 Chọn **Movie settings** (Cài đặt phim).

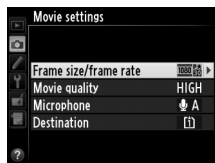
Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Movie settings** (Cài đặt phim) trong menu chụp và nhấn ►.



Nút MENU

2 Chọn tùy chọn phim.

Làm nổi bật mục mong muốn và nhấn ►, sau đó làm nổi bật một tùy chọn và nhấn OK.

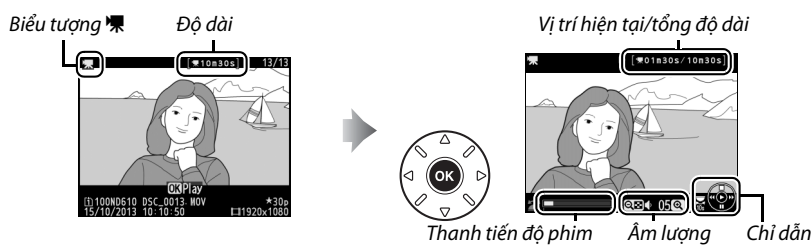


✓ **Cỡ Khuôn Hình và Tốc/Tốc Độ Khuôn Hình**

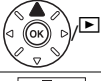
Kích cỡ khuôn hình và tốc độ khuôn hình ảnh hưởng đến sự phân bố và số lượng của độ nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc các điểm sáng).

Xem Phim

Phim được chỉ định bởi một biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đầy (177). Nhấn  để bắt đầu phát lại.



Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Để	Sử dụng	Mô tả
Tạm dừng		Tạm dừng phát lại.
Phát		Tiếp tục phát lại khi phim bị tạm dừng hoặc trong quá trình tua lại/tua đi.
Tua lại/tua đi		Tốc độ tăng lên mỗi khi nhấn, từ 2× đến 4× đến 8× đến 16×; nhấn liên tục để bỏ qua đến phần bắt đầu hoặc kết thúc phim (khuôn hình đầu tiên được thể hiện bằng  ở góc trên bên phải màn hình, khuôn hình cuối cùng được thể hiện bằng ). Nếu phát lại bị tạm dừng, tua lại hoặc tua đi phim từng khuôn hình một; giữ nhấn để tua đi hoặc tua lại liên tục.
Bỏ qua 10 giây		Xoay đĩa lệnh chính để bỏ qua trước hoặc sau 10 giây.
Nhảy về trước/sau		Sử dụng đĩa lệnh phụ để bỏ qua tới chỉ mục tiếp theo hoặc trước đó, hoặc bỏ qua khuôn hình cuối cùng hoặc đầu tiên nếu phim không có các chỉ mục.
Chỉnh âm lượng	 (QUAL)/  (ISO)	Nhấn  để tăng âm lượng,  để giảm.
Xén phim		Xem trang 69 để biết thêm thông tin.
Thoát		Thoát phát lại khuôn hình đầy.
Trở về chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để thoát chế độ chụp.

Biểu Tượng

Phim có chỉ mục (□ 60) được chỉ định bởi biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đầy.



Biểu Tượng

 được hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy và phát lại phim nếu phim được ghi mà không có âm thanh.



Chỉnh Sửa Phim

Xén cảnh phim để tạo ra các bản sao chỉnh sửa phim hoặc lưu khuôn hình ở dạng ảnh tĩnh JPEG.

Tùy chọn	Mô tả
 Choose start/end point (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc)	Tạo bản sao từ chỗ cảnh quay mở đầu hoặc kết thúc đã được gỡ bỏ.
 Save selected frame (Lưu khuôn hình đã chọn)	Lưu khuôn hình đã chọn thành JPEG tĩnh.

Cắt Xén Phim

Để tạo bản sao cắt xén của phim:

1 Hiện thị khuôn hình phim đầy.

Nhấn nút  để hiển thị ảnh đầy khuôn hình trong màn hình và nhấn ◀ và ▶ để cuộn qua các ảnh cho đến khi tới phim bạn muốn chỉnh sửa được hiển thị.



Nút 

2 Chọn điểm bắt đầu hoặc điểm kết thúc.

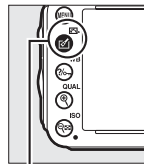
Phát lại phim như mô tả trên trang 67, nhấn OK để bắt đầu và tiếp tục phát lại và ▼ để tạm dừng và nhấn phím ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đĩa lệnh phụ hoặc chính để xác định vị trí khuôn hình mong muốn (trang 67). Vị trí tương đối của bạn trong phim có thể được xác định chắc chắn từ thanh tiến độ phim.



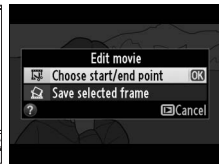
Thanh tiến độ phim

3 Hiện thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.

Nhấn nút  (F3) để hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.

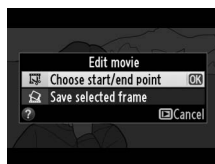


Nút  (F3)

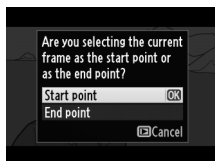


4 Chọn Choose start/end point (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc).

Làm nổi bật **Choose start/end point** (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc) và nhấn **OK**.

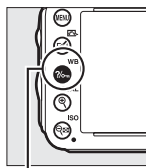


Hội thoại hiện ra bên phải sẽ được hiển thị; chọn khuôn hình hiện tại sẽ là điểm bắt đầu hay kết thúc của bản sao và nhấn **OK**.



5 Xóa khuôn hình.

Nếu khuôn hình mong muốn hiện tại không hiển thị, bấm **◀** hoặc **▶** để tiến hoặc lùi (để bỏ qua 10 giây trước hoặc sau, xoay đĩa lệnh chính; bỏ qua đến một chỉ mục, hoặc tới khuôn hình đầu tiên hoặc cuối nếu phim không có chỉ mục, xoay đĩa lệnh phụ). Để chuyển đổi lựa chọn hiện tại từ điểm bắt đầu (**▀**) đến điểm kết thúc (**▁**) hoặc ngược lại, nhấn **↔** (**WB**).



Nút **↔** (**WB**)



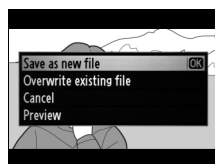
Một khi bạn đã chọn điểm bắt đầu và/hoặc kết thúc, nhấn **▲**. Tất cả các khuôn hình trước điểm bắt đầu được chọn và sau điểm kết thúc được chọn sẽ được loại bỏ khỏi bản sao.



6 Lưu bản sao.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn **OK**:

- **Save as new file** (Lưu dưới dạng tập tin mới): Lưu bản sao thành tập tin mới.
- **Overwrite existing file** (Ghi đè tập tin hiện có): Thay thế tập tin phim gốc bằng bản sao đã chỉnh sửa.
- **Cancel** (Hủy): Trở lại Bước 5.
- **Preview** (Xem trước): Xem trước bản sao.



Bản sao chỉnh sửa được biểu thị bằng biểu tượng **🔄** trong phát lại khuôn hình đầy.

Cắt Xén Phim

Phim phải dài ít nhất hai giây. Nếu bản sao không thể được tạo ra tại vị trí phát lại hiện tại, vị trí hiện tại sẽ được hiển thị bằng màu đỏ ở Bước 5 và không có bản sao nào sẽ được tạo ra. Bản sao sẽ không được lưu nếu không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ.

Bản sao có cùng ngày giờ tạo với bản gốc.

Menu Sửa Lại

Cũng có thể chỉnh sửa phim bằng cách sử dụng tùy chọn **Edit movie** (Chỉnh sửa phim) trong menu sửa lại ( 261).



Lưu Khuôn Hình Đã Chọn

Để lưu bản sao khuôn hình đã chọn thành JPEG tĩnh:

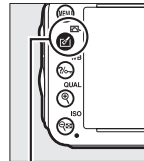
1 Xem phim và chọn khuôn hình.

Phát lại phim như được mô tả trên trang 67; vị trí tương đối của bạn trong phim có thể được xác định chắc chắn từ thanh tiến độ phim. Bấm ◀ hoặc ▶ để tua lại hoặc tua đi và bấm ▼ để tạm dừng phim tại khuôn hình bạn có ý định sao chép.



2 Hiện thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.

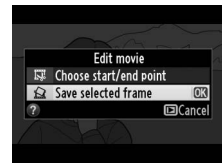
Nhấn nút (⏮) để hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.



Nút (⏮)

3 Chọn Save selected frame (Lưu khuôn hình đã chọn).

Làm nổi bật **Save selected frame** (Lưu khuôn hình đã chọn) và nhấn .



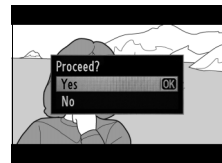
4 Tạo bản sao tĩnh.

Nhấn ▲ để tạo bản sao tĩnh của khuôn hình hiện tại.



5 Lưu bản sao.

Làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn để tạo bản sao JPEG chất lượng cao (□ 93) của khuôn hình được chọn. Phim tĩnh được chỉ định bởi biểu tượng trong phát lại khuôn hình đây.



Lưu Khuôn Hình Đã Chọn

Phim JPEG tĩnh được tạo với tùy chọn **Save selected frame** (Lưu khuôn hình đã chọn) không thể sửa lại được. Phim JPEG tĩnh thiếu một số loại thông tin ảnh (□ 179).

Các Chế Độ P, S, A, và M

Các chế độ **P**, **S**, **A** và **M** đưa ra mức độ kiểm soát khác nhau đối với tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.



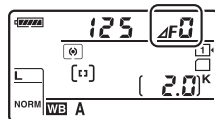
Loại Thấu Kính

Khi sử dụng thấu kính CPU được trang bị một vòng độ mở ống kính (□ 287), khóa vòng độ mở ống kính ở độ mở ống kính tối thiểu (số f là cao nhất). Loại thấu kính G và E không được trang bị với vòng độ mở ống kính.

Thấu kính không CPU chỉ có thể được dùng trong các chế độ **A** (tự động ưu tiên độ mở ống kính) và **M** (bằng tay), khi độ mở ống kính chỉ được điều chỉnh bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính. Khi chọn bất kỳ chế độ khác sẽ tắt chức năng nhả cửa trập.

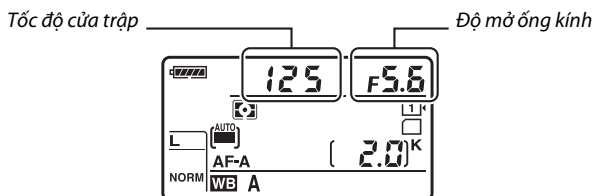
Thấu Kính Không CPU (□ 285)

Sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính. Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính đã được xác định bằng cách sử dụng mục **Non-CPU lens data** (Dữ liệu thấu kính không CPU) trong menu cài đặt (□ 172) khi thấu kính không CPU được gắn, thì số f hiện tại sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển, được làm tròn đến chấm gần nhất. Nếu không, bảng hiển thị độ mở ống kính sẽ chỉ hiện số điểm dừng (**1/F**), với độ mở ống kính tối đa được hiển thị là **1/F0**, và phải đọc số f từ vòng mở thấu kính.

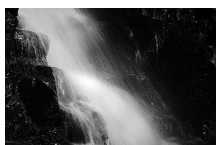


Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

Hai trong số các yếu tố chính yếu trong việc xác định phơi sáng là tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Bằng cách làm chậm tốc độ cửa trập trong khi tăng độ mở ống kính, hoặc tăng tốc độ cửa trập trong khi giảm độ mở ống kính, bạn có thể đạt được hiệu ứng khác nhau trong khi vẫn giữ được phơi sáng nhất quán. Tốc độ cửa trập nhanh và độ mở ống kính lớn sẽ đóng băng các vật thể chuyển động và làm mềm các chi tiết nền, trong khi tốc độ cửa trập chậm và độ mở ống kính nhỏ sẽ che mờ các vật thể chuyển động và làm nổi bật các chi tiết nền.



Tốc độ cửa trập nhanh
($1/1.600$ giây)



Tốc độ cửa trập chậm
($1/6$ giây)



Độ mở ống kính lớn
(f/5.6)



Độ mở ống kính nhỏ
(f/22)

(Hãy nhớ rằng, số f càng cao thì độ mở ống kính càng nhỏ.)

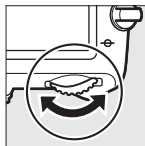
P: Tự động được lập trình

Ở chế độ này, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh tốc độ cửa trập và độ mở ống kính theo chương trình tích hợp để đảm bảo phơi sáng tối ưu trong hầu hết các trường hợp. Chế độ này được khuyến nghị dùng cho ảnh chụp nhanh và các tình huống khác mà bạn muốn để máy ảnh sạc ở tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.

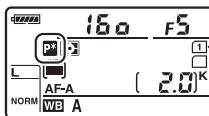
PS
AM

Chương Trình Linh Động

Ở chế độ **P**, có thể chọn các kết hợp tốc độ cửa trập và độ mở ống kính khác nhau bằng cách xoay đĩa lệnh chính khi đo phơi sáng được bật (“chương trình linh động”). Xoay đĩa lệnh về bên phải để lấy độ mở ống kính lớn (số f thấp) sẽ làm che mờ các chi tiết nền, hoặc tốc độ cửa trập nhanh sẽ “đóng băng” chuyển động. Xoay đĩa lệnh sang bên trái để lấy độ mở ống kính nhỏ (số f cao) để tăng độ sâu của trường, hoặc tốc độ cửa trập chậm sẽ làm che mờ chuyển động. Tất cả các kết hợp đều tạo ra độ phơi sáng giống nhau. Khi bật chương trình linh động, chỉ báo  sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển. Để khôi phục lại cài đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính mặc định, xoay đĩa lệnh đến khi không hiển thị chỉ báo, chọn chế độ khác hoặc tắt máy ảnh.



Đĩa lệnh chính



Xem Thêm

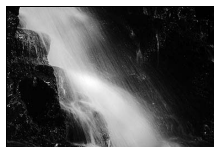
Xem trang 315 để biết thêm thông tin về chương trình phơi sáng tích hợp. Để biết thông tin về bật đo phơi sáng, xem “Hẹn Giờ Chờ” trong trang 39.

S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập

Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập, bạn chọn tốc độ cửa trập và máy ảnh sẽ tự động chọn độ mở ống kính để tạo ra phơi sáng tối ưu. Sử dụng tốc độ cửa trập chậm để gọi chuyển động bằng cách làm mờ các đối tượng chuyển động, tốc độ cửa trập nhanh để “đóng băng” chuyển động.



Tốc độ cửa trập nhanh ($1/1.600$ giây)

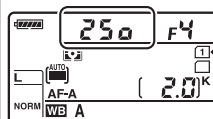


Tốc độ cửa trập chậm ($1/6$ giây)

Để chọn tốc độ cửa trập, xoay đĩa lệnh chính trong khi đo phơi sáng được bật. Có thể đặt tốc độ cửa trập sang “x 250” hoặc các giá trị giữa 30 giây và $1/4.000$ giây.



Đĩa lệnh chính



Xem Thêm

Xem trang 323 để biết thông tin phải làm gì nếu xuất hiện chỉ báo nhấp nháy “bu l b” hoặc “-” trên màn hình hiển thị tốc độ cửa trập.

A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính

Trong chế độ tự động ưu tiên độ mở ống kính, chọn độ mở ống kính trong khi máy ảnh tự động chọn tốc độ cửa trập để cho độ phơi sáng tối ưu. Độ mở ống kính lớn (số f thấp) tăng phạm vi đèn nháy (☐ 147) và làm giảm độ sâu của trường, làm mờ các đối tượng phía sau và phía trước của đối tượng chính. Độ mở ống kính nhỏ (số f cao) làm tăng độ sâu của trường, làm rõ các chi tiết nền sau và nền trước. Độ sâu của trường ngắn thường được dùng trong dạng chân dung để che mờ các chi tiết nền, độ sâu của trường dài thường được dùng trong ảnh phong cảnh để lấy nét nền trước và nền sau.

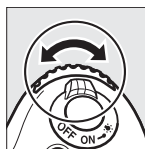


Độ mở ống kính lớn (f/5.6)

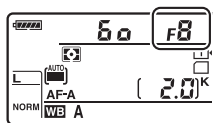


Độ mở ống kính nhỏ (f/22)

Để chọn độ mở ống kính giữa giá trị tối thiểu và tối đa cho thấu kính, xoay đĩa lệnh phụ trong khi đo phơi sáng được bật.



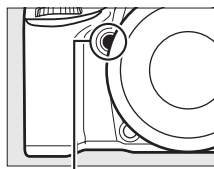
Đĩa lệnh phụ



PS
AM

Xem Trước Độ Sâu Của Trường

Để xem trước hiệu ứng của độ mở ống kính, nhấn và giữ nút xem trước độ sâu của trường. Thấu kính sẽ dừng lại ở giá trị độ mở ống kính mà máy ảnh lựa chọn (chế độ **P** và **S**) hoặc giá trị do người dùng chọn (chế độ **A** và **M**), cho phép xem trước độ sâu của trường trong kính ngắm.



Nút xem trước độ sâu của trường

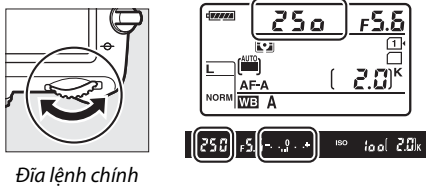
Cài Đặt Tùy Chọn e5—Modeling Flash (Đèn Nháy Tạo Mô Hình)

Cài đặt này điều khiển đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn như SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, và SB-600 (☐ 293) sẽ tạo ra đèn nháy tạo mô hình khi nhấn nút xem trước độ sâu của trường. Xem trang 241 để biết thêm thông tin.

M: Bảng tay

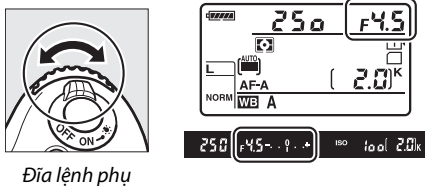
Trong chế độ phơi sáng bằng tay, bạn điều khiển cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Khi đo phơi sáng được bật, xoay đĩa lệnh chính để chọn tốc độ cửa trập, và đĩa lệnh phụ để chọn độ mở ống kính. Có thể đặt tốc độ cửa trập là “x 200” hoặc các giá trị trong khoảng 30 giây và 1/4.000 giây, hoặc có thể để cửa trập mở vô thời hạn khi phơi sáng thời gian dài (bulb, 79). Có thể đặt độ mở ống kính trong khoảng giá trị tối thiểu đến tối đa cho thấu kính. Sử dụng chỉ báo phơi sáng để kiểm tra phơi sáng.

Tốc độ cửa trập



Đĩa lệnh chính

Độ mở ống kính



Đĩa lệnh phụ



Thấu Kính AF Micro NIKKOR

Nếu sử dụng đo phơi sáng bên ngoài, chỉ tính tới tỉ lệ phơi sáng khi vòng mở thấu kính được sử dụng để cài đặt độ mở ống kính.

Chỉ Báo Phơi Sáng

Nếu chọn tốc độ cửa trập khác ngoài “bulb” (bóng đèn) hoặc “time” (thời gian), chỉ báo phơi sáng trên kính ngắm cho thấy bức ảnh thiếu phơi sáng hoặc thừa phơi sáng ở cài đặt hiện tại. Tùy thuộc vào tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**EV steps for exposure cntl** (Các bước EV để điều khiển phơi sáng), 224), mức độ thừa phơi sáng hoặc thiếu phơi sáng sẽ được thể hiện ở giá số 1/3 EV hoặc 1/2 EV (hình minh họa dưới đây cho thấy màn hình hiển thị trong kính ngắm khi chọn **1/3 step** (1/3 bước) cho Cài Đặt Tùy Chọn b2). Nếu vượt quá giới hạn của đo phơi sáng, màn hình hiển thị sẽ nhấp nháy.

Phơi sáng tối ưu	Thiếu phơi sáng khoảng 1/3 EV	Phơi sáng quá mức hơn 2 EV
- . 0 . . +	- . 0 . . +	- . 0 +

Xem Thêm

Để biết thông tin về đảo ngược các chỉ báo phơi sáng để các giá trị âm được hiển thị ở bên phải và các giá trị dương ở bên trái, xem Cài Đặt Tùy Chọn f8 (**Reverse indicators** (Đảo ngược chỉ báo), 246).

■ Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chế Độ M)

Chọn các tốc độ cửa trập sau cho phơi sáng thời gian dài của ánh sáng di chuyển, các ngôi sao, phong cảnh ban đêm, hoặc pháo hoa.

- **Bóng đèn (b, L, b):** Cửa trập vẫn mở trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Để tránh che mờ, hãy dùng giá ba chân hoặc dây chụp từ xa MC-DC2 tùy chọn (□ 298).
- **Thời gian (- -):** Cần một điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (□ 298). Bắt đầu phơi sáng bằng cách nhấn nút nhả cửa trập ML-L3. Cửa trập mở trong ba mươi phút hoặc cho tới khi nhấn nút lần thứ hai.



Thời gian phơi sáng: 35 giây
Độ mở ống kính: f/25

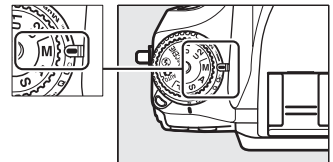
1 Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh.

Gắn máy ảnh trên giá ba chân hoặc đặt trên một mặt phẳng, ổn định. Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm khỏi gây nhiễu phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đậy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp (□ 86). Để tránh mất nguồn trước khi hoàn tất phơi sáng, sử dụng pin EN-EL15 đã sạc đầy hoặc bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B. Lưu ý rằng nhiễu (các điểm sáng, điểm ảnh sáng ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong phơi sáng lâu; trước khi chụp, chọn **On** (Bật) cho **Long exposure NR** (Phơi sáng lâu NR) trong menu chụp (□ 218).

PS
AM

2 Xoay đĩa lệnh chế độ sang M.

Đĩa lệnh chế độ

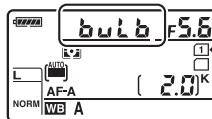


3 Chọn tốc độ cửa trập.

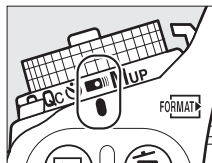
Khi đo phơi sáng được bật, xoay đĩa lệnh chính để chọn tốc độ cửa trập **bulb**.



Đĩa lệnh chính



Đối với tốc độ cửa trập của “time” (- -), chọn chế độ nhà điều khiển từ xa (□ 85) sau khi chọn tốc độ cửa trập.



4 Mở cửa trập.

Bóng đèn: Sau khi lấy nét, nhấn nút nhả cửa trập ở máy ảnh hoặc dây chụp từ xa tùy chọn theo cách tương tự. Giữ nút nhả cửa trập cho tới khi kết thúc phơi sáng.

Thời gian: Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập ML-L3.

5 Đóng cửa trập.

Bóng đèn: Nhả tay nút nhả cửa trập.

Thời gian: Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập ML-L3. Việc chụp tự động kết thúc sau ba mươi phút.



Cài Đặt Người Dùng: Chế Độ U1 và U2

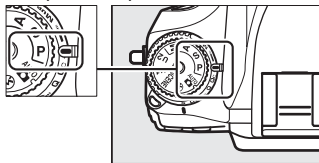
Chỉ định các cài đặt thường sử dụng cho vị trí **U1** và **U2** trên đĩa lệnh chế độ.

Lưu Cài Đặt Người Dùng

1 Chọn một chế độ.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang chế độ mong muốn.

Đĩa lệnh chế độ

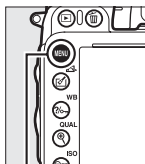


2 Điều chỉnh cài đặt.

Thực hiện điều chỉnh mong muốn với chương trình linh hoạt (chế độ **P**), tốc độ cửa trập (chế độ **S** và **M**), độ mở ống kính (chế độ **A** và **M**), phơi sáng và bù đèn nháy, chế độ đèn nháy, điểm lấy nét, đo sáng, lấy nét tự động và chế độ vùng lấy nét tự động, bù đèn nháy và cài đặt trong chụp (□ 214) và menu Cài Đặt Tùy Chọn (□ 219) (lưu ý rằng máy ảnh sẽ không lưu các tùy chọn được chọn cho **Storage folder** (Thư mục lưu trữ), **File naming** (Đặt tên tập tin), **Image area** (Vùng hình ảnh), **Manage Picture Control** (Quản Lý Picture Control), **Multiple exposure** (Đa phơi sáng), hoặc **Interval timer shooting** (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)).

3 Chọn Save user settings (Lưu cài đặt người dùng).

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Save user settings** (Lưu cài đặt người dùng) trong menu chụp và nhấn ►.

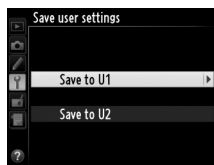


Nút MENU



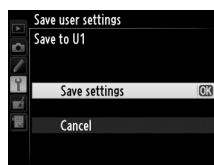
4 Chọn Save to U1 (Lưu sang U1) hoặc Save to U2 (Lưu sang U2).

Làm nổi bật **Save to U1** (Lưu sang U1) hoặc **Save to U2** (Lưu sang U2) và bấm ►.



5 Lưu cài đặt người dùng.

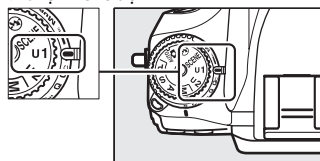
Làm nổi bật **Save settings** (Lưu cài đặt) và nhấn **OK** để chỉ định các cài đặt lựa chọn trong Bước 1 và 2 cho vị trí đĩa lệnh chế độ được chọn ở Bước 4.



Gọi Lại Cài Đặt Người Dùng

Đơn giản chỉ cần xoay đĩa lệnh chế độ sang **U1** để gọi lại cài đặt chỉ định cho **Save to U1** (Lưu sang U1), hoặc **U2** để gọi lại cài đặt chỉ định cho **Save to U2** (Lưu sang U2).

Đĩa lệnh chế độ

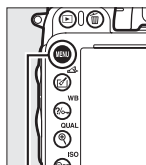


Cài Đặt Lại Cài Đặt Người Dùng

Để thiết lập lại các cài đặt cho **U1** hoặc **U2** về giá trị mặc định :

1 Chọn Reset user settings (Cài đặt lại cài đặt người dùng).

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Reset user settings** (Cài đặt lại cài đặt người dùng) trong menu chụp và nhấn **►**.

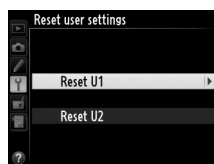


Nút MENU



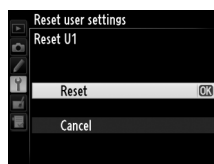
2 Chọn Reset U1 (Đặt lại U1) hoặc Reset U2 (Đặt lại U2).

Làm nổi bật **Reset U1** (Đặt lại U1) hoặc **Reset U2** (Đặt lại U2) và nhấn **►**.



3 Cài đặt lại cài đặt người dùng.

Làm nổi bật **Reset** (Cài đặt lại) và nhấn **OK**.

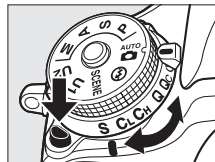




Chế Độ Nhả

Chọn Chế Độ Nhả

Để chọn chế độ nhả, nhấn nhả khóa đĩa lệnh chế độ và xoay đĩa lệnh chế độ nhả tới cài đặt mong muốn.



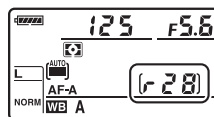
Chế độ	Mô tả
S	Khuôn hình đơn: Máy ảnh chụp một ảnh mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.
CL	Tốc độ thấp liên tục: Trong khi nút nhả cửa trập được giữ, máy ảnh ghi 1-5 khuôn hình trên một giấy. ¹ Có thể chọn tốc độ khuôn hình bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn d5 (CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế độ CL), □ 229). Lưu ý rằng chỉ có một ảnh được chụp nếu đèn nháy bật.
CH	Tốc độ cao liên tục: Trong khi nút nhả cửa trập được giữ, máy ảnh ghi lên đến 6 khuôn hình trên một giấy. ² Lưu ý rằng chỉ có một ảnh được chụp nếu đèn nháy bật.
Q	Nhả cửa trập tĩnh lặng: Với khuôn hình đơn, ngoại trừ gương không khớp trở lại vào vị trí trong khi nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập, cho phép người dùng kiểm soát thời gian khớp vào của gương, tĩnh lặng hơn so với trong chế độ khuôn hình đơn. Ngoài ra, tiếng bíp không bật bất kể cài đặt lựa chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d1 như thế nào (Beep (Bíp); □ 228).
Qc	Nhả cửa trập Qc (tĩnh lặng liên tục): Trong khi nút nhả cửa trập được giữ, máy ảnh ghi lên đến 3 khung hình mỗi giây. ² Tiếng ồn máy ảnh sẽ được giảm.
	Tự định giờ: Sử dụng tự hẹn giờ để chụp chân dung hoặc để giảm mờ do máy ảnh rung (□ 85).
	Điều khiển từ xa: Cửa trập được điều khiển bằng cách sử dụng nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (□ 85).
MUP	Gương nâng lên: Chọn chế độ này để giảm lắc máy ảnh ở chụp ảnh xa hoặc chụp cận cảnh hoặc trong các tình huống khác mà chỉ chuyển động nhỏ nhất của máy ảnh cũng khiến ảnh bị mờ.

- 1 Tốc độ khuôn hình trung bình với pin EN-EL15, lấy nét tự động phần phụ liên tục, phơi sáng tự động ưu tiên cửa trập hoặc bằng tay, tốc độ cửa trập $1/200$ giây hoặc nhanh hơn, các cài đặt còn lại khác với Cài Đặt Tùy Chọn d5 ở các giá trị mặc định và bộ nhớ còn lại trong bộ nhớ đệm.
- 2 Tốc độ khuôn hình trung bình với pin EN-EL15, lấy nét tự động phần phụ liên tục, phơi sáng tự động ưu tiên cửa trập hoặc bằng tay, tốc độ cửa trập $1/200$ giây hoặc nhanh hơn, các cài đặt khác ở giá trị mặc định và bộ nhớ còn lại trong bộ nhớ đệm.

Tốc độ khuôn hình giảm ở tốc độ cửa trập chậm hoặc độ mở ống kính rất nhỏ (số f cao), khi chống rung (có sẵn với ống kính VR) hoặc điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật (□ 105, 107), hoặc khi pin yếu.

Bộ Nhớ Đệm

Máy ảnh được trang bị bộ nhớ đệm để lưu trữ tạm thời, cho phép tiếp tục chụp trong khi ảnh được lưu vào thẻ nhớ. Có thể chụp liên tiếp 100 bức ảnh; tuy nhiên lưu ý rằng tốc độ khuôn hình sẽ giảm khi bộ nhớ đệm đầy (r00). Số gần đúng của hình ảnh có thể được lưu vào trong bộ nhớ đệm ở các cài đặt hiện hành được thể hiện trong hiển thị đếm phơi sáng trong kính ngắm và bảng điều khiển trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Minh họa ở bên phải thể hiện màn hình hiển thị khi không gian còn lại trong bộ đệm còn đủ cho khoảng 28 ảnh.



Trong khi ảnh được ghi vào thẻ nhớ, đèn tiếp cận bên cạnh khe thẻ nhớ sẽ sáng. Tùy thuộc vào điều kiện chụp và hiệu suất thẻ nhớ, việc ghi có thể mất từ vài giây đến một vài phút. *Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi đèn tiếp cận tắt.* Nếu tắt máy ảnh trong khi dữ liệu vẫn còn trong bộ đệm, nguồn sẽ không tắt cho đến khi tất cả các hình ảnh trong bộ đệm được ghi lại. Nếu pin cạn kiệt trong khi ảnh vẫn còn trong bộ đệm, nhà cửa trập bị vô hiệu hóa và ảnh sẽ được chuyển vào thẻ nhớ.

Xem Trực Tiếp

Nếu chế độ nhả liên tục được sử dụng trong chụp ảnh xem trực tiếp (□ 49) hoặc xem trực tiếp phim (□ 57), hình ảnh được hiển thị ở vị trí của màn hình qua thấu kính trong khi nút nhả cửa trập được nhấn.

Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về việc chọn số lượng tối đa ảnh có thể được chụp trong một lần chụp liên tục, xem Cài Đặt Tùy Chọn d6 (**Max. continuous release** (Ảnh tối đa khi nhả liên tục), □ 230). Để có thông tin về số lượng ảnh có thể chụp được trong một lần chụp liên tục, xem trang 335.

Chế Độ Tự Hẹn Giờ và Chế Độ Điều Khiển Từ Xa

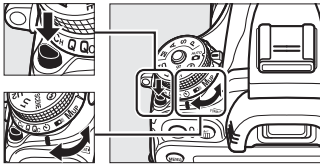
Tự hẹn giờ và điều khiển từ xa ML-L3 (☐ 298) có thể được sử dụng để giảm lắc máy ảnh hoặc để tự chụp chân dung.

1 Gắn máy ảnh vào giá ba chân.

Gắn máy ảnh vào giá ba chân hoặc đặt máy ảnh lên bề mặt ổn định, bằng phẳng.

2 Chọn chế độ nhả.

Nhấn nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả và xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang chế độ  (tự hẹn giờ) hoặc  (điều khiển từ xa).



Đĩa lệnh chế độ nhả

Trong chế độ điều khiển từ xa, có thể chọn thời điểm cửa trập bằng cách sử dụng tùy chọn **Remote control mode** (Chế độ điều khiển từ xa) trong menu chụp. Sau khi nhấn nút **MENU** để hiển thị các menu, làm nổi bật **Remote control mode** (Chế độ điều khiển từ xa) trong menu chụp và nhấn  để hiển thị các tùy chọn sau đây. Nhấn nút chọn lên hoặc xuống để làm nổi bật một tùy chọn sau đó nhấn .



Nút MENU

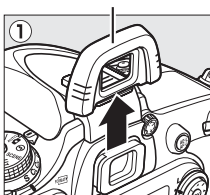
Tùy chọn	Mô tả
 2s Delayed remote (Điều khiển từ xa chụp chậm)	Cửa trập được nhả sau 2 giây sau khi nút nhả cửa trập ML-L3 được nhấn.
 Quick-response remote (Chế độ từ xa phản ứng nhanh)	Cửa trập được nhả khi nút nhả cửa trập ML-L3 được nhấn.
 Mup Remote mirror-up (Gương nâng lên từ xa)	Nhấn nút nhả cửa trập ML-L3 một lần để nâng gương, nhấn lần nữa để nhả cửa trập và chụp ảnh. Tránh bị mờ gây ra do máy ảnh di chuyển khi gương nâng lên.

3 Tạo Khuôn Hình Bức Ảnh.

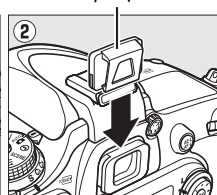
Đặt Kính Ngắm

Khi chụp ảnh mà không để mắt vào kính ngắm, tháo hốc mắt cao su DK-21 (①) ra và lắp nắp thị kính DK-5 vào như minh họa (②). Điều này sẽ không cho ánh sáng đi qua kính ngắm làm ảnh hưởng đến phơi sáng. Giữ chắc máy ảnh khi tháo hốc mắt cao su.

Hốc mắt cao su DK-21



Nắp thị kính DK-5

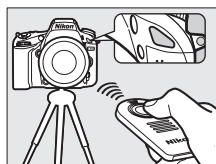


4 Chụp ảnh.

Chế độ tự hẹn giờ: Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét, và sau đó nhấn nút hết cỡ để bắt đầu tự hẹn giờ (lưu ý các bộ đếm thời gian sẽ không bắt đầu nếu máy ảnh không thể lấy nét hoặc trong các tình huống khác mà cửa trập không nhả được). Đèn hẹn giờ sẽ bắt đầu nhấp nháy. Hai giây trước khi bức ảnh được chụp, đèn hẹn giờ sẽ ngừng nhấp nháy. Cửa trập sẽ được nhả mười giây sau khi bộ đếm thời gian bắt đầu.



Chế độ điều khiển từ xa: Từ khoảng cách 5 m hoặc gần hơn, hướng bộ phát trên ML-L3 vào các bộ nhận hồng ngoại trên máy ảnh (□ 2, 4) và nhấn nút nhả cửa trập ML-L3. *Trong chế độ điều khiển từ xa chụp chậm*, đèn hẹn giờ sẽ sáng trong khoảng hai giây trước khi cửa trập nhả. *Trong chế độ từ xa phản ứng nhanh*, đèn hẹn giờ sẽ nhấp nháy sau khi cửa trập được nhả. *Trong chế độ gương nâng lên từ xa*, nhấn nút nhả cửa trập ML-L3 khi nâng gương nâng lên; cửa trập sẽ được nhả và đèn hẹn giờ nhấp khoảng sau 30 giây hoặc khi nút được nhấn lần thứ hai. Lưu ý rằng không thể sử dụng điều khiển từ xa để ghi phim; thậm chí nếu **Record movies** (Ghi phim) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Assign shutter button** (Gán nút cửa trập), □ 248), việc nhấn nút nhả cửa trập sẽ nhả cửa trập và ghi ảnh.



Để hủy chụp, chọn chế độ nhả khác.

Trước Khi Sử Dụng Điều Khiển Từ Xa

Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu tiên, tháo tấm phủ pin và nhựa trong.

Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Trước khi chụp ảnh với đèn nháy ở các chế độ **P, S, A, M** hoặc **11**, nhấn nút  () để nâng đèn nháy và đợi cho chỉ báo  hiển thị trong kính ngắm ( 143). Việc chụp sẽ bị gián đoạn nếu đèn nháy được nâng lên trong khi chế độ điều khiển từ xa đang được bật hoặc sau khi tự hẹn giờ đã bắt đầu chạy. Nếu cần phải dùng đèn nháy, máy ảnh sẽ chỉ phản ứng với nút nhả cửa trập ML-L3 khi đèn nháy đã sạc điện. Trong chế độ tự động hoặc cảnh mà đèn nháy tự động bật lên, đèn nháy sẽ bắt đầu sạc khi chế độ điều khiển từ xa được chọn; một khi đèn nháy đã được sạc, nó sẽ tự động bật lên và bật sáng khi cần. Lưu ý rằng chỉ một ảnh sẽ được chụp khi đèn nháy bật sáng, bất kể số lượng phơi sáng được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 là bao nhiêu (**Self-timer** (Tự hẹn giờ);  227).

Trong chế độ đèn nháy hỗ trợ giảm mắt đỏ, đèn giảm mắt đỏ sẽ sáng khoảng một giây trước khi cửa trập được nhả. Trong chế độ điều khiển từ xa chụp chậm, đèn hẹn giờ sẽ sáng hai giây, tiếp theo là đèn giảm mắt đỏ sẽ sáng một giây trước khi cửa trập được nhả.

Lấy Nét trong Chế Độ Điều Khiển Từ Xa

Máy ảnh sẽ không điều chỉnh lấy nét ở chế độ gương nâng lên từ xa hoặc khi lấy nét tự động phần phụ liên tục được chọn; tuy nhiên lưu ý rằng nếu bất cứ chế độ lấy nét tự động nào được chọn, bạn có thể lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập máy ảnh nửa chừng trước khi chụp (nhấn nút hết cỡ sẽ không nhả cửa trập). Nếu lấy nét tự động phần phụ tự động hoặc lấy nét tự động phần phụ đơn được chọn cho máy ảnh ở chế độ xem trực tiếp trong chế độ từ xa phản ứng nhanh hoặc trì hoãn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh lấy nét trước khi chụp; nếu máy ảnh không thể lấy nét trong chụp ảnh bằng kính ngắm, nó sẽ trở về chế độ chờ mà không nhả cửa trập.

Chế Độ Nâng Gương Lên Từ Xa

Không đo sáng được trong chế độ gương nâng lên từ xa. Không thể tạo khuôn hình trong kính ngắm trong khi gương nâng lên.

bu l b

Không thể ghi lại thời gian (bóng đèn) phơi sáng bằng cách sử dụng tự hẹn giờ. Tốc độ cửa trập cố định sẽ được sử dụng nếu tốc độ của **bu l b** được chọn trong chế độ **M**.

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lựa chọn thời gian tự hẹn giờ, số lượng ảnh chụp và khoảng thời gian giữa các lần chụp, xem Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Self-timer** (Tự hẹn giờ);  227). Để biết thông tin về cách chọn độ dài thời gian máy ảnh sẽ vẫn ở chế độ chờ tín hiệu từ điều khiển từ xa, xem Cài Đặt Tùy Chọn c5 (**Remote on duration** (Chụp từ xa theo thời lượng);  228). Để biết thông tin về kiểm soát tiếng bíp khi sử dụng tự hẹn giờ và điều khiển từ xa, xem Cài Đặt Tùy Chọn d1 (**Beep** (Bíp);  228).

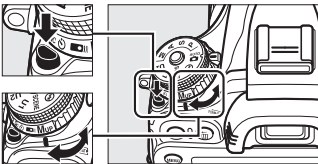


Chế Độ Gương Nâng Lên

Chọn chế độ này để giảm mờ do chuyển động của máy ảnh khi gương được nâng lên. Nên sử dụng giá ba chân.

1 Chọn chế độ gương nâng lên.

Nhấn nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả và xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang **MUP**.



Đĩa lệnh chế độ nhả

2 Nâng gương.

Tạo khuôn hình, lấy nét và sau đó nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để nâng gương.



☒ Gương Nâng Lên

Trong khi gương được nâng lên, không thể tạo khuôn hình cho ảnh trong kính ngắm, lấy nét tự động và đo sáng sẽ không hoạt động được.

3 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để bắt đầu chụp ảnh. Để ngăn ngừa mờ gây ra bởi chuyển động của máy ảnh, nhấn nút nhả cửa trập thật êm, hoặc sử dụng dây chụp từ xa (□ 298). Gương hạ xuống khi chụp xong.



Chế Độ Gương Nâng Lên

Ảnh sẽ được chụp tự động nếu không có hoạt động được thực hiện trong khoảng 30 giây sau khi gương được nâng lên.

Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về việc sử dụng điều khiển từ xa ML-L3 khi chụp ảnh với gương nâng lên, xem trang 85.



Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh

Vùng Hình Ảnh

Chọn tỷ lệ khung hình và góc xem (vùng hình ảnh). Nhờ cảm biến hình ảnh định dạng FX của máy ảnh (35,9 × 24 mm), bạn có thể chọn từ các góc xem rộng như những góc được hỗ trợ bởi máy ảnh phim định dạng 35 mm (135), trong khi tự động xén hình ảnh tới góc xem DX khi sử dụng thấu kính định dạng DX. Xem trang 335 để biết thông tin về số lượng hình ảnh có thể được lưu trữ ở các cài đặt vùng hình ảnh khác nhau.

■ ■ Auto DX Crop (Xén DX Tự Động)

Chọn để tự động chọn xén DX khi thấu kính DX được gắn vào.

Tùy chọn	Mô tả
On (Bật)	Máy ảnh sẽ tự động chọn xén DX khi thấu kính DX được gắn vào. Nếu thấu kính khác được gắn vào, xén được chọn cho Choose image area (Chọn vùng hình ảnh) sẽ được sử dụng.
Off (Tắt)	Xén được chọn cho Choose image area (Chọn vùng hình ảnh) được sử dụng.



Thấu Kính DX

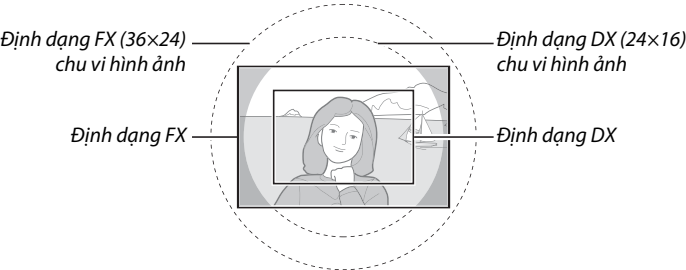
Thấu kính DX được thiết kế để sử dụng với các máy ảnh định dạng DX và có góc xem nhỏ hơn so với thấu kính cho máy ảnh định dạng 35 mm. Nếu **Auto DX crop** (Xén DX tự động) tắt và **FX (36×24) 1.0×** (định dạng FX) được chọn cho **Choose image area** (Chọn vùng hình ảnh) khi thấu kính DX được gắn, mép hình ảnh có thể được cắt xén. Điều này có thể không rõ ràng trong kính ngắm, nhưng khi hình ảnh được phát lại, bạn có thể nhận thấy độ phân giải bị giảm hoặc các mép hình ảnh bị bôi đen.



■ ■ **Choose Image Area (Chọn Vùng Hình Ảnh)**

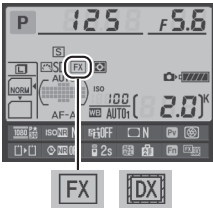
Chọn vùng hình ảnh được sử dụng khi thấu kính phi DX được gắn vào hoặc thấu kính DX được gắn vào với **Off** (Tắt) được chọn cho **Auto DX crop** (Xén DX tự động) (☞ 91).

Tùy chọn	Mô tả
 FX (36×24) 1.0× (Định dạng FX)	Hình ảnh được ghi lại bằng dạng FX bằng cách sử dụng vùng đầy đủ của bộ cảm biến hình ảnh (35,9 × 24,0 mm), tạo ra góc xem tương đương với thấu kính NIKKOR trên máy ảnh định dạng 35 mm.
 DX (24×16) 1.5× (Định dạng DX)	Khu vực ở trung tâm bộ cảm biến hình ảnh 23,5 × 15,7 mm được sử dụng để ghi lại ảnh định dạng DX. Để tính toán tiêu cự tương đối của thấu kính định dạng 35 mm, nhân với 1,5.



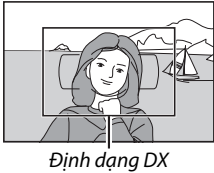
 Vùng Hình Ảnh

Tùy chọn được chọn được hiện ra trên màn hình hiển thị thông tin.



 Hiển Thị Kính Ngắm

Xén định dạng DX được hiển thị ở bên phải, có thể xem vùng bên ngoài vùng xén bằng màu xám khi **Off** (Tắt) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a4 (**AF point illumination** (Rọi điểm lấy nét tự động), ☞ 222).



 Xem Thêm

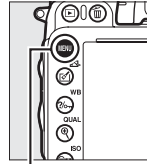
Xem trang 63 để biết thông tin về xén trong xem trực tiếp phim.

Có thể đặt vùng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Image area** (Vùng hình ảnh) trong menu chụp hoặc bằng cách nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh.

■ Menu Vùng Hình Ảnh

1 Chọn Image area (Vùng hình ảnh) trong menu chụp.

Nhấn **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Image area** (Vùng hình ảnh) trong menu chụp (📖 214) và nhấn **▶**.



Nút MENU



2 Chọn một tùy chọn.

Chọn **Auto DX crop** (Xén DX tự động) hoặc **Choose image area** (Chọn vùng hình ảnh) và bấm **▶**.



3 Điều chỉnh cài đặt.

Chọn một tùy chọn và nhấn **OK**. Chế độ xén lựa chọn được hiển thị trong kính ngắm (📖 90).

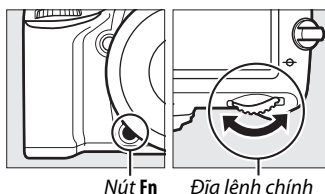


1 Chỉ định lựa chọn vùng hình ảnh cho một điều khiển máy ảnh.

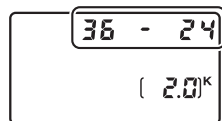
Chọn **Choose image area** (Chọn vùng hình ảnh) cho điều khiển máy ảnh trong menu Cài Đặt Tùy Chọn (☐ 219). Có thể gán lựa chọn vùng hình ảnh cho nút **Fn** (Cài Đặt Tùy Chọn f2, **Assign Fn button** (Gán nút Fn), ☐ 242) hoặc nút xem trước độ sâu của trường (Cài Đặt Tùy Chọn f3, **Assign preview button** (Gán nút xem trước), ☐ 244).

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn vùng hình ảnh.

Có thể chọn vùng hình ảnh bằng cách nhấn nút được chọn và xoay đĩa lệnh chính hoặc đĩa lệnh phụ cho tới khi xén mong muốn hiển thị trong kính ngắm (☐ 90).



Có thể xem tùy chọn hiện được chọn cho vùng hình ảnh bằng cách nhấn nút để hiển thị vùng hình ảnh trong bảng điều khiển, kính ngắm, hoặc màn hình hiển thị thông tin. Định dạng FX được hiển thị là "36 - 24" và định dạng DX là "24 - 16".



✓ Xén DX Tự Động

Không thể sử dụng điều khiển được chọn để chọn vùng hình ảnh khi thấu kính DX được gán và **Auto DX crop** (Xén DX tự động) được bật.

✎ Cỡ Hình Ảnh

Cỡ hình ảnh là khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho vùng hình ảnh (☐ 95).

Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Chất lượng hình ảnh và cỡ hình ảnh xác định ảnh sẽ chiếm dụng bao nhiêu không gian trên thẻ nhớ. Ảnh lớn hơn, chất lượng cao hơn có thể được in ở kích cỡ lớn hơn nhưng cũng đòi hỏi nhiều bộ nhớ hơn, có nghĩa sẽ ít ảnh như vậy hơn có thể được lưu trên thẻ nhớ (📖 335).

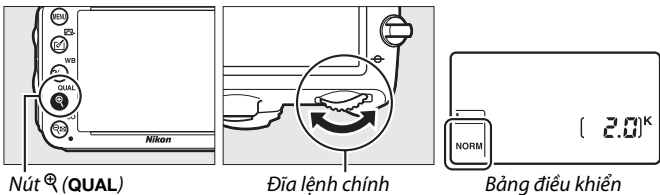
Chất Lượng Hình Ảnh

Chọn một định dạng tập tin và tỉ lệ nén (chất lượng hình ảnh).

Tùy chọn	Loại tập tin	Mô tả
NEF (RAW)	NEF	Dữ liệu thô từ các cảm biến hình ảnh được lưu trực tiếp vào thẻ nhớ. Các cài đặt như cân bằng trắng và độ tương phản có thể được điều chỉnh sau khi chụp.
JPEG fine (JPEG nét)	JPEG	Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:4 (chất lượng tốt).*
JPEG normal (JPEG bình thường)		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:8 (chất lượng bình thường).*
JPEG basic (JPEG cơ bản)		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:16 (chất lượng cơ bản).*
NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW) + JPEG nét)	NEF/ JPEG	Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng tốt.
NEF (RAW) + JPEG normal (NEF (RAW) + JPEG bình thường)		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng bình thường.
NEF (RAW) + JPEG basic (NEF (RAW) + JPEG cơ bản)		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng cơ bản.

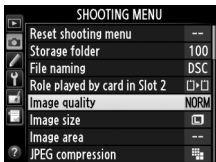
* **Size priority** (Ưu tiên kích cỡ) được chọn cho **JPEG compression** (Nén JPEG).

Có thể thiết lập chất lượng hình ảnh bằng cách nhấn nút **Q (QUAL)** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Image quality** (Chất lượng hình ảnh) trong menu chụp (📖 214).



Các tùy chọn sau đây có thể được truy cập từ menu chụp. Nhấn nút **MENU** để hiển thị các menu, làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn ►.

■■ **JPEG Compression (Nén JPEG)**

Chọn loại nén cho hình ảnh JPEG.

Tùy chọn	Mô tả
 Size priority (Ưu tiên kích cỡ)	Hình ảnh được nén để tạo ra kích cỡ tập tin tương đối đồng đều.
 Optimal quality (Chất lượng tối ưu)	Chất lượng hình ảnh tối ưu. Kích cỡ thay đổi theo cảnh được ghi lại.

■■ **NEF (RAW) Recording (Ghi NEF (RAW)) > Type (Loại)**

Chọn loại nén cho hình ảnh NEF (RAW).

Tùy chọn	Mô tả
 Lossless compressed (Nén không giảm)	Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật toán đảo ngược, làm giảm kích thước tập tin khoảng 20-40% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.
 Compressed (Nén)	Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật toán đảo ngược, làm giảm kích thước tập tin khoảng 35-55% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.

■■ **NEF (RAW) Recording (Ghi NEF (RAW)) > NEF (RAW) Bit Depth (Độ Sâu Bit NEF (RAW))**

Chọn độ sâu bit cho hình ảnh NEF (RAW).

Tùy chọn	Mô tả
 12-bit 12-bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi lại ở độ sâu 12 bit.
 14-bit 14-bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi ở độ sâu 14 bit, tạo ra các tập tin lớn hơn so với những ảnh có độ sâu 12 bit nhưng tăng dữ liệu màu ghi được.

 Hình Ảnh NEF (RAW)

Có thể xem hình ảnh NEF (RAW) được trên máy ảnh hoặc sử dụng phần mềm như Capture NX 2 (có riêng; □ 298) hoặc ViewNX 2 (có trên ViewNX 2 CD kèm theo). Lưu ý rằng tùy chọn được chọn cho cỡ hình ảnh không ảnh hưởng đến cỡ của ảnh NEF (RAW); khi xem trên máy tính, ảnh NEF (RAW) có kích thước cho ảnh (cỡ □) trong bảng trên trang 95. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại (□ 271).

 NEF+JPEG

Khi ảnh chụp ở các cài đặt NEF (RAW) + JPEG được xem trên máy ảnh có thể nhớ, chỉ có hình ảnh JPEG được hiển thị. Nếu cả hai bản sao được ghi vào cùng thẻ nhớ, cả hai bản sao sẽ bị xóa khi ảnh bị xóa. Nếu bản sao JPEG được ghi vào một thẻ nhớ riêng bằng cách sử dụng tùy chọn **Role played by card in Slot 2** (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận) > **RAW Slot 1—JPEG Slot 2** (RAW Khe 1—JPEG Khe 2) đảm nhận, việc xóa bản sao JPEG sẽ không xóa hình ảnh NEF (RAW).

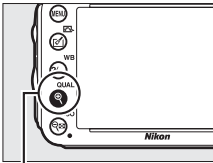
Cỡ Hình Ảnh

Cỡ hình ảnh được đo bằng điểm ảnh. Chọn từ Lớn, Vừa, hoặc Nhỏ (lưu ý rằng cỡ hình ảnh khác nhau tùy thuộc vào tùy chọn được lựa chọn cho **Image area** (Vùng hình ảnh), 89):

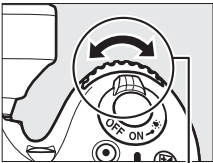
Vùng hình ảnh	Tùy chọn	Kích cỡ (điểm ảnh)	Cỡ in (cm)*
FX (36×24) 1.0× (Định dạng FX)	Large (Lớn)	6.016 × 4.016	50,9 × 34,0
	Midium (Vừa)	4.512 × 3.008	38,2 × 25,5
	Small (Nhỏ)	3.008 × 2.008	25,5 × 17,0
DX (24×16) 1.5× (Định dạng DX)	Large (Lớn)	3.936 × 2.624	33,3 × 22,2
	Midium (Vừa)	2.944 × 1.968	24,9 × 16,7
	Small (Nhỏ)	1.968 × 1.312	16,7 × 11,1

* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in theo đơn vị inch bằng với cỡ hình ảnh theo đơn vị điểm ảnh được phân chia bằng độ phân giải máy in ở điểm mỗi inch (dpi; 1 inch = khoảng 2,54 cm).

Cỡ hình ảnh được thiết lập bằng cách nhấn nút (**QUAL**) và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Nút (**QUAL**)



Đĩa lệnh phụ

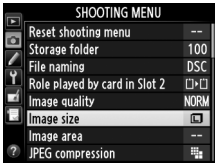


Bảng điều khiển



Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh cỡ hình ảnh cách sử dụng tùy chọn **Image size** (Cỡ hình ảnh) trong menu chụp (214).



Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ

Khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh, bạn có thể sử dụng mục **Role played by card in Slot 2** (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận) trong menu chụp để chọn vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận. Chọn từ **Overflow** (Tràn) (thẻ trong Khe 2 chỉ được sử dụng khi thẻ trong Khe 1 đầy), **Backup** (Sao lưu) (mỗi ảnh được ghi hai lần, một lần ghi vào thẻ trong Khe 1 và một lần ghi vào thẻ trong Khe 2), và **RAW Slot 1—JPEG Slot 2** (RAW Khe 1—JPEG Khe 2) (đối với **Backup** (Sao lưu), ngoại trừ các bản sao NEF/RAW ảnh được ghi ở cài đặt NEF/RAW + JPEG chỉ được ghi vào thẻ trong Khe 1 và các bản sao JPEG chỉ được ghi vào thẻ trong Khe 2).



“Backup” (Sao Lưu) và “RAW Slot 1—JPEG Slot 2” (RAW Khe 1—JPEG Khe 2)

Máy ảnh cho biết số phơi sáng còn lại trên thẻ với bộ nhớ còn lại ít nhất. Nhả cửa trập sẽ bị tắt khi một trong hai thẻ đầy.



Ghi Phim

Khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh, có thể chọn khe được dùng để ghi phim bằng cách sử dụng tùy chọn **Movie settings** (Cài đặt phim) > **Destination** (Đích đến) trong menu chụp (□ 65).

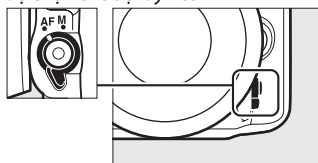
Lấy Nét

Phần này mô tả các tùy chọn lấy nét khi các bức ảnh được tạo khuôn hình trong kính ngắm. Việc lấy nét có thể được điều chỉnh tự động (xem bên dưới) hoặc bằng tay (☐ 103). Người dùng có thể chọn điểm lấy nét tự động hoặc lấy nét bằng tay (☐ 101) hoặc sử dụng khóa lấy nét để tạo lại bức ảnh sau khi lấy nét (☐ 102).

Lấy Nét Tự Động

Để sử dụng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang AF.

Bộ chọn chế độ lấy nét



Chế Độ Lấy Nét Tự Động

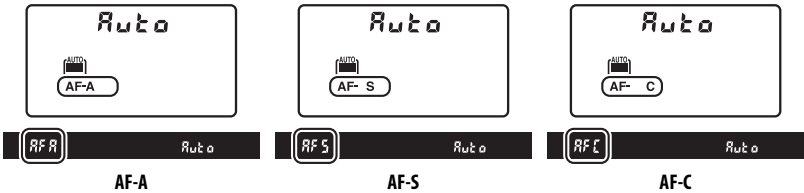
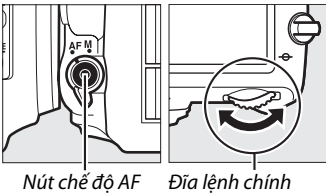
Chọn từ các chế độ lấy nét tự động sau:

Chế độ	Mô tả
AF-A	Lấy nét tự động phản phụ tự động: Máy ảnh tự động lựa chọn lấy nét tự động phản phụ đơn nếu đối tượng tĩnh, lấy nét tự động phản phụ liên tục nếu đối tượng động.
AF-S	Lấy nét tự động phản phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Với cài đặt mặc định, cửa trập chỉ có thể nhả khi chỉ báo đã được lấy nét xuất hiện (<i>ưu tiên lấy nét</i> ; ☐ 221).
AF-C	Lấy nét tự động phản phụ liên tục: Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập; nếu đối tượng chuyển động, máy ảnh sẽ thực hiện <i>theo dõi lấy nét đoán trước</i> (☐ 100) để đoán khoảng cách cuối cùng đến đối tượng và điều chỉnh lấy nét khi cần thiết. Ở cài đặt mặc định, cửa trập vẫn có thể nhả ra dù có hay không đối tượng lấy nét (<i>ưu tiên nhả ra</i> ; ☐ 221).

Theo Dõi Lấy Nét Đoán Trước

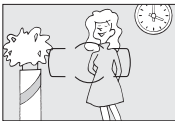
Trong chế độ **AF-C** hoặc khi lấy nét tự động phản phụ liên tục trong chế độ **AF-A**, máy ảnh sẽ bắt đầu theo dõi lấy nét đoán trước nếu đối tượng di chuyển đến gần hay xa khỏi máy ảnh trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập. Cơ chế này cho phép máy ảnh theo dõi lấy nét trong khi cố gắng đoán vị trí của đối tượng khi cửa trập nhả ra.

Để lựa chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong kính ngắm hoặc bảng điều khiển.



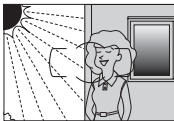
Lấy Nét Tự Động Đạt Chất Lượng Tốt

Lấy nét tự động sẽ không hoạt động tốt trong những điều kiện sau. Cửa trập có thể không nhả được nếu máy ảnh không thể lấy nét trong những điều kiện này, hoặc chỉ báo đã được lấy nét (●) có thể xuất hiện và máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp, cho phép cửa trập nhả ra thậm chí khi đối tượng chưa được lấy nét. Trong những trường hợp này, lấy nét bằng tay (□ 103) hoặc sử dụng khóa lấy nét (□ 102) để lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách và sau đó tạo lại ảnh.



Độ tương phản giữa đối tượng và cảnh nền là hầu như không có.

Ví dụ: Đối tượng có cùng màu sắc với nền.



Điểm lấy nét sẽ chứa vùng có độ sáng tương phản sắc nét.

Ví dụ: Đối tượng nằm một nửa trong vùng tối.



Điểm lấy nét sẽ chứa những vật thể ở các khoảng cách khác nhau so với máy ảnh.

Ví dụ: Đối tượng ở trong lồng.



Các vật thể xung quanh lớn hơn so với đối tượng.

Ví dụ: Một tòa nhà ở trong khuôn hình đằng sau đối tượng.



Đối tượng bị các đường nét hình học thông thường lấn át.

Ví dụ: Bức màn hay song cửa sổ trong một tòa nhà chọc trời.



Đối tượng chứa nhiều chi tiết tinh tế.

Ví dụ: Một cánh đồng hoa hay các đối tượng khác cực nhỏ hoặc độ sáng ít biến đổi.

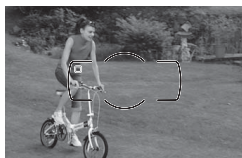
Xem Thêm

Thông tin về cách sử dụng ưu tiên lấy nét trong lấy nét tự động phần phụ liên tục, xem Cài Đặt Tùy Chọn a1 (**AF-C priority selection**) (Lựa chọn ưu tiên AF-C), □ 221). Thông tin về cách sử dụng ưu tiên nhả trong lấy nét tự động phần phụ đơn, xem Cài Đặt Tùy Chọn a2 (**AF-S priority selection**) (Lựa chọn ưu tiên AF-S), □ 221). Xem trang 51 về thông tin các lựa chọn lấy nét tự động khi xem trực tiếp hoặc trong khi quay phim.

Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động

Lựa cách chọn điểm lấy nét cho lấy nét tự động.

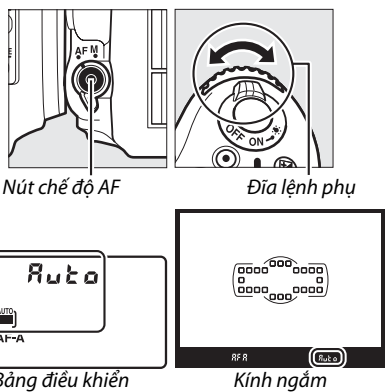
- **Lấy nét tự động phần phụ đơn:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 101; máy ảnh chỉ lấy nét trên đối tượng nằm trong điểm lấy nét được chọn. Dùng với đối tượng chuyển động.
- **Lấy nét tự động vùng động:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 101. Trong chế độ lấy nét **AF-A** và **AF-C**, nếu trong tích tắc đối tượng rời khỏi điểm lấy nét được chọn thì máy ảnh sẽ lấy nét dựa trên thông tin từ các điểm lấy nét xung quanh. Số điểm lấy nét biến đổi theo chế độ được lựa chọn:
 - **Lấy nét tự động vùng động 9 điểm:** Chọn thời điểm tạo ra bức ảnh hoặc thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động có thể dự đoán trước (ví dụ: người chạy hoặc xe đua trên đường).
 - **Lấy nét tự động vùng động 21 điểm:** Chọn thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động không thể dự đoán trước (ví dụ: cầu thủ trong trận đấu bóng).
 - **Lấy nét tự động vùng động 39 điểm:** Chọn thời điểm chụp ảnh đối tượng chuyển động nhanh và khó lấy khuôn hình trong kính ngắm (ví dụ: chim).
- **Theo dõi 3D:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 101. Trong chế độ lấy nét **AF-A** và **AF-C**, máy ảnh sẽ theo dõi đối tượng rời khỏi điểm lấy nét đã chọn và chọn các điểm lấy nét khác theo yêu cầu. Dùng để tạo nhanh ảnh đối tượng chuyển động thất thường từ nơi này sang nơi khác (ví dụ: người chơi tennis). Nếu đối tượng rời khỏi kính ngắm, rời tay khỏi nút nhà cửa trập và tạo lại ảnh với đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn.



- **Lấy nét tự động vùng tự động:** Máy ảnh sẽ tự động nhận diện đối tượng và chọn điểm lấy nét. Nếu sử dụng thấu kính loại G, E hay D (☐ 287), máy ảnh có thể phân biệt đối tượng con người từ phần nền cho nhận diện đối tượng cải tiến. Sau khi máy ảnh lấy nét, trong tích tắc điểm lấy nét hoạt động sẽ sáng lên; trong chế độ **AF-C** hay lấy nét tự động phần phụ liên tục ở chế độ **AF-A**, điểm lấy nét chính sáng lên sau khi các điểm lấy nét khác vừa tắt.



Để chọn chế độ vùng lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn hiển thị trong kính ngắm hoặc bảng điều khiển.



Theo dõi 3D

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, màu sắc khu vực xung quanh điểm lấy nét được lưu trong máy ảnh. Cho nên theo dõi 3D có thể không tạo ra kết quả như mong muốn cho các đối tượng có màu sắc trùng với phần nền hoặc phủ một phần rất nhỏ trên khuôn hình.

Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động

Chế độ vùng lấy nét tự động hiển thị trên bảng điều khiển hoặc kính ngắm.

Chế độ vùng lấy nét tự động	Bảng điều khiển	Kính ngắm	Chế độ vùng lấy nét tự động	Bảng điều khiển	Kính ngắm
Lấy nét tự động điểm đơn	5	5	Lấy nét tự động vùng động 39 điểm *	d39	d39
Lấy nét tự động vùng động 9 điểm *	d 9	d 9	Theo dõi 3D	3d	3d
Lấy nét tự động vùng động 21 điểm *	d21	d21	Lấy nét tự động vùng tự động	Auto	Auto

* Chỉ có điểm lấy nét hoạt động xuất hiện trên kính ngắm. Các điểm lấy nét còn lại cung cấp thông tin hỗ trợ cho việc lấy nét.

Lấy Nét Bằng Tay

Lấy nét tự động điểm đơn sẽ tự động được chọn khi lấy nét bằng tay.

Xem Thêm

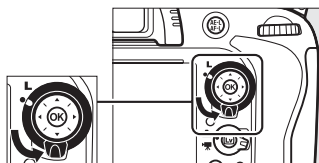
Thông tin về điều chỉnh thời gian máy ảnh chờ trước khi lấy nét lại khi một vật thể chuyển động phía trước máy ảnh, xem Cài Đặt Tùy Chọn a3 (**Focus tracking with lock-on** (Theo dõi lấy nét với khoá bặt), □ 222). Xem trang 52 về thông tin các lựa chọn lấy nét tự động khi xem trực tiếp hoặc trong khi quay phim.

Chọn Lựa Điểm Lấy Nét

Máy ảnh đưa ra sự lựa chọn tới 39 điểm lấy nét có thể được sử dụng để tạo ảnh với đối tượng chính gần như nằm bất cứ đâu trên khuôn hình.

1 Xoay khóa bộ chọn lấy nét sang ●.

Cho phép sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét.



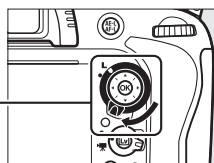
Khóa bộ chọn lấy nét

2 Chọn điểm lấy nét.

Sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét trong kính ngắm trong khi đo phơi sáng đang bật. Nhấn **OK** để chọn điểm lấy nét trung tâm.



Khóa bộ chọn lấy nét có thể được xoay sang vị trí khóa (L) như bên dưới để tránh cho điểm lấy nét đã chọn bị thay đổi khi nhấn đa bộ chọn.



Lấy Nét Tự Động Vùng Tự Động

Điểm lấy nét cho lấy nét tự động vùng tự động được tự động chọn; không thể chọn lựa điểm lấy nét bằng tay.

Xem Thêm

Thông tin về chọn khi điểm lấy nét được chiếu sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn a4 (**AF point illumination** (Rọi điểm lấy nét tự động), □ 222). Thông tin về cài đặt chọn lựa điểm lấy nét để “quấn xung quanh”, xem Cài Đặt Tùy Chọn a5 (**Focus point wrap-around** (Quấn xung quanh điểm lấy nét), □ 222). Thông tin về chọn số điểm lấy nét có thể được chọn sử dụng đa bộ chọn, xem Cài Đặt Tùy Chọn a6 (**Number of focus points** (Số điểm lấy nét), □ 223). Thông tin về thay đổi vai trò của nút **OK**, xem Cài Đặt Tùy Chọn f1, **OK button (shooting mode)** (Nút OK (chế độ chụp)); □ 241.

Khóa Lấy Nét

Khóa lấy nét có thể được dùng để thay đổi bố cục sau khi lấy nét, khiến nó có thể lấy nét trên đối tượng không nằm trong điểm lấy nét trong bố cục cuối cùng. Nếu máy ảnh không thể dùng lấy nét tự động để lấy nét (□ 98), khóa lấy nét có thể được dùng để tạo lại ảnh sau khi lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách với đối tượng ban đầu. Khóa lấy nét hiệu quả nhất khi không lựa chọn lấy nét tự động vùng tự động cho chế độ vùng lấy nét tự động (□ 99).

1 Lấy nét.

Đặt đối tượng vào vùng điểm lấy nét đã chọn và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập để bắt đầu lấy nét. Kiểm tra chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm.

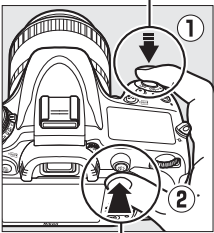


2 Khóa lấy nét.

Chế độ lấy nét AF-A và AF-C: Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng (①), nhấn nút **AE-L/AF-L** (②) để khóa cả lấy nét lẫn phơi sáng (một biểu tượng **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm). Lấy nét sẽ bị khóa trong khi nhấn nút **AE-L/AF-L**, thậm chí ngay cả sau đó bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập.

Chế độ lấy nét AF-S: Lấy nét sẽ tự động khóa khi chỉ báo đã được lấy nét xuất hiện, và tiếp tục khoá cho đến khi bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập. Lấy nét còn bị khóa khi nhấn nút **AE-L/AF-L** (xem bên trên).

Nút nhả cửa trập

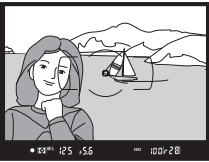


Nút **AE-L/AF-L**



3 Tạo lại bố cục ảnh và chụp.

Lấy nét sẽ bị khóa giữa các lần chụp nếu bạn duy trì nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (**AF-S**) hoặc nhấn giữ nút **AE-L/AF-L**, cho phép một vài bức ảnh được chụp thành công ở cùng một cài đặt lấy nét.



Đừng thay đổi khoảng cách giữa máy ảnh và đối tượng khi khóa lấy nét còn hiệu lực. Nếu đối tượng di chuyển, lấy nét lại ở khoảng cách mới.

Xem Thêm

Xem Cài Đặt Tùy Chọn c1 (**Shutter-release button AE-L** (Nhả cửa trập được AE-L), □ 226) về sử dụng nút nhả cửa trập để khóa phơi sáng, Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Assign AE-L/AF-L button** (Gán nút AE-L/AF-L), □ 244) về chọn vai trò của nút **AE-L/AF-L**.

Lấy Nét Bằng Tay

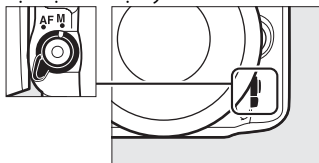
Lấy nét bằng tay dùng cho các thấu kính không hỗ trợ lấy nét tự động (thấu kính non-AF NIKKOR) hoặc khi lấy nét tự động không cho kết quả như mong muốn (□ 98).

- **Thấu kính AF-S:** Chính công tắc chế độ lấy nét thấu kính sang **M**.
- **Thấu kính AF:** Chính công tắc chế độ lấy nét thấu kính (nếu cài đặt trước) và bộ chọn chế độ lấy nét sang **M**.

✓ Thấu Kính AF

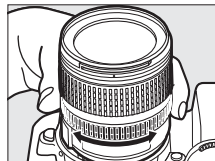
Không dùng thấu kính AF khi công tắc chế độ lấy nét được chỉnh ở **M** và bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh đang cài ở **AF**. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thấu kính.

Bộ chọn chế độ lấy nét



- **Thấu kính lấy nét bằng tay:** Cài bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh sang **M**.

Để lấy nét bằng tay, điều chỉnh vòng lấy nét thấu kính đến khi hình ảnh xuất hiện trong trường mờ tách biệt trong kính ngắm khi lấy nét. Ảnh có thể được chụp bất cứ lúc nào, thậm chí khi hình ảnh không được lấy nét.



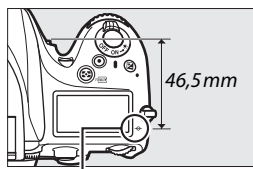
■ Máy Ngắm Điện Tử

Nếu thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/5.6 hoặc nhanh hơn, chỉ báo lấy nét kính ngắm có thể dùng để xác nhận liệu đối tượng nằm trong điểm lấy nét đã chọn có được lấy nét hay không (điểm lấy nét được chọn bất kỳ từ 39 điểm lấy nét). Sau khi đặt đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập và xoay vòng lấy nét thấu kính đến khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện. Lưu ý rằng với đối tượng liệt kê ở trang 98, chỉ báo đã được lấy nét thỉnh thoảng có thể xuất hiện khi đối tượng không được lấy nét; xác nhận lấy nét trong kính ngắm trước khi chụp.



✎ Vị Trí Mặt Phẳng Tiêu Điểm

Để quyết định khoảng cách giữa đối tượng và máy ảnh, đo từ dấu mặt phẳng tiêu điểm (●) trên thân máy ảnh. Khoảng cách giữa chốt gắn thấu kính và dấu mặt phẳng tiêu điểm là 46,5 mm.



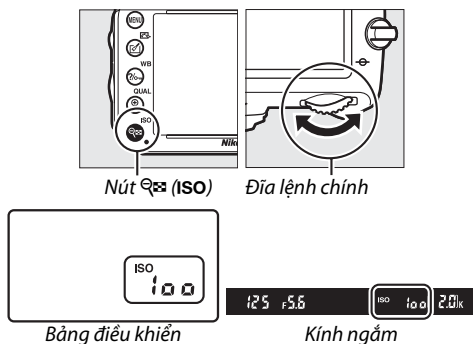
Dấu mặt phẳng tiêu điểm



ISO Độ Nhạy ISO

“Độ nhạy ISO” tương đương về mặt kỹ thuật số với tốc độ phim. Chọn cài đặt khoảng từ ISO 100 đến ISO 6400 trong các bước tương đương với $\frac{1}{3}$ EV. Cài đặt từ khoảng 0,3 đến 1 EV dưới ISO 100 và từ 0,3 đến 2 EV trên ISO 6400 cũng có sẵn cho các tình huống đặc biệt. Các chế độ cảnh và chế độ tự động cũng có tùy chọn **AUTO** cho phép máy ảnh thiết lập độ nhạy ISO tự động theo điều kiện ánh sáng. Độ nhạy ISO càng cao thì càng cần ít ánh sáng để phơi sáng, cho phép tốc độ cửa trập cao hơn hoặc độ mở ống kính nhỏ hơn.

Có thể điều chỉnh độ nhạy ISO bằng cách nhấn nút  (ISO) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm.



TỰ ĐỘNG

Nếu đĩa lệnh chế độ được xoay sang **P, S, A** hoặc **M** sau khi **AUTO** được chọn cho độ nhạy ISO ở chế độ khác thì độ nhạy ISO được chọn gần nhất ở chế độ **P, S, A** hoặc **M** sẽ được khôi phục.

Hi 0.3–Hi 2

Cài đặt **Hi 0.3** (Cao 0,3) tới **Hi 2** (Cao 2) tương ứng với độ nhạy ISO 0,3–2 EV trên ISO 6400 (tương đương ISO 8000–25600). Ảnh được chụp ở các cài đặt này dễ bị nhiễu hơn (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng).

Thấp 0,3–Thấp 1

Cài đặt **Lo 0.3** (Thấp 0,3) tới **Lo 1** (Thấp 1) tương ứng với độ nhạy ISO 0,3–1 EV dưới ISO 100 (tương đương ISO 80–50). Sử dụng cho độ mở ống kính lớn hơn khi ánh sáng là sáng. Độ tương phản cao hơn một chút so với bình thường; trong nhiều trường hợp, độ nhạy ISO ISO 100 hoặc cao hơn được khuyến dùng.

Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh cỡ độ nhạy ISO bằng cách sử dụng tùy chọn **ISO sensitivity settings** (Cài đặt độ nhạy ISO) trong menu chụp (📷 214).

SHOOTING MENU	
Vignette control	📷 N
Long exposure NR	OFF
High ISO NR	NORM
ISO sensitivity settings	—
Remote control mode	📷 2s
Multiple exposure	OFF
Interval timer shooting	OFF
Time-lapse photography	OFF

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lựa chọn kích cỡ bước độ nhạy ISO, xem Cài Đặt Tùy Chọn b1 (**ISO sensitivity step value** (Giá trị bước độ nhạy ISO); 📷 224). Để biết thông tin về hiển thị độ nhạy ISO trong bảng điều khiển hoặc điều khiển độ nhạy ISO mà không sử dụng nút **Q/ISO** (ISO), xem Cài Đặt Tùy Chọn d3 (**ISO display and adjustment** (Hiển thị ISO và điều chỉnh); 📷 229). Để biết thông tin về sử dụng tùy chọn **High ISO NR** (ISO Cao NR) trong menu chụp để giảm nhiễu ở độ nhạy ISO cao, xem trang 218.

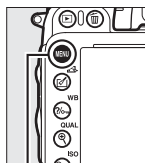
Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

(Chỉ các chế độ P, S, A và M)

Nếu **On** (Bật) được chọn cho **ISO sensitivity settings** (Cài đặt độ nhạy ISO) > **Auto ISO sensitivity control** (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) trong menu chụp, độ nhạy ISO sẽ tự động được điều chỉnh nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị người dùng lựa chọn (độ nhạy ISO được điều chỉnh phù hợp khi đèn nháy được sử dụng).

1 Chọn Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) cho ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO) trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, bấm nút **MENU**. Chọn **ISO sensitivity settings** (Cài đặt độ nhạy ISO) trong menu chụp, làm nổi bật **Auto ISO sensitivity control** (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) và nhấn ►.

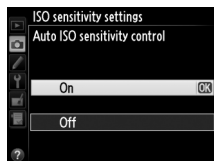


Nút MENU



2 Chọn On (Bật).

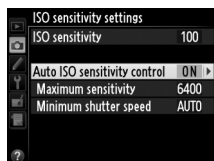
Làm nổi bật **On** (Bật) và nhấn **OK** (nếu **Off** (Tắt) được chọn, độ nhạy ISO sẽ được cố định ở giá trị người dùng chọn).



3 Điều chỉnh cài đặt.

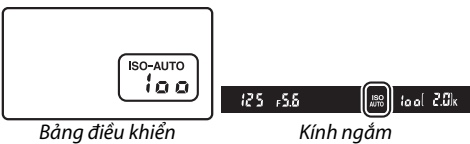
Giá trị tối đa cho độ nhạy ISO tự động có thể được lựa chọn bằng cách sử dụng **Maximum sensitivity** (Độ nhạy tối đa) (giá trị tối thiểu cho độ nhạy ISO tự động được tự động đặt ở ISO 100; lưu ý rằng nếu giá trị được chọn cho **Maximum sensitivity** (Độ nhạy tối đa) thấp hơn giá trị hiện đang được chọn cho **ISO sensitivity** (Độ nhạy ISO), giá trị lựa chọn **Maximum sensitivity** (Độ nhạy tối đa) sẽ được sử dụng).

Trong chế độ **P** và **A**, chỉ có thể điều chỉnh được độ nhạy nếu thiếu phơi sáng sẽ xảy ra ở tốc độ cửa trập được chọn cho **Minimum shutter speed** (Tốc độ cửa trập tối thiểu) ($1/2000$ –1 giây; hoặc **Auto** (Tự động) ở các chế độ **S** và **M**, độ nhạy ISO sẽ được điều chỉnh cho phơi sáng tối ưu ở tốc độ cửa trập do người dùng chọn). Nếu **Auto** (Tự động) (chỉ có ở thấu kính CPU; tương đương với $1/30$ giây khi thấu kính không CPU được sử dụng) được chọn, máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập tối thiểu dựa trên tiêu cự của thấu kính (có thể điều chỉnh lựa chọn tốc độ cửa trập bằng cách làm nổi bật **Auto** (Tự động) và nhấn ►; ví dụ, ngay cả các giá trị nhanh hơn so với những giá trị được chọn tự động bởi máy ảnh có thể được sử dụng với thấu kính chụp ảnh xa để giảm mờ). Tốc độ cửa trập chậm hơn giá trị tối thiểu có thể được sử dụng nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị độ nhạy ISO được chọn cho **Maximum sensitivity** (Độ nhạy tối đa). Nhấn **OK** để thoát khi cài đặt xong.



ISO

Khi **On** (Bật) được chọn, kính ngắm và bảng điều khiển hiển thị **ISO-AUTO**. Khi độ nhạy được thay đổi so với giá trị người dùng chọn, các chỉ báo nhấp nháy và giá trị thay đổi được hiển thị trong kính ngắm.

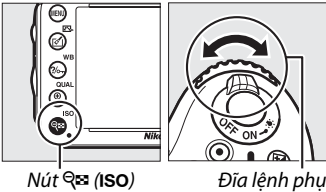


Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

Nhiều (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng) có nhiều khả năng xảy ra hơn ở độ nhạy cao hơn. Sử dụng tùy chọn **High ISO NR** (ISO Cao NR) trong menu chụp để giảm nhiễu (xem trang 218). Khi đèn nháy được sử dụng, giá trị được chọn cho **Minimum shutter speed** (Tốc độ cửa chụp tối thiểu) sẽ được bỏ qua và sử dụng tùy chọn được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed** (Tốc độ đồng bộ đèn nháy), 1/234). Lưu ý rằng độ nhạy ISO có thể được tự động tăng lên khi điều khiển độ nhạy ISO tự động được sử dụng kết hợp với các chế độ đèn nháy đồng bộ chậm (sẵn có với đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn được liệt kê trên trang 293), có thể ngăn máy ảnh không chọn tốc độ cửa trập thấp.

Bật hoặc Tắt Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

Bạn có thể bật hoặc tắt điều khiển độ nhạy ISO tự động bằng cách nhấn nút **ISO** và xoay đĩa lệnh phụ. **ISO-AUTO** được hiển thị khi điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.





Phơi Sáng

Đo Sáng

(Chỉ các chế độ P, S, A và M)

Chọn cách máy ảnh đặt phơi sáng trong chế độ P, S, A, và M (ở các chế độ khác, máy ảnh lựa chọn phương pháp đo sáng tự động).

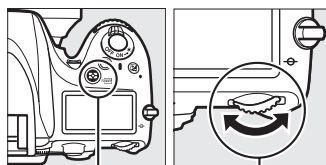
Tùy chọn	Mô tả
	Ma trận: Tạo ra các kết quả tự nhiên trong hầu hết các tình huống. Máy ảnh đo sáng một khu vực rộng của khuôn hình và đặt phơi sáng theo phân phối tông màu, thành phần và với loại thấu kính G, E hoặc D (□ 287), thông tin khoảng cách (đo sáng ma trận màu 3D II; với các thấu kính CPU khác, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu II, không bao gồm thông tin khoảng cách 3D). Với thấu kính không CPU, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu nếu tiêu cự và độ mở ống kính được quy định cụ thể bằng cách sử dụng tùy chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU) trong menu cài đặt (□ 173); nếu không máy ảnh sử dụng cân bằng trung tâm.
	Cân bằng trung tâm: Máy ảnh đo sáng toàn bộ khung nhưng chú trọng nhiều nhất vào khu vực trung tâm (nếu ống kính CPU được lắp, có thể chọn kích cỡ khu vực bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn b4, Center-weighted area (Khu vực cân bằng trung tâm), □ 226; nếu lắp thấu kính không CPU, khu vực có đường kính là 12 mm). Đo sáng cố định cho chân dung, khuyên dùng khi sử dụng các bộ lọc có yếu tố phơi sáng (yếu tố lọc) hơn 1x.*
	Điểm: Máy đo sáng vòng tròn có đường kính 4 mm (khoảng 1,5% của khuôn hình). Vòng tròn được đo sáng vào điểm lấy nét hiện hành, giúp có thể để đo đối tượng ngoài trung tâm (nếu thấu kính không CPU được sử dụng hoặc nếu khu vực lấy nét tự động vùng tự động có hiệu lực, máy ảnh sẽ đo sáng điểm lấy nét giữa). Đảm bảo đối tượng được phơi sáng chính xác, ngay cả khi nền sáng hơn hay tối hơn.*

* Để chính xác hơn với thấu kính không CPU, chỉ định chiều dài tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính tối đa trong menu **Non-CPU lens data** (Dữ liệu thấu kính không CPU) (□ 173).

Để chọn tùy chọn đo sáng, nhấn nút  (FORMAT) và xoay đĩa lệnh cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển.

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc thực hiện các điều chỉnh riêng cho phơi sáng tối ưu cho từng phương pháp đo sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn b5 (**Fine-tune optimal exposure** (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu), □ 226).



Nút  (FORMAT)

Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển



Kính ngắm

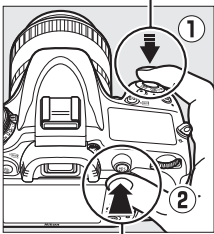
Khóa Tự Động Phơi Sáng

Sử dụng khóa tự động phơi sáng để chỉnh lại ảnh sau khi sử dụng đo sáng cân bằng trung tâm và đo sáng điểm để đo phơi sáng. Lưu ý rằng đo sáng ma trận sẽ không mang lại được kết quả mong muốn.

1 Khóa phơi sáng.

Định vị trí đối tượng vào điểm lấy nét được chọn và nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng để lấy nét. Với nút nhà cửa trập được nhấn nửa chừng và đối tượng được đặt vào điểm lấy nét, nhấn nút **AE-L/AF-L** để khóa tiêu cự và phơi sáng (nếu bạn đang sử dụng lấy nét tự động, xác nhận rằng chỉ báo lấy nét **●** xuất hiện trong kính ngắm).

Nút nhà cửa trập



Nút **AE-L/AF-L**

Trong khi khóa phơi sáng đang được bật, chỉ báo **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm.



2 Chỉnh lại ảnh.

Giữ nhấn nút **AE-L/AF-L** để chỉnh lại ảnh và chụp.



Vùng Được Đo Sáng

Trong đo sáng điểm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở chu vi 4-mm giữa điểm lấy nét được chọn. Trong đo sáng cân bằng trung tâm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở chu vi 12-mm ở giữa kính ngắm.

Điều chỉnh Tốc Độ Cửa Chập và Độ Mở Ống Kính

Trong khi khóa phơi sáng được bật, có thể điều chỉnh các cài đặt sau đây mà không làm thay đổi giá trị đo phơi sáng:

Chế độ	Cài đặt
P	Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (chương trình linh động;  75)
S	Tốc độ cửa trập
A	Độ mở ống kính

Có thể xác nhận các giá trị mới trong kính ngắm và bảng điều khiển. Lưu ý rằng không thể thay đổi đo sáng trong khi khóa phơi sáng được bật.

Xem Thêm

Nếu **On** (Bật) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c1 (**Shutter-release button AE-L** (Nút nhả cửa trập AE-L),  226), phơi sáng sẽ khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Để biết thông tin về việc thay đổi vai trò của nút  **AE-L/AF-L**, xem Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Assign AE-L/AF-L button** (Gán nút AE-L/AF-L),  244).



Bù Phơi Sáng

(Chỉ các chế độ P, S, A và M)

Bù phơi sáng được sử dụng để thay đổi phơi sáng từ giá trị máy ảnh đưa ra, làm ảnh sáng hơn hoặc tối hơn. Hiệu quả nhất khi sử dụng với cân bằng trắng trung tâm hoặc đo sáng điểm (☐ 109). Chọn từ các giá trị giữa -5 EV (thiếu phơi sáng) và +5 EV (phơi sáng quá mức) với mức tăng là 1/3 EV. Nhìn chung, giá trị dương làm đối tượng sáng hơn trong khi giá trị âm làm đối tượng tối hơn.



-1 EV



Không bù phơi sáng



+1 EV

Để chọn giá trị bù phơi sáng, nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm.



±0 EV

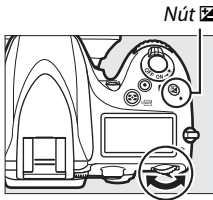
(Nút  được nhấn)



-0,3 EV



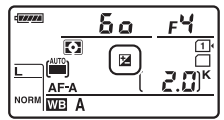
+2,0 EV



Nút 

Đĩa lệnh chính

Ở các giá trị khác với ±0.0, số 0 ở giữa chỉ báo phơi sáng sẽ nháy (chỉ chế độ P, S, và A) và biểu tượng  sẽ hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm sau khi nhấn nút . Có thể xác nhận giá trị bù phơi sáng hiện hành trong chỉ báo phơi sáng bằng cách nhấn nút .



Có thể khôi phục phơi sáng bình thường bằng đặt bù phơi sáng về ± 0. Bù phơi sáng không được đặt lại khi máy ảnh tắt.



Chế Độ M

Trong chế độ M, bù phơi sáng chỉ ảnh hưởng đến chỉ báo phơi sáng; tốc độ cửa trập và độ mở ống kính không thay đổi.

Sử Dụng Đèn Nháy

Khi sử dụng đèn nháy, bù phơi sáng ảnh hưởng đến cả cấp độ đèn nháy và phơi sáng, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính và nền. Có thể sử dụng cài Đặt Tùy Chọn e4 (**Exposure comp. for flash** (Bù phơi sáng cho đèn nháy), □ 240) để chỉ hạn chế ảnh hưởng của bù phơi sáng đến nền.

Xem Thêm

Để biết thông tin về cách chọn kích cỡ của giá số bù phơi sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**EV steps for exposure cntrl** (Bước EV cho điều khiển phơi sáng), □ 224). Để biết thông tin về việc điều chỉnh bù phơi sáng mà không cần nhấn nút , xem Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**Easy exposure compensation** (Bù phơi sáng dễ dàng), □ 225). Để biết thông tin về tự động thay đổi phơi sáng, mức đèn nháy, cân bằng trắng hoặc D-Lighting hoạt động, xem trang 153.





Cân Bằng Trắng

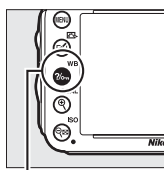
(Chỉ các chế độ P, S, A và M)

Cân bằng trắng đảm bảo các màu không bị ảnh hưởng bởi màu sắc của nguồn ánh sáng. Trong chế độ không phải là P, S, A, và M, cân bằng trắng được máy ảnh thiết lập tự động. Tự động cân bằng trắng được khuyến khích cho hầu hết các nguồn sáng ở các chế độ P, S, A và M, nhưng nếu cần có thể chọn các giá trị khác theo loại nguồn sáng:

Tùy chọn	Nhiệt độ màu*	Mô tả
AUTO		
Auto (Tự động)		
Normal (Bình thường)	3.500–8.000 K	Điều chỉnh cân bằng trắng tự động. Để có kết quả tốt nhất, sử dụng thấu kính loại G, E hoặc D. Nếu đèn nháy gần sẵn hoặc đèn nháy tùy chọn bật, kết quả được điều chỉnh cho đèn nháy.
Keep warm lighting colors (Giữ màu sắc ánh sáng ấm áp)		
Incandescent (Sáng chói)	3.000 K	Sử dụng dưới chiếu sáng sáng chói.
Fluorescent (Huỳnh quang)		Sử dụng với:
Sodium-vapor lamps (Đèn khí natri)	2.700 K	• Đèn khí natri (ở những địa điểm thể thao).
Warm-white fluorescent (Huỳnh quang trắng ấm)	3.000 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng ấm.
White fluorescent (Huỳnh quang trắng)	3.700 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng.
Cool-white fluorescent (Cân bằng trắng huỳnh quang)	4.200 K	• Ánh sáng cân bằng trắng huỳnh quang.
Day white fluorescent (Cân bằng trắng ánh sáng trắng ban ngày huỳnh quang)	5.000 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng ban ngày.
Daylight fluorescent (Cân bằng trắng ánh sáng ban ngày huỳnh quang)	6.500 K	• Ánh sáng huỳnh quang ban ngày.
High temp. mercury-vapor (Khí thủy ngân nhiệt độ cao)	7.200 K	• Nguồn sáng nhiệt độ màu cao (ví dụ như đèn khí thủy ngân).
Direct sunlight (Ánh sáng mặt trời trực tiếp)	5.200 K	Sử dụng với các đối tượng chiếu sáng bởi ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Flash (Đèn nháy)	5.400 K	Sử dụng với đèn nháy gần sẵn hoặc đèn nháy tùy chọn.
Cloudy (Mây)	6.000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày dưới bầu trời u ám.
Shade (Bóng râm)	8.000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày với các đối tượng trong bóng râm.
Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu)	2.500–10.000 K	Chọn nhiệt độ màu từ danh sách các giá trị (□ 120).
PRE		
Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)	—	Sử dụng đối tượng, nguồn ánh sáng, hoặc bức ảnh hiện thời làm tham khảo cho cân bằng trắng (□ 121).

* Tất cả các giá trị là gần đúng và không phản ánh việc tinh chỉnh (nếu có).

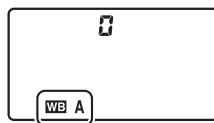
Cân bằng trắng được thiết lập bằng cách nhấn nút (WB) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Nút (WB)



Đĩa lệnh chính

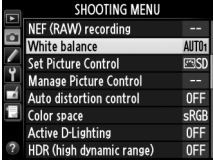


Bảng điều khiển



Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh cân bằng trắng cũng bằng cách sử dụng tùy chọn **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp (☐ 214), cũng có thể được sử dụng để dò tinh chỉnh cân bằng trắng (☐ 117) hoặc đo một giá trị cài đặt trước cho cân bằng trắng (☐ 121). Tùy chọn **Auto** (Tự động) trong menu **White balance** (Cân bằng trắng) có các lựa chọn **Normal** (Bình thường) và **Keep warm lighting colors** (Giữ màu sáng ấm), để giữ màu ấm do chiếu sáng sáng chói tạo ra, trong khi tùy chọn ☼ **Fluorescent** (Huỳnh quang) có thể dùng để chọn nguồn sáng từ các loại bóng đèn.



Chiếu Sáng Đèn Nháy Trong Phòng Thu

Cân bằng trắng tự động có thể tạo ra các kết quả mong muốn với các đơn vị đèn nháy trong phòng thu lớn. Sử dụng cân bằng trắng cài đặt trước hoặc đặt cân bằng trắng sang **Flash** (Đèn nháy) và sử dụng dò tinh chỉnh để điều chỉnh cân bằng trắng.



Nhiệt Độ Màu

Màu nhận được của một nguồn sáng khác nhau với người xem và các điều kiện khác. Nhiệt độ màu là cách đo khách quan của màu nguồn sáng, được quy định tham chiếu đến nhiệt độ mà một đối tượng được làm nóng để tỏa ra ánh sáng trong các bước sóng tương tự. Các nguồn sáng trắng với nhiệt độ màu ở khoảng 5.000–5.500 K xuất hiện hơi vàng hoặc đỏ. Các nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu cao hơn xuất hiện nhuộm màu xanh. Các tùy chọn cân bằng trắng máy ảnh thích ứng với các nhiệt độ màu sau đây:

- ☼ (sodium-vapor lamps) (đèn khí natri): **2.700 K**
- ☼ (incandescent) (huỳnh quang)/☼ (warm-white fluorescent) (huỳnh quang trắng ấm): **3.000 K**
- ☼ (white fluorescent) (huỳnh quang trắng): **3.700 K**
- ☼ (cool-white fluorescent) (cân bằng trắng huỳnh quang): **4.200 K**
- ☼ (day white fluorescent) (cân bằng trắng ánh sáng trắng ban ngày huỳnh quang): **5.000 K**
- ☼ (direct sunlight) (ánh sáng mặt trời trực tiếp): **5.200 K**
- ⚡ (flash) (đèn nháy): **5.400 K**
- ☁ (cloudy) (mây): **6.000 K**
- ☼ (daylight fluorescent) (cân bằng trắng ánh sáng ban ngày huỳnh quang): **6.500 K**
- ☼ (high temp. mercury-vapor) (đèn khí thủy ngân nhiệt độ cao): **7.200 K**
- ☼ (shade) (bóng râm): **8.000 K**



Xem Thêm

Khi **WB bracketing** (Cân bằng trắng bù trừ) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 (**Auto bracketing set** (Đặt chụp bù trừ tự động), ☐ 241), máy ảnh sẽ tạo ra vài ảnh mỗi khi cửa trập được nhả. Cân bằng trắng sẽ thay đổi với mỗi ảnh “chụp bù trừ” giá trị hiện được chọn cho cân bằng trắng (☐ 156).



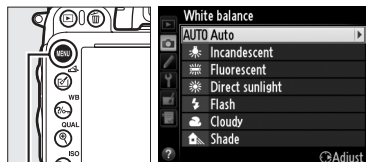
Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Cân bằng trắng có thể được “dò tinh chỉnh” để bù cho sai khác trong màu của nguồn sáng hoặc để tạo ra đổ màu chủ ý cho ảnh. Cân bằng trắng được tinh chỉnh bằng cách sử dụng tùy chọn **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp hoặc bằng cách nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ.

Menu Cân Bằng Trắng

1 Chọn tùy chọn cân bằng trắng trong menu chụp.

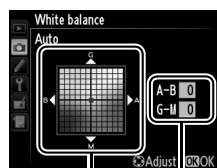
Để hiển thị các menu, bấm nút **MENU**. Chọn **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp sau đó làm nổi bật tùy chọn cân bằng trắng và nhấn **▶**. Nếu một tùy chọn không phải là **Auto** (Tự động), **Fluorescent** (Huỳnh quang), **Choose color temp.** (Chọn nhiệt độ màu), hoặc **Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay) được chọn thì chuyển sang Bước 2. Nếu **Auto** (Tự động), **Fluorescent** (Huỳnh quang) hoặc **Choose color temp.** (Chọn nhiệt độ màu) được chọn, làm nổi bật cài đặt mong muốn và nhấn **▶**. Để biết thông tin về tinh chỉnh cân bằng trắng cài đặt trước, xem trang 125.



Nút MENU

2 Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Sử dụng đa bộ chọn để dò tinh chỉnh cân bằng trắng. Có thể dò tinh chỉnh cân bằng trắng trên trục (A) hồ phách – (B) xanh trời và trục (G) xanh lá cây – (M) đỏ sậm. Trục (hồ phách-xanh trời) ngang tương ứng với nhiệt độ màu, với mỗi gia số tương đương với khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu. Trục (xanh lá cây-đỏ sậm) dọc có tác dụng tương tự tương ứng với các bộ lọc bù màu (CC).



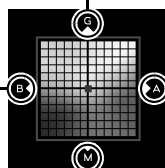
Tọa độ

Điều chỉnh

Tăng màu xanh lá cây

Xanh lá cây (G)

Xanh da trời (B)



Hồ phách (A)

Màu đỏ tươi (M)

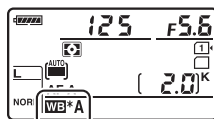
Tăng màu đỏ tươi

Tăng màu xanh trời

Tăng hồ phách

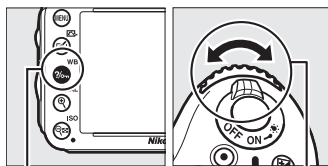
3 Nhấn **OK**.

Nhấn **OK** để lưu các cài đặt và quay trở lại menu chụp. Nếu cân bằng trắng đã được điều chỉnh, dấu hoa thị ("*") sẽ hiển thị trong bảng điều khiển.



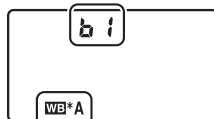
■ ■ Nút **WB** (WB)

Ở các cài đặt không phải là **☑** (**Choose color temp.** (Chọn nhiệt độ màu)) và **PRE** (**Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay)), có thể dùng nút **WB** để dò tinh chỉnh cân bằng trắng trên trục (A) hổ phách–(B) (xanh trời) (☞ 117; để dò tinh chỉnh cân bằng trắng khi **☑** hoặc **PRE** được chọn, sử dụng menu chụp như mô tả trên trang 117). Có sáu cài đặt trong cả hai hướng; mỗi gia số tăng tương đương với khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu (☞ 119). Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển. Việc xoay đĩa lệnh phụ sang trái làm tăng lượng màu hổ phách (A). Việc xoay đĩa lệnh phụ sang phải làm tăng lượng màu xanh trời (B). Tại các cài đặt không phải là 0, dấu hoa thị ("*") xuất hiện trong bảng điều khiển.



Nút **WB** (WB)

Đĩa lệnh phụ



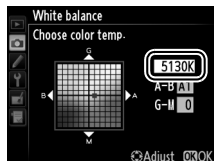
Bảng điều khiển

Dò Tinh Chính Cân Bằng Trắng

Các màu sắc trên trục tinh chỉnh chỉ là tương đối, không phải tuyệt đối. Ví dụ, việc di chuyển con trỏ đến **B** (xanh trời) khi cài đặt “ấm” như  (incandescent (sáng chói)) được chọn cho cân bằng trắng sẽ làm cho hình ảnh hơi “lạnh hơn” nhưng sẽ không thực sự làm ảnh có màu xanh trời.

Dò Tinh Chính Nhiệt Độ Màu

Khi **Choose color temp.** (Chọn nhiệt độ màu) được chọn, bạn có thể xem nhiệt độ màu trong dò tinh chỉnh cân bằng trắng.



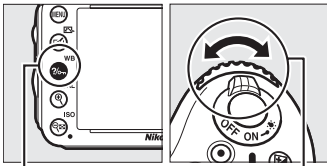
“Đơn vị đo nhiệt độ màu”

Bất kỳ thay đổi nào được thực hiện trong nhiệt độ màu sẽ tạo ra khác biệt lớn hơn đối với màu ở nhiệt độ màu thấp so với ở nhiệt độ màu cao hơn. Ví dụ, thay đổi 1000 K sẽ dẫn tới thay đổi nhiều hơn ở màu 3000 K so với ở 6000 K. Đơn vị đo nhiệt độ màu được tính bằng cách nhân nghịch đảo nhiệt độ màu với 10⁶, là một thước đo nhiệt độ màu có tính tới sự thay đổi, và đó là đơn vị được sử dụng trong các bộ lọc bù nhiệt độ màu. Ví dụ:

- 4000 K–3000 K (chênh lệch 1000 K)=83 đơn vị đo nhiệt độ màu
- 7000 K–6000 K (chênh lệch 1000 K)=24 đơn vị đo nhiệt độ màu

Chọn Nhiệt Độ Màu

Khi **[WB]** (**Choose color temp.** (Chọn nhiệt độ màu)) được chọn cho cân bằng trắng, có thể chọn nhiệt độ màu bằng cách nhấn nút **[WB]** và xoay đĩa lệnh phụ. Nhiệt độ màu được hiển thị trong bảng điều khiển.



Nút **[WB]**

Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

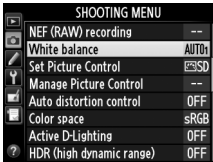
WB

Chọn Nhiệt Độ Màu

Lưu ý rằng không thể đạt được kết quả mong muốn với đèn nháy hoặc chiếu sáng huỳnh quang. Chọn **[Flash]** (Đèn nháy) hoặc **[Fluorescent]** (Huỳnh quang) cho các nguồn này. Với các nguồn sáng khác, hãy chụp thử để xác định xem giá trị được chọn có thích hợp không.

Menu Cân Bằng Trắng

Cũng có thể lựa chọn nhiệt độ màu trong menu cân bằng trắng. Lưu ý rằng nhiệt độ màu với nút **[WB]** và quay số phụ lệnh thay thế các giá trị được chọn trong menu cân bằng trắng.



Cài Đặt Trước Bằng Tay

Cài đặt trước bằng tay được sử dụng để ghi lại và gọi lại các cài đặt cân bằng trắng tùy chọn để chụp dưới ánh sáng hỗn hợp hoặc để bù cho các nguồn sáng ám màu mạnh. Máy ảnh có thể lưu trữ tới bốn giá trị cho cân bằng trắng cài đặt trước ở các cài đặt trước d-1 tới d-4. Có hai phương pháp để thiết lập cân bằng trắng cài đặt trước:

Phương pháp	Mô tả
Đo trực tiếp	Màu xám trung tính hoặc màu trắng được đặt dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong ảnh cuối cùng và cân bằng trắng được máy ảnh đo (□ 121).
Sao từ ảnh hiện tại	Cân bằng trắng được sao chép từ ảnh trên thẻ nhớ (□ 124).

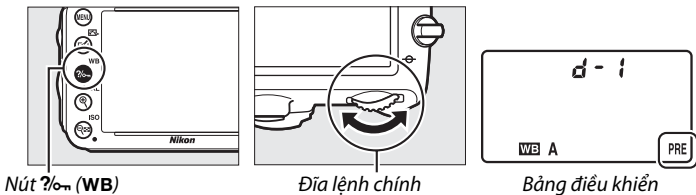
■ Đo Giá Trị cho Cân Bằng Trắng

1 Chiếu sáng đối tượng tham chiếu.

Đặt đối tượng màu trung tính hay đối tượng trắng dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong bức ảnh cuối cùng. Trong các thiết lập phòng thu, có thể sử dụng một bảng màu xám chuẩn làm đối tượng tham chiếu. Lưu ý rằng phơi sáng tự động tăng 1 EV khi đo cân bằng trắng; trong chế độ **M**, điều chỉnh phơi sáng để chỉ báo phơi sáng hiển thị ± 0 (□ 78).

2 Đặt cân bằng trắng sang **PRE (Preset manual (Cài đặt trước bằng tay))**.

Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi **PRE** được hiển thị trong bảng điều khiển.



🔧 Đo Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Không thể đo được cân bằng trắng thủ công thiết lập sẵn trong khi xem trực tiếp (□ 49, 57), trong khi bạn đang chụp ảnh HDR (□ 139) hoặc đa phơi sáng (□ 160), hoặc khi **Record movies** (Ghi phim) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Assign shutter button** (Gán nút cửa trập), □ 248).

3 Chọn cài đặt trước.

Nhấn nút **WB** (WB) và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt trước cân bằng trắng (d-1 đến d-4) được hiển thị trong bảng điều khiển.



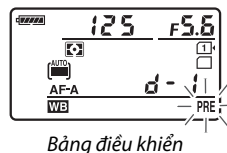
Nút WB (WB)

Đĩa lệnh phụ

Bảng điều khiển

4 Chọn chế độ đo trực tiếp.

Nhấn nhanh nút **WB** (WB) và sau đó nhấn nút lại cho đến khi biểu tượng **PRE** trong bảng điều khiển bắt đầu nhấp. **Pr-E** nhấp nhấp cũng sẽ xuất hiện trong kính ngắm. Hiển thị sẽ nhấp nhấp khoảng sáu giây.



Bảng điều khiển



Kính ngắm

5 Đo cân bằng trắng.

Trước khi các chỉ báo ngừng nhấp, tạo khuôn hình đối tượng tham chiếu để nó lấp đầy kính ngắm và nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ. Máy ảnh sẽ đo một giá trị cân bằng trắng và lưu vào giá trị thiết lập sẵn được chọn ở Bước 3. Bức ảnh sẽ không được ghi lại; có thể đo cân bằng trắng chính xác ngay cả khi máy ảnh không lấy nét.

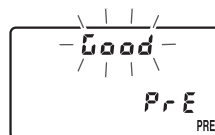


Giá Trị Thiết Lập Sẵn Được Bảo Vệ

Nếu giá trị thiết lập sẵn hiển thị tại được bảo vệ (□ 127), **Pr-E** sẽ nhấp trong bảng điều khiển và kính ngắm nếu bạn cố gắng đo giá trị mới.

6 Kiểm tra kết quả.

Nếu máy ảnh có thể đo một giá trị cho cân bằng trắng, **Good** sẽ nhấp trong bảng điều khiển khoảng sáu giây, trong khi kính ngắm sẽ hiển thị **Good** nhấp nháy.

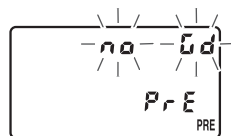


Bảng điều khiển



Kính ngắm

Nếu ánh sáng quá tối hoặc quá sáng, máy ảnh có thể không đo được cân bằng trắng. **no Good** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển và kính ngắm trong khoảng sáu giây. Bấm nút nhả cửa trập nửa chừng để trở lại Bước 5 và đo lại cân bằng trắng.



Bảng điều khiển



Kính ngắm

✓ Chế Độ Đo Trực Tiếp

Nếu không có hoạt động được thực hiện trong khi màn hình hiển thị đang nhấp nháy, chế độ đo trực tiếp sẽ kết thúc trong thời gian lựa chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer** (Hẹn giờ chờ), □ 227).

✎ Chọn Giá Trị Thiết Lập Sẵn

Việc chọn **Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay) cho tùy chọn **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp sẽ hiển thị hộp thoại như bên phải; làm nổi bật giá trị cài đặt trước và nhấn **OK**. Nếu không có giá trị nào hiện tồn tại cho giá trị cài đặt trước được chọn, cân bằng trắng sẽ được đặt sang 5.200 K, tương tự như **Direct sunlight** (Ánh sáng mặt trời trực tiếp).

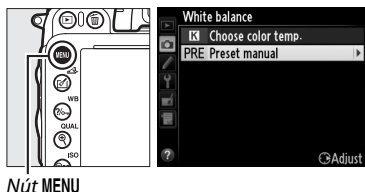


■ Sao Chép Cân Bằng Trắng từ Ảnh

Tuân theo các bước bên dưới để sao chép giá trị cho cân bằng trắng từ ảnh hiện có cho thiết lập sẵn được chọn.

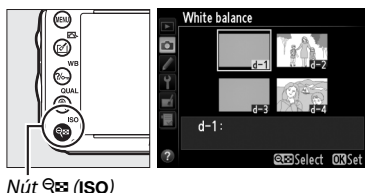
1 Chọn PRE (Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)) cho White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp.

Nhấn nút MENU và chọn **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp. Làm nổi bật **Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay) và nhấn ►.



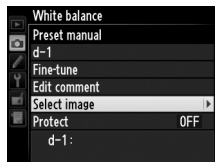
2 Chọn đích đến.

Làm nổi bật thiết lập sẵn đích đến (d-1 đến d-4) và nhấn **ISO**.



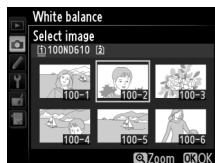
3 Chọn Select image (Chọn hình ảnh).

Làm nổi bật **Select image** (Chọn hình ảnh) và nhấn ►.



4 Làm nổi bật một hình ảnh nguồn.

Làm nổi bật hình ảnh nguồn.



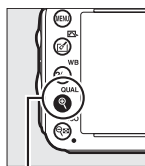
5 Nhấn **OK**.

Nhấn **OK** để sao chép giá trị cân bằng trắng cho bức ảnh được làm nổi bật cho cài đặt trước được chọn. Nếu bức ảnh được làm nổi bật có một nhận xét (□ 253), nhận xét sẽ được sao chép vào nhận xét của cài đặt trước được chọn.



Chọn Hình Ảnh Nguồn

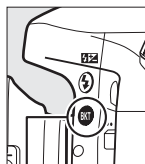
Để xem toàn khuôn hình hình ảnh được làm nổi bật trong Bước 4, nhấn và giữ nút **QUAL**.



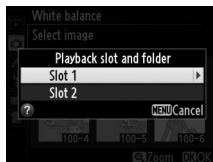
Nút **QUAL**



Để xem hình ảnh trong các địa điểm khác, giữ nút **BKT** và nhấn **▲**. Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị; chọn thẻ và thư mục mong muốn (📁 178).

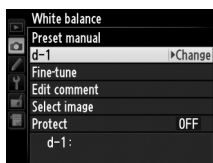


Nút **BKT**



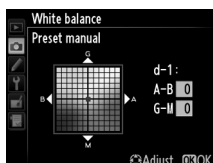
Chọn Cài Đặt Trước Cân Bằng Trắng

Nhấn **▲** để làm nổi bật cài đặt trước cân bằng trắng (d-1-d-4) và nhấn **▶** để chọn cài đặt trước khác.



Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

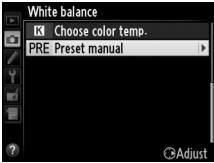
Giá trị thiết lập sẵn được chọn có thể được điều chỉnh bằng cách chọn **Fine-tune** (Tinh chỉnh) và điều chỉnh cân bằng trắng như mô tả trên trang 117.



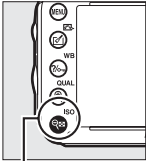
■ Ghi Nhận Xét

Thực hiện theo các bước dưới đây để nhập nhận xét mô tả lên đến ba mươi sáu ký tự cho cài đặt trước cân bằng trắng được chọn.

- 1 Chọn PRE (Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)).**
Làm nổi bật **Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay) trong menu cân bằng trắng và nhấn ►.



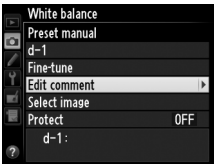
- 2 Chọn cài đặt trước.**
Làm nổi bật thiết lập sẵn mong muốn và nhấn **ISO**.



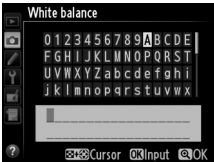
Nút **ISO**



- 3 Chọn Edit comment (Sửa nhận xét).**
Làm nổi bật **Edit comment** (Sửa nhận xét) và nhấn ►.



- 4 Sửa nhận xét.**
Sửa nhận xét như mô tả trên trang 135.

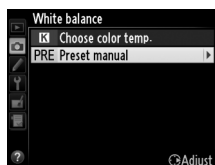


■■ Bảo Vệ Thiết Lập Sẵn Cân Bằng Trắng

Làm theo các bước dưới đây để bảo vệ giá trị thiết lập sẵn cân bằng trắng được chọn. Không thể sửa đổi các giá trị thiết lập sẵn được bảo vệ và không thể sử dụng được các tùy chọn **Fine-tune** (Tinh chỉnh) và **Edit comment** (Sửa nhận xét).

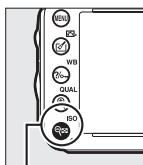
1 Chọn PRE (Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)).

Làm nổi bật **Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay) trong menu cân bằng trắng và nhấn ►.



2 Chọn cài đặt trước.

Làm nổi bật thiết lập sẵn mong muốn và nhấn  (ISO).

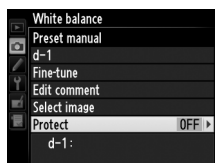


Nút ♞ (ISO)



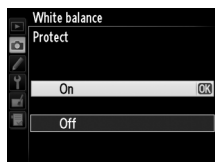
3 Chon Protect (Bảo vệ).

Làm nổi bật **Protect** (Bảo vệ) và nhấn ►.



4 Chon On (Bât).

Làm nổi bật **On** (Bật) và nhấn **OK** để bảo vệ cho những giá trị thiết lập sẵn cân bằng trắng được chọn. Để bỏ bảo vệ, chọn **Off** (Tắt).







Tăng Cường Hình Ảnh

Picture Control

(Chỉ các chế độ P, S, A và M)

Hệ thống Picture Control duy nhất của Nikon có thể chia sẻ các thiết lập xử lý hình ảnh, bao gồm độ sắc nét, độ tương phản, độ sáng, độ bão hòa, và sắc thái giữa các thiết bị và phần mềm tương thích.

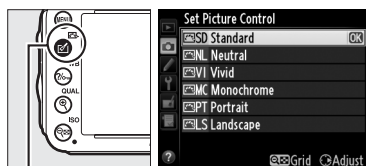
Chọn Picture Control

Máy ảnh này có các lựa chọn Picture Control cài đặt trước như sau. Ở các chế độ **P**, **S**, **A** và **M**, bạn có thể chọn Picture Control theo đối tượng hoặc loại cảnh (ở các chế độ khác, máy ảnh sẽ tự động lựa chọn Picture Control).

Tùy chọn	Mô tả
Standard (Tiêu chuẩn)	Xử lý tiêu chuẩn cho kết quả cân bằng. Khuyến dùng trong hầu hết các tình huống.
Neutral (Trung tính)	Xử lý tối thiểu cho kết quả tự nhiên. Chọn bức ảnh mà bạn sẽ xử lý hoặc chỉnh sửa một cách bao quát sau.
Vivid (Sống động)	Hình ảnh được tăng cường hiệu ứng sống động, in ảnh. Chọn bức ảnh nhấn mạnh đến màu sắc cơ bản.
Monochrome (Đơn sắc)	Chụp ảnh đơn sắc.
Portrait (Dạng chân dung)	Xử lý chân dung cho làn da với kết cấu tự nhiên và cảm giác tròn đầy.
Landscape (Dạng phong cảnh)	Tạo ra ảnh phong cảnh và cảnh quan thành phố sống động.

1 Bấm ().

Danh sách các Picture Control sẽ được hiển thị.

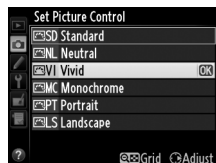


Nút ()

2 Chọn một Picture Control.

Làm nổi bật Picture Control mong muốn và nhấn

.

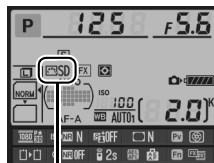


Picture Control Tùy Chọn

Picture Control Tùy Chọn được tạo ra thông qua sửa đổi các Picture Control hiện có bằng cách sử dụng tùy chọn **Manage Picture Control** (Quản Lý Picture Control) trong menu chụp (□ 134). Picture Control Tùy Chọn có thể được lưu vào thẻ nhớ để chia sẻ với các máy ảnh khác cùng kiểu máy và phần mềm tương thích (□ 136).

Chỉ Báo Picture Control

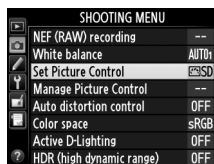
Picture Control hiện tại được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin khi nhấn nút .



Chỉ báo Picture Control

Menu Chụp

Cũng có thể chọn Picture Control bằng cách sử dụng tùy chọn **Set Picture Control** (Đặt Picture Control) trong menu chụp (□ 214).

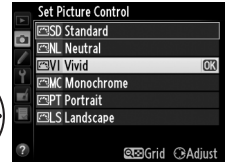


Sửa Đổi Picture Control

Picture Control cài đặt trước hoặc tùy chọn (□ 134) có thể được sửa đổi để phù hợp với cảnh hoặc mục đích sáng tạo của người dùng. Chọn kết hợp cân bằng các thiết lập bằng cách sử dụng **Quick adjust** (Điều chỉnh nhanh), hoặc điều chỉnh bằng tay các thiết lập cá nhân.

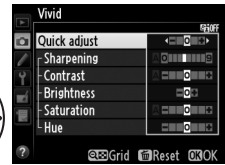
1 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật Picture Control mong muốn trong danh sách Picture Control (□ 129) và nhấn ►.



2 Điều chỉnh cài đặt.

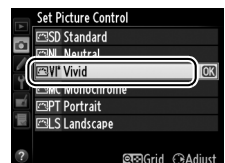
Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật các thiết lập mong muốn (□ 132) và nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn giá trị. Lặp lại bước này cho đến khi tất cả các cài đặt được điều chỉnh, hoặc chọn **Quick adjust** (Điều chỉnh nhanh) để chọn kết hợp các thiết lập cài sẵn. Các cài đặt mặc định có thể được phục hồi bằng cách nhấn nút 𐄂 (FORMAT).



3 Nhấn OK.

Các Sửa Đổi Picture Control Gốc

Các Picture Control được sửa đổi từ các cài đặt mặc định được chỉ báo bởi dấu hoa thị ("*").



■ Cài Đặt Picture Control

Tùy chọn		Mô tả
Quick adjust (Điều chỉnh nhanh)		Chọn các tùy chọn giữa -2 và +2 để làm giảm hoặc tăng hiệu ứng của Picture Control đã chọn (lưu ý rằng việc này sẽ khôi phục lại tất cả các điều chỉnh bằng tay). Ví dụ, lựa chọn các giá trị dương cho Vivid (Sống động) để tạo hình ảnh sống động hơn. Không có với Picture Control Neutral (Trung tính) hoặc Monochrome (Đơn sắc).
Điều chỉnh bằng tay (tất cả Picture Control)	Sharpening (Làm sắc nét)	Kiểm soát độ sắc nét của đường nét. Chọn A để điều chỉnh độ sắc nét tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị trong khoảng 0 (không làm sắc nét) đến 9 (giá trị càng cao, độ sắc nét càng lớn).
	Contrast (Độ tương phản)	Chọn A để điều chỉnh độ tương phản tự động theo cảnh, hoặc chọn giá trị trong khoảng từ -3 đến +3 (chọn giá trị thấp hơn để tránh những nổi bật ở đối tượng chân dung khỏi bị “biến mất” do ánh nắng trực tiếp; giá trị cao hơn để giữ lại những chi tiết không rõ trong ảnh phong cảnh và các đối tượng có độ tương phản thấp khác).
	Brightness (Độ sáng)	Chọn -1 để giảm độ sáng, +1 tăng độ sáng. Không ảnh hưởng đến phơi sáng.
Điều chỉnh bằng tay (chỉ không đơn sắc)	Saturation (Độ bão hòa)	Kiểm soát độ sống động của màu sắc. Chọn A để điều chỉnh độ bão hòa tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị từ -3 đến +3 (giá trị thấp hơn làm giảm độ bão hòa, và giá trị cao hơn làm tăng độ bão hòa).
	Hue (Màu sắc)	Chọn các giá trị âm (tối thiểu là -3) để làm cho màu đỏ thành tím hơn, xanh da trời thành xanh lá cây hơn, và xanh lá cây thành vàng hơn; các giá trị dương (lên tới +3) làm màu đỏ thành cam hơn, xanh lá cây thành xanh da trời hơn, và xanh da trời thành tím hơn.
Điều chỉnh bằng tay (chỉ đơn sắc)	Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	Mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu trên ảnh đơn sắc. Chọn từ Off (Tắt), vàng, cam, đỏ, và xanh lá cây (☐ 133).
	Toning (Tông màu)	Chọn màu được sử dụng trong các ảnh đơn sắc từ B&W (Đen và trắng), Sepia (Nâu đỏ), Cyanotype (Đơn sắc nhuộm xanh), Red (Đỏ), Yellow (Vàng), Green (Xanh lá cây), Blue Green (Xanh), Blue (Xanh da trời), Purple Blue (Xanh tía), Red Purple (Đỏ tía) (☐ 133).



“A” (Tự Động)

Kết quả độ sắc nét, độ tương phản, độ bão hòa tự động sẽ thay đổi theo độ phơi sáng và vị trí của đối tượng trong khung. Sử dụng thấu kính loại G, E hoặc D cho kết quả tốt nhất.

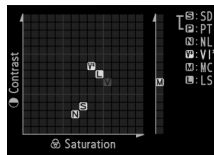


Picture Control Tùy Chọn

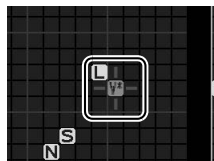
Các tùy chọn có sẵn cho Picture Control tùy chọn giống như những tùy chọn mà Picture Control tùy chọn dựa trên đó.

Lưới Picture Control

Khi nhấn nút  (**ISO**) ở Bước 2 trên trang 131 sẽ hiển thị một lưới Picture Control hiển thị độ tương phản và độ bão hòa của Picture Control đã chọn liên quan đến Picture Control khác (tương phản chỉ được hiển thị khi chọn **Monochrome** (Đơn sắc)). Nhấn nút  (**ISO**) để trở lại menu Picture Control.

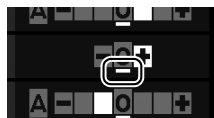


Các biểu tượng Picture Control sử dụng độ tương phản và độ bão hòa tự động được hiển thị bằng màu xanh lá cây trong lưới Picture Control, và các đường xuất hiện song song với trục của lưới.



Cài Đặt Trước Đó

Dòng dưới màn hình hiển thị giá trị trong menu cài đặt Picture Control cho thấy các giá trị cài đặt trước đó. Sử dụng phần này làm tham khảo khi điều chỉnh các thiết lập.



Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc) (Chỉ Đơn Sắc)

Các tùy chọn trong menu này mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu sắc trên ảnh đơn sắc. Có các hiệu ứng bộ lọc sau đây:

Tùy chọn		Mô tả
Y	Vàng	Tăng độ tương phản. Có thể được sử dụng để giảm bớt độ sáng bầu trời trong các bức ảnh phong cảnh. Màu cam tạo ra độ tương phản hơn vàng, màu đỏ tương phản hơn so với cam.
O	Cam	
R	Đỏ	
G	Xanh lá cây	Làm mềm tông màu da. Có thể được sử dụng cho ảnh chân dung.

Lưu ý rằng các hiệu ứng đạt được do **Filter effects** (Hiệu ứng bộ lọc) thì rõ rệt hơn so với những hiệu ứng của các bộ lọc thủy tinh vật lý.

Toning (Tông Màu) (Chỉ Đơn Sắc)

Nhấn  khi đã chọn **Toning** (Tông màu) sẽ hiển thị các tùy chọn độ bão hòa. Nhấn  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa. Kiểm soát độ bão hòa không có sẵn khi chọn chế độ **B&W** (đen và trắng).

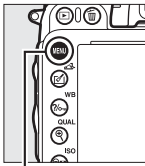


Tạo Picture Control Tùy Chọn

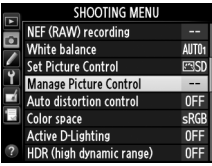
Picture Control được cung cấp với máy ảnh có thể được sửa đổi và lưu lại dưới dạng Picture Control tùy chọn.

1 Chọn Manage Picture Control (Quản Lý Picture Control) trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, bấm nút MENU. Làm nổi bật **Manage Picture Control** (Quản lý Picture Control) trong menu chụp và nhấn ►.



Nút MENU



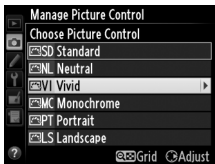
2 Chọn Save/edit (Lưu/chỉnh sửa).

Làm nổi bật **Save/edit** (Lưu/chỉnh sửa) và nhấn ►.



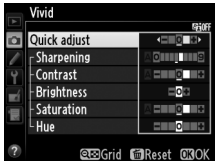
3 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật một Picture Control hiện có và nhấn ►, hoặc nhấn nút OK để chuyển sang Bước 5 và lưu bản sao của Picture Control được làm nổi bật mà không sửa đổi thêm.



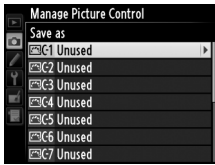
4 Chỉnh sửa Picture Control đã chọn.

Xem trang 132 để biết thêm thông tin. Để bỏ bất kỳ thay đổi và bắt đầu từ các cài đặt mặc định, nhấn nút (RESET). Nhấn OK khi cài đặt xong.



5 Chọn đích đến.

Chọn đích đến của Picture Control tùy chọn (C-1 tới C-9) và nhấn ►.



6 Đặt tên Picture Control.

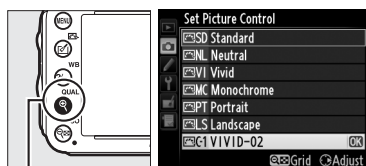
Hộp thoại nhập văn bản sẽ được hiển thị ở bên phải. Theo mặc định, các Picture Control mới sẽ được đặt tên bằng cách thêm vào một số có hai chữ số (được chỉ định tự động) vào tên của Picture Control hiện có; để sử dụng tên mặc định, sang Bước 7. Để di chuyển con trỏ trong vùng tên, giữ nút **ISO** và nhấn **◀** hoặc **▶**. Để nhập một chữ cái mới ở vị trí con trỏ hiện tại, sử dụng đa bộ chọn để làm nổi ký tự mong muốn trong khu vực bàn phím và nhấn **OK**. Để xóa các ký tự tại vị trí con trỏ hiện tại, nhấn nút **⌫** (DELETE).

Tên của Picture Control Tùy Chọn có thể dài đến mười chín ký tự. Bất kỳ ký tự nào đứng sau ký tự thứ mười chín sẽ bị xóa.



7 Nhấn **QUAL**.

Nhấn nút **QUAL** để lưu thay đổi và thoát. Picture Control mới sẽ xuất hiện trong danh sách Picture Control.



Nút **QUAL**

Manage Picture Control (Quản Lý Picture Control) > Rename (Đổi Tên)

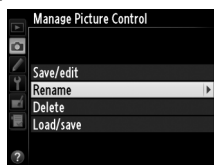
Picture Control Tùy Chọn có thể được đổi tên bất cứ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Rename** (Đổi tên) trong menu **Manage Picture Control** (Quản Lý Picture Control).

Manage Picture Control (Quản Lý Picture Control) > Delete (Xóa)

Tùy chọn **Delete** (Xóa) trong menu **Manage Picture Control** (Quản Lý Picture Control) có thể được sử dụng để xóa các Picture Control tùy chọn khi chúng không còn cần thiết.

Biểu Tượng Picture Control Ban Đầu

Picture Control cài đặt trước ban đầu mà Picture Control tùy chọn dựa trên đó được biểu thị bằng biểu tượng ở góc trên bên phải màn hình hiển thị chỉnh sửa.



Biểu tượng Picture Control Ban Đầu

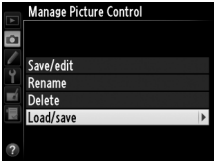


Chia Sẻ Picture Control Tùy Chọn

Picture Control Tùy Chọn được tạo ra bằng cách sử dụng Tiện Ích Picture Control có sẵn với ViewNX 2 hoặc phần mềm tùy chọn như Capture NX 2, có thể được sao chép vào thẻ nhớ và được tải vào máy ảnh; hoặc Picture Control tùy chọn được tạo ra với máy ảnh có thể được sao chép vào thẻ nhớ để sử dụng trong các máy ảnh D610 khác và phần mềm tương thích, và sau đó xóa đi khi không còn cần thiết.

Để sao chép các Picture Control tùy chọn đến hoặc từ thẻ nhớ, hoặc để xóa các Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ, hãy làm nổi bật **Load/Save** (Tải/lưu) trong menu **Manage Picture Control** (Quản Lý Picture Control) và nhấn ►. Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị:

- **Copy to camera** (Sao chép vào máy ảnh): Sao chép Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ đến Picture Control tùy chọn C-1 tới C-9 trên máy ảnh và đặt tên chúng như mong muốn.
- **Delete from card** (Xóa khỏi thẻ): Xóa Picture Control tùy chọn đã chọn khỏi thẻ nhớ. Hộp thoại xác nhận sẽ hiển thị bên phải trước khi một Picture Control bị xóa; để xóa Picture Control đã chọn, làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn OK.
- **Copy to card** (Sao chép vào thẻ): Sao chép một Picture Control tùy chọn (C-1 đến C-9) từ máy ảnh tới đích đến đã chọn (1 đến 99) trên thẻ nhớ.



Lưu Picture Control Tùy Chọn

Có thể lưu tới 99 Picture Control tùy chọn vào thẻ nhớ tại bất kỳ thời điểm nào. Thẻ nhớ có thể chỉ được sử dụng để lưu trữ các Picture Control tùy chọn do người dùng tạo ra. Không thể sao chép sang thẻ nhớ, đổi tên hoặc xóa các Picture Control cài đặt trước được cung cấp với máy ảnh (129).

Các tùy chọn trong menu **Manage Picture Control** (Quản Lý Picture Control) chỉ áp dụng cho thẻ nhớ trong Khe 1. Không thể xóa hoặc sao chép các Picture Control Tùy chọn đến hoặc từ thẻ nhớ trong Khe 2.

Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng

D-Lighting hoạt động

(Chỉ các chế độ P, S, A và M)

D-Lighting Hoạt Động giữ lại các chi tiết được làm nổi bật và các chi tiết trong bóng, tạo ra các bức ảnh có độ tương phản tự nhiên. Sử dụng cho những cảnh có độ tương phản cao, ví dụ như khi chụp cảnh sáng ngoài trời qua cánh cửa hay cửa sổ, hoặc chụp các đối tượng bóng mờ vào một ngày nắng. Hiệu quả nhất khi dùng với chế độ đo sáng ma trận (☐ 109).



Tắt D-Lighting Hoạt Động



D-Lighting Hoạt Động: **☑** A Tự động

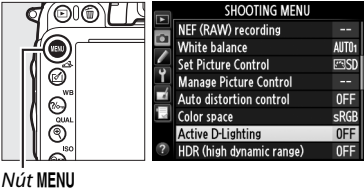


“Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động)” So Với “D-Lighting”

Tùy chọn **Active D-Lighting** (D-Lighting hoạt động) trong menu chụp sẽ điều chỉnh phơi sáng trước khi chụp để tối đa hóa dải tương phản, trong khi đó, tùy chọn **D-Lighting** trong menu sửa lại làm tối ưu hóa dải tương phản của ảnh sau khi chụp.

1 Chọn Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động) trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, bấm nút MENU. Làm nổi bật **Active D-Lighting** (D-Lighting hoạt động) trong menu chụp và nhấn ►.



2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn OK. Nếu **■ A Auto** (Tự động) được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh D-Lighting Hoạt Động theo điều kiện chụp (tuy nhiên, trong chế độ M, **■ A Auto** (Tự động) sẽ tương đương với **■ N Normal** (Bình thường)).



✓ Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động)

D-Lighting hoạt động không được sử dụng với phim. Nhiều (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với D-Lighting Hoạt Động. Một số đối tượng có thể có độ bóng không đồng đều. D-Lighting Hoạt Động không thể được sử dụng ở độ nhạy ISO Hi 0,3 hoặc cao hơn.

✎ Xem Thêm

Khi chọn **ADL bracketing** (Bù trừ ADL) cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 (**Auto bracketing set** (Đặt chụp bù trừ tự động), 241), máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting Hoạt Động trong các lượt chụp (158). Để biết thông tin về cách sử dụng nút Fn và đĩa lệnh để chọn tùy chọn tùy chọn D-Lighting hoạt động, xem trang 242.

Dải Động Cao (HDR)

Được sử dụng với các đối tượng có độ tương phản cao, **High Dynamic Range** (Dải Động Cao) (HDR) giữ được các chi tiết nổi bật và bóng bằng cách kết hợp hai ảnh chụp ở các phơi sáng khác nhau. HDR hiệu quả nhất khi được sử dụng với đo sáng ma trận (☐ 109; với các phương pháp đo sáng khác và một thấu kính không CPU, phơi sáng lệch khác ở **Auto** (Tự động) tương đương với khoảng 2 EV). Không thể sử dụng để ghi hình ảnh NEF (RAW). Ghi phim (☐ 57), chiếu sáng đèn nháy, chụp bù trừ (☐ 153), đa phơi sáng (☐ 160), và ảnh tua nhanh thời gian (☐ 168) không thể sử dụng trong khi HDR có hiệu lực và tốc độ cửa trập $\frac{1}{200}$ không có sẵn.



Phơi sáng lần đầu (tối hơn)

+



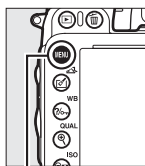
Phơi sáng lần hai (sáng hơn)



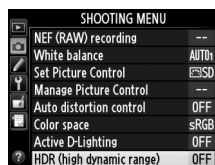
Ảnh HDR kết hợp

1 Chọn HDR (high dynamic range) (HDR (dải động cao)).

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **HDR (high dynamic range)** (HDR (dải động cao)) trong menu chụp và nhấn ►.

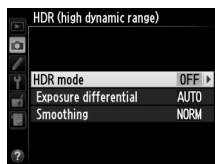


Nút MENU



2 Chọn một chế độ.

Làm nổi bật **HDR mode** (Chế độ HDR) và nhấn ►.

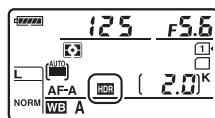


Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn **OK**.

- **Để chụp một loạt ảnh HDR**, chọn **ON (series)** (Bật (loạt ảnh)). Chụp HDR sẽ tiếp tục cho đến khi bạn chọn **Off** (Tắt) cho **HDR mode** (Chế độ HDR).
- **Để chụp một ảnh HDR**, chọn **On (single photo)** (Bật (một ảnh)). Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một ảnh HDR.
- **Để thoát mà không tạo thêm ảnh HDR**, chọn **Off** (Tắt).

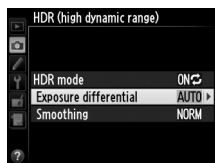


Nếu **On (series)** (Bật (loạt ảnh)) hoặc **On (single photo)** (Bật (một ảnh)) được chọn, biểu tượng sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển.

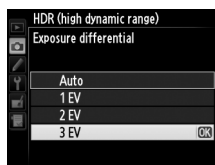


3 Chọn độ lệch phơi sáng.

Để chọn độ lệch phơi sáng giữa hai bức ảnh, làm nổi bật **Exposure differential** (Độ lệch phơi sáng) và nhấn ►.

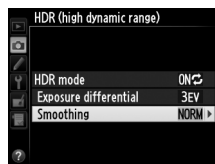


Các tùy chọn sẽ được hiển thị ở bên phải. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**. Chọn giá trị cao hơn cho đối tượng có độ tương phản cao, nhưng lưu ý rằng việc chọn giá trị cao hơn so với yêu cầu có thể không mang lại kết quả mong muốn, nếu **Auto** (Tự động) được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh phơi sáng cho phù hợp với cảnh.



4 Chọn mức độ mượt.

Để chọn số ranh giới giữa hai hình ảnh được làm mượt, làm nổi bật **Smoothing** (Mượt) và nhấn ►.



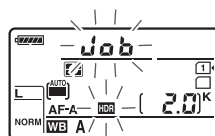
Các tùy chọn sẽ được hiển thị ở bên phải. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**. Giá trị cao hơn sẽ tạo ra ảnh ghép mượt hơn. Một số đối tượng có thể có độ bóng không đồng đều.



5 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Máy ảnh phơi sáng hai lần khi nút nhả cửa trập được bấm hết cỡ.

Job HDR sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và **Job HDR** trong kính ngắm khi ảnh được kết hợp; không chụp thêm được ảnh cho đến khi ghi xong. Bất kể tùy chọn nào được chọn cho chế độ nhả, chỉ một ảnh được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.



Bảng điều khiển



Kính ngắm

Nếu **On (series)** (Bật (loạt ảnh)) được chọn, HDR sẽ tắt khi **Off** (Tắt) được chọn cho **HDR mode** (Chế độ HDR); nếu **On (single photo)** (Bật (một ảnh)) được chọn, HDR tự động tắt sau khi ảnh được chụp. Biểu tượng **HDR** được xóa khỏi màn hình khi chụp ảnh HDR kết thúc.

✓ Tạo Khuôn Ảnh HDR

Các mép của ảnh sẽ được cắt bỏ. Có thể không đạt được kết quả mong muốn nếu di chuyển máy ảnh hoặc đối tượng trong quá trình chụp. Nên sử dụng giá ba chân. Tùy thuộc vào cảnh, bóng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng sáng hoặc quá sáng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng tối; có thể giảm hiệu ứng này bằng cách điều chỉnh số lượng làm mịn.

✍ Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Nếu **On (series)** (Bật (loạt ảnh)) được chọn cho **HDR mode** (Chế độ HDR) trước khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bắt đầu, máy ảnh sẽ tiếp tục chụp ảnh HDR ở quảng thời gian được chọn (Nếu **On (single photo)** (Bật (một ảnh)) được chọn, chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc sau khi chụp một ảnh).





Chụp Ảnh Có Đèn Nháy

Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Đèn nháy gắn sẵn có Số Hướng Dẫn (GN) 12 (m, ISO 100, 20 °C) và tạo góc xem của thấu kính 24 mm hoặc thấu kính 16 mm trong định dạng DX. Nó có thể được sử dụng không chỉ khi thiếu sáng tự nhiên mà còn để làm đầy các vùng bóng và tăng sáng cho các đối tượng ngược sáng hoặc để tăng độ bắt sáng của mắt đối tượng.

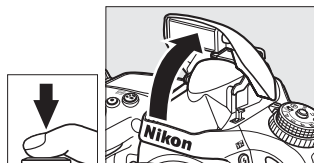
■ **Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn: Chế độ** và

1 Chọn một chế độ đèn nháy (144).

2 Chụp ảnh.

Đèn nháy sẽ bật lên theo yêu cầu khi nút nhả của trập được nhấn nửa chừng, và bật khi chụp một bức ảnh.

Nếu đèn nháy không tự động bật lên, ĐỪNG cố nâng nó lên bằng tay. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng đèn nháy.



■ **Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn: Chế Độ P, S, A, M và**

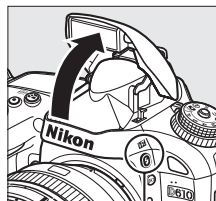
1 Nâng đèn nháy.

Nhấn nút () để nâng đèn nháy.

2 Chọn chế độ đèn nháy (chỉ chế độ P, S, A, và M; 144).

3 Chụp ảnh.

Đèn nháy sẽ bật sáng mỗi khi ảnh được chụp.



Nút ()

Đo Sáng

Chọn đo sáng ma trận hoặc đo sáng cân bằng trung tâm để kích hoạt nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số. Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn dành cho SLR kỹ thuật số được kích hoạt tự động khi đo sáng điểm được chọn.



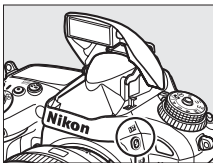
Chế Độ Đèn Nháy

Các chế độ đèn nháy có sẵn thay đổi theo chế độ chụp:

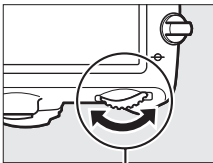
AUTO, S, A, M, L, P, A		S, M	
 Tự động	 Tự động+Đồng bộ chậm+giảm mắt đỏ	 Đèn nháy làm đầy	
 Tự động+giảm mắt đỏ	 Tự động+đồng bộ chậm		
 Tắt	 Tắt		
P, A		S, M	
 Đèn nháy làm đầy		 Đèn nháy làm đầy	
 Giảm mắt đỏ		 Giảm mắt đỏ	
 Đồng bộ chậm+giảm mắt đỏ		 Đồng bộ màn phía sau	
 Đồng bộ chậm			
 Màn phía sau+đồng bộ chậm*			

* SLOW được hiển thị khi cài đặt hoàn tất.

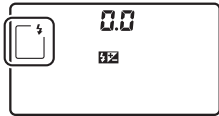
Để chọn một chế độ đèn nháy, nhấn nút  () và xoay nút đĩa lệnh chính cho đến khi chế độ cài đặt mong muốn hiển thị trên bảng điều khiển.



Nút  ()



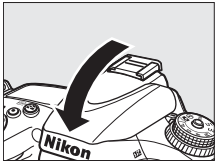
Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

Hạ Đèn Nháy Gắn Sẵn

Để tiết kiệm pin khi đèn nháy không được sử dụng, nhấn nhẹ nút hạ xuống cho đến khi chốt khớp vào đúng vị trí.



Chế Độ Đèn Nháy Mặc Định

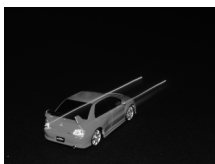
Chế độ đèn nháy mặc định được hiển thị dưới đây.

Chế độ	Mặc Định	Chế độ	Mặc Định
 AUTO,  ,  ,  , 	Tự động		Tự động+đồng bộ chậm
	Tự động+giảm mắt đỏ	TI, P, S, A, M	Đèn nháy làm đầy

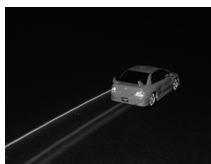
Chế Độ Đèn Nháy

Các chế độ đèn nháy liệt kê ở trang trước có thể kết hợp với một hoặc nhiều kiểu cài đặt sau, như được hiển thị bằng biểu tượng chế độ đèn nháy:

- **AUTO (đèn nháy tự động):** Khi ánh sáng yếu hay đối tượng chụp bị ngược sáng, đèn nháy tự động bật lên khi nút nhả cửa trập nhấn nửa chừng và bật sáng theo yêu cầu.
- **👁 (giảm mắt đỏ):** Sử dụng để chụp chân dung. Đèn giảm mắt đỏ bật sáng trước khi đèn nháy bật, giảm “mắt đỏ.”
- **🔇 (tắt):** Đèn nháy không bật ngay cả khi ánh sáng yếu hoặc đối tượng chụp bị ngược sáng.
- **SLOW (đồng bộ chậm):** Tốc độ cửa trập tự động chậm lại để bắt ánh sáng phía sau khi chụp đêm hoặc chụp ở chế độ thiếu ánh sáng. Sử dụng cả ánh sáng nền trong chụp chân dung.
- **REAR (đồng bộ màn phía sau):** Đèn nháy bật sáng ngay trước khi cửa trập đóng, phát ra một luồng ánh sáng phía sau các nguồn sáng di động (phía dưới bên phải). Nếu biểu tượng này không hiển thị, đèn nháy sẽ bật khi cửa trập mở (đồng bộ màn trước, hiệu quả của việc này đối với các nguồn sáng di động sẽ được trình bày phía dưới trái).



Đồng bộ màn trước



Đồng bộ màn phía sau

Đèn Nháy Gắn Sẵn

Sử dụng với thấu kính với tiêu cự trong định dạng FX 24-300 mm (16-300 mm trong định dạng DX; □ 288). Gỡ nắp thấu kính để tránh các phản bóng. Đèn nháy có phạm vi tối thiểu 0,6 m và không thể được sử dụng trong phạm vi cận cảnh của thấu kính thu phóng có chức năng chụp cận cảnh. Chức năng điều khiển đèn nháy i-TTL có thể được sử dụng với độ nhạy ISO ở mức giữa 100 và 6400. Ở giá trị cao hơn 6400, có thể không đạt được kết quả mong muốn trong một số phạm vi hoặc cài đặt độ mở ống kính.

Nếu đèn nháy bật ở chế độ nhả liên tục (□ 83), chỉ một bức ảnh được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.

Nút nhả cửa trập có thể bị vô hiệu hóa trong thời gian ngắn để bảo vệ đèn nháy sau khi nó được sử dụng để chụp các bức ảnh liên tiếp. Đèn nháy có thể tiếp tục sử dụng sau một khoảng dừng ngắn.





Tốc Độ Cửa Trập Sẵn Có đối với Đèn Nháy Gắn Sẵn

Các các tốc độ cửa trập sau đây dành cho đèn nháy gắn sẵn.

Chế độ	Tốc độ cửa trập	Chế độ	Tốc độ cửa trập
AUTO, P*, A*, S*, M*, B	$\frac{1}{200}$ – $\frac{1}{60}$ giây	S*	$\frac{1}{200}$ –30 giây
Flash, 11	$\frac{1}{200}$ – $\frac{1}{125}$ giây	M*	$\frac{1}{200}$ –30 giây, B, L, B
B	$\frac{1}{200}$ –1 giây		

* Tốc độ nhanh ở mức $\frac{1}{4.000}$ giây có ở bộ đèn nháy tùy chọn SB-910, SB-900, SB-800, SB-700 và SB-600 khi **1/250 s (Auto FP)** ($\frac{1}{250}$ giây (FP tự động)) hoặc **1/200 s (Auto FP)** ($\frac{1}{200}$ giây (FP tự động)) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed** (Tốc độ đồng bộ đèn nháy), 234). Khi **1/250 s (Auto FP)** ($\frac{1}{250}$ giây (FP tự động)) được chọn, tốc độ cửa trập nhanh $\frac{1}{250}$ giây có sẵn với đèn nháy gắn sẵn.



Chế Độ Điều Khiển Đèn Nháy

Máy ảnh hỗ trợ các chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL sau:

- **Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số:** Đèn nháy phát ra chuỗi nháy sớm gần như vô hình (màn hình nháy sớm) ngay trước lần nháy chính. Các nháy sớm được phân chiếu từ các đối tượng trong tất cả các vùng của khung hình được thu bởi bộ cảm biến 2.016 điểm ảnh RGB và được phân tích kết hợp với phạm vi thông tin từ hệ thống đo sáng ma trận để điều chỉnh mức nháy sáng phát ra để đạt được mức cân bằng tự nhiên giữa đối tượng chính và ánh sáng môi trường xung quanh. Nếu thấu kính loại G, E hoặc D được sử dụng, thông tin khoảng cách sẽ được tính đến khi tính toán mức sáng phát ra của đèn nháy. Độ chính xác của sự tính toán có thể tăng lên đối với các thấu kính không CPU bằng việc cung cấp dữ liệu về thấu kính (tiêu cự và độ mở ống kính tối đa; xem 172). Không có sẵn khi đo sáng điểm được sử dụng.
- **Đèn nháy tiêu chuẩn i-TTL cho SLR kỹ thuật số:** Đầu ra đèn nháy được điều chỉnh để đem ánh sáng trong khuôn hình đạt mức tiêu chuẩn; độ sáng của nền không được tính đến. Nền dùng cho những bức ảnh trong đó đối tượng chính được nhấn mạnh và giảm các chi tiết nền, hay khi bù phơi sáng được sử dụng. Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn dành cho SLR kỹ thuật số được kích hoạt tự động khi đo sáng điểm được chọn.

Chế độ điều khiển đèn nháy dành cho đèn nháy gắn sẵn có thể được chọn bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Flash ctrl for built-in flash** (Điều khiển đèn nháy đối với đèn nháy gắn sẵn), 236). Màn hình hiển thị thông tin về chế độ điều khiển đèn nháy dành cho đèn nháy gắn sẵn như sau:

	Đèn nháy đồng bộ	FP tự động (234)
i-TTL		—
Bằng tay		—
Đèn nháy lặp lại		—
Chế độ bộ điều khiển		

Độ Mở Ống Kính, Độ Nhảy và Phạm Vi Đèn Nháy

Phạm vi đèn nháy khác với độ nhảy (ISO tương đương) và độ mở ống kính.

Độ mở ống kính ở ISO tương đương							Phạm vi
100	200	400	800	1600	3200	6400	m
1.4	2	2.8	4	5.6	8	11	0,7-8,5
2	2.8	4	5.6	8	11	16	0,6-6,0
2.8	4	5.6	8	11	16	22	0,6-4,2
4	5.6	8	11	16	22	32	0,6-3,0
5.6	8	11	16	22	32	—	0,6-2,1
8	11	16	22	32	—	—	0,6-1,5
11	16	22	32	—	—	—	0,6-1,1
16	22	32	—	—	—	—	0,6-0,8

Đèn nháy gắn sẵn sử dụng trong phạm vi tối thiểu là 0,6 m.

Ở chế độ **P**, độ mở ống kính tối đa (số f tối thiểu) được giới hạn theo độ nhảy ISO, như hình dưới đây:

Độ mở ống kính tối đa ở ISO tương đương:						
100	200	400	800	1600	3200	6400
2.8	3.5	4	5	5.6	7.1	8

Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính nhỏ hơn mức nêu trên, giá trị tối đa cho độ mở ống kính sẽ là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

Xem Thêm

Xem trang 149 để có thông tin về khóa giá trị đèn nháy (FV) dành cho đối tượng được đo sáng trước khi tái chỉnh sửa một bức ảnh.

Để biết thông tin về đồng bộ tốc độ cao FP tự động và chọn một tốc độ đồng bộ đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed** (Tốc độ đồng bộ đèn nháy), □ 234). Để biết thông tin về việc lựa chọn tốc độ cửa trập chậm nhất khi sử dụng đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn e2 (**Flash shutter speed** (Tốc độ cửa trập đèn nháy), □ 235). Để biết thông tin về điều khiển đèn nháy và sử dụng đèn nháy gắn sẵn ở chế độ bộ điều khiển, xem Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Flash cntrl for built-in flash** (Điều khiển đèn nháy đối với đèn nháy gắn sẵn), □ 236).

Xem trang 292 để có thông tin về sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn.

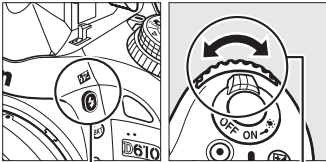


Bù Đèn Nháy

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

Bù đèn nháy được sử dụng để thay đổi đầu ra đèn nháy vì từ -3 EV đến $+1$ EV trong gia số $\frac{1}{3}$ EV, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính tương quan với nền. Có thể tăng công suất đèn nháy để làm đối tượng chính trông sáng hơn, hoặc giảm đi để tránh những điểm nổi bật hoặc phản xạ không mong muốn.

Nhấn nút  và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển. Nhìn chung, chọn những giá trị dương sẽ làm đối tượng chính trông sáng hơn, các giá trị âm làm nó tối hơn.

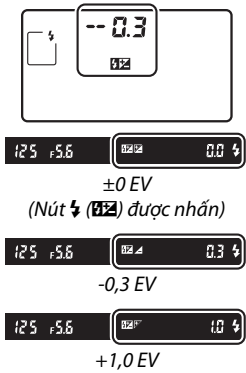


Nút 

Đĩa lệnh phụ

Tại các giá trị không phải $\pm 0,0$, biểu tượng  sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm sau khi bạn nhấn nút . Có thể xác nhận giá trị hiện tại cho bù đèn nháy bằng cách nhấn nút .

Có thể khôi phục công suất đèn nháy bằng cách cài đặt bù đèn nháy về $\pm 0,0$. Bù đèn nháy không được cài đặt lại khi máy ảnh tắt.



Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Bù đèn nháy cũng sẵn có với các bộ đèn nháy tùy chọn hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS). SB-910, SB-900, SB-800, SB-700 và SB-600 cũng cho phép bù đèn nháy được thiết lập bằng cách sử dụng các điều khiển trên bộ đèn nháy; giá trị được lựa chọn cho bộ đèn nháy được thêm vào giá trị đã chọn cho máy ảnh.

Xem Thêm

Để có thông tin về chọn các giá trị tăng thêm sẵn có cho bù đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (EV steps for exposure cntrl) (Bước EV cho điều khiển phơi sáng),  224). Để biết thêm thông tin về cách chọn kết hợp đèn nháy và bù phơi sáng, xem Thiết Lập Tùy Chọn e4 (Exposure comp. for flash) (Bù phơi sáng cho đèn nháy),  240). Để biết thông tin về tự động thay đổi mức đèn nháy qua loạt chụp, xem trang 153.

Khóa FV

Tính năng này được sử dụng để khóa công suất đèn nháy, cho phép các bức ảnh được chỉnh sửa lại mà không cần thay đổi mức đèn nháy và đảm bảo công suất đèn nháy phù hợp với đối tượng ngay cả khi đối tượng không đặt ở trung tâm khuôn hình. Công suất đèn nháy được điều chỉnh tự động đối với bất kỳ thay đổi nào trong độ nhạy ISO và độ mở ống kính.

Để sử dụng khóa FV:

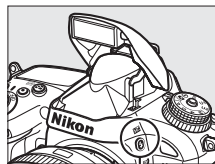
1 Gán khóa FV cho nút Fn.

Chọn **FV lock** (Khóa FV) cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Assign Fn button** (Gán nút Fn), 242).



2 Nâng đèn nháy.

Trong các chế độ **P**, **S**, **A**, **M** và **H**, đèn nháy có thể được nâng lên bằng cách nhấn nút **↕** (**UP**). Trong các chế độ **AUTO**, **☀**, **☁**, **☔**, **☁**, **☔** và **☔**, đèn nháy có thể tự động bật lên khi cần.



Nút ⚡ (⚡➕)

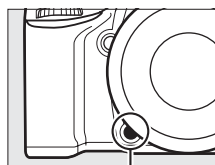
3 Lấy nét.

Đặt đối tượng và trung tâm khuôn hình và nhấn nút
nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét.



4 Khóa mức đèn nháy.

Sau khi xác nhận rằng chỉ báo đèn nhảy sẵn sàng (🔌) được hiển thị trong kính ngắm, nhấn nút **Fn**. Đèn nhảy sẽ bật đèn nhảy sớm màn hình để xác định mức độ đèn nhảy phù hợp. Công suất đèn nhảy sẽ bị khóa ở mức này và các biểu tượng khóa FV (🔒) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.



Nút Fn



5 Chỉnh lại ảnh.



6 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để chụp. Nếu muốn, các ảnh bổ sung có thể được chụp mà không cần nhả khóa FV.

7 Nhả khóa FV.

Nhấn nút **Fn** để nhả khóa FV. Xác nhận rằng biểu tượng khóa FV (🔒) không còn hiển thị trong kính ngắm.

✓ Sử Dụng khóa FV cho Đèn Nháy Gắn Sẵn

Khóa FV chỉ có sẵn với đèn nháy gắn sẵn khi **TTL** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Flash cntrl for built-in flash**) (Điều khiển đèn nháy đối với đèn nháy gắn sẵn), (🔑 236).

🔧 Sử Dụng Khóa FV đối với Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Khóa FV cũng có sẵn với các bộ đèn nháy tùy chọn trong TTL và chế độ điều khiển đèn nháy (khi có hỗ trợ) sớm màn hình AA và chế độ điều khiển đèn nháy sớm màn hình A. Lưu ý rằng khi chế độ bộ điều khiển được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Flash cntrl for built-in flash**) (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn), (🔑 236) bạn cần thiết lập chế độ điều khiển đèn nháy cho đèn nháy chính hoặc ít nhất một nhóm từ xa sang TTL hoặc AA.

🔧 Đo Sáng

Các khu vực đo sáng đối với khóa FV khi sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn như sau:

Bộ đèn nháy	Chế độ đèn nháy	Vùng được đo sáng
Bộ đèn nháy độc lập	i-TTL	5-mm xung quang trung tâm khung tạo ảnh
	AA	Vùng được đo sáng bằng đo phơi sáng đèn nháy
Được sử dụng với bộ đèn nháy khác (Đèn Không Dây Năng Cao)	i-TTL	Toàn bộ khuôn hình
	AA	Vùng được đo sáng bằng đo phơi sáng đèn nháy
	A (đèn nháy chủ)	

🔧 Xem Thêm

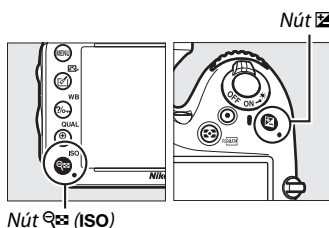
Để biết thông tin về việc sử dụng xem trước độ sâu của trường hoặc nút **AE-L/AF-L** dành cho khóa FV, xem Cài Đặt Tùy Chọn f3 (**Assign preview button**) (Gán nút xem trước), (🔑 244) hoặc Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Assign AE-L/AF-L button**) (Gán nút AE-L/AF-L), (🔑 244).



Tùy Chọn Chụp Khác

Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định

Có thể khôi phục lại các cài đặt máy ảnh được liệt kê dưới đây về giá trị mặc định bằng cách nút  (ISO) và nút  đồng thời trong khoảng hơn hai giây (các nút này được đánh dấu bằng dấu chấm màu xanh lá cây). Bảng điều khiển tắt trong thời gian ngắn trong khi cài đặt được khôi phục lại.



Tùy chọn	Mặc Định	
Image quality (Chất lượng hình ảnh)	JPEG normal (JPEG bình thường)	93
Image size (Cỡ hình ảnh)	Large (Lớn)	95
White balance (Cân bằng trắng)	Auto (Tự động) > Normal (Bình thường)	115
Dò tinh chỉnh	A-B: 0, G-M: 0	117
HDR (high dynamic range) (Dải động cao)	Tắt ¹	139
ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO)		
ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)		
Chế độ tự động và chế độ cảnh	TỰ ĐỘNG	105
P, S, A, M	100	
Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)	Tắt	107
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quảng thời gian)	Tắt ²	164
Lấy nét tự động (kính ngắm)		
Chế độ lấy nét tự động	AF-A	97
Chế độ vùng lấy nét tự động		
   	Lấy nét tự động điểm đơn	99
 	Lấy nét tự động vùng động 39 điểm	
AUTO                             		

Tùy chọn	Mặc Định	
Lấy nét tự động (xem trực tiếp/phim)		
Chế độ lấy nét tự động	AF-S	51
Chế độ vùng lấy nét tự động		
     P, S, A, M	Lấy nét tự động vùng rộng	52
 	Lấy nét tự động vùng bình thường	
         	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt	
Điểm lấy nét ³	Trung tâm	101
Đo sáng	Ma trận	109
Giữ khóa tự động phơi sáng	Tắt	102, 110
Chụp bù trừ	Tắt	153
Cài đặt Picture Control ⁴	Chưa điều chỉnh	129
Bù đèn nháy	Tắt	148
Bù phơi sáng	Tắt	112
Chế độ trễ phơi sáng	Tắt	231
Chế độ đèn nháy		
   	Tự động	144
	Tự động+giảm mắt đỏ	
	Tự động+đồng bộ chậm	
11, P, S, A, M	Đèn nháy làm đầy	
FV lock (Khóa FV)	Tắt	149
Multiple exposure (Đa phơi sáng)	Tắt ⁵	160
Chương Trình Linh Động	Tắt	75
+NEF (RAW)	Tắt	242

1 Độ lệch phơi sáng và độ mượt không được thiết lập lại.

2 Nếu chụp hẹn giờ quảng thời gian hiện đang trong sử dụng, việc chụp sẽ kết thúc. Thời gian bắt đầu, quảng thời gian chụp, và số lượng quảng thời gian và số lần chụp không được thiết lập lại.

3 Điểm lấy nét không được hiển thị lấy nét tự động vùng tự động được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động.

4 Chỉ Picture Control hiện hành.

5 Nếu đa phơi sáng hiện đang được sử dụng, việc chụp ảnh sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng được ghi đến điểm đó. Gia số và số lượng ảnh chụp không được thiết lập lại.



Chụp Bù Trừ

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

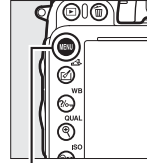
Chụp bù trừ tự động thay đổi phơi sáng, mức đèn nháy, D-Lighting hoạt động (ADL), hoặc cân bằng trắng với mỗi lần chụp, “chụp bù trừ” giá trị hiện hành. Chọn trong các tình huống khó thiết lập phơi sáng, mức độ đèn nháy, (i-TTL và nơi được hỗ trợ, chỉ chế độ điều khiển đèn nháy độ mở ống kính tự động; xem trang 146, 236, và 294), cân bằng trắng, hoặc D-Lighting hoạt động và không có thời gian để kiểm tra kết quả và điều chỉnh các cài đặt với mỗi lần chụp, hoặc thử nghiệm với các cài đặt khác nhau cho cùng một đối tượng.

■ Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

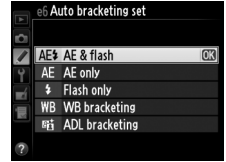
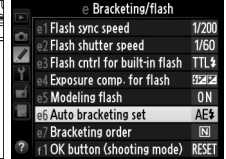
Để thay phơi sáng và/hoặc đèn nháy trong một loạt các bức ảnh:

1 Chọn đèn nháy hoặc phơi sáng bù trừ cho Thiết Lập Tùy Chọn e6 (Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)) trong menu Cài Đặt Tùy Chọn.

Để hiển thị các menu, bấm nút MENU. Chọn Cài Đặt Tùy Chọn e6 (Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)) trong menu Cài Đặt Tùy Chọn, làm nổi bật một tùy chọn và nhấn OK. Chọn **AE & flash** (AE và đèn nháy) để thay đổi cả phơi sáng và mức đèn nháy, **AE only** (Chỉ AE) để chỉ thay đổi phơi sáng hoặc **Flash only** (Chỉ đèn nháy) để chỉ thay đổi mức đèn nháy.

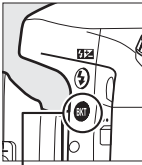


Nút MENU



2 Chọn số lượng ảnh chụp.

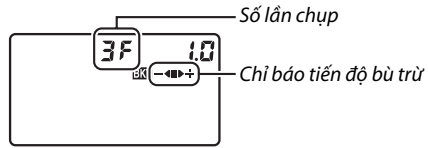
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để chọn số ảnh trong chuỗi chụp bù trừ và thứ tự ảnh sẽ được chụp.



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

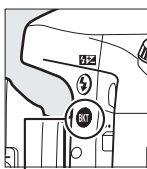
Số lần chụp	Chỉ báo tiến độ bù trừ	Thứ tự chụp bù trừ
3F	◀▶▶+	Phơi sáng bình thường, thiếu phơi sáng, phơi sáng quá mức
+2F	▶▶+	Phơi sáng bình thường, phơi sáng quá mức
--2F	◀▶	Phơi sáng bình thường, thiếu phơi sáng

BKT sẽ được hiển thị trong kính ngắm (xem bên phải); bảng điều khiển sẽ hiển thị **BKT**.

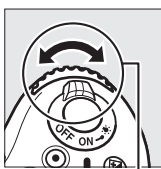


3 Chọn gia số chụp bù trừ.

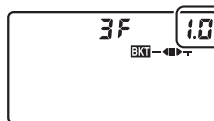
Nhấn nút **BKT** và xoay quay số phụ lệnh để chọn gia số chụp bù trừ.



Nút BKT



Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

Gia số chụp bù trừ

Xem Thêm

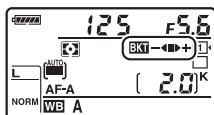
Để biết thông tin về lựa chọn các kích cỡ của gia số, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**EV steps for exposure cntrl**) (Bước EV cho điều khiển phơi sáng), □ 224). Để biết thêm thông tin về cách chọn thứ tự thực hiện chụp bù trừ, xem Cài Đặt Tùy Chọn e7 (**Bracketing order**) (Thứ tự chụp bù trừ), □ 241).

4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

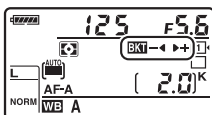
Máy ảnh này sẽ thay đổi phơi sáng và/hoặc mức đèn nháy từng lần chụp theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Điều chỉnh phơi sáng được bổ sung vào các ảnh có bù phơi sáng (□ 112), giúp đạt được các giá trị bù phơi sáng hơn 5 EV.



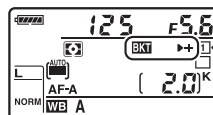
Trong khi chụp bù trừ có hiệu lực, chỉ báo tiến độ bù trừ sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển. Một phân khúc sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mỗi lần chụp: phân khúc ■ khi chụp chưa sửa đổi được lấy đi, phân khúc ◀ khi chụp với gia số tăng được lấy đi, và phân khúc ▶+ khi chụp với gia số tăng được lấy đi.



Phơi sáng được điều chỉnh bởi:
0 EV (■)



Phơi sáng được điều chỉnh bởi:
-1 EV (◀)



Phơi sáng được điều chỉnh bởi:
+1 EV (▶+)

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi chỉ báo tiến độ bù trừ và biểu tượng **BKT** không còn hiển thị.

Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

Trong các chế độ nhà tốc độ thấp liên tục, tốc độ cao liên tục, và chế độ nhà Qc (tính lặng liên tục), việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhà cửa trập được nhấn.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tắt cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tắt cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

Phơi Sáng Bù Trừ

Máy ảnh điều chỉnh phơi sáng bằng cách thay đổi tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (chế độ **P**), độ mở ống kính (chế độ **S**), hoặc tốc độ cửa trập (chế độ **A** và **M**). Nếu **On** (Bật) được chọn cho **ISO sensitivity settings** (Cài đặt độ nhạy ISO) > **Auto ISO sensitivity control** (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) (□ 107) trong các chế độ **P**, **S**, và **A**, máy ảnh sẽ tự động thay đổi độ nhạy ISO cho phơi sáng tối ưu khi vượt quá giới hạn của hệ thống phơi sáng máy ảnh; trong chế độ **M**, đầu tiên máy ảnh sẽ sử dụng điều khiển độ nhạy ISO tự động để phơi sáng càng gần mức tối ưu càng tốt và sau đó bù trừ phơi sáng này bằng cách thay đổi tốc độ cửa trập.

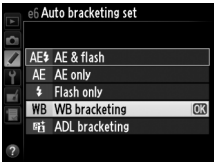


■ ■ Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Máy ảnh này tạo ra nhiều bản sao của mỗi bức ảnh, mỗi ảnh có cân bằng trắng khác nhau. Để có thêm thông tin về cân bằng trắng, xem trang 115.

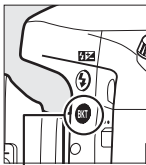
1 Chọn cân bằng trắng bù trừ.

Chọn **WB bracketing** (Cân bằng trắng bù trừ) cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 **Auto bracketing set** (Đặt chụp bù trừ tự động).



2 Chọn số lượng ảnh chụp.

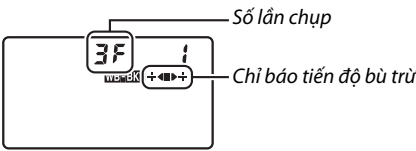
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để chọn số ảnh trong chuỗi chụp bù trừ và thứ tự ảnh sẽ được chụp.



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



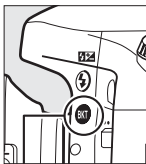
Bảng điều khiển

BKT sẽ được hiển thị trong kính ngắm (xem bên phải); bảng điều khiển sẽ hiển thị **WB-BKT**.

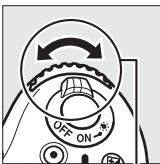


3 Chọn một gia số cân bằng trắng.

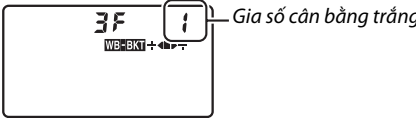
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh phụ để chọn gia số của 1 (5 đơn vị đo nhiệt độ màu; □ 119), 2 (10 đơn vị đo nhiệt độ màu) hoặc 3 (15 đơn vị đo nhiệt độ màu). Giá trị **B** cho biết lượng màu xanh, giá trị số **A** là lượng màu hổ phách (□ 117).



Nút BKT



Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

Gia số cân bằng trắng

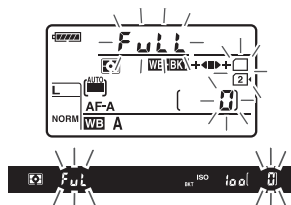
Các chương trình chụp bù trừ với gia số 1 được liệt kê dưới đây.

Bảng điều khiển	Chỉ báo tiến độ bù trừ	Số lần chụp	Gia số	Thứ tự chụp bù trừ
b2F 1	+◀■	2	1B	0 / 1 B
A2F 1	■▶+	2	1A	0 / 1 A
3F 1	+◀■▶+	3	1A, 1B	0 / 1 A / 1 B

4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Mỗi ảnh chụp sẽ được xử lý để tạo ra số lượng bản sao quy định trong chương trình chụp bù trừ, và mỗi bản sao sẽ có cân bằng trắng khác nhau. Các chỉnh sửa cân bằng trắng được bổ sung vào điều chỉnh cân bằng trắng với dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Nếu số lượng ảnh chụp trong chương trình chụp bù trừ lớn hơn so với số phơi sáng còn lại, **Full** và biểu tượng của thẻ bị ảnh hưởng sẽ nhấp nháy trong bảng điều khiển, biểu tượng **Full** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong kính ngắm như thể hiện ở bên phải và nhà cửa trập sẽ bị vô hiệu hóa. Việc chụp có thể bắt đầu khi thẻ nhớ mới được lắp vào.



Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi chỉ báo tiến độ bù trừ và biểu tượng **WB-BKT** không còn được hiển thị.

Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Cân bằng trắng bù trừ không có ở chất lượng hình ảnh NEF (RAW). Việc chọn **NEF (RAW)**, **NEF (RAW)+JPEG fine** (NEF (RAW)+JPEG nét), **NEF (RAW)+JPEG normal** (NEF (RAW)+JPEG bình thường), hoặc **NEF (RAW)+JPEG basic** (NEF (RAW)+JPEG cơ bản) sẽ hủy cân bằng trắng bù trừ.

Cân bằng trắng bù trừ chỉ ảnh hưởng đến nhiệt độ màu (trực hồ phách-màu xanh trong màn hình hiển thị dò tinh chỉnh cân bằng trắng, □ 117). Không có điều chỉnh nào được thực hiện trên trục màu xanh lá cây-đỏ tươi.

Trong chế độ tự hẹn giờ (□ 85), số lượng bản sao quy định trong chương trình cân bằng trắng sẽ được tạo ra mỗi khi cửa trập được nhả, bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Self-timer**) (Tự hẹn giờ) > **Number of shots** (Số lượng ảnh) (□ 227).

Nếu máy ảnh bị tắt trong khi đèn tiếp cận thẻ nhớ sáng, máy ảnh sẽ chỉ tắt nguồn sau khi tắt cả các bức ảnh theo thứ tự đã được ghi lại.

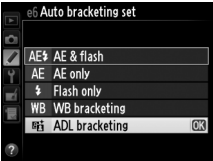


■ ■ Bù Trừ ADL

Máy ảnh này thay đổi D-Lighting hoạt động trong một loạt các phơi sáng. Để có thêm thông tin về D-Lighting hoạt động, xem trang 137.

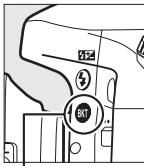
1 Chọn bù trừ ADL.

Chọn **ADL bracketing** (Bù trừ ADL) cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 **Auto Bracketing set** (Đặt chụp bù trừ tự động).



2 Chọn số lượng ảnh chụp.

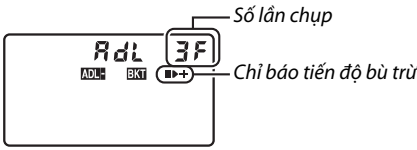
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lượng ảnh chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Chọn chụp hai ảnh để chụp một ảnh với D-Lighting hoạt động tắt và ảnh khác với giá trị hiện được chọn cho **Active D-Lighting** (D-Lighting hoạt động) trong menu chụp (Nếu D-Lighting hoạt động tắt, ảnh chụp thứ hai sẽ được chụp với D-Lighting hoạt động được đặt sang **Auto** (Tự động)). Chọn chụp ba ảnh để chụp một loạt ảnh với D-Lighting hoạt động được đặt sang **Off** (Tắt), **Normal** (Bình thường) và **High** (Cao).



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



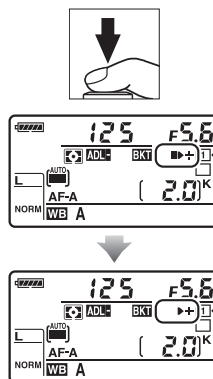
Bảng điều khiển

BKT sẽ được hiển thị trong kính ngắm (xem bên phải), bảng điều khiển sẽ hiển thị **ADL-BKT**.



3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting hoạt động theo mỗi lần chụp tùy theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Trong khi chụp bù trừ có hiệu lực, chỉ báo tiến độ bù trừ sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển. Một phân khúc sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mỗi lần chụp: phân khúc ■ khi chụp ảnh đầu tiên được lấy đi, phân khúc ► khi chụp thứ hai được lấy đi, và phân khúc + khi chụp ảnh thứ ba (nếu có) được lấy đi.



Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi chỉ báo tiến độ bù trừ và biểu tượng **ADL+BKT** không còn được hiển thị.

Bù Trừ ADL

Trong các chế độ nhả tốc độ thấp liên tục, tốc độ cao liên tục, và chế độ nhả Qc (tĩnh lặng liên tục), việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhả cửa trập được nhấn.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

Đa Phơi Sáng

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

Thực hiện theo các bước dưới đây để ghi lại một loạt hai hoặc ba phơi sáng một bức ảnh duy nhất. Đa phơi sáng có thể tận dụng dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh để tạo ra các màu sắc nổi trội hơn những màu trong lớp phủ hình ảnh tạo ra bằng phần mềm.

■ Thời Gian Ghi Mở Rộng

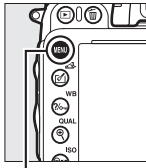
Không thể ghi lại đa phơi sáng trong chế độ xem trực tiếp. Thoát khỏi xem trực tiếp trước khi tiếp tục. Lưu ý rằng ở các cài đặt mặc định, việc chụp sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được ghi lại tự động nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong 30 giây.

✍ Thời Gian Ghi Mở Rộng

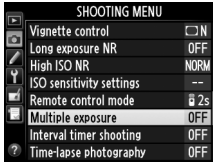
Đối với quãng thời gian giữa những phơi sáng hơn 30 giây, kéo dài độ trễ tắt đo sáng bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer** (Hẹn giờ chờ),  227). Khoảng thời gian tối đa giữa các phơi sáng là 30 giây lâu hơn tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2. Nếu màn hình tắt trong khi phát lại hoặc khi thao tác menu, việc chụp ảnh sẽ kết thúc 30 giây sau khi đo phơi sáng tắt và đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ những phơi sáng được ghi tới thời điểm đó.

1 Chọn Multiple exposure (Đa phơi sáng) trong menu chụp.

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Multiple exposure** (Đa phơi sáng) trong menu chụp và nhấn ►.

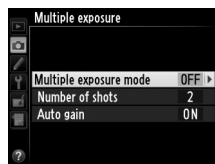


Nút MENU



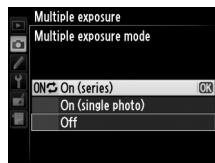
2 Chọn một chế độ.

Làm nổi bật **Multiple exposure mode** (Chế độ đa phơi sáng) và nhấn **►**.

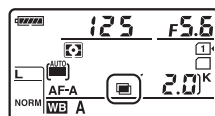


Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn **OK**.

- Để chụp một loạt đa phơi sáng, chọn **ON** **On (series)** (Bật (loạt ảnh)). Chụp đa phơi sáng sẽ tiếp tục cho đến khi bạn chọn **Off** (Tắt) cho **Multiple exposure mode** (Chế độ đa phơi sáng).
- Để chụp một đa phơi sáng, chọn **On (single photo)** (Bật (một ảnh)). Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một đa phơi sáng.
- Để thoát mà không tạo thêm đa phơi sáng, chọn **Off** (Tắt).

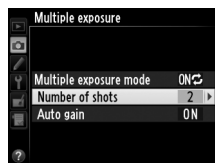


Nếu **On (series)** (Bật (loạt ảnh)) hoặc **On (single photo)** (Bật (một ảnh)) được chọn, biểu tượng  sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển.

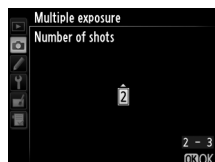


3 Chọn số lượng ảnh chụp.

Làm nổi bật **Number of shots** (Số lần chụp) và nhấn **►**.

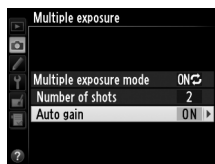


Nhấn **▲** hoặc **▼** để lựa chọn số lượng phơi sáng sẽ được kết hợp để tạo thành một bức ảnh duy nhất và nhấn **OK**.



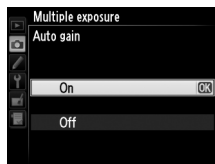
4 Chọn lại số lượng.

Làm nổi bật **Auto gain** (Tăng tự động) và nhấn ►.



Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.

- **On** (Bật): Mức tăng được điều chỉnh theo số phơi sáng thực sự được ghi (mức tăng cho mỗi phơi sáng được đặt sang 1/2 cho 2 phơi sáng, 1/3 cho 3 phơi sáng v.v...).
- **Off** (Tắt): Mức tăng không được điều chỉnh khi ghi đa phơi sáng. Khuyến dùng nếu nền tối.



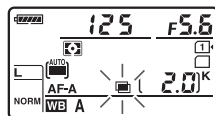
5 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Trong chế độ nhả tốc độ cao liên tục, tốc độ thấp liên tục và nhả Qc (tính lạng liên tục) (□ 83), máy ảnh ghi lại tất cả các phơi sáng trong một lần

chụp liên tục. Nếu **On (series)** (Bật (loạt ảnh)) được chọn, máy ảnh sẽ tiếp tục ghi đa phơi sáng trong khi nút nhả cửa trập được nhấn; nếu **On (Single photo)** (Bật (Một ảnh)) được chọn, chụp đa phơi sáng sẽ kết thúc sau bức ảnh đầu tiên. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ tự động ghi số lượng phơi sáng được chọn ở Bước 3 trên trang 161, bất kể tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 được chọn như thế nào (**Self-timer** (Tự hẹn giờ)) > **Number of shots** (Số lượng ảnh) (□ 227); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Self-timer** (Tự hẹn giờ)) > **Interval between shots** (Quãng thời gian giữa các lần chụp). Trong các chế độ nhả khác, một ảnh sẽ được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, tiếp tục chụp cho đến khi tất cả các phơi sáng đã được ghi (để biết thông tin về việc dùng đa phơi sáng trước khi tắt cả các hình ảnh được ghi lại, xem trang 163).



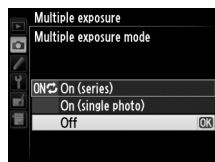
Biểu tượng  sẽ nhấp nháy cho đến khi chụp xong. Nếu **On (series)** (Bật (loạt ảnh)) được chọn, chụp đa phơi sáng sẽ chỉ kết thúc khi **Off** (Tắt) được chọn cho chế độ đa phơi sáng; Nếu **On (single photo)** (Bật (một ảnh)) được chọn, việc chụp đa phơi sáng sẽ tự động kết thúc khi đa phơi sáng hoàn tất. Biểu tượng  được xóa khỏi màn hình khi chụp đa phơi sáng kết thúc.



■ ■ Dừng Đa Phơi Sáng

Để gián đoạn đa phơi sáng trước khi đạt được số lượng phơi sáng quy định, chọn **Off** (Tắt) cho chế độ đa phơi sáng. Nếu việc chụp kết thúc trước khi đạt tới số phơi sáng quy định, đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng đã ghi được tới thời điểm đó. Nếu **Auto gain** (Tăng tự động) được bật, việc tăng sẽ được điều chỉnh để phản ánh số các phơi sáng thực sự được ghi lại. Lưu ý rằng việc chụp sẽ tự động kết thúc nếu:

- Khởi động lại hai nút được thực hiện (□ 151)
- Máy ảnh được tắt
- Pin cạn kiệt
- Ảnh được xóa



✓ Đa Phơi Sáng

Không tháo hoặc thay thẻ nhớ trong khi đang ghi đa phơi sáng.

Không thể ghi lại đa phơi sáng trong chế độ xem trực tiếp. Chụp ảnh trong xem trực tiếp thiết lập lại **Multiple exposure mode** (Chế độ đa phơi sáng) sang **Off** (Tắt).

Nhiều (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với **Off** (Tắt) cho tăng tự động (□ 162).

Thông tin được liệt kê trong hiển thị thông tin ảnh phát lại (bao gồm cả đo sáng, phơi sáng, chế độ chụp, tiêu cự, ngày chụp và hướng máy ảnh) là của lần chụp đầu tiên trong đa phơi sáng.

✎ Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Nếu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian được kích hoạt trước khi phơi sáng đầu tiên, máy ảnh sẽ ghi lại các phơi sáng ở khoảng thời gian lựa chọn cho đến khi đạt được số lượng phơi sáng được quy định trong menu phơi sáng (số lượng ảnh được liệt kê trong menu chụp hẹn giờ quảng thời gian bị bỏ qua). Các phơi sáng này sau đó sẽ được ghi thành một ảnh và chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc (nếu **On (single photo)** (Bật (một ảnh)) được chọn cho chế độ đa phơi sáng, chụp đa phơi sáng cũng sẽ kết thúc tự động).

✎ Cài Đặt Khác

Trong khi đa phơi sáng đang được chụp, thẻ nhớ không thể được định dạng và một số mục menu chuyển sang màu xám và không thể thay đổi được.



Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Máy ảnh được trang bị để chụp ảnh tự động trong khoảng thời gian cài đặt trước.

☑ Trước Khi Chụp

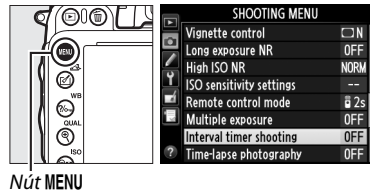
Không chọn tự hẹn giờ (⌚), chế độ nhả từ xa (📡) hoặc **MUP** khi sử dụng tự hẹn giờ. Trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian, chụp thử ở các cài đặt hiện hành và xem các kết quả trong màn hình.

Trước khi lựa chọn thời gian bắt đầu, chọn **Time zone and date** (Múi giờ và ngày) trong menu cài đặt và chắc chắn rằng đồng hồ máy ảnh được thiết lập đúng thời gian và ngày (📅 253).

Nên sử dụng giá ba chân. Lắp máy ảnh vào giá ba chân trước khi bắt đầu chụp. Để đảm bảo việc chụp không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin máy ảnh EN-EL15 đã được sạc đầy. Nếu nghỉ ngơi, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ chuyển đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B (bán riêng).

1 Chọn Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quảng thời gian) trong menu chụp.

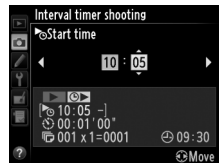
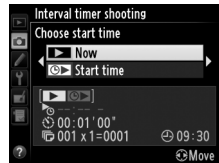
Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Interval timer shooting** (Chụp hẹn giờ quảng thời gian) trong menu chụp và nhấn **▶**.



2 Chọn thời gian bắt đầu.

Chọn từ các bộ kích hoạt bắt đầu sau đây.

- **Để bắt đầu chụp ngay**, làm nổi bật **Now** (Ngay) và nhấn **▶**. Việc chụp bắt đầu khoảng 3 giây sau khi cài đặt hoàn tất, chuyển sang Bước 3.
- **Để chọn thời gian bắt đầu**, làm nổi bật **Start time** (Thời gian bắt đầu) và nhấn **▶** để hiển thị các tùy chọn thời gian bắt đầu như minh họa ở bên phải. Nhấn **◀** hoặc **▶** để làm nổi bật giờ hoặc phút và nhấn **▲** hoặc **▼** để thay đổi. Nhấn **▶** để tiếp tục.



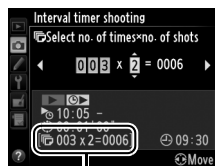
3 Chọn khoảng thời gian.

Nhấn **◀** hoặc **▶** để làm nổi bật giờ, phút hoặc giây và nhấn **▲** hoặc **▼** để thay đổi. Chọn khoảng thời gian dài hơn thời gian cần để chụp được số ảnh chọn ở Bước 4. Nếu khoảng thời gian quá ngắn, số lượng ảnh chụp có thể ít hơn tổng số liệt kê trong Bước 4 (số khoảng thời gian nhân với số ảnh trên mỗi khoảng thời gian). Nhấn **▶** để tiếp tục.



4 Chọn số lượng khoảng thời gian và số lượng ảnh cho mỗi khoảng thời gian.

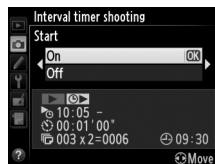
Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật số khoảng thời gian hoặc số lần chụp; nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn ▶ để tiếp tục.



Số lượng ảnh	Số lượng ảnh/ khoảng thời gian	Tổng số lượng ảnh
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9
10	10	10
11	11	11
12	12	12
13	13	13
14	14	14
15	15	15
16	16	16
17	17	17
18	18	18
19	19	19
20	20	20
21	21	21
22	22	22
23	23	23
24	24	24
25	25	25
26	26	26
27	27	27
28	28	28
29	29	29
30	30	30
31	31	31
32	32	32
33	33	33
34	34	34
35	35	35
36	36	36
37	37	37
38	38	38
39	39	39
40	40	40
41	41	41
42	42	42
43	43	43
44	44	44
45	45	45
46	46	46
47	47	47
48	48	48
49	49	49
50	50	50
51	51	51
52	52	52
53	53	53
54	54	54
55	55	55
56	56	56
57	57	57
58	58	58
59	59	59
60	60	60
61	61	61
62	62	62
63	63	63
64	64	64
65	65	65
66	66	66
67	67	67
68	68	68
69	69	69
70	70	70
71	71	71
72	72	72
73	73	73
74	74	74
75	75	75
76	76	76
77	77	77
78	78	78
79	79	79
80	80	80
81	81	81
82	82	82
83	83	83
84	84	84
85	85	85
86	86	86
87	87	87
88	88	88
89	89	89
90	90	90
91	91	91
92	92	92
93	93	93
94	94	94
95	95	95
96	96	96
97	97	97
98	98	98
99	99	99
100	100	100

5 Bắt đầu chụp.

Làm nổi bật **On** (Bật) và nhấn **⌂** (để trở lại menu chụp mà không bắt đầu quảng thời gian, làm nổi bật **Off** (Tắt) và nhấn **⌂**). Loạt chụp đầu tiên sẽ được thực hiện tại thời gian bắt đầu được chỉ định, hoặc sau khoảng 3 giây nếu **Now** (Ngay).



☒ **Hết Bô Nhớ**

Nếu thẻ nhớ đầy, hẹn giờ quãng thời gian vẫn hoạt động nhưng không có ảnh nào được chụp. Tiếp tục chụp (📷 167) sau khi xóa một số hình ảnh hoặc tắt máy ảnh và lắp thẻ nhớ khác.

 Đay Kính Ngắm

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngăn khói gây nhiều phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đậy nắp kính
ngăn bằng nắp thi kính DK-5 được cung cấp (□ 86).

Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Không thể kết hợp chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian với phơi sáng thời gian dài (chụp ảnh với bóng đèn,  79), hoặc xem trực tiếp hoặc chụp ( 49) ảnh tua nhanh thời gian ( 168) không có trong xem trực tiếp phim ( 57) hoặc khi **Record movies** (Ghi phim) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Assign shutter button** (Gán nút chụp,  248).

Chế Độ Nhả

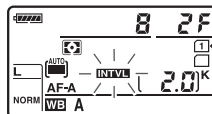
Bất kể chế độ nhả nào được chọn, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp chỉ định ở mỗi quảng thời gian. Ảnh sẽ được chụp tới 6 ảnh mỗi giây ở chế độ **Hi** (chế độ tốc độ cao liên tục) hoặc tới 3 ảnh mỗi giây ở chế độ **Qc**. Ở các chế độ **S** (khung hình đơn) và **Li** (tốc độ thấp liên tục), ảnh sẽ được chụp ở tốc độ được chọn cho Cài đặt tùy chọn d5 (**CL mode shooting speed** (Tốc độ chụp chế độ CL),  229). Ở các chế độ **Q** và **Qc**, tiếng ồn máy ảnh sẽ được giảm.

Chụp Bù Trừ

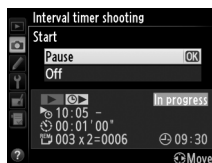
Điều chỉnh các cài đặt chụp bù trừ trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian. Nếu phơi sáng, đèn nháy hoặc chụp bù trừ ADL đang hoạt động trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp trong chương trình chụp bù trừ tại mỗi quảng thời gian, bất kể số lần chụp được quy định trong menu hẹn giờ quảng thời gian là bao nhiêu. Nếu cân bằng trắng bù trừ được bật trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp một ảnh trong mỗi quảng thời gian và xử lý ảnh để tạo ra số bản sao được quy định trong chương trình chụp bù trừ.

Trong Quá Trình Chụp

Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian, biểu tượng **INTVL** trong bảng điều khiển sẽ nhấp nháy. Ngay trước khi quảng thời gian tiếp theo bắt đầu, màn hình hiển thị tốc độ cửa trập sẽ hiển thị số lượng quảng thời gian còn lại, và màn hình hiển thị khẩu độ sẽ hiển thị số lần chụp còn lại trong quảng thời gian hiện tại. Tại thời điểm khác, có thể xem số quảng thời gian còn lại và số lần chụp trong mỗi khoảng thời gian bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng (sau khi nút được nhả, tốc độ cửa trập và độ mở ống kính sẽ được hiển thị cho đến khi hẹn giờ chờ hết hạn).



Để xem các cài đặt quảng thời gian hiện hành, chọn **Interval timer shooting** (Chụp hẹn giờ quảng thời gian) giữa các lần chụp. Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian đang trong tiến trình, menu quảng thời gian sẽ hiển thị thời gian bắt đầu, quảng thời gian chụp, và số quảng thời gian và số lần chụp còn lại. Không mục nào trong số này có thể thay đổi được trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian đang trong tiến trình.



Có thể phát lại ảnh và có thể điều chỉnh cài đặt menu và cài đặt chụp tự do trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian đang trong tiến trình. Màn hình sẽ tự động tắt khoảng bốn giây trước mỗi quảng thời gian.



■ ■ Tạm Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

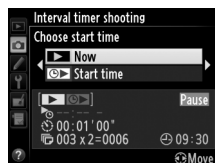
Có thể tạm dừng chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bằng cách:

- Nhấn vào nút **OK** giữa các quảng thời gian
- Làm nổi bật **Start** (Bắt đầu) > **Pause** (Tạm dừng) trong menu hẹn giờ quảng thời gian và nhấn **OK**
- Tắt và bật lại máy ảnh (nếu muốn, có thể thay thẻ nhớ trong khi máy ảnh tắt)
- Lựa chọn chế độ tự hẹn giờ (C), từ xa (□), hoặc chế độ nhả **Mup**

Để tiếp tục chụp:

1 Chọn thời gian bắt đầu mới.

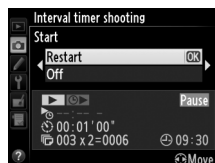
Chọn thời gian bắt đầu mới như mô tả trên trang 164.



2 Tiếp tục chụp.

làm nổi bật **Restart** (Khởi động lại) và nhấn **OK**.

Lưu ý rằng nếu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bị tạm dừng trong khi chụp thì số lần chụp trong quảng thời gian hiện hành sẽ bị hủy.



■ ■ Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc tự động nếu pin bị cạn kiệt. Có thể dừng chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bằng cách:

- Chọn **Start** (Bắt đầu) > **Off** (Tắt) trong menu hẹn giờ quảng thời gian
- Thực hiện khởi động lại hai nút (□ 151)
- Chọn **Reset shooting menu** (Đặt lại menu chụp) trong menu chụp (□ 214)
- Thay đổi các cài đặt chụp bù trừ (□ 153)
- Chấm dứt HDR (□ 139) hoặc chụp đa phơi sáng (□ 163)

Chụp bình thường sẽ tiếp tục khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian kết thúc.

■ ■ Không Chụp Được Ảnh

Máy ảnh sẽ bỏ qua quảng thời gian hiện tại nếu có các tình huống sau đây kéo dài trong tám giây hoặc nhiều hơn sau khi quảng thời gian đến lúc bắt đầu: bức ảnh hoặc các bức ảnh của quảng thời gian trước đó vẫn chưa được chụp, bộ nhớ đệm đầy, hoặc máy ảnh không thể lấy nét trong **AF-S** hoặc khi lấy nét tự động phần phụ đơn được chọn trong **AF-A** (lưu ý rằng máy ảnh sẽ lấy nét lại mỗi lần chụp ảnh). Việc chụp sẽ tiếp tục với quảng thời gian tiếp theo.



Chụp Ảnh Tua Nhanh Thời Gian

Máy ảnh tự động chụp ảnh ở quãng thời gian được lựa chọn để tạo phim tua nhanh thời gian bằng cách sử dụng các tùy chọn hiện đang được chọn cho **Movie settings** (Cài đặt phim) trong menu chụp (☐ 65).

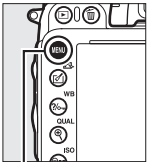
✏ Trước Khi Chụp

Trước khi bắt đầu chụp ảnh tua nhanh thời gian, chụp thử một ảnh ở cài đặt hiện tại (đóng khung ảnh trong kính ngắm để xem trước phơi sáng chính xác) và xem các kết quả trong màn hình điều khiển. Để ghi lại những thay đổi về độ sáng, chọn phơi sáng bằng tay (☐ 78); về màu sắc nhất quán, chọn cài đặt cân bằng trắng khác (☐ 115) tự động. Chúng tôi khuyên bạn nhanh chóng chuyển sang xem trực tiếp phim và kiểm tra xén vùng hình ảnh hiện tại (☐ 57); tuy nhiên lưu ý là chụp ảnh tua nhanh thời gian không có sẵn trong xem trực tiếp.

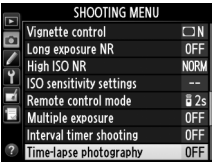
Nên sử dụng giá ba chân. Lắp máy ảnh vào giá ba chân trước khi bắt đầu chụp. Để đảm bảo việc chụp ảnh không bị gián đoạn, sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn và đầu nối nguồn EP-5B hoặc pin EN-EL15 sạc đầy.

1 Chọn Time-lapse photography (Chụp ảnh tua nhanh thời gian) trong menu chụp.

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Time-lapse photography** (Chụp ảnh tua nhanh thời gian) trong menu chụp và nhấn ►.

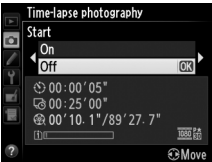


Nút MENU



2 Nhấn ►.

Nhấn ► để sang Bước 3 và chọn một quãng thời gian và thời gian chụp. Để ghi phim tua nhanh thời gian bằng cách sử dụng quãng thời gian mặc định là 5 giây và thời gian chụp 25 phút, sang bước 5.



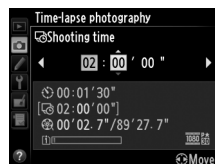
3 Chọn khoảng thời gian.

Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật phút hoặc giây; nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Chọn quãng thời gian dài hơn so với tốc độ của chụp chậm nhất dự kiến. Nhấn ► để tiếp tục.



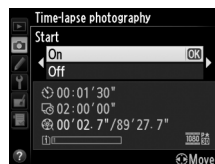
4 Chọn thời gian chụp.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật giờ hoặc phút; nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Thời gian chụp tối đa là 7 giờ và 59 phút. Nhấn ▶ để tiếp tục.



5 Bắt đầu chụp.

Làm nổi bật **On** (Bật) và nhấn ⊗ (để trở lại menu chụp mà không bắt đầu chụp ảnh tua nhanh thời gian, làm nổi bật **Off** (Tắt) và nhấn ⊗).



Chụp ảnh tua nhanh thời gian bắt đầu sau 3 giây.

Máy ảnh chụp ảnh ở quãng thời gian được chọn trong Bước 3 cho thời gian chọn ở Bước 4. Đèn tiếp cận thẻ nhớ sáng khi mỗi ảnh được ghi; lưu ý rằng bởi vì tốc độ cửa trập và thời gian cần thiết để ghi lại ảnh vào thẻ nhớ có thể thay đổi theo mỗi lần chụp, quãng thời gian giữa mỗi lần chụp được ghi và việc bắt đầu lần chụp tiếp theo có thể khác nhau. Việc chụp sẽ không bắt đầu nếu phim tua nhanh thời gian không được ghi ở cài đặt hiện tại (ví dụ, nếu thẻ nhớ đầy, quãng thời gian hoặc thời gian chụp là không, quãng thời gian dài hơn thời gian chụp, hoặc chế độ nhả (■) từ xa được chọn).

Khi hoàn thành, phim tua nhanh thời gian được ghi vào thẻ nhớ lựa chọn cho **Movie settings** (Cài đặt phim) > **Destination** (Đích đến) (□ 65).



✓ Chụp Ảnh Tua Nhanh Thời Gian

Tua nhanh thời gian không có trong xem trực tiếp (□ 49, 57), ở tốc độ cửa trập **1/800** (□ 79), khi chụp bù trừ (□ 153), Phạm vi động cao (HDR), (□ 139), đa phơi sáng (□ 160), hoặc chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian (□ 164) đang được sử dụng.

✎ Chế Độ Nhả

Bất kể chế độ nhả nào được chọn, máy ảnh sẽ chụp một lần ở mỗi quảng thời gian. Không thể sử dụng tự hẹn giờ. Chụp ảnh tua nhanh thời gian không có sẵn trong chế độ nhả (■) từ xa.

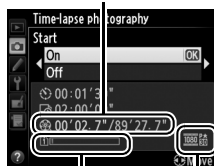
✎ Tính Thời Lượng của Phim Cuối Cùng

Tổng số khuôn hình trong bộ phim cuối cùng có thể được tính xấp xỉ bằng cách chia thời gian chụp cho quảng thời gian và làm tròn lên. Khi đó có thể tính thời lượng của phim cuối cùng bằng cách chia số ảnh chụp cho tốc độ khuôn hình được chọn cho **Movie settings** (Cài đặt phim) > **Frame size/frame rate** (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình). Ví dụ, phim khuôn hình A 48 được ghi ở **1920 × 1080; 24p** sẽ dài khoảng hai giây. Thời lượng tối đa cho phim được ghi bằng cách sử dụng chụp ảnh tua nhanh thời gian là 20 phút.

✎ Đậy Kính Ngắm

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm khỏi gây nhiễu phơi sáng, tháo hoặc mất cao su và đậy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp (□ 86).

Thời lượng ghi/thời lượng tối đa



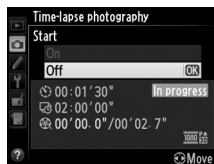
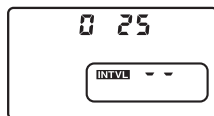
Chỉ báo thẻ nhớ

Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình

✎ Trong Quá Trình Chụp

Trong quá trình chụp ảnh tua nhanh thời gian, biểu tượng **INTVL** sẽ nhấp và chỉ báo ghi tua nhanh thời gian sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển. Thời gian còn lại (bằng giờ và phút) xuất hiện trong màn hình hiển thị tốc độ cửa trập ngay trước khi mỗi khuôn hình được ghi lại. Tại các thời điểm khác, thời gian còn lại có thể được xem bằng cách nhấn nút nhả của trập nửa chừng. Bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer** (Hẹn giờ chờ), □ 227), hẹn giờ chờ sẽ không hết hạn trong suốt quá trình chụp.

Để xem cài đặt chụp ảnh tua nhanh thời gian hiện tại, bấm nút **MENU** giữa các ảnh chụp. Trong khi đang chụp ảnh tua nhanh thời gian, menu chụp ảnh tua nhanh thời gian sẽ hiển thị các quảng thời gian và thời gian còn lại. Các thiết lập này không thể được thay đổi trong khi đang chụp ảnh tua nhanh thời gian, cũng không thể phát lại ảnh hoặc điều chỉnh các cài đặt menu khác.



■ ■ Làm Gián Đoạn Chụp Ảnh Tua Nhanh Thời Gian

Chụp ảnh tua nhanh thời gian sẽ kết thúc tự động nếu pin bị cạn kiệt. Các thao tác sau cũng sẽ kết thúc chụp ảnh tua nhanh thời gian:

- Chọn **Start** (Bắt đầu) > **Off** (Tắt) trong menu **Time-lapse photography** (Chụp ảnh tua nhanh thời gian)
- Nhấn nút  giữa các khuôn hình hoặc ngay lập tức sau khi một khuôn hình được ghi lại
- Tắt máy ảnh
- Tháo thấu kính
- Kết nối USB hay cáp HDMI
- Lắp thẻ nhớ vào khe trống
- Nhấn nút nhà cửa trập hết cỡ để bắt đầu chụp ảnh
- Chọn chế độ nhả () từ xa
- Chọn chế độ **U1** hoặc **U2**, hoặc chọn chế độ khác sau khi bắt đầu chụp ảnh tua nhanh thời gian trong chế độ **U1** hoặc **U2**

Phim sẽ được tạo ra từ các khuôn hình được chụp tới điểm mà chụp ảnh tua nhanh thời gian đã kết thúc. Lưu ý rằng chụp ảnh tua nhanh thời gian sẽ kết thúc và phim không được ghi lại nếu nguồn điện bị rút hoặc bị ngắt kết nối hoặc thẻ nhớ đích đến được đầy ra.

■ ■ Không Chụp Được Ảnh

Máy ảnh sẽ bỏ qua khuôn hình hiện tại nếu nó không thể lấy nét bằng cách sử dụng lấy nét tự động phần phụ đơn (**AF-S** hoặc lấy nét tự động phần phụ đơn được chọn cho **AF-A**; lưu ý rằng máy ảnh lấy nét lại một lần nữa trước mỗi lần chụp). Việc chụp sẽ tiếp tục với khuôn hình tiếp theo.



Xem Lại Hình Ảnh

Không thể sử dụng nút  để xem hình ảnh trong khi đang sử dụng chụp ảnh tua nhanh thời gian, nhưng khuôn hình hiện tại sẽ được hiển thị một vài giây sau mỗi lần chụp nếu **On** (Bật) được chọn cho **Image review** (Xem lại hình ảnh) trong menu phát lại ( 212). Không thể thực hiện các thao tác phát lại sau trong khi khuôn hình được hiển thị.

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc cài đặt tiếng bíp khi hoàn thành chụp ảnh tua nhanh thời gian, xem Cài Đặt Tùy Chọn d1 (**Beep** (Bíp),  228).

Thấu Kính Không CPU

Bằng cách xác định dữ liệu thấu kính (tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính tối đa), người dùng có thể truy cập đến một loạt các chức năng thấu kính CPU khi sử dụng thấu kính không CPU.

Nếu biết tiêu cự thấu kính:

- Có thể sử dụng thu phóng thông minh với bộ đèn nháy tùy chọn (☐ 294)
- Tiêu cự thấu kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Nếu biết độ mở ống kính tối đa:

- Giá trị độ mở ống kính được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm
- Mức đèn nháy được điều chỉnh cho những thay đổi về độ mở ống kính nếu bộ đèn nháy hỗ trợ chế độ AA (độ mở ống kính tự động)
- Độ mở ống kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Chỉ định cả tiêu cự và độ mở tối đa của thấu kính:

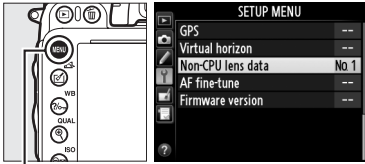
- Cho phép đo sáng ma trận màu (lưu ý rằng có thể cần thiết phải sử dụng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm để đạt được kết quả chính xác với một số thấu kính, bao gồm cả thấu kính Reflex-NIKKOR)
- Cải thiện độ chính xác của cân bằng trung tâm và đo sáng điểm và đèn nháy làm đầy cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số



Máy ảnh có thể lưu trữ dữ liệu cho chín thấu kính không CPU. Để nhập hoặc chỉnh sửa dữ liệu cho thấu kính không CPU:

1 Chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU).

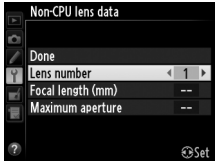
Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Non-CPU lens data** (Dữ liệu thấu kính không CPU) trong menu cài đặt và nhấn **▶**.



Nút MENU

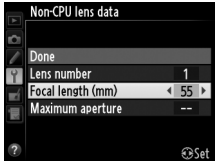
2 Chọn số thấu kính.

Làm nổi bật **Lens number** (Số thấu kính) và nhấn **◀** hoặc **▶** để chọn số thấu kính giữa 1 và 9.



3 Nhập tiêu cự và độ mở ống kính.

Làm nổi bật **Focal length (mm)** (Tiêu cự (mm)) hoặc **Maximum aperture** (Độ mở ống kính tối đa) và nhấn **◀** hoặc **▶** để sửa mục được làm nổi bật. Có thể chọn tiêu cự từ các giá trị giữa 6 đến 4.000 mm, độ mở ống kính tối đa từ các giá trị giữa f/1.2 và f/22.



Tiêu Cự Không Được Liệt Kê

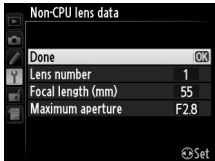
Nếu tiêu cự chính xác không được liệt kê, chọn giá trị gần nhất lớn hơn tiêu cự thực tế của thấu kính.

Bộ Chuyển Từ Xa và Thấu Kính Thu Phóng

Độ mở ống kính tối đa cho bộ chuyển từ xa là độ mở ống kính tối đa hỗn hợp của độ mở ống kính và thấu kính. Lưu ý rằng không điều chỉnh được dữ liệu thấu kính khi thấu kính không CPU được thu hoặc phóng. Dữ liệu cho tiêu cự khác nhau có thể được nhập như số thấu kính riêng biệt, hoặc dữ liệu cho thấu kính có thể được chỉnh sửa để phản ánh các giá trị tiêu cự thấu kính mới và độ mở ống kính tối đa mỗi lần thu phóng được điều chỉnh.

4 Chọn Done (Xong).

Làm nổi bật **Done** (Xong) và nhấn **OK**. Tiêu cự và độ mở ống kính được chỉ định sẽ được lưu dưới số thấu kính được chọn.



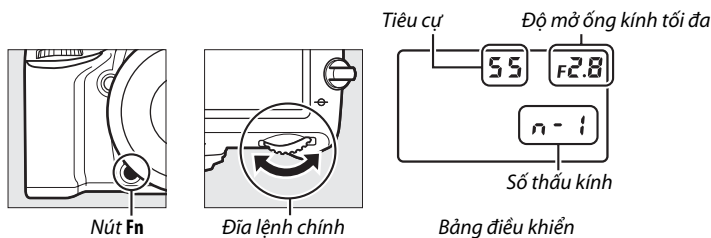
Để gọi lại dữ liệu thấu kính khi sử dụng thấu kính không CPU:

1 Chỉ định lựa chọn số thấu kính không CPU để điều khiển máy ảnh.

Chọn **Choose non-CPU lens number** (Chọn số thấu kính không CPU) cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Assign Fn button** (Gán nút Fn), □ 242) hoặc Cài Đặt Tùy Chọn f3 (**Assign preview button** (Gán nút xem trước), □ 244).

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn số thấu kính.

Nhấn nút được chọn và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài số thấu kính mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Thiết bị GPS GP-1/GP-1A

Thiết bị GP-1/GP-1A GPS (bán riêng) có thể được kết nối với đầu cuối phụ kiện của máy ảnh (□ 298) bằng cách sử dụng cáp kèm theo với GP-1/GP-1A, cho phép thông tin hiện hành về vị trí máy ảnh được ghi lại khi ảnh được chụp. Tắt máy ảnh trước khi kết nối GP-1/GP-1A; để biết thêm thông tin, xem tài liệu hướng dẫn GP-1/GP-1A.

■ ■ Tùy Chọn Menu Cài Đặt

Mục **GPS** trong menu cài đặt chứa các tùy chọn được liệt kê dưới đây.

- **Standby timer** (Hẹn giờ chờ): Chọn để đo phơi sáng tắt tự động khi GP-1/GP-1A được lắp.

Tùy chọn	Mô tả
Enable (Cho phép)	Đo phơi sáng tự động tắt nếu không có hoạt động được thực hiện cho thời gian đã chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (Standby timer (Hẹn giờ chờ), □ 227; để cho phép máy ảnh có thời gian lấy dữ liệu GPS, độ trễ kéo dài thêm một phút sau khi đo phơi sáng được bật hoặc máy ảnh được bật). Điều này sẽ làm tăng tiêu hao pin.
Disable (Vô hiệu)	Đo phơi sáng không tắt khi GP-1/GP-1A được kết nối.

- **Position** (Định vị): Mục này chỉ có sẵn nếu GP-1/GP-1A được kết nối, khi nó hiển thị vĩ độ, kinh độ, cao độ hiện hành và Múi Giờ Quốc Tế (UTC) mà GP-1/GP-1A ghi được.
- **Use GPS to set camera clock** (Sử dụng GPS để đặt đồng hồ máy ảnh): Chọn **Yes** (Có) để đồng bộ đồng hồ máy ảnh với thời gian mà thiết bị GPS ghi được.

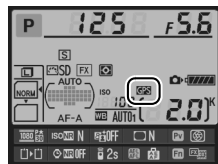
Múi Giờ Quốc Tế (UTC)

Dữ liệu UTC được thiết bị GPS cung cấp và độc lập với đồng hồ máy ảnh.

Biểu Tượng

Trạng thái kết nối được hiển thị bằng biểu tượng 

-  **(tinh):** Máy ảnh đã thiết lập giao tiếp với GP-1/GP-1A. Thông tin ảnh của ảnh được chụp trong khi biểu tượng này được hiển thị bao gồm một trang bổ sung dữ liệu GPS (□ 183).
-  **(nhấp nháy):** GP-1/GP-1A đang tìm kiếm tín hiệu. Ảnh được chụp trong khi biểu tượng này đang nhấp sẽ không có dữ liệu GPS.
- **Không có biểu tượng:** Không nhận được dữ liệu GPS mới nào từ GP-1/GP-1A trong ít nhất hai giây. Ảnh được chụp khi biểu tượng  không được hiển thị sẽ không có dữ liệu GPS.



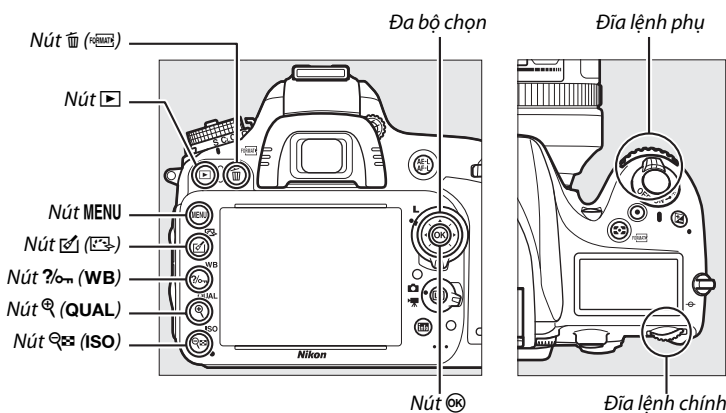
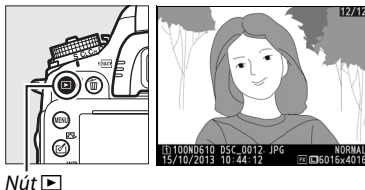




Thông Tin Thêm về Phát Lại

Phát Lại Khuôn Hình Đầy

Để phát lại ảnh, nhấn nút . Ảnh mới nhất sẽ được hiển thị ở màn hình.



Xoay Dọc

Để hiển thị ảnh “dọc” (hướng chân dung) theo hướng dọc, chọn **On** (Bật) cho chức năng **Rotate tall** (Xoay dọc) trong menu phát lại (212).



Xem Lại Hình Ảnh

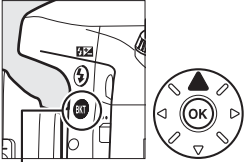
Khi chọn **On** (Bật) cho mục **Image review** (Xem lại hình ảnh) trong menu phát lại (212), ảnh sẽ tự động hiển thị trên màn hình trong khoảng 4 giây sau khi chụp (vì máy ảnh đã đặt đúng hướng nên hình ảnh sẽ không tự động xoay trong suốt thời gian xem lại). Ở chế độ nhả liên tục, khi kết thúc chụp, hiển thị sẽ bắt đầu với hình ảnh đầu tiên trong loạt ảnh hiện thời.



Để	Sử dụng	Mô tả
Xem thêm ảnh		Nhấn ► để xem ảnh theo thứ tự được lưu, ◀ để xem ảnh theo thứ tự ngược lại.
Xem thông tin ảnh		Nhấn ▲ hoặc ▼ để xem thông tin về bức ảnh hiện tại (□ 179).
Xem hình thu nhỏ		Xem trang 185 để biết thêm thông tin.
Phóng to ảnh		Xem trang 187 để biết thêm thông tin.
Xóa ảnh		Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện. Nhấn (QUAL) lần nữa để xóa ảnh.
Thay đổi trạng thái bảo vệ		Để bảo vệ ảnh, hoặc bỏ bảo vệ đối với hình ảnh đã được bảo vệ, nhấn (WB) (□ 188).
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh hoặc phát phim		Tạo bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại (□ 261). Nếu hình ảnh hiện thời được đánh dấu là để cho biết đó là phim, nhấn để bắt đầu phát lại phim (□ 67).

Chọn Khe Thẻ Nhớ

Nếu hai thẻ nhớ được đưa vào, chọn một thẻ để phát lại bằng cách giữ nút **BKT** và nhấn ▲ trong suốt quá trình phát lại khuôn hình đầy hay thu nhỏ. Hộp thoại như bên phải sẽ hiển thị; làm nổi bật khe muốn chọn và nhấn ► để liệt kê các thư mục trên thẻ được chọn, sau đó làm nổi bật một thư mục và nhấn để xem lại hình ảnh trong thư mục được chọn. Thực hiện quá trình tương tự khi chọn ảnh cho các menu phát lại (□ 207) và chỉnh sửa (□ 261) hoặc khi sao chép cân bằng trắng từ một bức ảnh đã tồn tại (□ 125).



Nút BKT

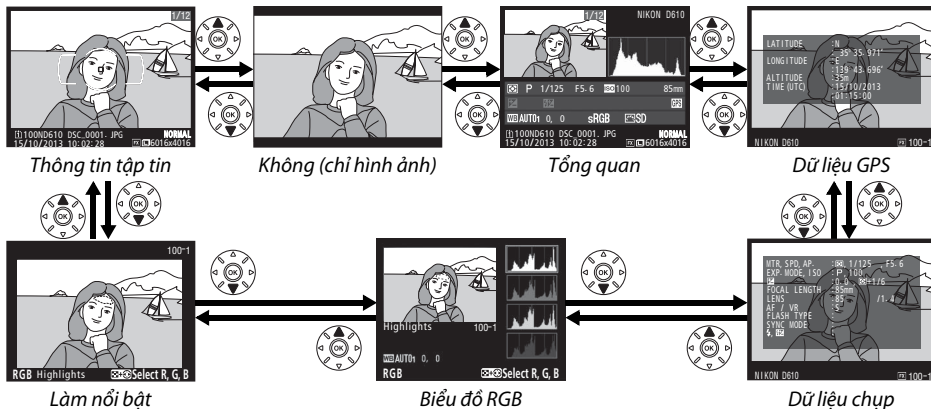


Xem Thêm

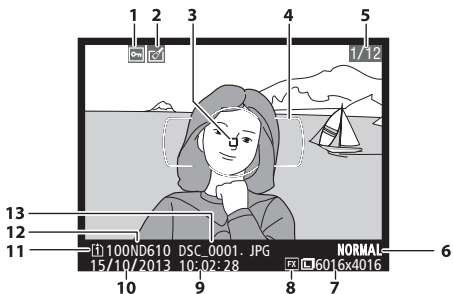
Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian màn hình chờ khi không làm việc, xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Monitor off delay** (Độ trễ tắt màn hình), □ 228).

Thông Tin Ảnh

Thông tin ảnh được đề chuyển lệnh trên những bức ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy. Nhấn **▲** hoặc **▼** để duyệt qua thông tin ảnh như minh họa bên dưới. Lưu ý rằng “chỉ hình ảnh”, dữ liệu chụp, biểu đồ RGB, phần tô sáng và dữ liệu tổng quan chỉ được hiển thị nếu tùy chọn tương ứng được chọn cho **Playback display options** (Tùy chọn hiển thị phát lại) (📖 209). Dữ liệu GPS chỉ được hiển thị nếu sử dụng thiết bị GPS khi chụp ảnh.



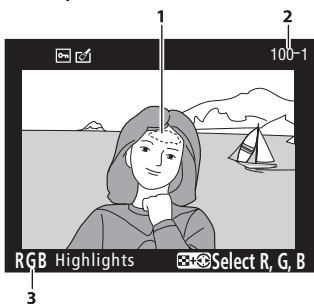
Thông Tin Tập Tin



1	Trạng thái bảo vệ.....	188
2	Chỉ báo sửa lại.....	261
3	Điểm lấy nét ^{1, 2}	101
4	Khuôn vùng lấy nét tự động ¹	33
5	Số khuôn hình/tổng số khuôn hình.....	93
6	Chất lượng hình ảnh.....	95
7	Cỡ hình ảnh.....	89
8	Vùng hình ảnh ³	27, 253
9	Thời gian ghi.....	27, 253
10	Ngày ghi.....	46, 178
11	Khe thẻ hiển thị thời.....	215
12	Tên thư mục.....	216
13	Tên tập tin.....	

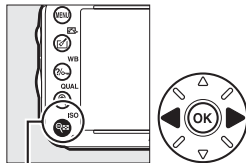
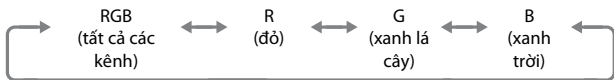
- Chỉ hiển thị nếu **Focus point** (Điểm lấy nét) được chọn cho **Playback display options** (Tùy chọn hiển thị phát lại) (📖 209).
- Nếu ảnh được chụp sử dụng **AF-S** hoặc lấy nét tự động phần phụ đơn được chọn trong suốt **AF-A**, hiển thị cho thấy điểm đầu tiên mà lấy nét bị khóa. Nếu chụp ảnh sử dụng **AF-C** hoặc chọn lấy nét tự động phần phụ liên tục **AF-A**, điểm lấy nét chỉ hiển thị nếu chế độ vùng lấy nét tự động không được chọn ở mục lấy nét tự động vùng tự động và máy ảnh có thể lấy nét.
- Hiển thị màu vàng nếu ảnh bằng định dạng không phải FX (bao gồm cả định dạng phim DX; 📖 63, 89).

■ ■ Làm Nổi Bật



- 1 Làm nổi bật hình ảnh¹
- 2 Số thứ mục—số khuôn hình²215
- 3 Kênh hiện thời¹

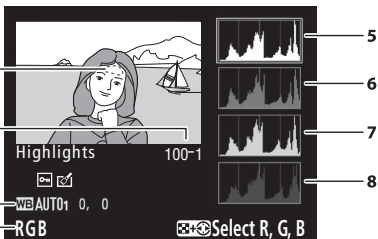
1 Vùng nhấp nháy cho biết phần tỏ sáng (các vùng có thể bị phơi sáng quá nhiều) của kênh hiện tại. Giữ nút **ISO** và nhấn **◀** hoặc **▶** để xoay vòng các kênh như sau:



Nút **ISO**

2 Hiện thị màu vàng nếu ảnh bằng định dạng không phải FX (bao gồm cả định dạng phim DX; 63, 89).

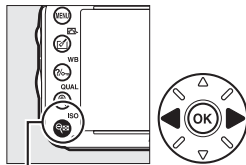
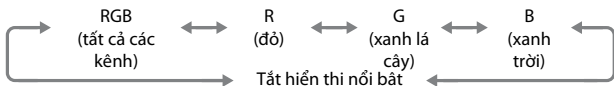
■ ■ Biểu Đồ RGB



- 3 Cân bằng trắng115
- Nhiệt độ màu120
- Dò tinh chỉnh cân bằng trắng117
- Cài đặt trước bằng tay121
- 4 Kênh hiện thời¹
- 5 Biểu đồ (kênh RGB). Trong tất cả các biểu đồ, trục ngang chỉ độ sáng điểm ảnh, trục thẳng đứng chỉ số điểm ảnh.
- 6 Biểu đồ (kênh màu đỏ)
- 7 Biểu đồ (kênh màu xanh lá cây)
- 8 Biểu đồ (kênh màu xanh trời)

- 1 Làm nổi bật hình ảnh¹
- 2 Số thứ mục—số khuôn hình²215

1 Vùng nhấp nháy cho biết phần tỏ sáng (các vùng có thể bị phơi sáng quá nhiều) của kênh hiện tại. Giữ nút **ISO** và nhấn **◀** hoặc **▶** để xoay vòng các kênh như sau:



Nút **ISO**

2 Hiện thị màu vàng nếu ảnh bằng định dạng không phải FX (bao gồm cả định dạng phim DX; 63, 89).

Thu Phóng Phát Lại

Để phóng to ảnh khi hiển thị biểu đồ, nhấn **Q** (**QUAL**). Sử dụng các nút **Q** (**QUAL**) và **I** (**ISO**) để phóng to và thu nhỏ và cuộn hình ảnh bằng đa bộ chọn. Biểu đồ sẽ được cập nhật để hiển thị các dữ liệu cho phần hình ảnh thấy được trên màn hình.



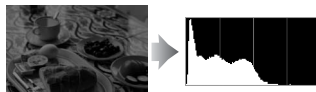
Biểu Đồ

Biểu đồ máy ảnh chỉ mang tính hướng dẫn và có thể khác so với những gì hiển thị trong các ứng dụng hình ảnh. Sau đây là một số biểu đồ mẫu:

Nếu hình ảnh chứa các đối tượng có phạm vi độ sáng rộng, sự phân phối của các tông màu sẽ tương đối cân bằng.



Nếu hình ảnh tối, phân phối tông màu sẽ dịch sang trái.



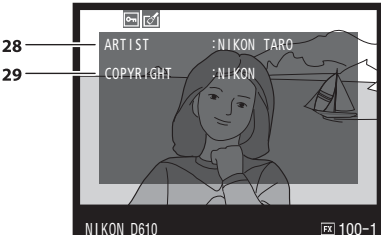
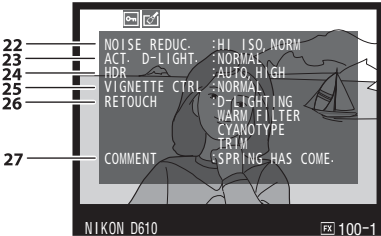
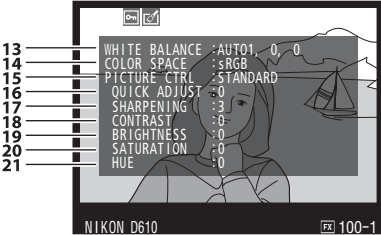
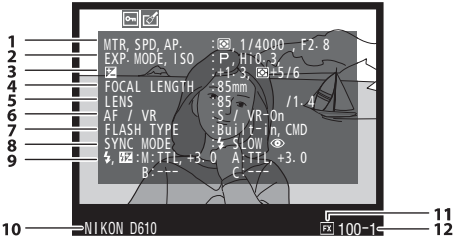
Nếu hình ảnh sáng, phân phối tông màu sẽ dịch sang phải.



Tăng bù phơi sáng sẽ dịch sự phân phối tông màu sang phải, và nếu giảm bù phơi sáng thì phân phối sẽ dịch sang trái. Biểu đồ sẽ cho thấy cái nhìn tổng quát về phơi sáng toàn diện khi ánh sáng xung quanh khiến cho ảnh khó nhìn thấy được trên màn hình.



Dữ Liệu Chụp

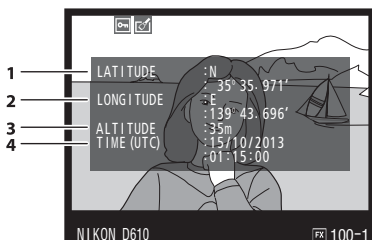


1	Đo sáng.....	109
	Tốc độ cửa trập.....	74
	Độ mở ống kính.....	74
2	Chế độ chụp.....	35, 40, 73
	Độ nhảy ISO ¹	105

3	Bù phơi sáng.....	112
	Tối ưu điều chỉnh phơi sáng ²	226
4	Tiêu cự.....	172, 288, 291
5	Dữ liệu thấu kính.....	172
6	Chế độ lấy nét.....	97, 103
	Thấu kính VR (chống rung) ³	
7	Loại đèn nháy.....	143, 292
	Chế độ bộ điều khiển.....	237
8	Chế độ đèn nháy.....	144
9	Điều khiển đèn nháy.....	236, 294, 295
	Bù đèn nháy.....	148
10	Tên máy ảnh.....	
11	Vùng hình ảnh ⁴	89
12	Số thư mục—số khuôn hình ⁴	215
13	Cân bằng trắng.....	115
	Nhiệt độ màu.....	120
	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.....	117
	Cài đặt trước bằng tay.....	121
14	Không gian màu.....	217
15	Picture Control.....	129
16	Điều chỉnh nhanh ⁵	132
	Picture Control ban đầu ⁶	135
17	Làm sắc nét.....	132
18	Độ tương phản.....	132
19	Độ sáng.....	132
20	Độ bão hòa ⁷	132
	Hiệu ứng bộ lọc ⁸	132
21	Màu sắc ⁷	132
	Tông màu ⁸	132, 133
22	Giảm nhiễu ISO cao.....	218
	Giảm nhiễu phơi sáng lâu.....	218
23	D-Lighting hoạt động.....	137
24	Độ lệch phơi sáng HDR.....	139
	Làm mượt HDR.....	139
25	Quản lý tạo họa tiết.....	218
26	Lịch sử sửa lại.....	261
27	Chú thích hình ảnh.....	253
28	Tên của nhiếp ảnh gia ⁹	256
29	Thông Tin Bản Quyền ⁹	256

- 1 Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 2 Hiển thị nếu Cài Đặt Tùy Chọn b5 (**Fine tune optimal exposure** (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu),  226) được chỉnh đến giá trị khác 0 cho bất cứ phương pháp đo sáng nào.
- 3 Chỉ hiển thị nếu gắn thấu kính chống rung.
- 4 Hiển thị màu vàng nếu ảnh bằng định dạng không phải FX (bao gồm cả định dạng phim DX;  63, 89).
- 5 Chỉ các Picture Control **Standard** (Tiêu chuẩn), **Vivid** (Sống động), **Portrait** (Chân dung) và **Landscape** (Phong cảnh).
- 6 **Neutral** (Trung tính), **Monochrome** (Đơn sắc), và các Picture Control mặc định.
- 7 Không hiển thị với Picture Control đơn sắc.
- 8 Chỉ Picture Control đơn sắc.
- 9 Trang thứ tư của dữ liệu chụp chỉ được hiển thị nếu thông tin bản quyền được ghi lại với ảnh như được mô tả trên trang 256.

■■ Dữ Liệu GPS*



- 1 Vĩ Độ
- 2 Kinh Độ
- 3 Cao Độ
- 4 Múi Giờ Quốc Tế (UTC)

* Dữ liệu cho phép dùng bắt đầu ghi.



Phát Lại Hình Thu Nhỏ

Để hiển thị hình ảnh trên các “tờ tiếp xúc” của bốn, chín hay 72 ảnh, nhấn nút  (ISO).

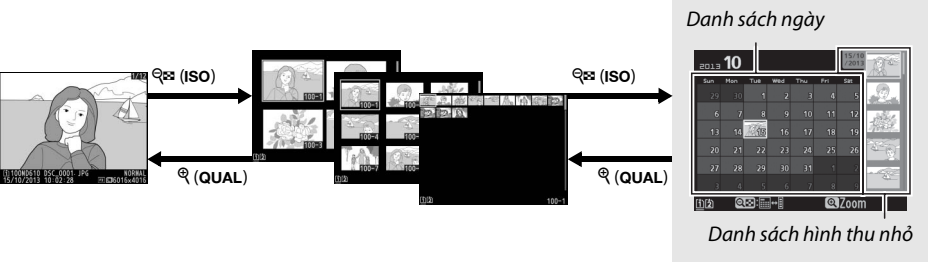


Để	Sử dụng	Mô tả
Hiển thị thêm hình ảnh	 (ISO)	Nhấn  (ISO) để tăng thêm số ảnh hiển thị.
Hiển thị ít hình ảnh hơn	 (QUAL)	Nhấn nút  (QUAL) để giảm bớt số hình ảnh hiển thị. Khi bốn ảnh hiển thị, nhấn để xem đầy khuôn hình ảnh được chọn nổi.
Làm nổi bật hình ảnh		Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh cho phát lại khuôn hình đầy, thu phóng phát lại ( 187), xóa ( 189), hoặc bảo vệ ( 188).
Xem hình ảnh được làm nổi bật		Nhấn  để hiển thị ảnh được làm nổi bật trong khuôn hình đầy.
Xóa ảnh được làm nổi bật		Xem trang 189 để biết thêm thông tin.
Thay đổi trạng thái bảo vệ của hình ảnh được làm nổi bật	 (WB)	Xem trang 188 để biết thêm thông tin.
Trở về chế độ chụp	 / 	Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh	 ( 163)	Tạo bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại ( 69, 261).



Phát Lại Theo Lịch

Để xem hình được chụp vào ngày được chọn, nhấn nút  (ISO) khi 72 hình ảnh được hiển thị.



Phát lại khuôn hình đầy Phát lại hình thu nhỏ Phát lại theo lịch

Hoạt động được thể hiện dựa vào việc con trỏ xuất hiện trên danh sách ngày hay danh sách ảnh thu nhỏ:

Đề	Sử dụng	Mô tả
Hoán đổi giữa danh sách ngày và danh sách hình thu nhỏ		Nhấn nút  (ISO) trong danh sách ngày để đặt con trỏ trong danh sách hình thu nhỏ. Nhấn lần nữa để về danh sách ngày.
Thoát để phát lại hình thu nhỏ/Phóng to hình được làm nổi bật		Danh sách ngày: Thoát sang phát lại 72 khuôn hình. Danh sách hình thu nhỏ: Nhấn và giữ nút  (QUAL) để phóng to hình ảnh được làm nổi bật.
Làm nổi bật ngày/Làm nổi bật hình ảnh		Danh sách ngày: Chọn nổi bật ngày. Danh sách hình thu nhỏ: Làm nổi bật hình ảnh.
Hoán đổi phát lại khuôn hình đầy		Danh sách ngày: Xem các ảnh được chụp vào ngày được chọn. Danh sách hình thu nhỏ: Xem ảnh được làm nổi bật.
Xóa (các) ảnh được làm nổi bật.		Danh sách ngày: Xóa tất cả ảnh vào ngày được chọn. Danh sách hình thu nhỏ: Xóa ảnh được làm nổi bật ( 189).
Thay đổi trạng thái bảo vệ ảnh được làm nổi bật		Xem trang 188 để biết thêm thông tin.
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh		Tạo bản sao chỉnh sửa của ảnh làm nổi bật trong danh sách hình ảnh thu nhỏ ( 69, 261).

Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại

Nhấn nút **QUAL** để phóng to ảnh hiển thị phát lại khuôn hình đầy hoặc ảnh đang được làm nổi bật trong phát lại hình thu nhỏ. Các hoạt động sau có thể thực hiện trong khi thu phóng đang có hiệu lực:

Để	Sử dụng	Mô tả	
Phóng to hoặc thu nhỏ		Nhấn QUAL (QUAL) để phóng to tối đa khoảng 38× (ảnh lớn 36 × 24/3 : 2), 28× (ảnh vừa) hoặc 19× (ảnh nhỏ). Nhấn ISO (ISO) để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn hình. Giữ nhấn đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng xuất hiện khi tỉ lệ thu phóng thay đổi; vùng nhìn thấy hiện thời trên màn hình được chỉ định bởi khung màu vàng.	
Xem các vùng khác của ảnh		Khuôn mặt (lên đến 35) được nhận diện suốt quá trình thu phóng chỉ định bởi khung màu trắng trong cửa sổ định hướng. Xoay đĩa lệnh phụ để xem các khuôn mặt khác.	
Chọn khuôn mặt		Xoay đĩa lệnh chính để xem các ảnh khác ở cùng một vị trí với tỷ lệ thu phóng hiện tại. Thu phóng phát lại bị hủy khi phim được hiển thị.	
Xem hình ảnh khác		Xoay đĩa lệnh chính để xem các ảnh khác ở cùng một vị trí với tỷ lệ thu phóng hiện tại. Thu phóng phát lại bị hủy khi phim được hiển thị.	
Thay đổi trạng thái bảo vệ		Xem trang 188 để biết thêm thông tin.	
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.	
Sửa lại ảnh		Tạo bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại (69, 261).	



Bảo Vệ Ảnh Khởi Bị Xóa

Trong khuôn hình đầy, thu phóng, phát lại hình thu nhỏ và phát lại theo lịch, nút **🔒 (WB)** có thể được sử dụng để bảo vệ hình ảnh khỏi bị xóa vô tình. Tập tin được bảo vệ không thể bị xóa bằng cách sử dụng nút **🗑️ (FORMAT)** hay lựa chọn **Delete** (Xóa) trong menu phát lại. Lưu ý rằng hình ảnh được bảo vệ sẽ bị xóa khi định dạng thẻ nhớ (📁 31, 250).

Để bảo vệ bức ảnh:

1 Chọn hình ảnh.

Hiện thị ảnh trong phát lại khuôn hình đầy hoặc thu phóng phát lại hay làm nổi bật ảnh trong danh sách phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.



Phát lại khuôn hình đầy



Phát lại hình thu nhỏ



Phát lại theo lịch

2 Nhấn nút **🔒 (WB)**.

Ảnh sẽ được đánh dấu với một biểu tượng **🔒**. Để bỏ bảo vệ khỏi ảnh khiến nó có thể bị xóa, hiển thị hoặc làm nổi bật trong danh sách thu nhỏ và sau đó nhấn nút **🔒 (WB)**.



Nút **🔒 (WB)**



✏️ Hủy Bỏ Bảo Vệ Cho Tất Cả Ảnh

Để hủy bỏ bảo vệ cho tất cả các ảnh trong tư mục hay cho thư mục được chọn trong menu **Playback folder** (Thư mục phát lại), nhấn đồng thời nút **🔒 (WB)** và **🗑️ (FORMAT)** trong khoảng hai giây trong khi phát lại.

Xóa Ảnh

Để xóa ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy hay ảnh nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ, nhấn nút . Để xóa nhiều ảnh được chọn, tất cả ảnh chụp trong ngày được chọn, hay tất cả ảnh trong thư mục phát lại, sử dụng tùy chọn **Delete** (Xóa) trong menu phát lại. Khi đã xóa, ảnh không thể khôi phục lại. Lưu ý rằng không thể xóa ảnh được bảo vệ hoặc ẩn.

Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ và Theo Lịch

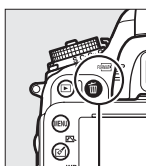
Nhấn nút  để xóa ảnh hiện tại.

1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ trong phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.

2 Nhấn nút .

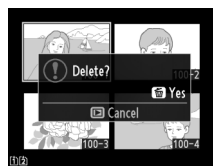
Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị.



Nút 



Phát lại khuôn hình đầy



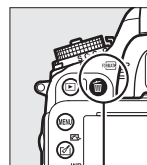
Phát lại hình thu nhỏ



Phát lại theo lịch (danh sách hình thu nhỏ)

3 Nhấn nút một lần nữa.

Để xóa ảnh, nhấn nút . Để thoát mà không xóa ảnh, nhấn nút .



Nút 

Phát Lại Theo Lịch

Trong quá trình phát lại theo lịch, bạn có thể xóa tất cả ảnh trong ngày được chọn bằng cách làm nổi bật ngày trong danh sách ngày và nhấn nút  ( 186).

Xem Thêm

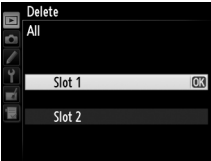
Tùy chọn **After delete** (Sau khi xóa) trong menu phát lại quyết định liệu ảnh trước hay sau đó có hiển thị sau khi một bức ảnh bị xóa hay không ( 212).



Menu Phát Lại

Tùy chọn **Delete** (Xóa) trong menu phát lại chứa các tùy chọn sau. Lưu ý rằng tùy thuộc vào số lượng ảnh mà có thể yêu cầu phải xóa bớt.

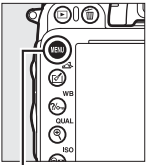
Tùy chọn	Mô tả
 Selected (Đã Chọn)	Xóa ảnh đã chọn.
 Select date (Chọn ngày)	Xóa tất cả ảnh chụp trong ngày đã chọn ( 191).
ALL All (Tất cả)	Xóa tất cả các ảnh trong thư mục hiện thời được chọn cho phát lại ( 207). Nếu có hai thẻ nhớ được lắp vào, bạn có thể chọn xóa ảnh từ thẻ.



■ Selected (Đã chọn): Xóa Ảnh Đã Chọn

- 1
- Chọn Selected (Đã chọn) cho tùy chọn Delete (Xóa) trong menu phát lại.**

Nhấn nút **MENU** và chọn **Delete** (Xóa) trong menu phát lại. Làm nổi bật **Selected** (Đã Chọn) và nhấn **▶**.



Nút MENU



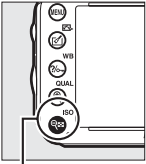
- 2
- Làm nổi bật một bức ảnh.**

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật một bức ảnh (để xem ảnh đã chọn nổi bật đầy màn hình, nhấn và giữ nút **Q** (**QUAL**); để xem ảnh ở vị trí khác, giữ nút **BKT**, nhấn **▲**, và chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả ở trang 178).

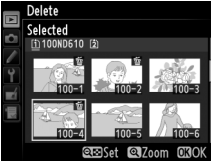


- 3
- Chọn ảnh đã làm nổi bật.**

Nhấn nút **Q** (**ISO**) để chọn ảnh cần làm : nổi bật. Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng . Lặp lại bước 2 và bước 3 để chọn thêm ảnh; để xóa ảnh, làm nổi bật và nhấn **Q** (**ISO**).



Nút Q (ISO)



4 Nhấn **OK** để hoàn thành hoạt động.

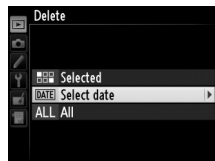
Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn **OK**.



■ Select Date (Chọn Ngày): Xóa Ảnh Được Chụp Vào Ngày Đã Chọn

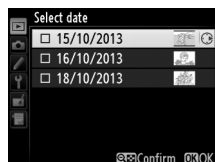
1 Chọn Select date (Chọn ngày).

Trong menu xóa, làm nổi bật **Select date** (Chọn ngày) và nhấn **►**.

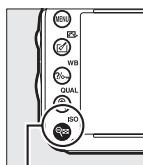


2 Làm nổi bật ngày.

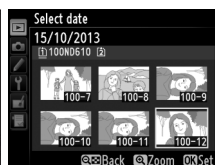
Nhấn **▲** hoặc **▼** để làm nổi bật một ngày.



Để xem các bức ảnh được chụp vào ngày được làm nổi bật, nhấn **ISO**. Sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua các bức ảnh, hoặc nhấn giữ **QUAL** để xem toàn màn hình bức ảnh hiện tại. Nhấn **ISO** để quay về danh sách ngày.

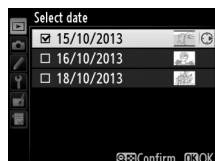


Nút **ISO**



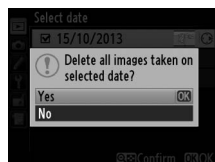
3 Chọn ngày được làm nổi bật.

Nhấn **►** để chọn tất cả ảnh được chụp trong ngày được làm nổi bật. Ngày đã chọn được đánh dấu với biểu tượng **☑**. Lặp lại bước 2 và 3 để chọn ngày bổ sung; để bỏ chọn một ngày, làm nổi bật ngày đó và nhấn **►**.



4 Nhấn **OK** để hoàn thành hoạt động.

Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn **OK**.





Kết nối

Kết Nối với Máy Tính

Phần này mô tả cách sử dụng cáp USB cấp kèm để kết nối máy ảnh với máy tính.

Trước Khi Kết Nối Máy Ảnh

Trước khi kết nối máy ảnh, cài đặt phần mềm đi kèm ViewNX 2 CD. Để đảm bảo việc truyền dữ liệu không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin máy ảnh EN-EL15 đã được sạc đầy. Nếu nghi ngờ, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ chuyển đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B (bán riêng).

■ Phần Mềm Đi Kèm

ViewNX 2 chứa chức năng “Nikon Transfer 2” để sao chép ảnh từ máy ảnh vào máy tính, nơi ViewNX 2 có thể được sử dụng để xem và in có chọn lọc các bức ảnh hoặc để chỉnh sửa ảnh và phim. Để có thêm thông tin, hãy xem hỗ trợ trực tuyến cho ViewNX 2.

■ Hệ Điều Hành Được Hỗ Trợ

Phần mềm đi kèm có thể được sử dụng trong các máy tính chạy các hệ điều hành sau:

- **Windows:** Phiên bản cài đặt trước của Windows 8, Windows 7, Windows Vista, và Windows XP; không tương thích với các phiên bản 64 bit của Windows XP.
- **Macintosh:** OS X 10.8 hoặc 10.7, Mac OS X 10.6

Truy cập các trang web được nêu ở trang xxiii để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ.

Cáp Kết Nối

Hãy chắc là máy ảnh đã tắt khi kết nối hoặc ngắt kết nối với cáp khớp nối. Không sử dụng lực hoặc cố gắng lắp các đầu nối ở góc nghiêng. Đóng nắp đầu nối với máy ảnh khi không sử dụng đầu nối.

Trong Lúc Truyền

Không tắt máy ảnh hoặc ngắt kết nối cáp USB trong quá trình truyền dữ liệu.

Windows

Để truy cập trang web của Nikon sau khi cài đặt ViewNX 2, chọn **All Programs** (Toàn bộ chương trình) > **Link to Nikon** (Kết nối đến Nikon) từ menu Start của Windows (cần kết nối Internet).

Kết Nối Máy Ảnh

Kết nối máy ảnh sử dụng cáp USB cấp kèm.

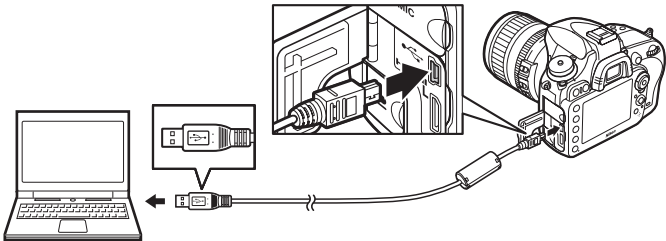
1 Tắt máy ảnh.

2 Bật máy ảnh.

Bật máy ảnh và chờ máy khởi động.

3 Kết nối cáp USB.

Kết nối cáp USB như minh họa.



☒ Cục Chia USB

Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy tính; không kết nối cáp qua cục chia USB hay qua bàn phím.

4 Bật máy ảnh.

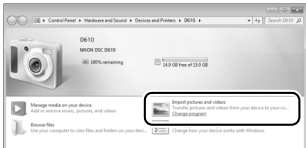
5 Bắt đầu Nikon Transfer 2.

Nếu thông báo nhắc bạn chọn chương trình được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2.

☒ Windows 7

Nếu hội thoại sau đây được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2 như được mô tả bên dưới.

- 1 Dưới **Import pictures and videos** (Nhập hình ảnh và video), nhấp vào **Change program** (Thay đổi chương trình). Một hội thoại lựa chọn chương trình sẽ được hiển thị; chọn **Import file using Nikon Transfer 2** (Nhập tập tin bằng cách sử dụng Nikon Transfer 2) và nhấp vào **OK**.
- 2 Nhấp đúp vào **Import file** (Nhập tập tin).



6 Nhấp vào **Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)**.

Tại các cài đặt mặc định, tất cả các bức ảnh trong thẻ nhớ sẽ được sao chép sang máy tính (để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nikon Transfer 2, hãy khởi động ViewNX 2 hoặc Nikon Transfer 2 và chọn **ViewNX 2 Help** (Trợ Giúp ViewNX 2) từ menu **Help** (Trợ giúp)).



Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)

7 Tắt máy ảnh và ngắt kết nối cáp USB khi kết thúc truyền dữ liệu.

Nikon Transfer 2 sẽ tự động đóng lại khi việc truyền hoàn tất.

Camera Control Pro 2

Phần mềm Camera Control Pro 2 (bán riêng; □ 298) có thể được dùng để điều khiển máy ảnh từ máy tính. Khi Camera Control Pro 2 được sử dụng để đưa ảnh và phim trực tiếp vào máy tính, chỉ báo kết nối PC (P_L) sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển.



In ảnh

Các ảnh JPEG được chọn có thể được in trên máy in PictBridge (☎ 333) được kết nối trực tiếp với máy ảnh.

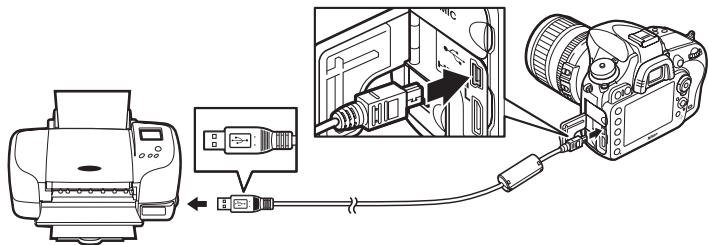
Kết Nối tới Máy In

Kết nối máy ảnh sử dụng cáp USB cấp kèm.

1 Tắt máy ảnh.

2 Kết nối cáp USB.

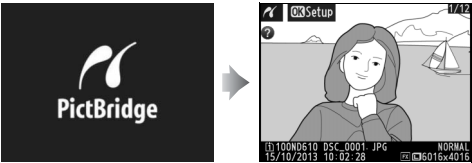
Bật máy in lên và kết nối cáp USB như minh họa. Không sử dụng lực hoặc cố gắng lắp các đầu nối ở góc nghiêng.



☒ **Cực Chia USB**
Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy in, không kết nối cáp qua cực chia USB.

3 Bật máy ảnh.

Một màn hình khởi động máy sẽ hiện lên, theo sau là hiển thị phát lại PictBridge.



In Qua Kết Nối USB Trực Tiếp

Hãy chắc chắn rằng pin EN-EL15 đã được sạc đầy hoặc sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn và đầu nối nguồn EP-5B. Khi chụp ảnh để in thông qua kết nối trực tiếp USB, cài đặt **Color space** (Không gian màu) về **sRGB** (□ 217).

Chọn Ảnh Để In

Ảnh NEF (RAW) (□ 93) không thể chọn được để in. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại (□ 271).

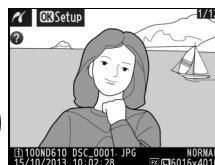
Xem Thêm

Xem trang 325 để có thêm thông tin về việc cần phải làm gì khi lỗi xuất hiện trong quá trình in.

In Từng Ảnh Một

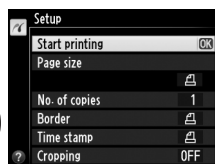
1 Chọn ảnh.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để xem thêm các bức ảnh. Nhấn nút  (**QUAL**) để phóng to trên khuôn hình hiện tại (□ 187; nhấn nút  để thoát khỏi chế độ thu phóng). Để xem sáu hình ảnh cùng lúc, nhấn nút  (**ISO**). Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh, hoặc nhấn nút  (**QUAL**) để hiển thị toàn bộ khuôn hình đầy ảnh được làm nổi bật; để xem hình ảnh tại các địa điểm khác, khi hình ảnh nhỏ hiển thị, giữ nút **BKT**, nhấn nút ▲, và chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả trên trang 178.



2 Hiển thị các tùy chọn in.

Nhấn  để hiển thị các tùy chọn in PictBridge.



3 Điều chỉnh tùy chọn in ấn.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ► để chọn.

Tùy chọn	Mô tả
Page size (Kích thước trang)	Làm nổi bật kích thước trang (chỉ các kích thước được máy in hiện tại hỗ trợ mới được liệt kê) và nhấn  để chọn và thoát menu trước đó (để in ở kích thước trang cho máy in hiện tại, chọn Printer default (Mặc định máy in)).
No. of copies (Số lượng bản sao)	Nhấn nút ▲ hoặc nút ▼ để chọn số lượng bản sao (tối đa 99 bản), sau đó nhấn nút  để lựa chọn và trở về menu trước.
Border (Viền)	Tùy chọn này có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Làm nổi bật Printer default (Mặc định máy in) (sử dụng các cài đặt máy in hiện tại), Print with border (In có viền) (in ảnh với viền trắng), hoặc No border (Không viền) và nhấn  để chọn và thoát menu trước đó.
Time stamp (Dấu thời gian)	Làm nổi bật Printer default (Mặc định máy in) (sử dụng các cài đặt máy in hiện tại), Print time stamp (In dấu thời gian) (in thời gian và ngày chụp lên tấm ảnh), hoặc No time stamp (Không in dấu thời gian) và nhấn  để chọn và thoát menu trước đó.
Cropping (Cắt ảnh)	Tùy chọn này có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Để thoát khỏi chương trình mà không xén ảnh, làm nổi nút No cropping (Không xén) và nhấn nút . Để xén ảnh hiện tại, làm nổi nút Crop (Xén) và nhấn ►. Việc chọn Crop (Xén) sẽ hiển thị hội thoại được hiển ra bên phải. Nhấn  (QUAL) để tăng kích thước hình xén,  (ISO) để giảm. Chọn vị trí xén ảnh bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn nút . Lưu ý rằng chất lượng in có thể giảm nếu các ảnh cắt quá nhỏ được in với kích thước lớn.



4 Bắt đầu in.

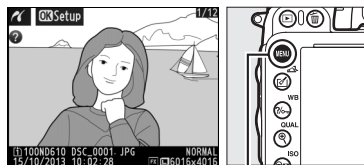
Chọn **Start printing** (Bắt đầu in) và nhấn  để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tắt cả các bản sao được in, nhấn .



In Đa Ảnh

1 Hiển thị menu PictBridge.

Nhấn nút **MENU** trên màn hình phát lại PictBridge (xem Bước 3 trên trang 196).



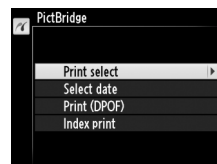
Nút MENU

2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn

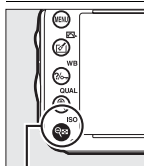
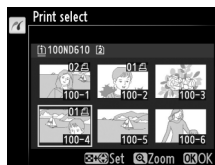


- **Print select** (In lựa chọn): Chọn các ảnh để in ấn.
- **Select date** (Chọn ngày): In một bản sao của tất cả các ảnh đã chụp vào ngày lựa chọn.
- **Print (DPOF)** (In (DPOF)): In theo thứ tự in đã tạo bằng tùy chọn **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) trên menu phát lại (□ 202). Thứ tự in hiện thời sẽ được hiển thị ở Bước 3.
- **Index print** (Bản in danh mục): Để tạo bản in danh mục của tất cả các ảnh JPEG (□ 93) trên thẻ nhớ, sang Bước 4. Lưu ý rằng nếu thẻ nhớ chứa nhiều hơn 256 ảnh, chỉ có 256 ảnh đầu tiên sẽ được in.

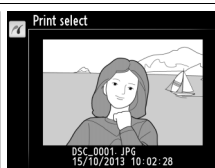
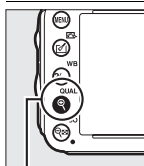


3 Chọn ảnh hoặc chọn ngày.

Nếu bạn chọn **Print select** (In lựa chọn) hoặc **Print (DPOF)** (In (DPOF)) ở **Bước 2**, sử dụng đa bộ chọn để di chuyển qua các ảnh trên thẻ nhớ; để xem ảnh ở những vị trí khác, hãy giữ nút **BKT**, nhấn nút **▲**, và chọn thẻ hoặc thư mục mong muốn như mô tả ở trang 178. Để hiển thị toàn màn hình ảnh hiện thời, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)**. Để chọn ảnh hiện thời để in, giữ nút **ISO** và nhấn **▲**. Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng  và số lượng bản in sẽ được đặt ở 1. Tiếp tục nhấn nút **ISO**, nhấn nút **▲** hoặc nút **▼** để chọn số lượng bản in (lên đến 99 bản, để thôi chọn ảnh, nhấn nút **▼** khi số lượng bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tắt cả các ảnh mong muốn được chọn.

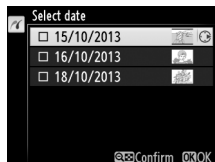


ISO (ISO) + ▲▼: Chọn số lượng bản sao

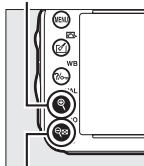


Nút Q (QUAL): Xem ảnh toàn màn hình

Nếu bạn chọn **Select date** (Chọn ngày) trong **Bước 2**, nhấn nút **▲** hoặc nút **▼** để làm nổi một ngày và bấm nút **►** để bật hoặc tắt ngày được làm nổi bật. Để xem các bức ảnh được chụp vào ngày được chọn, nhấn **ISO**. Sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua các bức ảnh, hoặc nhấn giữ **Q (QUAL)** để xem toàn màn hình bức ảnh hiện tại. Nhấn **ISO** lần nữa để quay về hộp thoại lựa chọn ngày.



Nút Q (QUAL): Xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật



Nút ISO (ISO): Xem ảnh của ngày được chọn



4 Hiển thị các tùy chọn in.

Nhấn **OK** để hiển thị các tùy chọn in PictBridge.



5 Điều chỉnh tùy chọn in ấn.

Chọn kích thước trang, viền, và dấu thời gian như mô tả ở trang 198 (một cảnh báo sẽ hiển thị nếu kích thước trang được chọn là quá nhỏ đối với bản in danh mục).

6 Bắt đầu in.

Chọn **Start printing** (Bắt đầu in) và nhấn **OK** để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tắt cả các bản sao được in, nhấn **OK**.

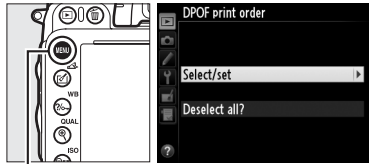


Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In

Tùy chọn **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) trên menu phát lại được sử dụng để tạo “thứ tự in” kỹ thuật số cho các máy in tương thích với PictBridge và các thiết bị hỗ trợ DPOF.

1 Chọn Select/set (Lựa chọn/cài đặt) cho mục DPOF print order (Thứ tự in DPOF) trên menu phát lại.

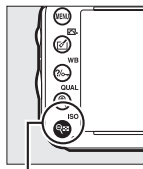
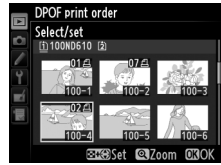
Nhấn nút **MENU** và chọn **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) trong menu phát lại. Làm nổi bật **Select/set** (Lựa chọn/cài đặt) và nhấn **►** (để loại bỏ toàn bộ ảnh khỏi thứ tự in, chọn **Deselect all?** (Bỏ chọn tất cả?)).



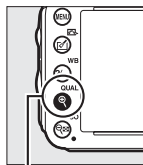
Nút MENU

2 Chọn ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển qua các ảnh trên thẻ nhớ (để xem ảnh tại thư mục khác, giữ nút **BKT** và nhấn nút **▲**). Để hiển thị toàn màn hình ảnh hiện thời, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)**. Để chọn ảnh hiện thời để in, giữ nút **Q (ISO)** và nhấn **▲**. Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng **□** và số lượng bản in sẽ được đặt ở 1. Tiếp tục nhấn nút **Q (ISO)**, nhấn nút **▲** hoặc nút **▼** để chọn số lượng bản in (lên đến 99 bản, để thời chọn ảnh, nhấn nút **▼** khi số lượng bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.



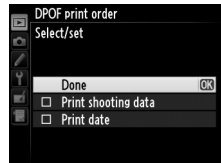
Q (ISO) + ▲▼: Chọn số lượng bản sao



Nút **Q (QUAL)**: Xem ảnh toàn màn hình

3 Hiển thị tùy chọn tạo dấu vết.

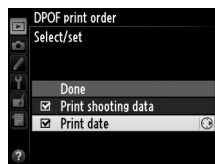
Nhấn nút **OK** để hiển thị các tùy chọn dấu vết dữ liệu.



4 Chọn tùy chọn dấu vết.

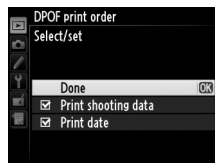
Làm bật các tùy chọn sau và nhấn nút ► để bật hoặc tắt tùy chọn được làm nổi bật (để kết thúc thứ tự in mà không cần đến thông tin này, thực hiện theo Bước 5).

- **Print shooting data** (In dữ liệu chụp): In tốc độ cửa trập và độ mở ống kính trên toàn bộ ảnh trong thứ tự in.
- **Print date** (Ngày in): In ngày ghi hình lên tất cả các ảnh có trong thứ tự in.



5 Hoàn thành thứ tự in.

Làm nổi bật **Done** (Xong) và nhấn nút **OK** để kết thúc thứ tự in.



✓ Thứ Tự In DPOF

Để in thứ tự in hiện thời khi máy ảnh kết nối với máy in PictBridge, chọn **Print (DPOF)** (In (DPOF)) trên menu PictBridge và làm theo các bước trong “In Nhiều Ảnh” để chỉnh sửa và in theo thứ tự hiện thời (□ 199). Các tùy chọn dữ liệu chụp và ngày in DPOF không được hỗ trợ khi in qua kết nối USB trực tiếp; để in ngày ghi hình lên ảnh trong thứ tự in hiện thời, sử dụng tùy chọn PictBridge **Time stamp** (Dấu thời gian).

Tùy chọn **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) không thể được sử dụng nếu không đủ dung lượng trống trên thẻ nhớ để chứa thứ tự in.

Không thể lựa chọn được ảnh NEF (RAW) (□ 93) bằng cách sử dụng tùy chọn này. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại (□ 271).

Thứ tự in có thể không in chính xác nếu ảnh bị xóa bằng cách sử dụng máy tính hoặc thiết bị khác sau khi thứ tự in được tạo.

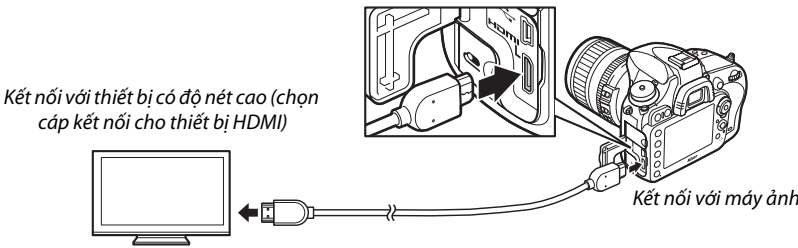
Xem Ảnh trên TV

Cáp mini Kết Nối Đa Phương tiện Độ Nét Cao (HDMI) loại C (từ các nguồn thương mại) có thể được dùng để kết nối máy ảnh tới các thiết bị có độ nét cao.

1 Tắt máy ảnh.

Luôn tắt máy ảnh trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI.

2 Kết nối cáp HDMI như minh họa.



3 Chỉnh thiết bị về kênh HDMI.

4 Bật máy ảnh lên và nhấn nút .

Trong khi phát lại, hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình TV.

Đóng Nắp Đầu Nối

Đóng nắp đầu nối máy ảnh khi không sử dụng đầu nối. Bụi bẩn ở các đầu nối có thể ảnh hưởng đến việc truyền dữ liệu.

Phát Lại Trên TV

Nên sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B (bán riêng) khi phát lại lâu dài. TV sẽ hiển thị hình ảnh toàn màn hình nếu thông tin ảnh được ẩn trong quá trình phát lại khuôn hình đầy (□ 179). Lưu ý rằng có thể không nhìn thấy các mép khi xem ảnh trên màn hình tivi.

Âm Thanh

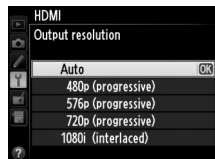
Âm thanh stereo được ghi lại với micrô stereo ME-1 (□ 298) tùy chọn sẽ phát bằng stereo khi xem phim trên các thiết bị HDMI bằng cách sử dụng máy ảnh được nối qua cáp HDMI (lưu ý rằng âm thanh sẽ không được phát lại qua tai nghe được nối với máy ảnh). Có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách sử dụng điều khiển của TV, không sử dụng được điều khiển của máy ảnh.

■ ■ Tùy Chọn HDMI

Tùy chọn **HDMI** trong menu cài đặt (□ 249) điều khiển độ phân giải đầu ra và có thể được dùng để bật máy ảnh để điều khiển từ xa từ các thiết bị hỗ trợ chuẩn HDMI-CEC (Điều khiển Điện tử Người Sử Dụng Giao Diện- Đa Phương Tiện Độ nét Cao, chuẩn cho phép các thiết bị HDMI được sử dụng để điều khiển thiết bị ngoại vi kết nối với chúng).

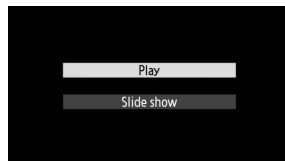
Output Resolution (Độ Phân Giải Đầu Ra)

Chọn định dạng cho ảnh đầu ra ở thiết bị HDMI. Nếu **Auto** (Tự động) được chọn, máy ảnh sẽ tự động chọn định dạng thích hợp. Bất kể chọn tùy chọn nào, **Auto** (Tự động) sẽ được sử dụng cho xem trực tiếp phim, ghi phim và phát lại phim.



Device Control (Điều Khiển Thiết Bị)

Nếu **On** (Bật) được chọn cho **HDMI > Device control** (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt khi máy ảnh kết nối với TV hỗ trợ HDMI-CEC và cả máy ảnh và TV đều bật, hiển thị xuất hiện ở phía bên phải sẽ xuất hiện trên TV và có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV thay đa bộ chọn máy ảnh và nút **⏮** trong trình phát lại khung hình đầy và trình chiếu slide. Nếu **Off** (Tắt) được chọn, không thể dùng điều khiển từ xa để điều khiển máy ảnh.



🔗 HDMI và Xem Trực Tiếp

Các màn hình hiển thị HDMI được kết nối qua cáp HDMI có thể được sử dụng để xem trực tiếp ảnh và xem trực tiếp phim (□ 49, 57). Trong quá trình xem trực tiếp phim, đầu ra HDMI được điều chỉnh theo tùy chọn được chọn cho **Movie settings** (Cài đặt phim) > **Frame size/frame rate** (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình) trên menu chụp (□ 65). Lưu ý rằng một số thiết bị HDMI có thể không hỗ trợ cài đặt được chọn; trong trường hợp này, chọn **1080i (interlaced)** (1080i (đan xen)) cho **HDMI > Output resolution** (Độ phân giải đầu ra). Đầu ra phim có thể ở kích cỡ khuôn hình nhỏ hơn so với giá trị được chọn cho **Frame size/frame rate** (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình) (□ 65).

🔗 Thiết Bị HDMI-CEC

Khi máy ảnh kết nối với một thiết bị HDMI-CEC, **⏮** sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển ở số phơi sáng còn lại.

🔗 Điều Khiển Thiết Bị

Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng TV để có thông tin chi tiết.

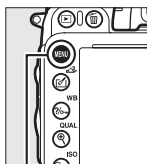




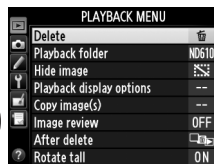
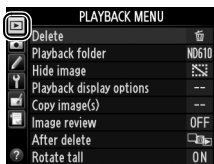
Hướng Dẫn Menu

▶ Menu Phát Lại: Quản Lý Hình Ảnh

Để hiển thị menu phát lại, nhấn **MENU** và chọn tab ▶ (menu phát lại).



Nút MENU



Menu phát lại chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	
Delete (Xóa)	190
Playback folder (Thư mục phát lại)	207
Hide image (Ẩn hình ảnh)	208
Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)	209
Copy image(s) (Sao chép (các) hình ảnh)	209

Tùy chọn	
Image review (Xem lại hình ảnh)	212
After delete (Sau khi xóa)	212
Rotate tall (Xoay dọc)	212
Slide show (Trình chiếu slide)	213
DPOF print order (Thứ tự in DPOF)	202



Xem Thêm

Menu mặc định được liệt kê trên trang 312.

Playback Folder (Thư Mục Phát Lại)

Nút MENU → ▶ menu phát lại

Chọn một thư mục để phát lại (📁 177):

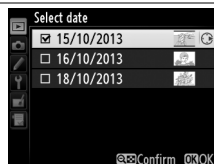
Tùy chọn	Mô tả
ND610	Hình ảnh trong tất cả các thư mục được tạo ra với D610 sẽ được hiển thị trong khi phát lại.
All (Tất cả)	Hình ảnh trong tất cả các thư mục sẽ hiển thị trong khi phát lại.
Current (Hiện tại)	Chỉ các hình ảnh trong thư mục hiện tại sẽ được hiển thị trong khi phát lại.

Hide Image (Ẩn Hình Ảnh)

Nút MENU → menu phát lại

Ẩn hoặc hiện hình ảnh. Hình ảnh ẩn chỉ có thể nhìn thấy trong menu **Hide image** (Ẩn hình ảnh) và chỉ có thể xóa được bằng cách định dạng thẻ nhớ.

Tùy chọn	Mô tả
Select/set (Chọn/đặt)	Ẩn hoặc hiện hình ảnh được chọn.
Select date (Chọn ngày)	Lựa chọn tùy chọn này sẽ hiển thị một danh sách ngày tháng. Để ẩn tất cả các hình ảnh được chụp vào một ngày nào đó, làm nổi bật ngày và nhấn ►. Ngày được lựa chọn được đánh dấu bằng ✓; để hiện tất cả hình ảnh được chụp vào một ngày lựa chọn, làm nổi bật nó và nhấn ►. Nhấn để hoàn thành hoạt động.
Deselect all? (Bỏ chọn tất cả?)	Hiện tất cả ảnh.



Hình Ảnh Được Bảo Vệ và Ảnh Ẩn

Việc hiện một hình ảnh được bảo vệ cũng sẽ loại bỏ bảo vệ của hình ảnh đó.

Thực hiện theo các bước dưới đây để ẩn hoặc hiện ảnh được chọn.

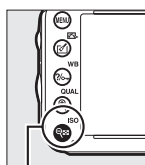
1 Chọn Select/set (Chọn/đặt).

Làm nổi bật **Select/set** (Chọn/đặt) và nhấn ►.



2 Chọn ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển qua các ảnh trên thẻ nhớ (để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, bấm và giữ nút (**QUAL**); để xem hình ảnh ở các vị trí khác như mô tả trên trang 178, giữ **BKT** và nhấn và nhấn (**ISO**) để chọn ảnh hiện hành. Ảnh được lựa chọn được đánh dấu bằng biểu tượng ; để bỏ chọn ảnh, làm nổi bật nó và nhấn (**ISO**) một lần nữa. Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.



Nút (**ISO**)



3 Nhấn .

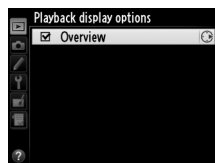
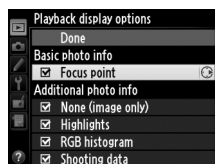
Nhấn để hoàn thành hoạt động.



Playback Display Options (Tùy Chọn Hiển Thị Phát Lại)

Nút MENU → menu phát lại

Chọn thông tin có sẵn trong hiển thị thông tin ảnh phát lại (📷 179). Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn, sau đó nhấn ► để chọn tùy chọn hiển thị thông tin ảnh. ✓ sẽ xuất hiện bên cạnh các mục đã chọn; để bỏ chọn, làm nổi bật và nhấn ►. Để trở về menu phát lại, làm nổi bật **Done** (Xong) và nhấn .



Copy Image(s) (Sao Chép (các) Hình Ảnh)

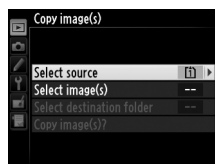
Nút MENU → menu phát lại

Sao chép ảnh từ thẻ nhớ tới thẻ nhớ khác. Tùy chọn này chỉ có khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh.

Tùy chọn	Mô tả
Select source (Chọn nguồn)	Chọn thẻ có chứa ảnh để sao chép.
Select image(s) (Chọn (các) hình ảnh)	Chọn các hình ảnh cần sao chép.
Select destination folder (Chọn thư mục đích đến)	Chọn thư mục đích đến trên thẻ còn lại.
Copy image(s)? (Sao chép (các) hình ảnh?)	Sao chép hình ảnh được chọn tới đích đến được chỉ định.

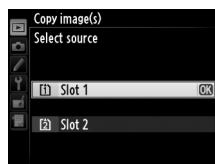
1 Chọn Select source (Chọn nguồn).

Làm nổi bật **Select source** (Chọn nguồn) và nhấn ►.



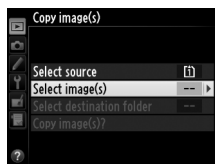
2 Chọn thẻ nguồn.

Làm nổi bật khe chứa thẻ có hình ảnh sẽ được sao chép và nhấn .



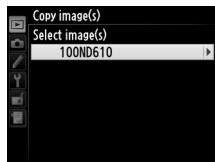
3 Chọn **Select image(s)** (Chọn (các) hình ảnh).

Làm nổi bật **Select image(s)** (Chọn (các) hình ảnh) và nhấn ►.



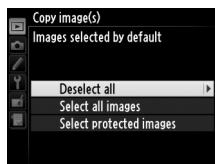
4 Chọn thư mục nguồn.

Làm nổi bật thư mục chứa các hình ảnh được sao chép và nhấn ►.



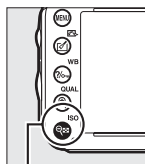
5 Lựa chọn ảnh đầu.

Trước khi tiếp tục để chọn hoặc bỏ chọn từng ảnh, bạn có thể đánh dấu tất cả hoặc tắt tất cả các hình ảnh được bảo vệ trong thư mục để sao chép bằng cách chọn **Select all images** (Chọn tất cả ảnh) hoặc **Select protected images** (Chọn ảnh được bảo vệ). Để đánh dấu riêng các ảnh được bảo vệ để sao chép, chọn **Deselect all** (Bỏ chọn tất cả) trước khi tiếp tục.



6 Chọn thêm hình ảnh.

Làm nổi bật ảnh và nhấn **ISO** để chọn hoặc bỏ chọn (xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút **QUAL**). Ảnh được chọn được đánh dấu bằng ✓. Nhấn **OK** để sang Bước 7 khi lựa chọn xong.

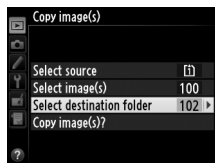


Nút **ISO**



7 Chọn **Select destination folder** (Chọn thư mục đích đến).

Làm nổi bật **Select destination folder** (Chọn thư mục đích đến) và nhấn ►.



8 Chọn thư mục đích đến.

Để nhập số thư mục, chọn **Select folder by number** (Chọn thư mục theo số), nhập số (□ 215), và nhấn **OK**. Nếu thư mục có số được chọn không tồn tại, một thư mục mới sẽ được tạo ra.

Để chọn từ một danh sách các thư mục hiện có, chọn **Select folder from list** (Chọn thư mục từ danh sách), làm nổi bật thư mục và nhấn **OK**.

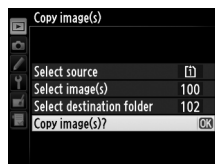


9 Sao chép các hình ảnh.

Làm nổi bật **Copy image(s)?** (Sao chép (các) hình ảnh?) và nhấn **OK**.



Một hội thoại xác nhận sẽ hiển thị; làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn **OK**. Nhấn **OK** lần nữa để thoát khi sao chép xong.



✓ Sao Chép Hình Ảnh

Hình ảnh sẽ không sao chép được không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ. Hãy chắc chắn pin đã được sạc đầy trước khi sao chép phim.

Nếu thư mục đích chứa một hình ảnh có cùng tên là một trong những hình ảnh được sao chép, một hội thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Chọn **Replace existing image** (Thay thế hình ảnh hiện tại) để thay thế với hình ảnh được sao chép, hoặc chọn **Replace all** (Thay thế tất cả) để thay thế tất cả các hình ảnh hiện tại có cùng tên mà không cần nhắc thêm. Để tiếp tục mà không thay thế hình ảnh, chọn **Skip** (Bỏ qua) hoặc chọn **Cancel** (Hủy) để thoát mà không sao chép thêm bất kỳ hình ảnh nào.

Trạng thái bảo vệ được sao chép cùng với hình ảnh nhưng đánh dấu in (□ 202) thì không. Không thể sao chép hình ảnh ẩn.



Image Review (Xem Lại Hình Ảnh)

Nút MENU →  menu phát lại

Chọn để ảnh được tự động hiển thị trong màn hình ngay sau khi chụp. Nếu **Off** (Tắt) được chọn, ảnh chỉ có thể được hiển thị bằng cách nhấn nút .



After Delete (Sau Khi Xóa)

Nút MENU →  menu phát lại

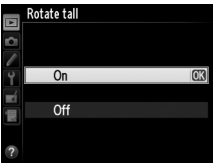
Chọn ảnh hiển thị sau khi một hình ảnh bị xóa.

Tùy chọn	Mô tả
 Show next (Đưa ra hình tiếp theo)	Hiển thị ảnh tiếp theo. Nếu ảnh bị xóa là khuôn hình cuối, thì ảnh trước đó sẽ được hiển thị.
 Show previous (Hiển thị trước)	Hiển thị ảnh trước đó. Nếu ảnh bị xóa là khuôn hình đầu tiên, thì ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị.
 Continue as before (Tiếp tục như trước)	Nếu người dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ tự chụp, ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị như mô tả ở phần Show next (Hiển thị kế tiếp). Nếu người dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ tự ngược lại, hình ảnh trước đó sẽ được hiển thị như mô tả ở phần Show previous (Hiển thị trước).

Rotate Tall (Xoay Dọc)

Nút MENU →  menu phát lại

Chọn để xoay ảnh “dọc” (chiều chân dung) trong khi phát lại. Lưu ý rằng vì bản thân máy ảnh đã ở trong hướng phù hợp trong suốt quá trình chụp, hình ảnh sẽ không xoay tự động trong quá trình xem lại hình ảnh.



Tùy chọn	Mô tả
On (Bật)	Hình ảnh “Dọc” (hướng chân dung) tự động xoay để hiển thị trong màn hình máy ảnh. Ảnh được chụp với Off (Tắt) được chọn cho Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh) ( 254) sẽ được hiển thị ở hướng “ngang” (phong cảnh).
Off (Tắt)	Ảnh “Dọc” (hướng chân dung) được hiển thị ở hướng “ngang” (phong cảnh).

Tạo trình chiếu slide các hình ảnh trong thư mục phát lại hiện hành (📁 207). Hình ảnh ẩn (📁 208) không được hiển thị.

Tùy chọn	Mô tả
Start (Bắt đầu)	Bắt đầu trình chiếu slide.
Image type (Kiểu ảnh)	Chọn kiểu ảnh được hiển thị từ Still images and movies (Ảnh tĩnh và phim), Still images only (Chỉ ảnh tĩnh), và Movies only (Chỉ phim).
Frame interval (Quãng khuôn hình)	Chọn khoảng thời gian mỗi ảnh được hiển thị.

Để bắt đầu trình chiếu slide, làm nổi bật **Start** (Bắt đầu) và nhấn **OK**. Có thể thực hiện các thao tác sau trong khi đang phát trình chiếu slide:

Để	Nhấn	Mô tả
Quay lại/về trước		Nhấn ◀ để trở lại khuôn hình trước, ▶ để sang khuôn hình tiếp theo.
Xem thông tin ảnh bổ sung		Thay đổi hoặc ẩn thông tin hình ảnh hiển thị (chỉ ảnh tĩnh; 📁 179).
Tạm dừng/tiếp tục	OK	Tạm dừng hoặc tiếp tục trình chiếu slide.
Tăng/giảm âm lượng	Q (QUAL)/Q (ISO)	Nhấn Q (QUAL) trong khi phát lại phim để tăng âm lượng, Q (ISO) để giảm.
Thoát sang menu phát lại	MENU	Kết thúc trình chiếu slide và trở lại menu phát lại.
Thoát sang chế độ phát lại		Kết thúc trình chiếu và trở lại chế độ phát lại.
Thoát chế độ chụp		Nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng để trở về chế độ chụp.

Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị khi trình chiếu kết thúc. Chọn **Restart** (Khởi động lại) để khởi động lại hoặc **Exit** (Thoát) để trở lại menu phát lại.



Menu Chụp: Các Tùy Chọn Chụp

Để hiển thị menu chụp, nhấn **MENU** và chọn tab  (menu chụp).



Nút **MENU**

Menu chụp chứa các tùy chọn sau:

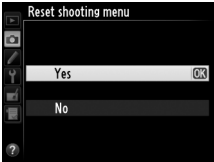
Tùy chọn		Tùy chọn	
Reset shooting menu (Đặt lại menu chụp)	214	Color space (Không gian màu)	217
Storage folder (Thư mục lưu trữ)	215	Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	137
File naming (Đặt tên tập tin)	216	HDR (high dynamic range) (Dải động cao)	139
Role played by card in Slot 2 (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận)	96	Vignette control (Quản lý tạo họa tiết)	218
Image quality (Chất lượng hình ảnh)	93	Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR)	218
Image size (Cỡ hình ảnh)	95	High ISO NR (ISO Cao NR)	218
Image area (Vùng hình ảnh)	89	ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO)	105
JPEG compression (Nén JPEG)	94	Remote control mode (Chế độ điều khiển từ xa)	85
NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW))	94	Multiple exposure (Đa phơi sáng)	160
White balance (Cân bằng trắng)	115	Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)	164
Set Picture Control (Đặt Picture Control)	129	Time-lapse photography (Chụp ảnh tua nhanh thời gian)	168
Manage Picture Control (Quản lý Picture Control)	134	Movie settings (Cài đặt phim)	65
Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự động)	217		

Lưu ý: Tùy thuộc vào cài đặt máy ảnh, một số mục có thể chuyển sang màu xám và không có sẵn. Để biết thông tin về các tùy chọn có trong mỗi chế độ chụp, xem trang 309.

Reset Shooting Menu (Đặt Lại Menu Chụp)

Nút **MENU** →  menu chụp

Chọn **Yes** (Có) để khôi phục lại các tùy chọn menu chụp về giá trị mặc định ( 312).



Chọn thư mục sẽ chứa các ảnh sau đó.

■ Chọn Thư mục theo Số Thư Mục

1 Chọn Select folder by number (Chọn thư mục theo số).

Làm nổi bật **Select folder by number** (Chọn thư mục theo số) và nhấn ►. Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị.



2 Chọn số thư mục.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật số, nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nếu một thư mục với số được lựa chọn đã tồn tại thì biểu tượng □, ▢ hoặc ▣ sẽ hiển thị bên trái của số thư mục:

- : Thư mục trống rỗng.
- ▢ : Thư mục đã đầy một phần.
- ▣ : Thư mục chứa 999 ảnh hoặc một ảnh được đánh số 9999. Không thể chứa thêm ảnh vào thư mục này.

Thẻ lưu trữ trên thư mục được hiển thị bằng biểu tượng khe thẻ ở góc trên bên phải của hộp thoại Chọn thư mục theo số. Thẻ được sử dụng cho các thư mục mới tùy thuộc vào tùy chọn hiện được chọn cho **Role played by card in slot 2** (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận) (□ 96).

3 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn ⊗ để hoàn thành hoạt động và quay trở lại menu chụp (để thoát mà không chọn thư mục lưu trữ, nhấn nút MENU). Nếu một thư mục có số chỉ định chưa tồn tại, thì thư mục mới sẽ được tạo. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được lựa chọn, trừ khi nó đã đầy.

☑ Số Thư Mục và Số Tập Tin

Nếu thư mục hiện hành được đánh số là 999 và chứa 999 hình ảnh hoặc một ảnh được đánh số 9999, nhà cửa trập sẽ bị vô hiệu hóa và không chụp thêm được ảnh. Để tiếp tục chụp, tạo thư mục với số nhỏ hơn 999, hoặc chọn một thư mục hiện tại có số nhỏ hơn 999 và ít hơn 999 hình ảnh.

✍ Thời Gian Khởi Động

Có thể cần thêm thời gian cho máy ảnh khởi động nếu thẻ nhớ chứa nhiều tập tin hoặc thư mục.

■ Chọn Thư Mục từ Danh Sách

1 Chọn Select folder from list (Chọn thư mục từ danh sách).

Làm nổi bật **Select folder from list** (Chọn thư mục từ danh sách) và nhấn ►.



2 Làm nổi bật thư mục.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật thư mục.

3 Chọn thư mục được làm nổi bật.

Nhấn ⓧ để chọn thư mục được làm nổi bật và trở về menu chụp. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được chọn.

File Naming (Đặt Tên Tập Tin)

Nút MENU → menu chụp

Hình ảnh được lưu bằng cách sử dụng tên tập tin bao gồm "DSC_" hoặc, trong trường hợp ảnh sử dụng không gian màu Adobe RGB, "_DSC", theo sau là một số có bốn chữ số và mở rộng ba ký tự (ví dụ "DSC_0001.JPG"). Tùy chọn **File naming** (Đặt tên tập tin) được dùng để chọn ba chữ để thay phần "DSC" của tên tập tin. Để biết thông tin về chỉnh sửa tên tập tin, xem trang 135.

Phần mở rộng

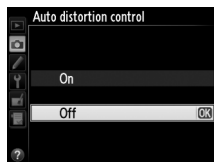
Có các mở rộng sau được sử dụng: ".NEF" cho hình ảnh NEF (RAW), ".JPG" cho hình ảnh JPEG, ".MOV" cho phim, và ".NDF" cho dữ liệu tham chiếu bỏ bụi. Trong mỗi cặp bức ảnh được chụp ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF (RAW)+JPEG, hình ảnh NEF và JPEG có tên tập tin giống nhau nhưng phần mở rộng khác nhau.

Auto Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng Tự Động)

Nút MENU →  menu chụp

Chọn **On** (Bật) để giảm hiện tượng cong đường biên hình khi chụp với thấu kính góc rộng và để giảm biến dạng đệm chốt khi chụp với thấu kính dài (lưu ý rằng mép của khu vực nhìn thấy trong kính ngắm có thể được cắt khỏi bức ảnh cuối và thời gian cần để xử lý hình ảnh trước khi ghi có thể tăng thêm). Tùy chọn này không áp dụng đối với phim và chỉ sẵn có với thấu kính loại G, E và D (không gồm thấu kính PC, mắt cá, và các thấu kính khác); kết quả không được đảm bảo với các thấu kính khác. Trước khi sử dụng điều khiển biến dạng tự động với thấu kính DX, chọn **On** (Bật) cho

Auto DX crop (Xén DX tự động) hoặc chọn vùng hình ảnh **DX (24×16) 1.5×** (□ 90); việc chọn tùy chọn khác có thể khiến ảnh bị xén quá nhiều hoặc ảnh bị biến dạng ngoại biên quá mức.



Sửa lại: Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng)

Để biết thêm thông tin vào việc tạo bản sao của hình ảnh hiện tại được giảm cong biên hình và biến dạng đệm chốt, xem trang 274.

Color Space (Không Gian Màu)

Nút MENU →  menu chụp

Các không gian màu xác định gam màu sẵn có cho việc tái tạo màu. Chọn **sRGB** cho in ấn và màn hình đa mục đích; **Adobe RGB** (Hệ màu RGB của Adobe), có gam màu rộng hơn, sẽ phù hợp hơn với các ảnh dùng cho công việc chuyên nghiệp và in ấn thương mại.

Hệ màu RGB của Adobe

Để tái tạo màu chính xác, hình ảnh sử dụng hệ màu RGB của Adobe cần có các ứng dụng, màn hình và máy in có tính năng hỗ trợ quản lý màu sắc.

Không Gian Màu

ViewNX 2 (được cung cấp) và Capture NX 2 (có riêng) tự động lựa chọn không gian màu chính xác khi mở ảnh được chụp bằng máy ảnh này. Không đảm bảo kết quả với phần mềm bên thứ ba.

Phim

sRGB được khuyến cáo cho phim.

Vignette Control (Quản Lý Tạo Họa Tiết)

Nút MENU → menu chụp

“Tạo họa tiết” là làm giảm độ sáng ở các mép ảnh. **Vignette control** (Quản lý tạo họa tiết) làm giảm các họa tiết cho thấu kính loại G, E và D (không gồm thấu kính DX và PC). Hiệu ứng của nó thay đổi tùy theo thấu kính và nhận thấy rõ nhất ở độ mở ống kính tối đa. Chọn từ **High** (Cao), **Normal** (Bình thường), **Low** (Thấp), và **Off** (Tắt).

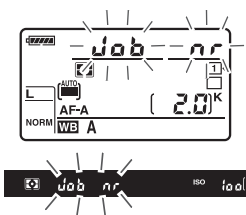
Vignette Control (Quản lý tạo họa tiết)

Tùy thuộc vào cảnh, điều kiện chụp, và loại thấu kính, ảnh JPEG có thể có nhiều (sương mù) hoặc các biến thể về độ sáng ngoại vi, trong khi Picture Control tùy chọn và Picture Controls đã được sửa đổi từ các cài đặt mặc định có thể không mang lại hiệu quả mong muốn. Chụp ảnh thử nghiệm và xem kết quả trên màn hình. Kiểm soát tạo họa tiết không áp dụng cho phim (□ 57), đa phơi sáng (□ 160), hoặc ảnh định dạng DX (□ 89).

Long Exposure NR (NR Phơi Sáng Lâu) (Giảm Nhiều Phơi Sáng Lâu)

Nút MENU → menu chụp

Nếu **On** (Bật) được chọn, ảnh chụp ở tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây sẽ được xử lý để giảm nhiễu (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, hoặc sương mù). Thời gian cần xử lý tăng gần gấp đôi; trong khi xử lý, “**Job nr**” sẽ nhấp nháy ở hiển thị tốc độ cửa trập/độ mở ống kính và không chụp được ảnh (nếu máy ảnh được tắt trước khi xử lý xong, ảnh sẽ được lưu nhưng giảm nhiễu sẽ không được thực hiện). Trong chế độ nhả liên tục, tốc độ khuôn hình sẽ chậm và trong khi bức ảnh đang được xử lý, năng lực của bộ nhớ đệm sẽ giảm. Giảm nhiễu phơi sáng lâu không có sẵn trong quá trình ghi phim.



High ISO NR (ISO Cao NR)

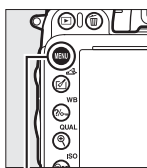
Nút MENU → menu chụp

Các bức ảnh chụp ở độ nhạy ISO cao có thể được xử lý để giảm “nhiều.”

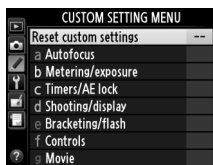
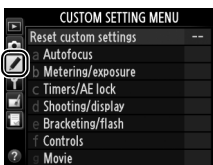
Tùy chọn	Mô tả
High (Cao)	Giảm nhiễu (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, đường thẳng, hoặc sương mù), đặc biệt ở bức ảnh được chụp ở các độ nhạy ISO cao. Chọn mức giảm nhiễu được thực hiện từ High (Cao), Normal (Bình thường) và Low (Thấp).
Normal (Bình thường)	
Low (Thấp)	
Off (Tắt)	Giảm nhiễu chỉ được thực hiện ở các độ nhạy ISO từ ISO 2500 và cao hơn. Mức giảm nhiễu thấp hơn mức được thực hiện khi Low (Thấp) được chọn cho High ISO NR (ISO NR Cao).

Cài Đặt Tùy Chọn: Tinh chỉnh Cài Đặt Máy Ảnh

Để hiển thị menu Cài Đặt Tùy Chọn, nhấn nút **MENU** và chọn tab  (menu Cài Đặt Tùy Chọn).



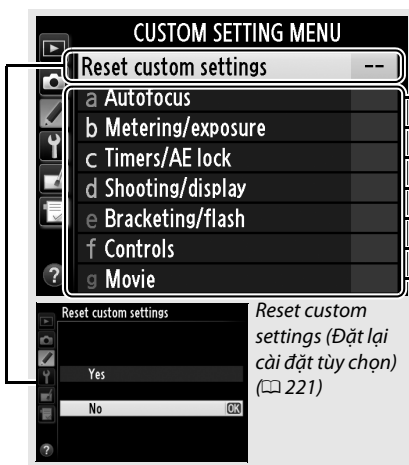
Nút MENU



Cài Đặt Tùy Chọn được sử dụng để điều chỉnh cài đặt máy ảnh phù hợp yêu cầu của từng cá nhân.

Nhóm Cài Đặt Tùy Chọn

Menu Chính



Reset custom settings (Đặt lại cài đặt tùy chọn) (221)



Có các Cài Đặt Tùy Chọn sau:

Cài đặt tùy chọn			
Reset custom settings (Đặt lại cài đặt tùy chọn)			221
a Autofocus (Lấy nét tự động)			
a1	AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-C)		221
a2	AF-S priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-S)		221
a3	Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy nét với khóa-bật)		222
a4	AF point illumination (Rọi điểm lấy nét tự động)		222
a5	Focus point wrap-around (Quấn xung quanh điểm lấy nét)		222
a6	Number of focus points (Số lượng điểm lấy nét)		223
a7	Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)		223
b Metering/exposure (Đo sáng/phơi sáng)			
b1	ISO sensitivity step value (Giá trị bước độ nhạy ISO)		224
b2	EV steps for exposure cntl (Bước EV dành cho điều khiển phơi sáng)		224
b3	Easy exposure compensation (Bù phơi sáng dễ dàng)		225
b4	Center-weighted area (Vùng ưu tiên trung tâm)		226
b5	Fine-tune optimal exposure (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu)		226
c Timers/AE lock (Hẹn Giờ/Khóa AE)			
c1	Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L)		226
c2	Standby timer (Hẹn giờ chờ)		227
c3	Self-timer (Tự hẹn giờ)		227
c4	Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)		228
c5	Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng)		228
d Shooting/display (Chụp ảnh/Hiển thị)			
d1	Beep (Bíp)		228
d2	Viewfinder grid display (Hiển thị lưới kính ngắm)		229
d3	ISO display and adjustment (Hiển thị và điều chỉnh ISO)		229
d4	Screen tips (Mẹo sử dụng màn hình)		229
d5	CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế độ CL)		229
d6	Max. continuous release (Ảnh tối đa khi nhả liên tục)		230
d7	File number sequence (Trình tự số tập tin)		230
d8	Information display (Hiển thị thông tin)		231

Cài đặt tùy chọn			
d Shooting/display (Chụp ảnh/Hiển thị)			
d9	LCD illumination (Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng)		231
d10	Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng)		231
d11	Flash warning (Cảnh báo đèn nháy)		231
d12	MB-D14 battery type (Loại pin MB-D14)		232
d13	Battery order (Thứ tự pin)		233
e Bracketing/flash (Chụp bù trừ/đèn nháy)			
e1	Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)		234
e2	Flash shutter speed (Tốc độ cửa trập đèn nháy)		235
e3	Flash cntl for built-in flash (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn)		236
e4	Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng đèn nháy)		240
e5	Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình)		241
e6	Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)		241
e7	Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ)		241
f Controls (Điều khiển)			
f1	OK button (shooting mode) (Nút OK (chế độ chụp))		241
f2	Assign Fn button (Gán nút Fn)		242
f3	Assign preview button (Gán nút xem trước)		244
f4	Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)		244
f5	Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh)		245
f6	Release button to use dial (Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh)		246
f7	Slot empty release lock (Khóa nhả khe trống)		246
f8	Reverse indicators (Chỉ báo ngược lại)		246
f9	Assign MB-D14  button (Gán nút MB-D14 )		247
g Movie (Phim)			
g1	Assign Fn button (Gán nút Fn)		247
g2	Assign preview button (Gán nút xem trước)		248
g3	Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)		248
g4	Assign shutter button (Gán nút cửa trập)		248

Lưu ý: Tùy thuộc vào cài đặt máy ảnh, một số mục có thể chuyển sang màu xám và không có sẵn. Để biết thông tin về các tùy chọn có trong mỗi chế độ chụp, xem trang 309. Nếu cài đặt trong bảng hiện tại được sửa đổi khỏi giá trị mặc định (□ 313), dấu hoa thị sẽ hiển thị bên cạnh các cài đặt được thay đổi ở mức thứ hai của menu Cài Đặt Tùy Chọn.

Reset Custom Settings (Đặt Lại Cài Đặt Tùy Chọn)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn **Yes** (Có) để khôi phục lại Cài Đặt Tùy Chọn về các giá trị mặc định (313).



a: Autofocus (Lấy Nét Tự Động)

a1: AF-C Priority Selection (Lựa chọn Ưu Tiên AF-C)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Khi **AF-C** được lựa chọn cho chụp ảnh bằng kính ngắm (97), tùy chọn này sẽ điều khiển việc có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập (*Ưu tiên nhả*) hoặc chỉ khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*ưu tiên lấy nét*).

Tùy chọn	Mô tả
Release (Nhả ra)	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập.
Focus (Lấy nét)	Ảnh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù tùy chọn nào được chọn, việc lấy nét sẽ không khóa khi nút **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét tự động. Máy ảnh sẽ tiếp tục điều chỉnh lấy nét cho đến khi cửa trập được nhả ra.

a2: AF-S Priority Selection (Lựa Chọn Ưu Tiên AF-S)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Khi **AF-S** được lựa chọn cho chế độ chụp ảnh bằng kính ngắm (97), tùy chọn này sẽ điều khiển việc chỉ có thể chụp ảnh khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*ưu tiên lấy nét*), hoặc bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập (*ưu tiên nhả*).

Tùy chọn	Mô tả
Release (Nhả ra)	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập.
Focus (Lấy nét)	Ảnh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù tùy chọn nào được lựa chọn, nếu chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị khi nút **AF-S** được chọn cho chế độ lấy nét tự động, lấy nét sẽ khóa trong khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Khóa lấy nét tiếp tục cho đến khi cửa trập được nhả.



a3: Focus Tracking with Lock-On
(Theo Dõi Lấy Nét với Khóa-Bật)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này điều khiển việc tự động lấy nét điều chỉnh tương ứng với những thay đổi lớn trong khoảng cách đến đối tượng chụp khi **AF-C** được chọn hoặc lấy nét tự động phản phụ liên tục được lựa chọn khi máy ảnh ở chế độ **AF-A** để chụp ảnh bằng kính ngắm (📷 97).

Tùy chọn	Mô tả
AF  5 (Long) (5 (Dài))	Khi khoảng cách đến đối tượng chụp thay đổi bất ngờ, máy ảnh phải đợi trong một khoảng thời gian nhất định trước khi điều chỉnh khoảng cách đến đối tượng chụp. Việc này sẽ giúp máy ảnh tránh việc lấy nét lại khi đối tượng chụp nhất thời bị che khuất bởi những vật di chuyển qua khuôn hình.
AF  4	
AF  3 (Normal) (3 (Bình thường))	
AF  2	
AF  1 (Short) (1 (Ngắn))	
Off (Tắt)	

a4: AF Point Illumination (Rọi Điểm Lấy Nét Tự Động)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn dù điểm lấy nét động được làm nổi bật màu đỏ trên kính ngắm.

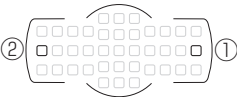
Tùy chọn	Mô tả
Auto (Tự động)	Điểm lấy nét được chọn tự động được làm nổi bật tự động theo yêu cầu để tạo độ tương phản với nền.
On (Bật)	Điểm lấy nét được chọn luôn được làm nổi bật, bất kể đến sáng của nền như thế nào. Tùy thuộc vào độ sáng của nền, điểm lấy nét được chọn có thể khó nhìn.
Off (Tắt)	Điểm lấy nét được chọn không được làm nổi bật. Vùng bên ngoài xén hiện tại được thể hiện bằng màu xám (📷 90).

a5: Focus Point Wrap-Around (Quấn Xung Quanh Điểm Lấy Nét)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn xem việc chọn điểm lấy nét có “quấn quanh” từ mép này của kính ngắm đến mép khác không.

Tùy chọn	Mô tả
Wrap (Quấn xung quanh)	Chọn lựa điểm lấy nét “quấn xung quanh” từ đỉnh đến đáy, từ đáy đến đỉnh, phải qua trái, và trái qua phải, để, ví dụ, nhấn nút  khi một điểm lấy nét ở mép phải màn hình được làm bật lên (①) chọn điểm lấy nét tương ứng ở mép trái của màn hình hiển thị (②).
No wrap (quấn xung quanh)	Hiện thị vùng lấy nét được bao bởi các điểm lấy nét xa nhất để, ví dụ, khi nhấn nút  khi điểm lấy nét ở mép phải của hình được chọn sẽ không bị ảnh hưởng.



a6: Number of Focus Points (Số Lượng Điểm Lấy Nét)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

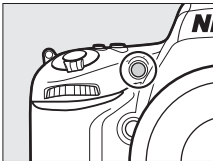
Chọn số lượng điểm lấy nét có sẵn cho việc lựa chọn điểm lấy nét bằng tay.

Tùy chọn	Mô tả	
AF39 39 points (39 điểm)	Chọn từ 39 điểm lấy nét hiển thị bên phải.	
AF11 11 points (11 điểm)	Chọn từ 11 điểm lấy nét hiển thị bên phải. Sử dụng cho chọn lựa điểm lấy nét nhanh.	

a7: Built-in AF-assist Illuminator (Đèn Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động Gắn Sẵn)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn cho phép đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn sáng hoặc không để hỗ trợ việc lấy nét khi chiếu sáng yếu.



Tùy chọn	Mô tả
On (Bật)	Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sáng khi chiếu sáng yếu (chỉ chụp ảnh bằng kính ngắm). Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẵn có nếu thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: 5. AF-S được chọn cho chế độ lấy nét tự động (97) hoặc lấy nét tự động phản phụ đơn được chọn khi máy ảnh ở chế độ AF-A . 6. Lấy nét tự động vùng tự động được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động (99), hoặc một tùy chọn không phải lấy nét tự động vùng tự động được chọn và điểm lấy nét trung tâm được chọn.
Off (Tắt)	Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẽ không sáng để hỗ trợ quá trình lấy nét. Máy ảnh không thể lấy nét bằng việc sử dụng lấy nét tự động khi chiếu sáng yếu.

Đèn Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động

Đèn chiếu trợ giúp AF có phạm vi khoảng 0,5–3,0 m; khi sử dụng đèn chiếu, tháo nắp thấu kính.

Xem Thêm

Để biết thông tin về các chế độ chụp trong đó có trợ giúp lấy nét tự động, xem trang 309. Xem trang 290 để có thêm thông tin về những hạn chế đối với thấu kính có thể sử dụng với trợ giúp lấy nét tự động.

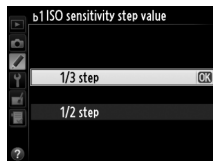


b: Metering/Exposure (Đo Sáng/Phơi Sáng)

b1: ISO Sensitivity Step Value (Giá Trị Bước Độ Nhạy ISO)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

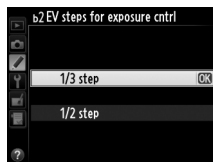
Chọn giá số sử dụng khi tiến hành điều chỉnh độ nhạy ISO. Nếu có thể, cài đặt độ nhạy ISO hiện thời được duy trì khi bước giá trị thay đổi. Nếu cài đặt hiện thời không có sẵn ở bước giá trị mới, độ nhạy ISO sẽ được làm tròn tới cài đặt hiện có gần nhất.



b2: EV Steps for Exposure Cntrl (Bước EV dành cho Điều Khiển Phơi Sáng)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn giá số sử dụng khi tiến hành điều chỉnh tốc độ cửa trập, độ mở thấu kính, phơi sáng, mức bù đèn nháy và chụp bù trừ.



b3: Easy Exposure Compensation (Bù Phơi Sáng Dễ Dàng)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này điều khiển xem có cần sử dụng nút  để cài đặt bù phơi sáng không ( 112). Nếu **On (Auto reset)** (Bật (Tự động đặt lại)) hoặc **On (Bật)** được chọn, số 0 ở trung tâm của màn hình phơi sáng sẽ nhấp nháy khi mức bù phơi sáng được đặt ở ± 0 .

Tùy chọn	Mô tả
On (Auto reset) (Bật (Tự động đặt lại))	Bù phơi sáng được đặt bằng cách xoay một trong những đĩa lệnh (xem chú ý dưới đây). Cài đặt được chọn bằng cách sử dụng đĩa lệnh được đặt lại khi máy ảnh hoặc hẹn giờ chờ tắt (cài đặt bù phơi sáng được chọn bằng cách sử dụng nút  sẽ không được đặt lại).
On (Bật)	Giống như ở trên, ngoại trừ giá trị bù phơi sáng được chọn bằng đĩa lệnh không được đặt lại khi máy ảnh tắt hoặc hẹn giờ chờ hết hạn.
Off (Tắt)	Bù phơi sáng được đặt bằng cách nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính.

Change Main/Sub (Thay Đổi Chính/Phụ)

Đĩa sử dụng để đặt bù phơi sáng khi **On (Auto reset)** (Bật (Tự động đặt lại)) hoặc **On (Bật)** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**Easy exposure compensation** (Bù phơi sáng dễ dàng)) phụ thuộc vào tùy chọn được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f5 (**Customize command dials** (Tùy chỉnh đĩa lệnh)) > **Change main/sub** (Thay đổi Chính/Phụ) ( 245).

Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh) > Change main/sub (Thay đổi Chính/Phụ)			
		Off (Tắt)	On (Bật)
Cài đặt	P	Đĩa lệnh phụ	Đĩa lệnh phụ
	S	Đĩa lệnh phụ	Đĩa lệnh chính
	A	Đĩa lệnh chính	Đĩa lệnh phụ
	M	Không có	

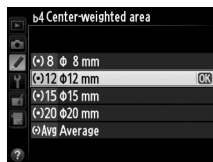
Show ISO/Easy ISO (Hiện ISO/ISO Dễ Dàng)

Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**Easy exposure compensation** (Bù phơi sáng dễ dàng)) có thể được dùng với Cài Đặt Tùy Chọn d3 (**Show ISO/Easy ISO** (Hiện ISO/ISO dễ dàng)). Những điều chỉnh đối với một trong những mục này sẽ đặt lại các mục còn lại; một thông báo được hiển thị khi mục này được đặt lại.

b4: Center-Weighted Area (Vùng Ưu Tiên Trung Tâm)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Khi tính toán bù sáng, việc đo cân bằng trung tâm sẽ chỉ định mức lớn nhất vào vòng trung tâm của khuôn hình. Đường kính (ϕ) của vòng tròn này có thể được đặt ở mức 8, 12, 15, hoặc 20 mm hoặc ở mức trung bình của toàn bộ khuôn hình.

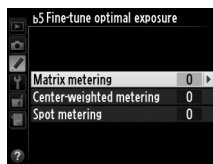


Lưu ý rằng trừ khi **Average** (Trung bình) được chọn, đường kính được cố định tại 12 mm khi thấu kính không CPU được sử dụng, bất kể cài đặt được chọn cho **Non-CPU lens data** (Dữ liệu thấu kính không CPU) là bao nhiêu trong menu cài đặt ( 172). Khi **Average** (Trung bình) được chọn, trung bình của toàn bộ khuôn hình sẽ được sử dụng cho cả thấu kính không CPU và thấu kính CPU.

b5: Fine-tune Optimal Exposure (Tinh Chỉnh Phơi Sáng Tối Ưu)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Sử dụng tùy chọn này để tinh chỉnh giá trị phơi sáng được chọn bằng máy ảnh. Phơi sáng có thể được tinh chỉnh riêng biệt đối với mỗi phương pháp đo sáng bằng giá trị từ +1 đến -1 EV trong các bước 1/6 EV.



Fine-Tuning Exposure (Dò Tinh Chỉnh Phơi Sáng)

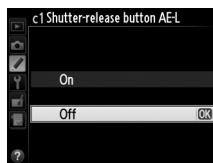
Tinh chỉnh phơi sáng không bị ảnh hưởng bởi khởi động lại hai nút. Chú ý rằng biểu tượng bù phơi sáng () không được hiển thị, cách duy nhất để xác định mức độ phơi sáng đã được thay đổi là đọc lượng phơi sáng trên menu dò tinh chỉnh. Bù phơi sáng ( 112) được ưa thích ở hầu hết các tình huống.

c: Timers/AE Lock (Hẹn Giờ/Khóa AE)

c1: Shutter-Release Button AE-L (Nút Nhả Cửa Trập AE-L)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Nếu **On** (Bật) được chọn, phơi sáng sẽ khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

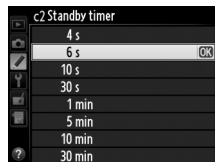


c2: Standby timer (Hẹn giờ chờ)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn độ dài thời gian máy ảnh tiếp tục đo phơi sáng khi không tiến hành thao tác vận hành nào. Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính hiển thị trên bánh điều khiển và kính ngắm tự động tắt khi bộ hẹn giờ hết hạn.

Chọn hẹn giờ chờ ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.

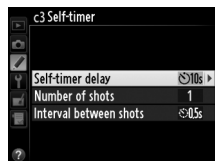


c3: Self-Timer (Tự Hẹn Giờ)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn độ thời gian độ trễ nhả cửa trập, số lần chụp, và quãng thời gian giữa mỗi lần chụp ở chế độ tự hẹn giờ.

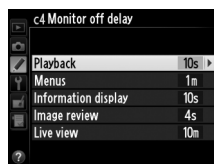
- **Self-timer delay** (Độ trễ tự hẹn giờ): Chọn độ dài thời gian độ trễ nhả cửa trập (□ 85).
- **Number of shots** (Số lần chụp): Nhấn ▲ và ▼ để chọn số lần chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.
- **Interval between shots** (Quãng thời gian giữa các lần chụp): Chọn quãng thời gian giữa các lần chụp khi **Number of shots** (Số lần chụp) lớn hơn 1.



c4: Monitor off Delay (Độ Trễ Tắt Màn Hình)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

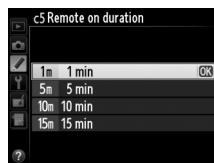
Chọn khoảng thời gian màn hình vẫn bật khi không vận hành chức năng nào của máy ảnh trong khi phát lại (**Playback** (Phát lại); mặc định ở 10 giây) và xem lại ảnh (**Image review** (Xem lại hình ảnh); mặc định ở 4 giây), khi các menu (**Menus** (Menu); mặc định ở 1 giây) hoặc thông tin (**Information display** (Hiển thị thông tin); mặc định ở 10 giây) được hiển thị hoặc trong xem trực tiếp và quay phim (**Live view** (Xem trực tiếp); mặc định ở 10 phút). Chọn độ trễ tắt màn hình ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.



c5: Remote on Duration (Chụp Từ Xa Theo Thời Lượng)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn mức thời gian máy ảnh sẽ bật ở chế độ chờ trong chế độ nhả từ xa (□ 85). Nếu không thao tác nào diễn ra trong khoảng thời gian được chọn, chụp từ xa sẽ kết thúc và bộ đo phơi sáng sẽ tắt. Chọn các khoảng thời gian ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn. Để kích hoạt lại chế độ điều khiển từ xa khi bộ hẹn giờ đã tắt, nhấn nút nhả cửa chụp nửa chừng.



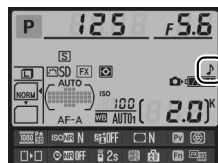
d: Shooting/Display (Chụp Ảnh/Hiển Thị)

d1: Beep (Bíp)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn độ cao và âm lượng của tiếng bíp phát ra khi máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng AF phần phụ tự động (**AF-S** hoặc khi AF phần phụ tự động được chọn cho **AF-A**; □ 97), khi lấy nét khóa trong chụp ảnh xem trực tiếp, trong khi bộ đếm thời gian đang đếm ngược ở bộ tự hẹn giờ và chế độ nhả từ xa trì hoãn (□ 85), khi ảnh được chụp nhanh từ phía xa hoặc ở chế độ phản chiếu từ xa (□ 85), khi chụp tua nhanh thời gian kết thúc (□ 168), hoặc nếu bạn cố gắng chụp ảnh khi thẻ nhớ bị khóa (□ 32). Chú ý rằng sẽ không nghe thấy tiếng bíp ở chế độ xem trực tiếp phim (□ 57) hoặc chế độ nhả cửa trập tĩnh lặng (chế độ **Q** và **Qc**; □ 83), bất kể tùy chọn nào được chọn.

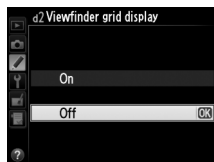
- **Volume** (Âm lượng): Chọn nút **3** (cao), **2** (trung bình), **1** (thấp) hoặc **Off** (Tắt). Khi một tùy chọn khác không phải **Off** (Tắt) được chọn, nó xuất hiện trên hiển thị thông tin.
- **Pitch** (Cao độ): Chọn **High** (Cao) hoặc **Low** (Thấp).



d2: Viewfinder Grid Display (Hiện Thị Lưới Kính Ngắm)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn **On** (Bật) để hiển thị các đường lưới theo yêu cầu trên kính ngắm để tham khảo trước khi chụp ảnh (□ 8).



d3: ISO Display and Adjustment (Hiện Thị và Điều Chỉnh ISO)

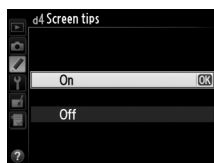
Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Nếu **Show ISO sensitivity** (Hiện thị độ nhạy ISO) hoặc **Show ISO/Easy ISO** (Hiện ISO/ISO dễ dàng) được chọn, bảng điều khiển sẽ hiển thị độ nhạy ISO ở vị trí của số phơi sáng còn lại. Nếu **Show ISO/Easy ISO** (Hiện ISO/ISO dễ dàng) được chọn, độ nhạy ISO có thể được đặt ở các chế độ **P** và **S** bằng cách xoay đĩa lệnh phụ hoặc ở chế độ **A** bằng cách xoay đĩa lệnh chính. Chọn **Show frame count** (Hiện đếm khuôn hình) để hiển thị số lượng phơi sáng vẫn còn trên bảng điều khiển.

d4: Screen Tips (Mẹo Màn Hình)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

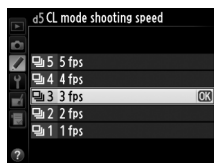
Chọn **On** (Bật) để hiển thị mẹo công cụ cho những mục được chọn trên hiển thị thông tin (□ 11).



d5: CL Mode Shooting Speed (Tốc Độ Chụp Chế Độ CL)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn tỷ lệ tốc độ khuôn hình tối đa trong chế độ **CL** (tốc độ thấp liên tục) (□ 83; trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian, cài đặt này cũng xác định tỷ lệ tốc độ khuôn hình cho khuôn hình đơn).



**d6: Max. Continuous Release (Ảnh
Tối Đa Khi Nhả Liên Tục)**

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Số lượng tối đa số lần chụp có thể chụp trong một lần bấm máy ở chế độ chụp liên tục có thể được đặt ở bất cứ giá trị nào giữa 1 và 100.

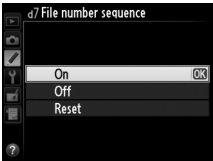
 Bộ Nhớ Đệm

Bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d6, việc chụp sẽ chậm lại khi bộ nhớ đệm đầy (●00). Xem trang 335 để có thêm thông tin về dung lượng bộ nhớ đệm.

**d7: File Number Sequence (Trình Tự
Số Tập Tin)**

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Khi chụp ảnh, máy ảnh đặt tên tập tin bằng cách cộng một vào số cuối cùng của tập tin trước. Tùy chọn này điều khiển liệu việc đánh số tập tin có tiếp tục từ số cuối cùng được sử dụng hay không khi tạo một thư mục mới, thẻ nhớ được định dạng, hoặc khi lắp một thẻ nhớ mới vào máy ảnh.



Tùy chọn	Mô tả
On (Bật)	Khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh, việc đánh số tập tin tiếp tục từ số cuối cùng được dùng hoặc từ số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời, lấy số lớn hơn. Nếu một tấm ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa ảnh có số 9999, thì một thư mục mới sẽ tự động được tạo và việc đánh số tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001.
Off (Tắt)	Việc đánh số tập tin được đặt lại ở 0001 khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh. Chú ý rằng một thư mục mới được tạo tự động nếu ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa 999 tấm ảnh.
Reset (Đặt lại)	Như với On (Bật), ngoại trừ bức ảnh được chụp tiếp theo được gán số tập tin bằng cách cộng một vào số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời. Nếu thư mục trống, việc đánh số tập tin sẽ được đặt lại từ 0001.

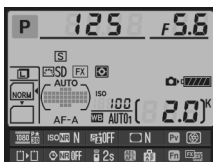
 File Number Sequence (Trình Tự Số Tập Tin)

Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa hoặc là 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, thì nút nhà cửa trập sẽ bị khóa lại và không tấm ảnh nào được chụp thêm. Chọn **Reset** (Đặt lại) cho Cài Đặt Tùy Chọn d7 (**File number sequence** (Trình tự số tập tin)) và sau đó định dạng lại thẻ nhớ hiện tại hoặc lắp thẻ nhớ mới.

d8: Information Display (Hiển Thị Thông Tin)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Nếu **Auto** (Tự động) (AUTO) được chọn, màu của phông chữ trên hiển thị thông tin (□ 9) sẽ tự động chuyển từ đen sang trắng hoặc từ trắng sang đen để duy trì độ tương phản với nền. Để luôn sử dụng cùng một màu phông chữ, Chọn **Manual** (Bằng tay) và chọn **Dark on light** (Tối trên nền sáng) (B; phông chữ đen) hoặc **Light on dark** (Sáng trên nền tối) (W; phông chữ trắng). Độ sáng màn hình sẽ tự động được điều chỉnh để có độ tương phản tối đa với màu văn bản được chọn.



Tối trên nền sáng

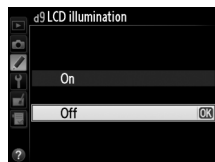


Sáng trên nền tối

d9: LCD Illumination (Đèn Rọi Màn Hình Tinh Thể Lỏng)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

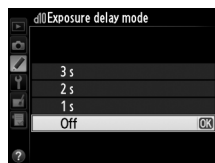
Nếu **Off** (Tắt) được chọn, ánh sáng nền bảng điều khiển (đèn chiếu LCD) sẽ chỉ sáng khi công tắc điện được xoay sang ☼. Nếu **On** (Bật) được chọn, bảng điều khiển sẽ sáng mỗi khi hẹn giờ chờ được bật (□ 39). Chọn **Off** (Tắt) để tăng tuổi thọ pin.



d10: Exposure Delay Mode (Chế Độ Trễ Phơi Sáng)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Trong những tình huống chuyển động máy ảnh nhỏ nhất cũng có thể làm mờ ảnh, chọn **1 s** (1 giây), **2 s** (2 giây), hoặc **3 s** (3 giây) để làm trễ nhả cửa trập cho đến khi một, hai, hoặc ba giây sau khi gương được nâng lên.



d11: Flash Warning (Cảnh Báo Đèn Nháy)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Nếu **On** (Bật) được chọn, chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (⚡) sẽ nháy trên kính ngắm nếu đèn nháy là cần thiết để đảm bảo phơi sáng tối ưu.



d12: MB-D14 Battery Type (Loại Pin MB-D14)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Để đảm bảo các chức năng của máy ảnh hoạt động đúng như mong muốn khi gói pin MB-D14 được sử dụng cùng với các pin AA, khớp tùy chọn được chọn trên menu này với loại pin được lắp vào gói pin. Không cần điều chỉnh tùy chọn này khi sử dụng pin EN-EL15b/EN-EL15a/EN-EL15.

Tùy chọn	Mô tả
LR6 (AA alkaline) (LR6 (Kiềm AA))	Chọn khi sử dụng pin LR6 kiềm AA.
HR6 (AA Ni-MH)	Chọn khi sử dụng pin HR6 AA Ni-MH.
FR6 (AA lithium) (AA li-thi)	Chọn khi sử dụng pin FR6 li-thi AA.

Sử Dụng Pin AA

Dung lượng của các pin AA giảm nhanh ở nhiệt độ dưới 20 °C và thay đổi tùy vào điều kiện sản xuất và lưu kho; trong một vài trường hợp, các pin này có thể bị hỏng trước khi hết hạn sử dụng. Một vài loại pin AA có thể không được sử dụng, do đặc tính hoạt động và mức công suất có hạn của chúng, các loại pin kiểm có dung lượng nhỏ hơn một số loại khác do đó chỉ nên sử dụng nếu không có loại pin nào thay thế và chỉ dùng ở nhiệt độ ấm hơn. Máy ảnh hiển thị mức điện năng của các pin AA như sau:

Bảng điều khiển	Kính ngắm	Mô tả
		Pin đã được sạc đầy.
		Pin yếu. Pin mới đã sẵn sàng.
 (nháy)	 (nháy)	Tắt nhà cửa trập. Thay pin.



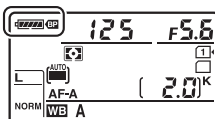
d13: Battery Order (Thứ Tự Pin)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn xem pin trong máy ảnh hoặc pin trong gói pin nào được sử dụng trước khi gói pin tùy chọn MB-D14 được lắp vào. Chú ý rằng nếu pin MB-D14 được cấp điện bởi một bộ đổi điện AC tùy chọn EH-5b AC và một đầu nối nguồn EP-5B, bộ đổi điện AC sẽ được sử dụng không phụ thuộc vào tùy chỉnh nào được chọn.



Biểu tượng được hiển thị trên bảng điều khiển máy ảnh khi các pin trong MB-D14 đang được sử dụng.

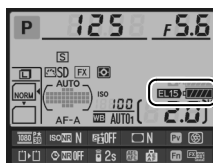


Gói Pin MB-D14

Máy ảnh MB-D14 sử dụng một pin sạc Li-ion EN-EL15b/EN-EL15a/EN-EL15 hay sáu pin kiểm AA, Ni-MH, hoặc pin li-thi (EN-EL15 được cấp kèm máy ảnh, các loại pin AA được bán riêng).

Hiển thị thông tin hiển thị loại pin được lắp vào MB-D14 như sau:

Hiển thị loại pin MB-D14	Loại pin
	Pin sạc Li-ion EN-EL15b/EN-EL15a/EN-EL15
	Pin AA



e: Bracketing/Flash (Chụp Bù Trừ/Đèn Nháy)

e1: Flash Sync Speed (Tốc Độ Đồng Bộ Đèn Nháy)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này điều khiển tốc độ đồng bộ đèn nháy.

Tùy chọn	Mô tả
1/250 s (Auto FP) (1/250 giây (FP Tự động))	đồng bộ tốc độ cao FP tự động được sử dụng khi bộ đèn nháy tương thích được gắn vào (□ 294). Nếu đèn nháy gắn sẵn hoặc các bộ đèn nháy khác được sử dụng, tốc độ cửa trập được đặt sang $1/250$ giây. Khi máy ảnh hiển thị tốc độ cửa trập $1/250$ giây trong chế độ P hoặc A , đồng bộ tốc độ cao FP tự động sẽ được bật nếu tốc độ cửa trập nhanh hơn $1/250$ giây.
1/200 s (Auto FP) (1/250 giây (FP Tự động))	đồng bộ tốc độ cao FP tự động được sử dụng khi bộ đèn nháy tương thích được gắn vào (□ 294). Nếu đèn nháy gắn sẵn hoặc các bộ đèn nháy khác được sử dụng, tốc độ cửa trập được đặt sang $1/200$ giây. Khi máy ảnh hiển thị tốc độ cửa trập $1/200$ giây trong chế độ P hoặc A , đồng bộ tốc độ cao FP tự động sẽ được bật nếu tốc độ cửa trập nhanh hơn $1/200$ giây.
1/200 s–1/60 s (1/200 giây–1/60 giây)	Tốc độ đồng bộ đèn nháy đặt ở giá trị đã chọn.



Cố Định Tốc Độ Cửa Trập ở Giới Hạn Tốc Độ Đồng Bộ Đèn Nháy

Để đặt cố định tốc độ cửa trập ở giới hạn tốc độ đồng bộ ở chế độ **S** hoặc **M**, chọn tốc độ cửa trập tiếp sau tốc độ cửa trập chậm nhất có thể (30 giây hoặc hơn). X (Chỉ báo đồng bộ đèn nháy) sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển và kính ngắm.



Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động

Cho phép sử dụng đèn nháy ở tốc độ cửa trập cao nhất mà máy ảnh hỗ trợ, điều này cho phép chọn độ mở ống kính tối đa để giảm độ sâu của trường ngay cả khi đối tượng chụp bị ngược sáng trong điều kiện có nhiều ánh sáng mặt trời. Chỉ báo chế độ đèn nháy hiển thị thông tin hiển thị “FP” khi đồng bộ tốc độ cao FP tự động được kích hoạt (□ 295).

■ Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động

Khi **1/250 s (Auto FP)** (1/250 s (FP tự động)) hoặc **1/200 s (Auto FP)** (1/200 s (FP tự động)) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed** (Tốc độ đồng bộ đèn nháy), □ 234), đèn nháy gắn sẵn có thể dùng ở tốc độ cửa trập nhanh ở $\frac{1}{250}$ giây hoặc $\frac{1}{200}$ giây, trong khi bộ đèn nháy tùy chọn tương thích (□ 294) có thể sử dụng ở tốc độ cửa trập bất kỳ (đồng bộ tốc độ cao FP tự động).

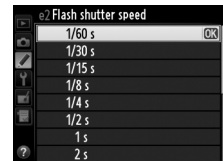
Tốc độ đồng bộ đèn nháy Tốc độ cửa trập	1/250 s (Auto FP) (1/250 giây (FP Tự động))		1/200 s (Auto FP) (1/200 giây (FP Tự động))		1/200 giây	
	Đèn nháy gắn sẵn	Bộ đèn nháy tùy chọn	Đèn nháy gắn sẵn	Bộ đèn nháy tùy chọn	Đèn nháy gắn sẵn	Bộ đèn nháy tùy chọn
Từ $\frac{1}{4.000}$ đến nhưng không bao gồm $\frac{1}{250}$ giây	—	FP tự động	—	FP tự động	—	—
Từ $\frac{1}{250}$ đến nhưng không bao gồm $\frac{1}{200}$ giây	Đồng bộ đèn nháy *		—	FP tự động	—	—
$\frac{1}{200}$ –30 giây	Đèn nháy đồng bộ					

* Phạm vi đèn nháy giảm khi tốc độ cửa trập tăng. Tuy nhiên phạm vi đèn nháy sẽ lớn hơn phạm vi đạt được ở cùng tốc độ với chế độ FP Tự Động.

e2: Flash Shutter Speed (Tốc Độ Cửa Trập Đèn Nháy)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này quyết định tốc độ cửa trập nhỏ nhất có sẵn khi đồng bộ màn trước hoặc đồng bộ màn sau hoặc giảm mất đỏ được sử dụng ở chế độ **P** hoặc **A** (không phụ thuộc vào cài đặt đã chọn, tốc độ cửa trập có thể chậm ở mức 30 giây ở các chế độ **S** và **M** hoặc ở chế độ cài đặt đèn nháy đồng bộ chậm, đồng bộ màn phía sau chậm, hoặc giảm mất đỏ với đồng bộ chậm). Phạm vi tùy chỉnh từ $\frac{1}{60}$ giây (**1/60 s** (1/60 giây)) đến 30 giây (**30 s** (30 giây)).



e3: Flash Cntrl for Built-in Flash
(Điều Khiển Đèn Nháy Cho Đèn Nháy Gắn Sẵn)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn chế độ đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn.

Tùy chọn	Mô tả
TTL TTL	Công suất đèn nháy được tự động điều chỉnh tương ứng với điều kiện chụp ảnh.
M Manual (Bằng tay)	Chọn mức đèn nháy (□ 236). Máy ảnh không phát ra nháy sớm màn hình.
RPT Repeating flash (Đèn nháy lặp lại)	Đèn nháy bật đi bật lại khi cửa trập mở, tạo ra hiệu ứng đèn chớp (□ 236).
CMD Commander mode (Chế độ bộ điều khiển)	Sử dụng đèn nháy gần như bộ đèn nháy tùy chọn từ xa điều khiển đèn nháy chính trong một hoặc nhiều nhóm (□ 237).

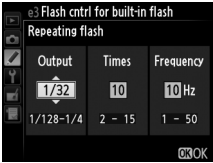
Manual (Bằng tay)

Chọn mức đèn nháy giữa Full (Hết cỡ) và 1/128 (1/128 công suất đầy đủ). Ở công suất tối đa, đèn nháy gắn sẵn có Số Hướng Dẫn là 12 (m, ISO 100, 20 °C).

Repeating Flash (Đèn Nháy Lặp Lại)

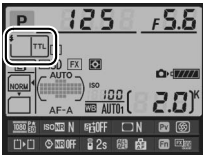
Đèn nháy bật đi bật lại khi cửa trập mở, tạo ra hiệu ứng đèn chớp.
Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật những tùy chọn sau, ▲ hoặc ▼ để thay đổi.

Tùy chọn	Mô tả
Output (Công suất)	Chọn công suất đèn nháy (biểu diễn bằng tỷ lệ trên toàn công suất).
Times (Số lần)	Chọn số lần đèn nháy bật ở công suất đã chọn. Chú ý rằng tùy thuộc vào tốc độ cửa trập và tùy chỉnh đã chọn cho Frequency (Tần suất), số lượng nháy có thể ít hơn so với đã chọn.
Frequency (Tần suất)	Chọn số lần đèn nháy bật trên mỗi giây.



Chế Độ Điều Khiển Đèn Nháy

Chế độ điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn được hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin (□ 146).



“Manual” (Bằng Tay) và “Repeating Flash” (Đèn Nháy Lặp Lại)

Các biểu tượng nháy trên bảng điều khiển và trên kính ngắm khi những tùy chỉnh này được chọn.

SB-400 và SB-300

Khi một bộ đèn nháy tùy chọn SB-400 hoặc SB-300 được gắn vào và bật lên, Cài Đặt Tùy Chọn e3 chuyển sang **Optional flash** (Đèn nháy tùy chọn), cho phép chế độ điều khiển đèn nháy cho bộ đèn nháy tùy chọn được chọn từ **TTL** và **Manual** (Bằng tay) (Không có sẵn tùy chọn **Repeating flash** (Đèn nháy lặp lại) và **Commander mode** (Chế độ bộ điều khiển)).

“Times” (Số lần)

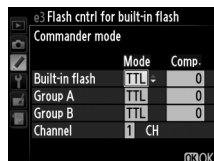
Các tùy chọn sẵn có cho **Repeating Flash** (Đèn Nháy Lặp Lại) > **Times** (Số Lần) được xác định bằng công suất đèn nháy.

Output (Công suất)	Các tùy chỉnh cho “Times” (Số lần)	Output (Công suất)	Các tùy chỉnh cho “Times” (Số lần)
1/4	2	1/32	2-10, 15
1/8	2-5	1/64	2-10, 15, 20, 25
1/16	2-10	1/128	2-10, 15, 20, 25, 30, 35

■ Commander Mode (Chế Độ Bộ Điều Khiển)

Sử dụng đèn nháy gắn sẵn làm đèn nháy chủ điều khiển hoặc một hoặc vài bộ đèn nháy tùy chọn từ xa tới hai nhóm (A và B) bằng cách dùng đèn không dây nâng cao (☐ 294).

Việc chọn tùy chọn này sẽ hiển thị menu ở phía bên phải. Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật những tùy chọn sau, ▲ hoặc ▼ để thay đổi.

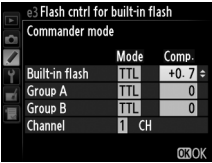


Tùy chọn	Mô tả
Built-in flash (Đèn nháy gắn sẵn)	Chọn chế độ đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn (đèn nháy bộ điều khiển).
TTL	Chế độ i-TTL. Chọn bù đèn nháy từ các giá trị giữa +3,0 và -3,0 EV với các gia số 1/3 EV.
M	Chọn mức đèn nháy giữa các giá trị 1/1 và 1/128 (1/128 của toàn công suất).
--	Đèn nháy gắn sẵn không bật sáng, mặc dù bộ đèn nháy từ xa có bật. Phải nâng đèn nháy gắn sẵn để nó có thể phát ra nháy sớm màn hình.
Group A (Nhóm A)	Chọn chế độ đèn nháy cho tất cả các bộ đèn nháy ở nhóm A.
TTL	Chế độ i-TTL. Chọn bù đèn nháy từ các giá trị giữa +3,0 và -3,0 EV với các gia số 1/3 EV.
AA	Độ mở ống kính tự động (chỉ có ở bộ đèn nháy tương thích; ☐ 294). Chọn bù đèn nháy từ các giá trị giữa +3,0 và -3,0 EV với các gia số 1/3 EV.
M	Chọn mức đèn nháy giữa các giá trị 1/1 và 1/128 (1/128 của toàn công suất).
--	Các bộ đèn nháy trong nhóm này không bật.
Group B (Nhóm B)	Chọn chế độ đèn nháy cho tất cả các bộ đèn nháy ở nhóm B. Các tùy chọn có sẵn tương tự như những tùy chọn được liệt kê cho Group A (Nhóm A) ở trên.
Channel (Kênh)	Chọn các kênh từ 1-4. Tất cả các bộ đèn nháy trong cả hai nhóm phải được đặt ở cùng một kênh.

Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh trong chế độ bộ điều khiển.

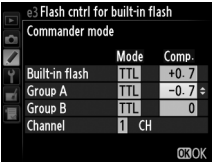
1 Điều chỉnh cài đặt cho đèn nháy gắn sẵn.

Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức công suất cho đèn nháy gắn sẵn. Chú ý rằng mức công suất không thể điều chỉnh được ở chế độ --.



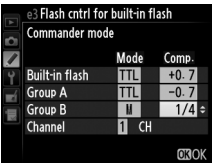
2 Điều chỉnh cài đặt cho nhóm A.

Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức công suất cho bộ đèn nháy gắn sẵn ở nhóm A.

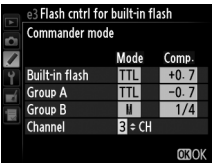


3 Điều chỉnh cài đặt cho nhóm B.

Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức công suất cho bộ đèn nháy gắn sẵn ở nhóm B.



4 Chọn kênh.

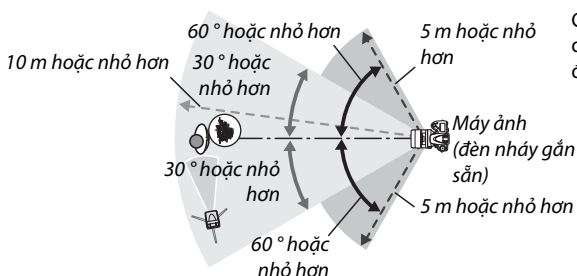


5 Nhấn .



6 Soạn ảnh chụp.

Soạn ảnh chụp và sắp xếp các bộ đèn nháy như minh họa sau. Chú ý rằng khoảng cách tối đa mà tại đó các bộ đèn nháy từ xa có thể được đặt thay đổi tùy theo điều kiện chụp hình.



Các bộ cảm ứng từ xa không dây trên các bộ đèn nháy nên đối diện với máy ảnh.

7 Cấu hình các bộ đèn nháy từ xa.

Bật tất cả các bộ đèn nháy từ xa, điều chỉnh các cài đặt nhóm và đặt chúng ở kênh được chọn ở Bước 4. Xem hướng dẫn sử dụng bộ đèn nháy để có thêm chi tiết.

8 Nâng đèn nháy gắn sẵn.

Nhấn nút  để nâng đèn nháy gắn sẵn. Chú ý rằng thậm chí nếu -- được chọn cho **Built-in flash** (Đèn nháy gắn sẵn) > **Mode** (Chế độ), đèn nháy gắn sẵn phải được nâng lên để nháy sớm màn hình có thể được phát ra.

9 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Sau khi chắc chắn rằng đèn sẵn sàng nháy của máy ảnh và các đèn sẵn sàng nháy của tất cả các bộ đèn nháy khác đã được bật lên, tạo khuôn hình, lấy nét và chụp ảnh. Có thể dùng khóa FV ( 149) nếu muốn.

Hiển Thị Chế Độ Đồng Bộ Đèn Nháy

 không hiển thị trên màn hình điều khiển chế độ đồng bộ đèn nháy khi – – được chọn cho **Built-in flash** (Đèn nháy gắn sẵn) > **Mode** (Chế độ).

Bù Đèn Nháy

Giá trị bù đèn nháy được chọn bằng nút  () và đĩa lệnh phụ được thêm vào các giá trị bù đèn nháy được chọn cho đèn nháy gắn sẵn, nhóm A, và nhóm B trong menu **Commander mode** (Chế độ bộ điều khiển). Biểu tượng  được hiển thị trên bảng điều khiển và kính ngắm khi giá trị bù đèn nháy khác ± 0 được lựa chọn cho **Built-in flash** (Đèn nháy gắn sẵn) > **TTL**. Biểu tượng  nháy khi đèn nháy gắn sẵn ở chế độ **M**.

Chế Độ Bộ Điều Khiển

Định vị cửa sổ cảm biến trên các bộ đèn nháy từ xa để đón ánh sáng từ đèn nháy gắn sẵn (cần đặc biệt chú ý khi máy ảnh không được đặt trên giá ba chân). Hãy chắc chắn rằng ánh sáng trực tiếp hoặc phản chiếu mạnh từ các bộ đèn nháy từ xa không đi vào thấu kính máy ảnh (ở chế độ TTL) hoặc các quang bào ở các bộ đèn nháy từ xa (chế độ AA), vì điều này có thể ảnh hưởng đến phơi sáng. Để tránh các tia nháy cản trở do đèn nháy gắn sẵn phát ra xuất hiện trên các tấm ảnh chụp ở phạm vi gần, chọn độ nhạy ISO thấp hoặc độ mở ống kính nhỏ (các số f cao) hoặc sử dụng băng hồng ngoại tùy chọn SG-3IR cho đèn nháy gắn sẵn. SG-3IR cần để có kết quả chụp tốt nhất với đồng bộ màn phía sau, giúp tạo ra các tia đèn cần thời gian sáng hơn. Sau khi định vị các bộ đèn nháy từ xa, chụp thử một kiểu ảnh và xem các kết quả trên màn hình máy ảnh.

Dù không có giới hạn về số lượng các bộ đèn nháy từ xa được sử dụng, số lượng tối đa thực tế là ba. Nếu nhiều hơn số lượng này, ánh sáng phát ra từ các bộ đèn nháy từ xa sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất của máy ảnh.

e4: Exposure Comp. for Flash (Bù Phơi Sáng Đèn Nháy)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

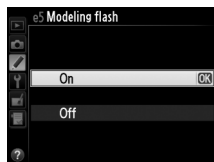
Chọn cách máy ảnh điều chỉnh mức nháy khi sử dụng bù phơi sáng.

Tùy chọn	Mô tả
 Entire frame (Toàn bộ khuôn hình)	Cả hai mức nháy và bù phơi sáng được điều chỉnh để thay đổi phơi sáng trên toàn bộ khuôn hình.
 Background only (Chỉ nền)	Bù phơi sáng chỉ áp dụng đối với nền.

e5: Modeling Flash (Đèn Nháy Tạo Mô Hình)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Nếu **On** (Bật) được lựa chọn khi máy ảnh đang được sử dụng cùng đèn nháy gắn sẵn hoặc bộ đèn nháy tùy chọn hoặc bộ đèn nháy tương thích với CLS (□ 294), đèn nháy mô hình sẽ được phát ra khi nhấn nút xem trước độ sâu trường của máy ảnh (□ 77). Không có đèn nháy mô hình được phát ra nếu nút **Off** (Tắt) được lựa chọn.



e6: Auto Bracketing Set (Đặt Chụp Bù Trừ Tự Động)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn các cài đặt hoặc cài đặt chụp bù trừ khi chụp bù trừ tự động (□ 153) có hiệu lực. Chọn **AE & flash** (AE và đèn nháy) (AE) để tiến hành chụp bù trừ có phơi sáng và chụp bù trừ có đèn nháy, **AE only** (Chỉ AE) (AE) để chụp bù trừ có phơi sáng, **Flash only** (Chỉ đèn nháy) (F) để chụp bù trừ có đèn nháy, **WB bracketing** (Chụp bù trừ WB) (WB) để chụp cân bằng trắng bù trừ (□ 156), hoặc **ADL bracketing** (Chụp bù trừ ADL) (ADL) để tiến hành chụp bù trừ với D-Lighting hoạt động (□ 158). Chú ý rằng cân bằng trắng bù trừ không có ở cài đặt chất lượng ảnh dành cho ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG.

e7: Bracketing Order (Thứ Tự Chụp Bù Trừ)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Ở cài đặt mặc định **MTR > under** (dưới) > **over** (trên) (MTR), phơi sáng, đèn nháy, và chụp bù trừ trắng cân bằng được thực hiện theo thứ tự mô tả ở trang 153 và 156. Nếu **Under** (Dưới) > **MTR > over** (trên) (→+) được chọn, việc chụp ảnh sẽ theo thứ tự từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất. Cài đặt này không ảnh hưởng đến bù trừ ADL.

f: Controls (Điều Khiển)

f1: OK Button (Nút OK) (Chế Độ Chụp)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

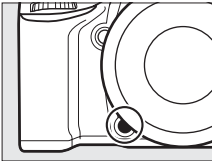
Chọn vai trò do nút **OK** đảm nhiệm trong khi chụp: Chọn điểm lấy nét trung tâm, (**RESET Select center focus point** (Chọn điểm lấy nét trung tâm)), làm nổi bật điểm lấy nét kích hoạt (**Highlight active focus point** (Làm bật lên điểm lấy nét kích hoạt)) hoặc không (**Not used** (Không sử dụng)).



f2: Assign Fn Button (Gán Nút Fn)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn vai trò do nút Fn đảm nhiệm.

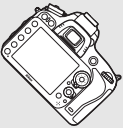


Tùy chọn	Mô tả
Preview (Xem trước)	Nhấn nút Fn để xem trước độ sâu của trường (□ 77).
FV lock (Khóa FV)	Nhấn nút Fn để khóa giá trị đèn nháy (chỉ đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn tương thích, □ 149, 294). Nhấn lại để hủy khóa FV.
AE/AF lock (Khóa AE/AF)	Khóa lấy nét và phơi sáng khi đang nhấn nút Fn .
AE lock only (Chỉ khóa AE)	Phơi sáng khóa khi nhấn nút Fn .
AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))	Khóa phơi sáng khi nhấn nút Fn được nhấn và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
AF lock only (Chỉ khóa AF)	Phơi sáng khóa khi nhấn nút Fn .
AF-ON	Nhấn nút Fn để bắt đầu lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhả cửa trập để lấy nét.
Flash off (Đèn nháy tắt)	Đèn nháy sẽ không bật sáng khi ảnh được chụp trong khi nút Fn được nhấn.
Bracketing burst (Chụp liên tục bù trừ)	Nếu nhấn nút Fn trong khi phơi sáng, đèn nháy, hoặc bù trừ ADL đang được bật trong khuôn hình đơn hoặc ở chế độ nhả cửa trập tĩnh lặng, tất cả các lần chụp trong chương trình chụp bù trừ hiện tại sẽ được chụp mỗi khi nhấn nút nhả cửa trập. Nếu chụp bù trừ cân bằng trắng được kích hoạt hoặc chế độ nhả liên tục (chế độ CH , CL , hoặc QC) được lựa chọn, máy ảnh sẽ lặp lại chụp bù trừ liên tiếp trong khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống.
Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lện chính để điều chỉnh D-Lighting hoạt động (□ 137).
+RAW +NEF (RAW)	Nếu chất lượng hình ảnh được đặt ở JPEG fine (JPEG nét), JPEG normal (JPEG bình thường), hoặc JPEG basic (JPEG cơ bản), “RAW” sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển và một bản sao của NEF (RAW) sẽ được ghi lại bằng bức ảnh tiếp theo được chụp sau khi nhấn nút Fn (để ghi lại bản sao NEF/RAW bằng một loạt các tấm ảnh, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng giữa các lần chụp). Để thoát mà không cần ghi bản sao NEF (RAW), nhấn nút Fn .
Matrix metering (Đo sáng ma trận)	Đo sáng ma trận được kích hoạt khi nhấn nút Fn .
Center-weighted metering (Đo sáng cân bằng trung tâm)	Đo sáng cân bằng trung tâm được kích hoạt khi nhấn nút Fn .
Spot metering (Đo sáng điểm)	Đo sáng ma trận được kích hoạt khi nhấn nút Fn .

Tùy chọn	Mô tả
 Framing grid (Lưới khuôn hình)	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh chính để bật hoặc tắt hiển thị lưới khuôn hình trong kính ngắm (☐ 8).
 Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn vùng hình ảnh (☐ 89).
 Viewfinder virtual horizon (Đường chân trời ảo trong kính ngắm)	Nhấn nút Fn để xem hiển thị đường chân trời ảo trong kính ngắm.
 MY MENU (MENU CỦA TÔI)	Nhấn nút Fn hiển thị “MENU CỦA TÔI” (☐ 280).
 Truy nhập mục hàng đầu trong MENU CỦA TÔI	Nhấn nút Fn để nhảy tới mục hàng đầu trong “MY MENU” (MENU CỦA TÔI). Chọn tùy chọn này để truy cập nhanh vào một mục thường hay dùng trên menu.
 1 step spd/aperture (1 bước/độ mở ống kính)	Nếu nút Fn được nhấn khi đĩa lệnh quay, thay đổi tốc độ cửa trập (chế độ S và M) và độ mở ống kính (chế độ A và M) được tiến hành theo gia số của 1 EV, không phụ thuộc vào tùy chọn này được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b2 hay không (EV steps for exposure cntl (Bước EV để điều khiển phơi sáng), ☐ 224).
 Choose non-CPU lens number (Chọn số thấu kính không CPU)	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn một số thấu kính cụ thể bằng cách dùng tùy chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU) (☐ 172).
 Playback (Phát lại)	Nút Fn có chức năng tương tự như nút  . Chọn khi sử dụng một thấu kính chụp ảnh xa hoặc ở trong các trường hợp khác khi quá khó để vận hành nút  bằng tay trái.
None (Không có)	Nhấn nút không có tác dụng gì.


Đường Chân Trời Ảo Trong Kính Ngắm

Khi **Viewfinder virtual horizon** (Kính ngắm đường chân trời ảo) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Assign Fn button** (Gán nút Fn)), việc nhấn nút **Fn** sẽ chuyển đổi hiển thị phơi sáng trong kính ngắm sang chỉ báo cuộn. Nhấn nút một lần nữa để khôi phục lại chỉ báo về chức năng bình thường.

	Máy ảnh nghiêng phải	Máy ảnh cân bằng	Máy ảnh nghiêng trái
			
Kính ngắm			

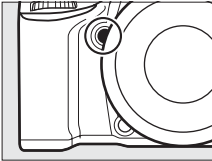
Chú ý rằng hiển thị có thể không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc về phía sau. Đối với màn hình hiển thị có cả lật và cuộn, sử dụng tùy chọn **Virtual horizon** (Chân trời ảo) trong menu cài đặt (☐ 258).



f3: Assign Preview Button (Gán Nút Xem Trước)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

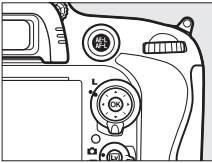
Chọn vai trò do nút xem trước độ sâu của trường đảm nhiệm. Các tùy chọn có sẵn cũng tương tự như của **Assign Fn button** (Gán nút Fn) (□ 242). Cài đặt mặc định là **Preview** (Xem trước).



f4: Assign AE-L/AF-L Button (Gán Nút AE-L/AF-L)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

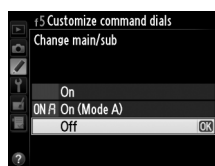
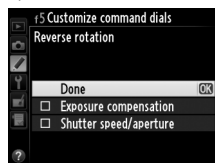
Chọn vai trò do nút  **AE-L/AF-L** đảm nhiệm.



Tùy chọn	Mô tả
 AE/AF lock (Khóa AE/AF)	Lấy nét và phơi sáng sẽ khóa khi nhấn nút  AE-L/AF-L .
 AE lock only (Chỉ khóa AE)	Phơi sáng khóa khi nhấn nút  AE-L/AF-L .
 AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))	Khóa phơi sáng khi nhấn nút  AE-L/AF-L và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
 AF lock only (Chỉ khóa AF)	Phơi sáng khóa khi nhấn nút  AE-L/AF-L .
 AF-ON	Nút  AE-L/AF-L kích hoạt lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhà cửa trập để lấy nét.
 FV lock (Khóa FV)	Nhấn nút  AE-L/AF-L để khóa giá trị đèn nháy (chỉ đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn, □ 149, 294). Nhấn lại để hủy khóa FV.
None (Không có)	Nhấn nút không có tác dụng gì.

Tùy chọn này điều khiển hoạt động của các đĩa lệnh chính và đĩa lệnh phụ.

- **Reverse rotation** (Xoay ngược lại): Đảo ngược hướng xoay của các đĩa lệnh khi sử dụng để điều chỉnh **Exposure compensation** (Bù phơi sáng) và/hoặc **Shutter speed/aperture** (Tốc độ cửa trập/Độ mở ống kính). Làm nổi bật tùy chọn và nhấn đa bộ chọn phải để chọn hoặc bỏ chọn, sau đó làm nổi bật **Done** (Xong) và nhấn $\odot$. Cài đặt này cũng áp dụng cho các đĩa lệnh của MB-D14.
- **Change main/sub** (Thay đổi chính/phụ): Nếu **Off** (Tắt) được chọn, đĩa lệnh chính sẽ điều khiển tốc độ cửa trập và đĩa lệnh phụ sẽ điều khiển độ mở ống kính. Chọn **On (Mode A)** (Bật (Chế độ A)) để sử dụng đĩa lệnh chính chọn độ mở ống kính ở chế độ chụp **A**, **On** (Bật) để sử dụng đĩa lệnh chính lựa chọn độ mở ống kính ở các chế độ **A** và **M** và đĩa lệnh phụ để chọn tốc độ của chụp ở các chế độ **S** và **M**. Cài đặt này cũng áp dụng cho các đĩa lệnh của MB-D14.
- **Aperture setting** (Cài đặt độ mở ống kính): Nếu **Sub-command dial** (Đĩa lệnh phụ) được chọn, độ mở ống kính chỉ có thể được điều chỉnh bằng đĩa lệnh phụ (hoặc bằng đĩa lệnh chính nếu nút **On** (Bật) được chọn cho **Change main/sub** (Thay đổi chính/phụ)). Nếu **Aperture ring** (Vòng độ mở ống kính) được chọn, chỉ có thể điều chỉnh độ mở thấu kính bằng vòng độ mở của thấu kính và hiển thị độ mở ống kính máy ảnh sẽ hiển thị độ mở của ống kính với các giá số 1 EV (độ mở ống kính của các thấu kính loại G, E vẫn được đặt bằng cách sử dụng đĩa lệnh phụ). Chú ý rằng dù chế độ cài đặt nào được chọn, vòng độ mở ống kính phải được sử dụng để điều chỉnh độ mở ống kính khi thấu kính không CPU được gắn vào.
- **Menus and playback** (Các menu và phát lại): Nếu **Off** (Tắt) được chọn, đa bộ chọn vẫn được sử dụng để chọn ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy, làm nổi bật hình thu nhỏ và điều hướng các menu. Nếu **On** (Bật) hoặc **On (image review excluded)** (Bật (không gồm xem lại hình ảnh)) được chọn, có thể sử dụng đĩa lệnh chính để chọn ảnh được chọn trong khi phát lại khuôn hình đầy, di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải trong khi phát lại hình thu nhỏ, và di chuyển menu làm nổi bật thanh lên hoặc xuống. Đĩa lệnh phụ được sử dụng để hiển thị thêm thông tin ảnh trong phát lại khuôn hình đầy và để di chuyển con trỏ lên hoặc xuống trong khi phát lại hình thu nhỏ. Chọn **On (image review excluded)** (Bật (Không gồm xem lại hình ảnh)) để ngăn việc sử dụng đĩa lệnh cho việc phát lại khi xem lại hình ảnh. Khi các menu được hiển thị, xoay đĩa lệnh phụ sang phải sẽ hiển thị các menu phụ để chọn tùy chọn cần, xoay sang trái để hiển thị menu trước. Để đưa ra lựa chọn, nhấn ► hoặc $\odot$.



f6: Release Button to Use Dial (Nhả Nút để Sử Dụng Đĩa Lệnh)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn **Yes** (Có) cho phép các điều chỉnh thường được tạo ra bằng cách giữ nút , , , , , hoặc **BKT** và xoay một đĩa lệnh để hoạt động bằng cách xoay đĩa lệnh sau khi nút được nhả (điều này cũng áp dụng cho các nút **Fn** và nút xem trước độ sâu của trường nếu chúng đã được gán **Active D-Lighting** (D-Lighting hoạt động) bằng cách dùng Cài Đặt Tùy Chọn f2, **Assign Fn button** (Gán nút Fn), hoặc Cài Đặt Tùy Chọn f3, **Assign preview button** (Gán nút xem trước)). Cài đặt kết thúc khi bất kỳ nút chịu tác động nào được nhấn lại hoặc nút nhả của trập được nhấn nửa chừng. Ngoại trừ khi nút **No limit** (Không giới hạn) được sử dụng cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 **Standby timer** (Hẹn giờ chờ), cài đặt sẽ kết thúc khi hẹn giờ chờ hết hạn.

f7: Slot Empty Release Lock (Khóa Nhả Khe Trống)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn **Enable release** (Kích hoạt nhả) cho phép cửa trập được nhả ra khi không có thẻ nhớ nào được lắp, dù không bức ảnh nào được ghi lại (tuy nhiên chúng vẫn được hiển thị trên màn hình ở chế độ mẫu). Nếu **Release locked** (Khóa nhả) được chọn, nút nhả cửa trập chỉ được bật khi có thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh.

f8: Reverse Indicators (Chỉ Báo Ngược Lại)

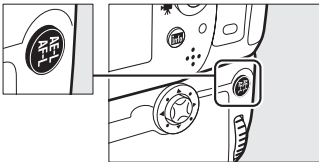
Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Nếu    (-0+) được chọn, các chỉ báo phơi sáng trong bảng điều khiển, kính ngắm, và hiển thị thông tin được hiển thị với các giá trị âm ở bên trái và các giá trị dương ở bên phải. Chọn    (+0-) để hiển thị các giá trị dương ở bên trái và giá trị âm ở bên phải.

f9: Assign MB-D14 AE-L/AF-L Button (Gán Nút MB-D14 AE-L/AF-L)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn chức năng được gán cho nút AE-L/AF-L trên gói pin tùy chọn MB-D14.



Tùy chọn	Mô tả
AE/AF lock (Khóa AE/AF)	Lấy nét và phơi sáng sẽ khóa khi nhấn nút MB-D14 AE-L/AF-L.
AE lock only (Chỉ khóa AE)	Phơi sáng khóa khi nhấn nút MB-D14 AE-L/AF-L.
AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))	Khóa phơi sáng khi nhấn nút MB-D14 AE-L/AF-L và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
AF lock only (Chỉ khóa AF)	Lấy nét khóa khi nhấn nút MB-D14 AE-L/AF-L.
AF-ON	Nhấn nút MB-D14 AE-L/AF-L để kích hoạt lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhả cửa trập để lấy nét.
FV lock (Khóa FV)	Nhấn nút MB-D14 AE-L/AF-L để khóa giá trị đèn nháy (chỉ đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn, □ 149, 294). Nhấn lại để hủy khóa FV.
Same as Fn button (Tương tự như nút Fn)	Nút MB-D14 AE-L/AF-L thực hiện chức năng được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (□ 242).

g: Movie (Phim)

g1: Assign Fn Button (Gán Nút Fn)

Nút MENU → menu Cài đặt tùy chọn

Chọn vai trò cho nút Fn đảm nhiệm trong khi xem trực tiếp phim (tùy chọn mặc định là **None** (Không)).

Tùy chọn	Mô tả
Index marking (Đánh dấu danh mục)	Nhấn nút trong khi ghi phim để thêm danh mục vào tại vị trí hiện tại (□ 60). Có thể sử dụng danh mục khi xem và sửa phim.
View photo shooting info (Xem thông tin chụp ảnh)	Nhấn nút để hiển thị thông tin về tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, và các cài đặt hình ảnh khác ở vị trí ghi phim. Bấm lần nữa để trở lại màn hình hiển thị ghi phim bình thường (□ 59).
AE/AF lock (Khóa AE/AF)	Khóa chế độ lấy nét và phơi sáng khi nút này được nhấn.
AE lock only (Chỉ khóa AE)	Phơi sáng khóa khi nút được nhấn.
AE lock (Hold) (Khóa AE (Giữ))	Khóa phơi sáng khi nhấn nút và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
AF lock only (Chỉ khóa AF)	Lấy nét được khóa khi nhấn nút.
AF-ON	Nhấn nút để bắt đầu lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhả cửa trập để lấy nét.
None (Không có)	Nhấn nút không có tác dụng gì.



g2: Assign Preview Button (Gán Nút Xem Trước)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn vai trò do nút xem trước độ sâu của trường đảm nhiệm trong khi xem trực tiếp phim. Các tùy chọn sẵn có tương tự như các tùy chọn của **Assign Fn button** (Gán nút Fn) (□ 247), ngoại trừ cài đặt mặc định là **Index marking** (Đánh dấu danh mục).

g3: Assign AE-L/AF-L Button (Gán Nút AE-L/AF-L)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn vai trò do nút ^{AE-L}**AE-L/AF-L** đảm nhiệm trong khi xem trực tiếp phim. Các tùy chọn sẵn có tương tự như các tùy chọn của **Assign Fn button** (Gán nút Fn) (□ 247), ngoại trừ cài đặt mặc định là **AE/AF lock** (Khóa AE/AF).

g4: Assign Shutter Button (Gán Nút Cửa Trập)

Nút MENU →  menu Cài đặt tùy chọn

Chọn vai trò do nút nhả cửa trập đảm nhiệm khi  được chọn với bộ chọn xem trực tiếp.

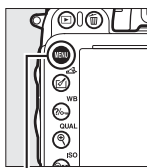
Tùy chọn	Mô tả
 Take photos (Chụp ảnh)	Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để kết thúc quay phim và chụp ảnh với tỉ lệ 16 : 9 (để biết thông tin về cỡ hình ảnh, xem trang 63).
 Record movies (Quay phim)	Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để bắt đầu chế độ xem trực tiếp phim. Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét (chỉ chế độ lấy nét tự động) và nhấn hết cỡ để bắt đầu hoặc kết thúc ghi. Để kết thúc xem trực tiếp phim, nhấn nút  . Có thể dùng nút nhả cửa trập trên dây chụp từ xa tùy chọn (□ 298) để bắt đầu xem trực tiếp phim và để bắt đầu và kết thúc ghi phim; tuy nhiên không thể sử dụng điều khiển từ xa tùy chọn ML-L3 để ghi phim. Trong chế độ điều khiển từ xa () , việc nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng không khởi động chế độ xem trực tiếp phim, trong khi việc nhấn nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa sẽ nhả cửa trập để ghi ảnh và không khởi động hoặc kết thúc việc ghi phim.

Ghi Phim

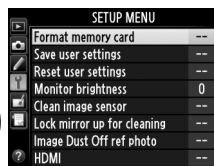
Khi tùy chọn này được chọn, hẹn giờ quãng thời gian (□ 164) không có và không thể sử dụng nút nhả cửa trập trong khi xem trực tiếp phim để ghi ảnh, không thể đo cân bằng trắng cài đặt trước hoặc ghi dữ liệu tham chiếu bụi hình ảnh tắt. Chọn **Take photos** (Chụp ảnh) để sử dụng các tùy chọn này.

Y Menu Cài Đặt: Cài Đặt Máy Ảnh

Để hiển thị menu cài đặt, nhấn **MENU** và chọn tab **Y** (menu cài đặt).



Nút MENU



Menu cài đặt chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	
Format memory card (Định dạng thẻ nhớ)	250
Save user settings (Lưu cài đặt người dùng)	81
Reset user settings (Cài đặt lại cài đặt người dùng)	82
Monitor brightness (Độ sáng màn hình)	250
Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh)	301
Lock mirror up for cleaning (Khóa gương nâng lên để làm sạch) ¹	303
Image Dust Off ref photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi)	251
HDMI	205
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)	252
Time zone and date (Múi giờ và ngày)	253
Language (Ngôn ngữ)	253

Tùy chọn	
Image comment (Chú thích hình ảnh)	253
Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh)	254
Battery info (Thông tin pin)	255
Copyright information (Thông tin bản quyền)	256
Save/load settings (Lưu/Tải cài đặt)	257
GPS	175
Virtual horizon (Đường chân trời ảo)	258
Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU)	172
AF fine-tune (tinh chỉnh lấy nét tự động)	259
Eye-Fi upload (Tải Lên Eye-Fi) ²	260
Firmware version (Phiên bản vi chương trình)	260

1 Không thực hiện được khi pin yếu.

2 Chỉ hiển thị khi gắn thẻ nhớ Eye-Fi tương thích (260).



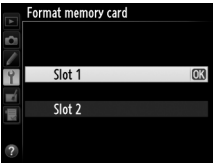
Xem Thêm

Liệt kê menu mặc định ở trên trang 314.

Format Memory Card (Định Dạng Thẻ Nhớ)

Nút MENU →  menu cài đặt

Để bắt đầu định dạng, chọn một khe thẻ nhớ và chọn **Yes** (Có). *Lưu ý rằng việc định dạng sẽ xoá vĩnh viễn tất cả ảnh và các dữ liệu khác trên thẻ trong khe được chọn.* Trước khi định dạng, hãy đảm bảo sao lưu theo yêu cầu.



Khi Định Dạng

Không được tắt máy ảnh hay tháo thẻ nhớ khi đang định dạng.

Định Dạng Hai Nút

Thẻ nhớ cũng có thể được định dạng khi ấn nút  () và  () trong hơn hai giây ( 31).

Monitor Brightness (Độ Sáng Màn Hình)

Nút MENU →  menu cài đặt

Điều chỉnh độ sáng của màn hình cho phát lại, các menu, và hiển thị thông tin.

Tùy chọn	Mô tả
Auto (Tự động)	Khi màn hình bật, độ sáng màn hình được tự động điều chỉnh theo điều kiện ánh sáng môi trường chung quanh. Thận trọng không chạm vào cảm biến độ sáng chung quanh ( 4).
Manual (Bằng tay)	Nhấn  hoặc  để chọn độ sáng màn hình. Chọn giá trị cao hơn để tăng độ sáng, thấp hơn để giảm độ sáng.

Xem Thêm

Để xem trực tiếp thông tin về điều chỉnh độ sáng màn hình, xem trang 53.



Image Dust Off Ref Photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi)

Nút MENU →  menu cài đặt

Thu được dữ liệu tham chiếu cho tùy chọn Ảnh Bỏ Bụi trong Capture NX 2 (có riêng, để biết thêm thông tin, xem hướng dẫn Capture NX 2).

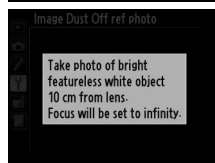
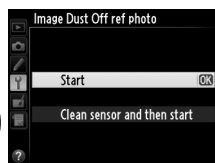
Image Dust Off ref photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi) chỉ có khi thấu kính CPU được gắn trên máy ảnh. Nên dùng thấu kính có tiêu cự ít nhất 50 mm. Khi sử dụng một thấu kính thu phóng, phóng to hết cỡ.

1 Chọn tùy chọn khởi động.

Làm nổi bật một trong các tùy chọn sau và nhấn . Để thoát mà không đòi hỏi dữ liệu bụi hình ảnh tắt, nhấn MENU.



- **Start** (Bắt đầu): Thông báo sẽ hiển thị ở bên phải, "rEF" sẽ xuất hiện trong kính ngắm và các hiển thị bảng điều khiển.
- **Clean sensor and then start** (Vệ sinh cảm biến và sau đó bắt đầu): Chọn mục này để vệ sinh cảm biến hình ảnh trước khi bắt đầu. Thông báo sẽ hiển thị ở bên phải, "rEF" sẽ xuất hiện trong hiển thị kính ngắm và bảng điều khiển khi vệ sinh xong.



2 Tạo khuôn hình một đối tượng màu trắng trong kính ngắm.

Với thấu kính khoảng mười xentimet từ một đối tượng trắng không có đặc điểm, đủ sáng, lấy khuôn hình sao cho đối tượng lấp đầy kính ngắm và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập.

Trong chế độ lấy nét tự động, lấy nét sẽ tự động được cài ở vô tận; trong chế độ lấy nét bằng tay, đặt lấy nét áng vô tận bằng tay.



3 Yêu cầu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi.

Nhấn hết cỡ nút nhà cửa trập để lấy dữ liệu tham chiếu Ảnh Bỏ Bụi. Màn hình sẽ tắt khi nút nhà cửa trập được nhấn. Lưu ý rằng khi đối tượng được chiếu sáng yếu, giảm nhiễu sẽ được thực hiện, làm tăng thời lượng ghi.

Nếu đối tượng tham chiếu quá sáng hoặc quá tối, máy ảnh không lấy được dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt và thông báo sẽ hiển thị ở bên phải. Chọn một đối tượng tham chiếu khác và lặp lại quá trình từ bước 1.



✓ Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Chỉ chọn **Clean sensor and then start** (Vệ sinh cảm biến và sau đó bắt đầu) nếu dữ liệu tham chiếu tắt bụi không được dùng cho các ảnh hiện tại.

✓ Dữ Liệu Tham Chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt

Ảnh chụp bởi các thấu kính khác nhau hay độ mở ống kính khác nhau có thể dùng chung dữ liệu tham chiếu. Không thể xem hình ảnh tham chiếu bằng phần mềm hình ảnh trên máy tính. Mẫu lưới sẽ hiển thị khi hình ảnh tham chiếu được xem trên máy ảnh.



Flicker Reduction (Giảm Nhấp Nháy)

Nút MENU →  menu cài đặt

Giảm nhấp nháy và dài khi chụp dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc thuỷ ngân trong khi xem trực tiếp hoặc quay phim. Chọn **Auto** (Tự động) để cho phép máy ảnh tự động chọn tần số chính xác hoặc làm cho tần số phù hợp với tần số của nguồn điện AC cục bộ bằng tay.

🔍 Giảm Nhấp Nháy

Nếu **Auto** (Tự động) không mang đến kết quả mong muốn và nếu bạn không chắc chắn về tần số của nguồn điện cục bộ, hãy thử cả hai tùy chọn 50 và 60 Hz và chọn một tùy chọn mang lại kết quả tốt nhất. Giảm nhấp nháy có thể không mang lại kết quả như mong muốn nếu đối tượng quá sáng, trong trường hợp bạn chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn).

Time Zone and Date (Múi Giờ và Ngày)

Nút MENU →  menu cài đặt

Thay đổi múi giờ, đặt đồng hồ máy ảnh, chọn thứ tự hiển thị ngày, và bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày (📖 27).

Tùy chọn	Mô tả
Time zone (Múi giờ)	Chọn múi giờ. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động thiết lập thời gian theo múi giờ mới.
Date and time (Ngày và thời gian)	Cài đặt đồng hồ máy ảnh. Nếu không cài đặt đồng hồ máy ảnh, biểu tượng  nhấp nháy sẽ xuất hiện trên bảng hiển thị thông tin.
Date format (Định dạng ngày)	Chọn thứ tự hiển thị ngày, tháng, năm.
Daylight saving time (Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày)	Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động chỉnh sớm hơn hoặc chậm lại một giờ. Cài đặt mặc định là Off (Tắt).

Language (Ngôn Ngữ)

Nút MENU →  menu cài đặt

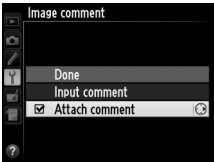
Chọn ngôn ngữ cho menu máy ảnh và các thông báo.

Image Comment (Chú Thích Hình Ảnh)

Nút MENU →  menu cài đặt

Thêm chú thích cho ảnh vừa chụp. Chú thích có thể được xem như siêu dữ liệu trong ViewNX 2 (cung cấp) hoặc Capture NX 2 (có sẵn; 📖 298). Chú thích cũng xem được trên trang dữ liệu chụp trong phần hiển thị thông tin ảnh (📖 182).

- **Done** (Hoàn Tất): Lưu thay đổi và trở về menu cài đặt.
- **Input comment** (Nhập chú thích): Nhập chú thích như mô tả ở trang 135. Phần chú thích có độ dài lên đến 36 ký tự.
- **Attach comment** (Đính kèm chú thích): Chọn mục này để đính kèm chú thích cho tất cả các ảnh tiếp theo. **Attach comment** (Đính kèm nhận xét) có thể được bật hay tắt bằng cách chọn sáng và nhấn ►.



Auto Image Rotation (Tự Động Xoay Hình Ảnh)

Nút MENU → ƒ menu cài đặt

Những bức ảnh chụp khi chọn **On** (Bật) chứa thông tin về hướng máy ảnh, cho phép xoay tự động trong khi phát lại (□ 177) hoặc khi xem trong ViewNX 2 (cung cấp) hay trong Capture NX 2 (tách biệt sẵn; □ 298). Các hướng được lưu:



Hướng phong cảnh (rộng)



Máy ảnh xoay 90° theo chiều kim đồng hồ



Máy ảnh xoay 90° ngược chiều kim đồng hồ

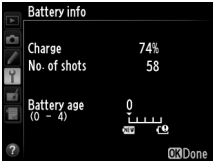
Hướng máy ảnh không được lưu khi chọn **Off** (Tắt). Chọn mục này khi quét hay chụp ảnh với thấu kính hướng lên hay xuống.



Xoay Dọc

Để tự động xoay “dọc” (hướng chân dung) ảnh hoặc hiển thị khi phát lại, chọn **On** (Bật) ở mục **Rotate tall** (Xoay dọc) trong menu phát lại (□ 212).

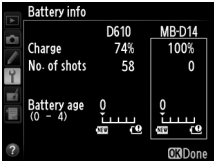
Xem thông tin về pin hiện thời lắp vào máy ảnh.



Mục	Mô tả
Charge (Sạc)	Mức pin hiện tại theo tỷ lệ phần trăm.
No. of shots (Số lần chụp)	Số lần nhả màn trập khi dùng pin hiện thời kể từ lần sạc cuối. Lưu ý rằng đôi khi máy ảnh nhả cửa trập mà không ghi lại hình ảnh, ví dụ khi đo cân bằng trắng cài đặt trước.
Battery age (Tuổi Pin)	Năm mức độ hiển thị tuổi pin. 0 () cho biết hiệu suất pin không bị hư hỏng, 4 () cho biết pin đã hết tuổi thọ sạc và nên thay. Lưu ý nếu pin sạc ở nhiệt độ dưới khoảng 5°C có thể biểu hiện sự suy giảm tạm thời trong tuổi thọ sạc; tuy nhiên tuổi thọ pin sẽ trở về bình thường khi pin sạc trở lại ở nhiệt độ khoảng 20°C hoặc cao hơn.

Gói Pin MB-D14

Gói pin sạc MB-D14 hiển thị ở bên phải. Nếu sử dụng pin AA, mức pin sẽ được biểu thị bởi biểu tượng mức pin; các mục khác sẽ không hiển thị.



Copyright Information (Thông Tin Bản Quyền)

Nút MENU → ȳ menu cài đặt

Thêm thông tin bản quyền cho ảnh vừa chụp. Thông tin bản quyền được hiển thị ở trang dữ liệu chụp trong hiển thị thông tin ảnh (□ 182) và có thể xem ở dạng siêu dữ liệu trong ViewNX 2 (cung cấp) hoặc trong Capture NX 2 (có riêng; □ 298).

- **Done** (Hoàn Tất): Lưu thay đổi và trở về menu cài đặt.
- **Artist** (Nghệ sĩ): Nhập tên nhiếp ảnh gia như mô tả ở trang 135. Độ dài tên nhiếp ảnh gia có thể lên đến 36 ký tự.
- **Copyright** (Bản quyền): Nhập tên người nắm giữ bản quyền như mô tả ở trang 135. Độ dài tên người giữ bản quyền có thể lên đến 54 ký tự.
- **Attach copyright information** (Đính kèm thông tin bản quyền):
Chọn tùy chọn này để đính kèm thông tin bản quyền cho tất cả ảnh tiếp theo. Có thể bật hoặc tắt **Attach copyright information** (Đính kèm thông tin bản quyền) bằng cách làm nổi bật và nhấn ►.



☑ Thông Tin Bản Quyền

Để tránh giả mạo tên tác giả hay người giữ bản quyền, phải đảm bảo là không chọn **Attach copyright information** (Đính kèm thông tin bản quyền) và trường **Artist** (Nghệ sĩ) và **Copyright** (Bản quyền) được để trống trước khi đưa hoặc chuyển máy ảnh cho người khác. Nikon không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất kỳ thiệt hại hay tranh chấp nào từ việc sử dụng tùy chọn **Copyright information** (Thông tin bản quyền).

Save/Load Settings (Lưu/Tải Cài Đặt)

Nút MENU →  menu cài đặt

Chọn **Save settings** (Lưu cài đặt) để lưu cài đặt vào thẻ nhớ ở Khe 1 (📁 96; nếu thẻ nhớ đầy, báo lỗi sẽ xuất hiện). Sử dụng tùy chọn này để chia sẻ cài đặt trong các máy ảnh D610.

Menu	Tùy chọn	Menu	Tùy chọn
Phát lại	Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)	Cài đặt tùy chọn	Tắt cả Cài Đặt Tùy Chọn ngoại trừ Reset custom settings (Đặt lại cài đặt tùy chọn)
	Image review (Xem lại hình ảnh)		Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh)
	After delete (Sau khi xóa)		HDMI
	Rotate tall (Xoay dọc)		Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)
Chụp	File naming (Đặt tên tập tin)	Cài đặt	Time zone and date (Múi giờ và ngày) (trừ ngày và thời gian)
	Role played by card in Slot 2 (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận)		Language (Ngôn ngữ)
	Image quality (Chất lượng hình ảnh)		Image comment (Chú thích hình ảnh)
	Image size (Cỡ hình ảnh)		Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh)
	Image area (Vùng hình ảnh)		Copyright information (Thông tin bản quyền)
	JPEG compression (Nén JPEG)		GPS
	NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW))		Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU)
	White balance (Cân bằng trắng) (với dò tinh chỉnh và cài đặt trước d-1-d-4)		Eye-Fi (Tải lên Eye-Fi)
	Set Picture Control (Đặt Picture Control)	My Menu/ Recent Settings (Menu Của Tôi/Cài Đặt Gần Đây)	Tắt cả mục Menu Của Tôi
	Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự động)		Tất cả cài đặt gần đây
	Color space (Không gian màu)		Choose tab (Chọn thẻ)
	Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)		
	Vignette control (Quản lý tạo họa tiết)		
	Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR)		
	High ISO NR (ISO Cao NR)		
	ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO)		
	Remote control mode (Chế độ điều khiển từ xa)		
	Movie settings (Cài đặt phim)		

Lưu trữ cài đặt sử dụng mẫu máy ảnh này có thể được khôi phục bằng cách chọn **Load settings** (Tải cài đặt). Lưu ý rằng **Save/load settings** (Lưu/tải cài đặt) chỉ thực hiện được khi thẻ nhớ được gắn vào máy ảnh, và tùy chọn **Load settings** (Tải cài đặt) chỉ có sẵn nếu thẻ chứa cài đặt được lưu.



Cài Đặt Đã Lưu

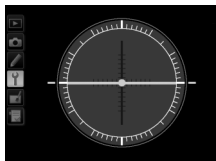
Cài đặt được lưu trong một tập tin có tên NCSETUPC. Máy ảnh sẽ không thể tải cài đặt nếu tên tập tin bị thay đổi.



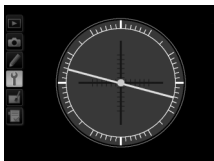
Virtual Horizon (Đường Chân Trời Ảo)

Nút MENU →  menu cài đặt

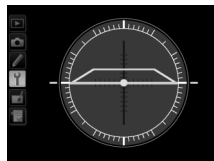
Hiển thị thông tin cuộn và dốc dựa trên thông tin từ cảm biến độ nghiêng máy ảnh. Nếu máy ảnh không nghiêng trái hay nghiêng phải, đường tham chiếu cuộn sẽ chuyển sang màu xanh, trong khi nếu máy ảnh không nghiêng về phía trước và sau, đường tham chiếu dốc sẽ chuyển sang màu xanh và một điểm sẽ xuất hiện ở trung tâm của màn hình hiển thị. Mỗi vạch chia tương đương với 5°.



Máy ảnh cân bằng



Máy ảnh nghiêng sang trái hoặc phải



Máy ảnh nghiêng về phía trước hoặc sau

Nghiêng Máy Ảnh

Hiển thị đường chân trời ảo sẽ không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc sau. Nếu máy ảnh không đo được độ nghiêng, mức nghiêng sẽ không hiển thị.

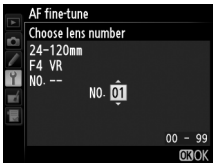
Xem Thêm

Để biết thêm chi tiết về xem chỉ báo cuộn trong kính ngắm, xem Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Assign Fn button** (Gán nút Fn));  242, 243). Để xem trực tiếp thông tin hiển thị đường chân trời ảo, xem trang 55 và 62.

AF Fine-tune (Tinh Chỉnh Lấy Nét Tự Động)

Nút MENU → menu cài đặt

Dò tinh chỉnh lấy nét cho tới 12 loại thấu kính. Trong hầu hết các trường hợp, không nên dò tinh chỉnh lấy nét tự động, có thể cản trở lấy nét bình thường; chỉ dùng khi cần.

Tùy chọn	Mô tả
AF fine-tune (On/Off) (Tinh chỉnh lấy nét tự động (Bật/Tắt))	- On (Bật): Bật điều chỉnh lấy nét tự động. - Off (Tắt): Tắt điều chỉnh lấy nét tự động.
Saved value (Giá trị đã lưu)	Điều chỉnh lấy nét tự động (AF) cho các thấu kính hiện thời (chỉ thấu kính CPU). Nhấn hoặc để chọn giá trị giữa +20 và -20. Có thể lưu trữ các giá trị lên đến 12 loại thấu kính. Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính. <i>Di chuyển tiêu điểm ra xa máy ảnh.</i> <i>Giá trị hiện tại</i>  <i>Di chuyển tiêu điểm cụ thể đến trước máy ảnh.</i> <i>Giá trị trước</i>
Default (Mặc Định)	Chọn giá trị điều chỉnh AF khi không tồn tại giá trị đã lưu trước đó cho các thấu kính (chỉ thấu kính CPU).
List saved values (Danh sách các giá trị đã lưu)	Danh sách giá trị tinh chỉnh AF đã lưu trước đó. Để xóa một thấu kính trong danh sách, làm nổi bật thấu kính mong muốn và nhấn . Để thay đổi bộ nhận diện thấu kính (ví dụ: để chọn bộ nhận diện có hai số cuối giống số sê-ri của thấu kính để phân biệt nó với các thấu kính khác cùng loại, trong trường hợp Saved value (Giá trị đã lưu) chỉ có thể sử dụng cho một thấu kính mỗi loại), làm nổi bật thấu kính cần chọn và nhấn . Menu sẽ xuất hiện bên phải; nhấn hoặc để chọn bộ nhận diện và nhấn để lưu thay đổi và thoát. 

Điều Chỉnh Lấy Nét Tự Động

Máy ảnh không thể lấy nét ở điểm cực gần hoặc ở vô tận khi áp dụng điều chỉnh tự động lấy nét.

Xem Trực Tiếp

Điều chỉnh không thực hiện được cho lấy nét tự động khi xem trực tiếp (53).

Giá Trị Đã Lưu

Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính. Nếu dùng một bộ chuyển từ xa, các giá trị tách biệt có thể được lưu cho mỗi kết hợp của thấu kính và bộ chuyển từ xa.



Eye-Fi Upload (Tải Lên Eye-Fi)

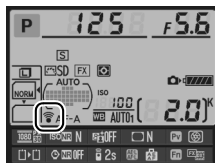
Nút MENU → Ƴ menu cài đặt

Tùy chọn này chỉ được hiển thị khi một thẻ nhớ Eye-Fi (có riêng từ các nhà cung cấp thứ ba) được gắn vào máy ảnh. Chọn **Enable** (Cho phép) để tải ảnh lên từ vùng được chọn trước. Lưu ý rằng ảnh sẽ không được tải lên nếu cường độ tín hiệu không đủ.

Kiểm tra tất cả các thiết bị không dây và chọn **Disable** (Vô hiệu) nơi mà các thiết bị không dây bị cấm.

Khi gắn một thẻ Eye-Fi vào, tình trạng của nó được chỉ định bởi một biểu tượng trên màn hình hiển thị:

- 📶: Vô hiệu tải lên Eye-Fi.
- 📶: Cho phép tải lên Eye-Fi nhưng hình ảnh không có sẵn để tải.
- 📶 (tĩnh): Cho phép tải lên Eye-Fi, chờ đợi để bắt đầu tải.
- 📶 (náo nhiệt): Cho phép tải lên Eye-Fi, đang tải dữ liệu.
- 📶: Lỗi — máy ảnh không thể kiểm soát thẻ Eye-Fi. Nếu **Lỗi** đ nháy xuất hiện trên bảng điều khiển hoặc kính ngắm, tham khảo trang 324; nếu chỉ báo này không xuất hiện, có thể chụp ảnh bình thường nhưng không thể thay đổi cài đặt Eye-Fi.



☑ Thẻ Eye-Fi

Thẻ Eye-Fi có thể phát ra tín hiệu mạng không dây khi chọn **Disable** (Vô hiệu). Nếu màn hình xuất hiện cảnh báo (📶 324), tắt máy ảnh và tháo thẻ ra.

Xem hướng dẫn kèm theo thẻ Eye-Fi, và nếu có bất kỳ thắc mắc nào vui lòng liên hệ trực tiếp nhà sản xuất. Có thể dùng máy ảnh để bật tắt thẻ Eye-Fi, nhưng có thể không hỗ trợ các chức năng Eye-Fi khác.

Một số thẻ có thể không sẵn có tại một số quốc gia hay khu vực; tham khảo ý kiến nhà sản xuất để biết thêm thông tin. Thẻ Eye-Fi được sử dụng chỉ tại quốc gia mua. Hãy đảm bảo là vi chương trình thẻ Eye-Fi được cập nhật phiên bản mới nhất.

🔍 Sử Dụng Thẻ Eye-Fi ở Chế độ Ngang Hàng

Có thể cần thêm thời gian khi sử dụng thẻ Eye-Fi để hỗ trợ chế độ ngang hàng. Đặt Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer** (Hẹn giờ chờ), 📶 227) tới 30 giây hoặc lâu hơn.

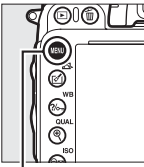
Firmware Version (Phiên Bản Vi Chương Trình)

Nút MENU → Ƴ menu cài đặt

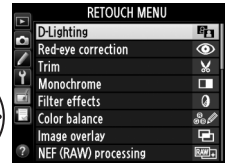
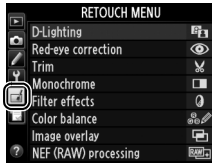
Xem phiên bản vi chương trình máy ảnh hiện hành.

Menu Sửa Lại: Tạo Bản Sao Sửa Lại

Để hiển thị menu sửa lại, nhấn **MENU** và chọn tab  (menu sửa lại).



Nút MENU



Các tùy chọn trong menu sửa lại dùng để tạo các bản sao đã được xén hoặc chỉnh sửa của ảnh hiện tại. Menu sửa lại chỉ hiển thị khi thẻ nhớ chứa các bức ảnh được đưa vào máy ảnh (lưu ý rằng nếu thẻ nhớ đang lưu trữ cả các bản sao RAW/NEF và JPEG của cùng các bức ảnh như được mô tả trong trang 93, sửa lại ngoài **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh) và **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) chỉ áp dụng cho các bản sao JPEG).

Tùy chọn	
 D-Lighting	264
 Red-eye correction (Điều chỉnh mắt đỏ)	264
 Trim (Xén)	265
 Monochrome (Đơn sắc)	266
 Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	267
 Color balance (Cân bằng màu)	268
 Image overlay (Lớp phủ hình ảnh) ¹	269
 NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW))	271
 Resize (Thay đổi kích cỡ)	272
 Quick retouch (Sửa đổi nhanh)	273

Tùy chọn	
 Straighten (Nắn thẳng)	274
 Distortion control (Điều khiển biến dạng)	274
 Fisheye (Mắt cá)	274
 Color outline (Phác màu chính)	275
 Color sketch (Phác họa màu)	275
 Perspective control (Điều chỉnh phối cảnh)	275
 Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hơn)	276
 Selective color (Màu chọn lọc)	277
 Edit movie (Chỉnh sửa phim)	69
 Side-by-side comparison (So sánh cạnh nhau) ²	279

- Chỉ có thể chọn bằng cách nhấn **MENU** và chọn tab .
- Chỉ dùng được nếu nhấn  hoặc  (F2) trong mục phát lại khuôn hình đầy khi hiển thị hình ảnh sửa lại.

Chỉnh Sửa Bản Sao

Hầu hết các tùy chọn có thể được áp dụng cho các bản sao tạo ra nhờ sử dụng các tùy chọn sửa lại khác, mặc dù ngoại trừ **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh) và **Edit movie** (Chỉnh sửa phim) > **Choose start/end point** (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc) mỗi tùy chọn chỉ có thể áp dụng cho một lựa chọn (lưu ý rằng chỉnh sửa nhiều có thể gây ra mất các chi tiết). Các tùy chọn không thể áp dụng cho vùng hình ảnh hiện tại sẽ bị mờ và không dùng được.

Chất Lượng Hình Ảnh

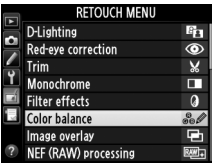
Ngoại trừ trường hợp bản sao được tạo bởi **Trim** (Xén), **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh), **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)), và **Resize** (Thay đổi kích cỡ), bản sao tạo ra từ hình JPEG có cùng cỡ và chất lượng với bản gốc, trong khi bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW) được lưu như ảnh chất lượng tốt JPEG. Nên ưu tiên kích thước được dùng khi bản sao được lưu ở định dạng JPEG.

Tạo Bản Sao Sửa Lại

Để tạo một bản sao chỉnh sửa:

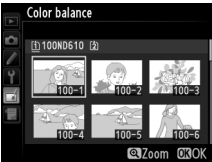
1 Chọn một mục trong menu sửa lại.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một mục và nhấn ► để chọn.



2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật hình ảnh và nhấn ⓧ (để xem hình ảnh nổi bật toàn màn hình, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)**; để xem hình ảnh ở các vị trí khác như đã đề cập ở trang 178, giữ **BKT** và nhấn ▲).

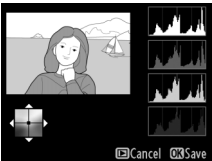


Sửa Lại

Máy ảnh không thể hiển thị hay chỉnh sửa ảnh tạo bởi thiết bị khác.

3 Chọn tùy chọn chỉnh sửa.

Để biết thêm thông tin, xem phần dành cho mục được chọn. Để thoát mà không cần tạo bản sao chỉnh sửa, nhấn **MENU**.



Monitor off Delay (Độ Trễ Tắt Màn Hình)

Màn hình sẽ tắt và hoạt động sẽ bị hủy bỏ nếu không thực hiện hành động nào trong một thời gian ngắn. Bất kỳ thay đổi nào chưa được lưu sẽ bị mất. Để tăng thời gian màn hình hoạt động, chọn menu thời gian hiển thị màn hình lâu hơn với Tùy Chọn Cài Đặt c4 (**Monitor off delay** (Độ trễ tắt màn hình); □ 228).

4 Tạo bản sao chỉnh sửa.

Nhấn ⓧ để tạo bản sao chỉnh sửa. Bản sao chỉnh sửa được chỉ định bởi biểu tượng



Tạo Bản Sao Chỉnh Sửa Khi Phát Lại

Các bản sao chỉnh sửa cũng có thể được tạo ra trong quá trình phát lại.



Hiển thị khuôn hình ảnh đầy đủ
và nhấn **OK** hoặc **✓** (**↵**).



Làm nổi bật một tùy chọn và
nhấn **OK**.



Tạo bản sao sửa lại.

D-Lighting

Nút MENU → menu sửa lại

D-Lighting chiếu sáng bóng đổ, lý tưởng cho ảnh tối hoặc thiếu ánh sáng.

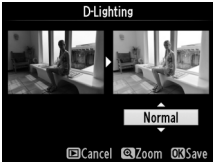


Trước



Sau

Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn phần chỉnh sửa được hiển thị. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn OK để sao chép ảnh.



Red-Eye Correction (Điều Chỉnh Mắt Đỏ)

Nút MENU → menu sửa lại

Tùy chọn này để sửa “mắt đỏ” do đèn nháy gây ra, và chỉ dùng được cho ảnh chụp sử dụng đèn nháy. Bức ảnh được chọn để khắc phục mắt đỏ có thể được xem trước trên màn hình hiển thị sửa lại. Xác nhận hiệu ứng của điều chỉnh mắt đỏ và tạo bản sao như mô tả ở bảng bên dưới. Lưu ý rằng điều chỉnh mắt đỏ không phải lúc nào cũng cho kết quả như mong muốn và trong một số trường hợp hiếm hoi có thể được áp dụng cho một số phần của ảnh không bị ảnh hưởng bởi mắt đỏ; kiểm tra phần xem trước thật kỹ trước khi tiếp tục.

Để	Sử dụng	Mô tả
Phóng to	(QUAL)	Nhấn nút để phóng to, (ISO) để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn hình. Giữ nhấn đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng hiển thị khi nhấn nút thu phóng hoặc đa bộ chọn; vùng nhìn thấy hiện tại trên màn hình được chỉ định trong khung màu vàng. Nhấn OK để huỷ thu phóng.
Thu nhỏ	(ISO)	
Xem các vùng khác của ảnh		
Huỷ thu phóng		
Tạo bản sao		Nếu máy ảnh phát hiện ảnh được chọn bị mắt đỏ, một bản sao sẽ được tạo ra để tiến hành giảm hiệu ứng này. Bản sao sẽ không được tạo ra nếu máy ảnh không thể phát hiện màu mắt đỏ.



Tạo bản sao đã xén của ảnh được chọn. Ảnh được chọn sẽ hiển thị với phần xén biểu hiện dưới màu vàng; tạo một bản sao đã xén như mô tả ở bảng bên dưới.



Để	Sử dụng	Mô tả
Giảm kích cỡ của phần cắt	 (ISO)	Nhấn nút  (ISO) để giảm kích cỡ phần xén.
Tăng kích cỡ của phần xén	 (QUAL)	Nhấn nút  (QUAL) để tăng kích cỡ phần xén.
Thay đổi tỉ lệ cạnh xén		Xoay đĩa lệnh chính để chuyển đổi tỷ lệ khuôn hình giữa 3 : 2, 4 : 3, 5 : 4, 1 : 1 và 16 : 9.
Định vị xén		Sử dụng đa bộ chọn vị trí phần xén. Bấm và giữ để di chuyển nhanh phần xén đến vị trí mong muốn.
Tạo bản sao		Lưu kết quả thành một tập tin riêng biệt.

 Xén: Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Bản sao được tạo ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc (RAW)+JPEG có chất lượng hình ảnh (93) của JPEG; bản sao được cắt tạo ra từ ảnh JPEG có chất lượng hình ảnh giống như ảnh gốc. Kích cỡ bản sao khác với kích cỡ cắt và tỉ lệ cạnh và xuất hiện ở phía trên trái phần hiển thị cắt.



 Xem Bản Sao Đã Cắt

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi hiển thị bản sao đã cắt.



Monochrome (Đơn Sắc)

Nút MENU →  menu sửa lại

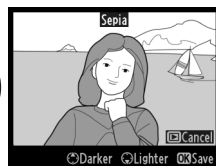
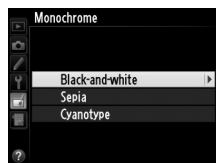
Bản sao ảnh có màu **Black-and-white** (Đen và trắng), **Sepia** (Nâu đỏ), hoặc **Cyanotype** (Xanh tím) (xanh trời và trắng đơn sắc).

Việc chọn **Sepia** (Nâu đỏ) hay **Cyanotype** (Xanh tím) sẽ hiển thị xem trước của ảnh được chọn; nhấn ▲ để tăng độ bão hoà màu, ▼ để giảm. Nhấn  để tạo ra một bản sao đơn sắc.

Tăng độ
bão hoà



Giảm độ
bão hoà



Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc)

Nút MENU → menu sửa lại

Chọn từ các hiệu ứng bộ lọc sau. Sau khi điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc như mô tả bên dưới, nhấn để sao chép ảnh.

Tùy chọn	Mô tả	
Skylight (Ánh sáng trời)	Tạo hiệu ứng lọc ánh sáng trời, giảm bớt màu xanh cho ảnh. Hiệu ứng có thể được xem trước trên màn hình như bên phải.	
Warm filter (Bộ lọc ấm)	Tạo một bản sao hiệu ứng bộ lọc tông màu ấm, tạo cho bản sao màu đỏ "ấm". Hiệu ứng có thể xem trước trên màn hình.	
Red intensifier (Tăng cường màu đỏ)	Tăng cường màu đỏ (Red intensifier (Tăng cường màu đỏ)), màu xanh (Green intensifier (Tăng cường màu xanh)), hay màu xanh trời (Blue intensifier (Tăng cường màu xanh trời)). Nhấn ▲ để tăng hiệu ứng, ▼ để giảm.	
Green intensifier (Tăng cường màu xanh)		
Blue intensifier (Tăng cường màu xanh trời)		
Cross screen (Màn hình chéo)	Thêm các hiệu ứng ngôi sao cho nguồn sáng. • Number of points (Số lượng điểm): Chọn từ bốn, sáu, hoặc tám. • Filter amount (Bộ lọc số lượng): Chọn độ sáng của nguồn ánh sáng bị ảnh hưởng. • Filter angle (Góc bộ lọc): Chọn góc của điểm. • Length of points (Độ dài điểm): Chọn độ dài điểm. • Confirm (Xác nhận): Xem trước hiệu ứng của bộ lọc như thể hiện ở bên phải. Nhấn (QUAL) để xem trước bản sao khuôn hình đầy. • Save (Lưu): Tạo bản sao chỉnh sửa.	
Soft (Mềm)	Thêm hiệu ứng bộ lọc mềm. Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn cường độ bộ lọc.	



Color Balance (Cân Bằng Màu)

Nút MENU →  menu sửa lại

Sử dụng đa bộ chọn để tạo ra một bản sao có cân bằng màu được điều chỉnh như minh họa bên dưới. Hiệu ứng này được hiển thị trên màn hình cùng với biểu đồ màu đỏ, xanh lá cây và màu xanh trời ( 181) tạo nên sự phân bố tông màu trên bản sao.

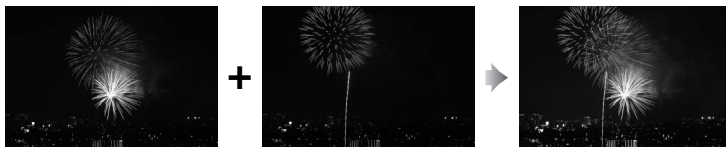


Thu Phóng

Để phóng to hình ảnh hiển thị trên màn hình, nhấn  (**QUAL**). Biểu đồ sẽ cập nhật để hiển thị dữ liệu chỉ cho phần ảnh hiển thị trên màn hình. Trong khi phóng to hình ảnh, nhấn  (**WB**) để hoán đổi lui tới giữa cân bằng màu và thu phóng. Khi chọn thu phóng, bạn có thể phóng to và thu nhỏ với  (**QUAL**) và  (**ISO**) và cuộn hình với đa bộ chọn.

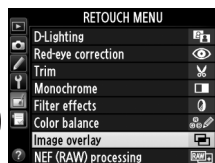


Chồng lớp hình ảnh kết hợp hai ảnh NEF (RAW) tồn tại để tạo thành một ảnh được lưu riêng biệt với bản gốc; kết quả sử dụng dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh tốt hơn đáng kể so với lớp phủ tạo ra từ một ứng dụng tạo ảnh. Ảnh mới được lưu ở cài đặt chất lượng và cỡ ảnh hiện thời; trước khi tạo lớp phủ hãy cài đặt chất lượng và cỡ ảnh (□ 93, 95; tất cả tùy chọn đều dùng được). Để tạo một bản sao NEF (RAW), chọn chất lượng hình ảnh **NEF (RAW)**.



1 Chọn Image overlay (Lớp phủ hình ảnh).

Làm nổi bật **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh) trong menu sửa lại và nhấn ►.



Hộp thoại như bên phải sẽ xuất hiện, với **Image 1** (Ảnh 1) được làm nổi bật; nhấn **OK** để hiển thị danh sách ảnh NEF tạo ra bởi máy ảnh này.



2 Chọn hình ảnh đầu tiên.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh đầu tiên trong lớp phủ. Để xem hình ảnh được chọn trong khuôn hình đầy, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)** (để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 178, giữ **BKT** và nhấn **▲**). Nhấn **OK** để chọn ảnh được làm nổi bật và trở về hiển thị xem trước.

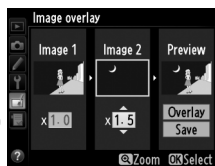


3 Chọn hình ảnh thứ hai.

Hình được chọn sẽ xuất hiện là **Image 1** (Ảnh 1). Làm nổi bật **Image 2** (Ảnh 2) và nhấn **OK**, sau đó chọn ảnh thứ hai như mô tả ở Bước 2.

4 Điều chỉnh tăng.

Làm nổi bật **Image 1** (Ảnh 1) hay **Image 2** (Ảnh 2) và tối ưu phơi sáng cho lớp phủ bằng cách nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn tăng từ giá trị 0,1 và 2,0. Lặp lại cho hình ảnh thứ hai. Giá trị mặc định là 1,0; chọn 0,5 đến chia đôi hoặc 2,0 để tăng gấp đôi. Xem được các hiệu ứng trong cột **Preview** (Xem trước).



5 Xem trước lớp phủ.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để đặt con trỏ trong cột **Preview** (Xem trước) và nhấn ▲ hoặc ▼ để đánh dấu **Overlay** (Lớp phủ). Nhấn OK để xem trước lớp phủ như bên phải (để lưu lớp phủ mà không cần hiển thị xem trước, chọn **Save** (Lưu)). Để trở về Bước 4 và chọn hình ảnh mới hoặc tăng điều chỉnh, nhấn ISO.



6 Lưu lớp phủ.

Nhấn OK trong khi xem trước được hiển thị để lưu lớp phủ. Sau khi lớp phủ được tạo ra, ảnh kết quả sẽ được hiển thị khuôn hình đầy trên màn hình.



✓ Lớp phủ Hình Ảnh

Chỉ có các bức ảnh NEF (RAW) có cùng vùng hình ảnh và độ sâu bit mới có thể kết hợp được.

Lớp phủ có cùng thông tin ảnh (bao gồm ngày ghi, đo sáng, tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, chế độ chụp, bù phơi sáng, tiêu cự và hướng ảnh) cũng như các giá trị cho cân bằng trắng và Picture Control như ảnh được chọn cho **Image 1** (Ảnh 1). Các chú thích hình ảnh hiện tại gắn với lớp phủ khi nó được lưu; tất nhiên không sao chép được thông tin bản quyền. Các lớp phủ lưu ở định dạng NEF (RAW) sử dụng nén được chọn cho **Type** (Loại) trong menu **NEF (RAW) recording** (Ghi NEF (RAW)) và có cùng độ sâu bit với bản gốc; lớp phủ JPEG được lưu sử dụng nén ưu tiên kích cỡ.

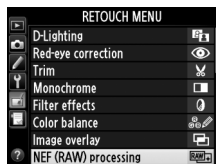
NEF (RAW) Processing (Xử Lý NEF (RAW))

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo các bản sao JPEG của ảnh NEF (RAW).

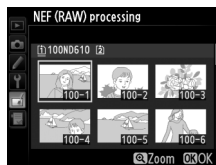
1 Chọn NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW)).

Làm nổi bật **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại và nhấn để hiển thị hội thoại chọn ảnh chỉ liệt kê những ảnh NEF (RAW) được chụp từ máy ảnh này.



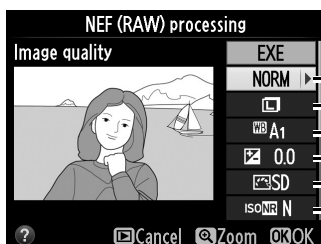
2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật một bức ảnh (để xem ảnh được chọn trong khuôn hình đầy, nhấn và giữ nút (**QUAL**); để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 178, giữ **BKT** và nhấn). Nhấn để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.

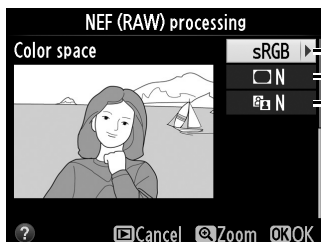


3 Chọn cài đặt cho bản sao JPEG.

Điều chỉnh các cài đặt được liệt kê bên dưới. Lưu ý rằng cân bằng trắng và điều chỉnh tạo họa tiết không dùng được với đa phơi sáng hay ảnh được tạo ra bằng lớp phủ hình ảnh và bù phơi sáng chỉ có thể cài đặt đến giá trị giữa -2 và +2 EV. Lưới Picture Control không được hiển thị khi các Picture Control được điều chỉnh.



- Image quality (Chất lượng hình ảnh) (93)
- Image size (Cỡ hình ảnh) (95)
- WB A1 — White balance (Cân bằng trắng) (115)
- 0.0 — Exposure compensation (Bù phơi sáng) (112)
- SD — Set Picture Control (Đặt Picture Control) (129)
- High ISO NR (ISO Cao NR) (218)



- sRGB — Color space (Không gian màu) (217)
- N — Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) (218)
- N — D-Lighting (264)



4 Sao chép ảnh.

Làm nổi bật **EXE** và nhấn **OK** để tạo bản sao JPEG của ảnh được chọn (để thoát mà không cần sao chép ảnh, nhấn nút **MENU**).



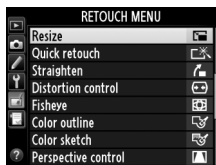
Resize (Thay Đổi Kích Cỡ)

Nút **MENU** → menu sửa lại

Tạo bản sao nhỏ của ảnh được chọn.

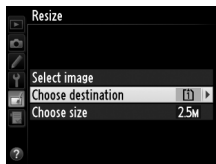
1 Chọn **Resize** (Thay đổi kích cỡ).

Để thay đổi cỡ ảnh được chọn, nhấn **MENU** để hiển thị menu và chọn **Resize** (Thay đổi kích cỡ) trong menu sửa lại.



2 Chọn đích đến.

Nếu gắn hai thẻ nhớ vào, bạn có thể chọn đích đến cho bản sao được thay đổi kích cỡ bằng cách làm nổi bật **Choose destination** (Chọn đích đến) và nhấn **▶** (nếu chỉ gắn một thẻ, tiếp tục sang Bước 3).



Menu như bên phải sẽ xuất hiện; làm nổi bật một khe cắm thẻ và nhấn **OK**.



3 Chọn kích cỡ.

Làm nổi bật **Choose size** (Chọn kích cỡ) và nhấn **▶**.

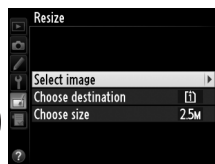


Các tùy chọn được hiển thị ở bên phải sẽ xuất hiện, làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.



4 Chọn ảnh.

Làm nổi bật **Select image** (Chọn hình ảnh) và nhấn ►.



Hộp thoại như bên phải sẽ xuất hiện; làm nổi bật hình ảnh sử dụng đa bộ chọn và nhấn nút **ISO** để chọn hoặc bỏ chọn (để xem toàn màn hình hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút **QUAL**; để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 178, giữ **BKT** và nhấn ▲).

Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng . Nhấn **OK** khi chọn xong.



5 Lưu bản sao đổi kích cỡ.

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn **OK** để lưu bản sao thay đổi kích cỡ.



Xem Bản Sao Đã Đổi Kích Cỡ

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi thay đổi kích cỡ bản sao đang hiển thị.

Chất Lượng Hình Ảnh

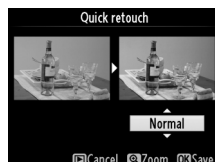
Bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG có chất lượng hình ảnh (100%) JPEG nét; bản sao tạo ra từ ảnh JPEG có chất lượng giống bản gốc.

Quick Retouch (Sửa Đổi Nhanh)

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo bản sao với độ bão hòa và độ tương phản tăng. D-Lighting được sử dụng để tăng độ sáng vật thể tối hoặc thiếu ánh sáng.

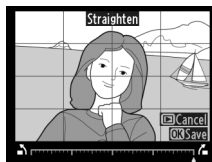
Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn mức tăng. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn **OK** để sao chép ảnh.



Straighten (Nắn Thẳng)

Nút MENU → menu sửa lại

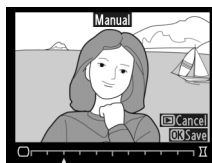
Tạo bản sao nắn thẳng của ảnh được chọn. Nhấn ► để xoay hình theo chiều kim đồng hồ lên đến năm độ với gia số khoảng 0,25 độ, nhấn ◀ để xoay ngược chiều kim đồng hồ (có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa; lưu ý là viền ảnh sẽ bị cắt để tạo khung bản sao). Nhấn OK để sao chép ảnh, hoặc nhấn ► để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng)

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo bản sao với sự biến dạng ngoại biên giảm. Chọn **Auto** (Tự động) để máy ảnh tự động chỉnh sửa biến dạng và sau đó điều chỉnh sử dụng đa bộ chọn, hoặc chọn **Manual** (Bằng tay) để giảm biến dạng bằng tay (lưu ý rằng **Auto** (Tự động) không dùng được với ảnh chụp sử dụng điều khiển biến dạng tự động; xem trang 217). Nhấn ► để giảm hiện tượng cong đường biên hình, nhấn ◀ để giảm biến dạng đậm chốt (có thể xem trước hiệu ứng trên màn hình hiển thị sửa lại; lưu ý rằng số lượng điều khiển biến dạng lớn hơn dẫn đến việc nổi lên nhiều mép hơn). Nhấn OK để sao chép ảnh, hoặc nhấn ► để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao. Lưu ý rằng điều khiển biến dạng có thể xén hoặc làm biến dạng nặng nề bản sao tạo ra từ bức ảnh được chụp với ống kính DX tại vùng hình ảnh thiết lập tại **FX (36x24) 1.0x**.



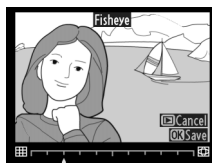
Auto (Tự động)

Auto (Tự động) chỉ dùng cho ảnh chụp bằng thấu kính loại G, E và D (không bao gồm PC, mắt cá, các loại thấu kính khác). Không đảm bảo kết quả cho các loại thấu kính khác.

Fisheye (Mắt Cá)

Nút MENU → menu sửa lại

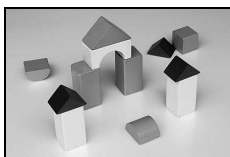
Tạo các bản sao đã được chụp bởi thấu kính mắt cá. Nhấn ► để tăng hiệu ứng (còn để tăng lượng viền ảnh bị xén), nhấn ◀ để giảm. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn OK để sao chép ảnh, hoặc nhấn ► để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



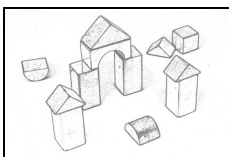
Color Outline (Phác Màu Chính)

Nút MENU →  menu sửa lại

Tạo một bản sao phác thảo của một bức ảnh để làm cơ sở cho việc sơn màu. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn  để sao chép ảnh.



Trước



Sau



Color Sketch (Phác Họa Màu)

Nút MENU →  menu sửa lại

Tạo một bản sao của một bức ảnh tương tự như một bản thảo bằng bút chì màu. Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật **Vividness** (Độ sắc sỡ) hoặc **Outlines** (Viền) và nhấn ◀ hoặc ▶ để thay đổi. Có thể tăng độ sắc sỡ để màu bão hoà hơn, hoặc giảm độ sắc sỡ để tạo hiệu ứng làm mờ hoặc hiệu ứng đơn sắc, trong khi viền có thể làm dày hơn hoặc mỏng đi. Đường nét dày hơn làm cho màu sắc bão hòa hơn. Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn  để sao chép ảnh, hoặc nhấn  để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



Perspective Control (Điều Chỉnh Phối Cảnh)

Nút MENU →  menu sửa lại

Tạo bản sao làm giảm hiệu ứng của phối cảnh tạo ra từ nền của một đối tượng cao. Sử dụng đa bộ chọn để điều chỉnh phối cảnh (lưu ý rằng điều khiển phối cảnh càng nhiều sẽ dẫn đến nhiều đường viền bị cắt ra). Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn  để sao chép ảnh, hoặc nhấn  để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



Trước



Sau



Miniature Effect (Hiệu Ứng Cỡ Tí Hon)

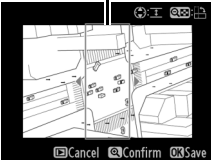
Nút MENU →  menu sửa lại

Tạo một bản sao thành một bức tranh tấm sâu. Chụp tốt nhất tại một điểm cao thuận lợi. Vùng sẽ được lấy nét trên bản sao được thể hiện bằng khuôn hình màu vàng.

Để	Nhấn	Mô tả
Chọn hướng	 (ISO)	Nhấn  (ISO) để chọn hướng vùng được lấy nét.
Chọn vị trí		Nếu vùng ảnh hưởng theo chiều rộng, nhấn ▲ hoặc ▼ để định vị khuôn hình thể hiện khu vực lấy nét của bản sao.
		Nếu vùng tác động có hướng dọc, nhấn ◀ hoặc ▶ để định vị khuôn hình thể hiện vùng lấy nét của bản sao.
Chọn kích thước		Nếu vùng tác động có hướng rộng, nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn chiều cao.
		Nếu vùng tác động có hướng dọc, nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn chiều rộng.
Xem trước bản sao	 (QUAL)	Xem trước bản sao.
Hủy		Thoát khỏi phát lại khuôn hình đầy mà không tạo bản sao.
Tạo bản sao		Tạo bản sao.



Vùng lấy nét



Tạo bản sau trong đó chỉ xuất hiện màu sắc được chọn.

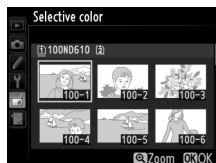
1 Chọn Selective color (Màu chọn lọc).

Làm nổi bật **Selective color** (Màu chọn lọc) trong menu sửa lại và nhấn để hiển thị hội thoại lựa chọn ảnh.



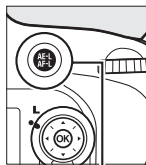
2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật một bức ảnh (để xem ảnh được chọn trong khuôn hình đầy, nhấn và giữ nút (**QUAL**); để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 178, giữ **BKT** và nhấn). Nhấn để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.



3 Chọn một màu.

Sử dụng bộ đa chọn để định vị con trỏ trên đối tượng và nhấn **AE-L/AF-L** để chọn màu sắc của vật thể mà vẫn còn lại trong bản sao cuối cùng (máy ảnh có thể khó dò tìm màu sắc không bão hòa; chọn màu bão hòa). Để phóng to bức ảnh nhằm chọn màu chính xác, nhấn (**QUAL**). Nhấn (**ISO**) để thu nhỏ.



Nút **AE-L/AF-L**

Màu được chọn



4 Làm nổi bật phạm vi màu.

Xoay đĩa lệnh chính để làm nổi bật phạm vi màu cho màu được chọn.



Phạm vi màu



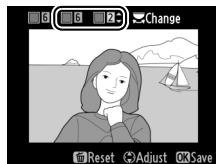
5 Chọn phạm vi màu.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để tăng hoặc giảm phạm vi màu sắc tương tự sẽ xuất hiện trong bức ảnh hay phim cuối cùng. Chọn từ các giá trị từ 1 đến 7; lưu ý rằng giá trị cao hơn có thể bao gồm màu sắc từ các màu khác. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa.



6 Chọn thêm màu.

Để chọn màu bổ sung, xoay đĩa lệnh chính để làm nổi bật một hộp màu khác trong ba hộp ở trên cùng màn hình hiển thị và lặp lại các Bước 3-5 để chọn màu khác. Lặp lại đối với màu thứ ba nếu muốn. Để bỏ màu sắc nổi bật, nhấn (NORMAL), hoặc nhấn và giữ để xóa bỏ tất cả màu sắc.



7 Lưu bản sao đã chỉnh sửa.

Nhấn để sao chép ảnh.



Side-by-side Comparison (So Sánh Cạnh Nhau)

So sánh bản sao sửa lại với ảnh gốc. Tùy chọn này chỉ dùng được nếu nhấn nút  hoặc  () để hiển thị menu sửa lại khi phát lại khuôn hình đầy một bản sao hoặc ảnh gốc.

1 Chọn ảnh.

Trong phát lại khuôn hình đầy, chọn một bản sao sửa lại (hiển thị bởi biểu tượng ) hoặc một bức ảnh đã được sửa lại và nhấn  hoặc  ()



2 Chọn Side-by-side comparison (So sánh cạnh nhau).

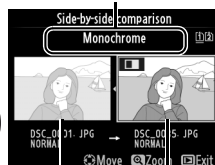
Làm nổi bật **Side-by-side comparison** (So sánh cạnh nhau) và nhấn .



3 So sánh bản sao với bản gốc.

Hình ảnh nguồn được hiển thị ở bên trái, bản sao chỉnh sửa ở bên phải, các tùy chọn dùng để tạo bản sao được liệt kê ở trên cùng của hiển thị. Nhấn  hoặc  để chuyển đổi giữa hình ảnh nguồn và bản sao sửa lại. Để xem toàn khuôn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút  (**QUAL**). Nếu bản sao được tạo từ hai ảnh nguồn dùng **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh), hoặc nếu nguồn được sao chép nhiều lần, nhấn  hoặc  để xem ảnh nguồn hoặc bản sao khác. Để thoát chế độ phát lại, nhấn nút , hoặc nhấn  để thoát phát lại với hình ảnh được làm nổi bật đã lựa chọn.

Sử dụng tùy chọn này để tạo bản sao



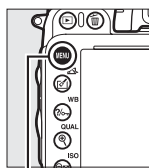
Hình ảnh nguồn Bản sao sửa lại

So Sánh Cạnh Nhau

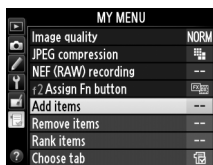
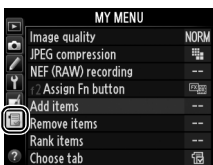
Hình ảnh nguồn sẽ không được hiển thị nếu bản sao đã được tạo ra từ một bức ảnh đã được bảo vệ ( 188), ảnh trong thẻ nhớ bị khóa, ảnh bị xóa hoặc ẩn ( 208), hoặc là ảnh nằm ở thẻ trong một khe khác với khe được sử dụng khi hình ảnh được tạo.

My Menu (Menu Của Tôi)/ **Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)**

Để hiển thị Menu Của Tôi, nhấn **MENU** và chọn tab  (Menu Của Tôi).



Nút MENU



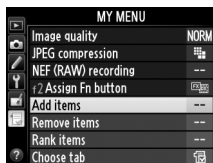
Tùy chọn **My Menu** (Menu Của Tôi) có thể được sử dụng để tạo và chỉnh sửa danh sách các tùy chọn đã sửa đổi về phát lại, chụp, Cài Đặt Tùy Chọn, các menu cài đặt và sửa lại để truy cập nhanh (lên tới 20 mục). Nếu muốn, cài đặt hiện thời có thể hiển thị tại vị trí Menu Của Tôi (□ 283).

Tùy chọn có thể được thêm vào, xóa, và sắp xếp lại như mô tả dưới đây.

Thêm Tùy Chọn vào Menu Của Tôi

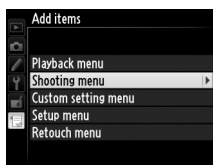
1 Chọn **Add items** (Thêm các mục).

Trong Menu Của Tôi () , làm nổi bật **Add items** (Thêm các mục) và nhấn ►.



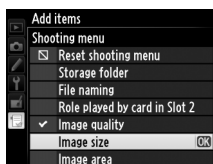
2 Chọn một menu.

Làm nổi bật tên của menu chứa các tùy chọn mà bạn muốn thêm và nhấn ►.



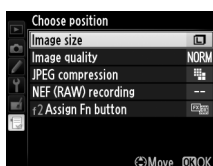
3 Chọn một mục.

Làm nổi bật mục menu mong muốn và nhấn **OK**.



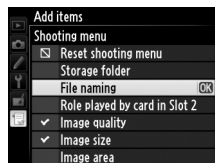
4 Định vị mục mới.

Nhấn **▲** hoặc **▼** để di chuyển mục mới lên xuống trong Menu Của Tôi. Nhấn **OK** để thêm mục mới.



5 Thêm các mục.

Các mục hiện đang hiển thị trong Menu Của Tôi được chỉ định bởi một dấu chọn. Không thể lựa chọn các mục được chỉ định bởi biểu tượng . Lặp lại bước 1–4 để chọn các mục bổ sung.



■ Xóa Các Tùy Chọn khỏi Menu Của Tôi

1 Chọn Remove items (Gỡ mục).

Trong Menu Của Tôi () , làm nổi bật **Remove items** (Gỡ mục) và nhấn .

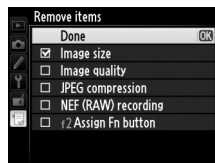
2 Chọn mục.

Làm nổi bật các mục và nhấn  để chọn hoặc bỏ chọn. Mục đã chọn được chỉ định bởi một dấu kiểm.



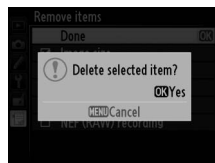
3 Chọn Done (Xong).

Làm nổi bật **Done** (Xong) và nhấn . Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện.



4 Xóa các mục đã chọn.

Nhấn  để xóa mục đã chọn.



Xóa Mục trong Menu Của Tôi

Để xóa mục được làm nổi bật gần đây trong Menu Của Tôi, nhấn nút  (). Một hội thoại xác nhận xuất hiện; nhấn  () lại để di chuyển mục đã chọn trong Menu Của Tôi.



■ ■ Sắp Xếp Lại Tùy Chọn trong Menu Của Tôi

1 Chọn Rank items (Xếp hạng mục).

Trong Menu Của Tôi (☰), làm nổi bật **Rank items** (Xếp hạng mục) và nhấn ►.

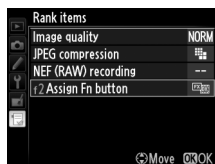
2 Chọn một mục.

Làm nổi bật mục muốn di chuyển và nhấn OK.



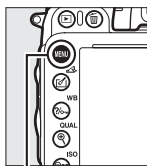
3 Định vị mục.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để di chuyển mục lên xuống trong Menu Của Tôi và nhấn OK. Lặp lại các bước 2-3 để định lại vị trí cho các mục bổ sung.

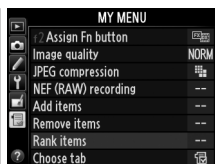


4 Thoát sang Menu Của Tôi.

Nhấn nút MENU để trở về Menu Của Tôi.



Nút MENU



Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)

Để hiển thị hai mươi cài đặt sử dụng gần nhất, chọn  **Recent settings** (Cài đặt gần đây) cho  **My Menu** (Menu Của Tôi) > **Choose tab** (Chọn tab).

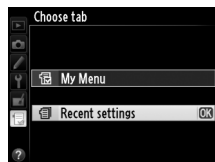
1 Chọn Choose tab (Chọn tab).

Trong Menu Của Tôi () , làm nổi bật **Choose tab** (Chọn tab) và nhấn .



2 Chọn **Recent settings** (Cài đặt gần đây).

Làm nổi bật  **Recent settings** (Cài đặt gần đây) và nhấn . Tên của menu sẽ thay đổi từ “MENU CỦA TÔI” đến “CÀI ĐẶT GẦN ĐÂY”.



Các mục menu sẽ được thêm vào trên cùng của cài đặt gần đây khi chúng được sử dụng. Để xem lại Menu Của Tôi, chọn  **My Menu** (Menu Của Tôi) cho  **Recent settings** (Cài đặt gần đây) > **Choose tab** (Chọn tab).

Gỡ Mục khỏi Menu Cài Đặt Gần Đây

Để gỡ một mục khỏi menu cài đặt gần đây, làm nổi bật nó và nhấn nút  (). Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện; nhấn  lại để xóa mục đã chọn.







Chú Ý Kỹ Thuật

Đọc chương này để có thêm thông tin về phụ kiện tương thích, vệ sinh và lưu giữ máy ảnh, và những điều cần thực hiện khi một thông báo lỗi được hiển thị hoặc bạn gặp vấn đề trong việc sử dụng máy ảnh.

Các Thấu Kính Tương Thích

Cài đặt của máy ảnh		Chế độ lấy nét			Chế độ chụp		Hệ thống đo sáng		
		AF	M (với máy ngắm điện tử)	M	P S	A M	☒		☒
							3D	Màu	
Thấu kính/phụ kiện									
Thấu kính CPU ¹	Loại AF NIKKOR G, E hoặc D ² AF-S, AF-I NIKKOR	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓ ³
	Dòng PC-E NIKKOR	—	✓ ⁵	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	✓ ^{3,5}
	PC Micro 85mm f/2.8D ⁴	—	✓ ⁵	✓	—	✓ ⁶	✓	—	✓ ^{3,5}
	Bộ chuyển từ xa AF-S / AF-I ⁷	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓ ³
	AF NIKKOR khác (ngoại trừ các loại thấu kính cho F3AF)	✓ ⁸	✓ ⁸	✓	✓	✓	—	✓	✓ ³
	AI-P NIKKOR	—	✓ ⁹	✓	✓	✓	—	✓	✓ ³
Thấu kính không CPU ¹⁰	NIKKOR hoặc Nikon thuộc Dòng E kiểu AI, AI đã được sửa đổi ¹¹	—	✓ ⁹	✓	—	✓ ¹²	—	✓ ¹³	✓ ¹⁴
	Medical-NIKKOR 120mm f/4	—	✓	✓	—	✓ ¹⁵	—	—	—
	Reflex-NIKKOR	—	—	✓	—	✓ ¹²	—	—	✓ ¹⁴
	PC-NIKKOR	—	✓ ⁵	✓	—	✓ ¹⁶	—	—	✓
	Bộ chuyển từ xa kiểu AI ¹⁷	—	✓ ¹⁸	✓	—	✓ ¹²	—	✓ ¹³	✓ ¹⁴
	Phần Gắn Hộp Xếp Lấy Nét PB-6 ¹⁹	—	✓ ¹⁸	✓	—	✓ ²⁰	—	—	✓
	Các vòng mở rộng tự động (Dòng PK 11A, 12 hoặc 13; PN-11)	—	✓ ¹⁸	✓	—	✓ ¹²	—	—	✓

1 Không thể sử dụng thấu kính IX-NIKKOR.

2 Chức năng Chống Rung (VR) được hỗ trợ với các thấu kính VR.

3 Chức năng đo sáng điểm sẽ đo điểm lấy nét đã chọn (☐ 109).

4 Các hệ thống đo phơi sáng và điều khiển đèn nháy của máy ảnh có thể không hoạt động đúng khi giữ và/hoặc nghiêng thấu kính, hoặc khi sử dụng độ mở ống kính không ở mức cực đại.

5 Không thể được sử dụng trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.

6 Chỉ chế độ chụp bằng tay.

7 Chỉ sử dụng được với thấu kính AF-S và AF-I (☐ 287). Để biết thông tin về điểm lấy nét dùng cho lấy nét tự động và máy ngắm điện tử, xem trang 287.

8 Khi lấy nét ở khoảng cách lấy nét tối thiểu với AF 80–200mm f/2.8, AF 35–70mm f/2.8, AF 28–85mm f/3.5–4.5 <Mới>, hoặc thấu kính ở thu phóng cực đại AF 28–85mm f/3.5–4.5, chỉ báo đã được lấy nét xuất hiện khi hình ảnh trong màn hình đặt trên kính ngắm không được lấy nét. Điều chỉnh lấy nét bằng tay cho đến khi hình ảnh trên kính ngắm được lấy nét.

9 Với độ mở ống kính cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.

10 Một số thấu kính không dùng được (xem trang 288).



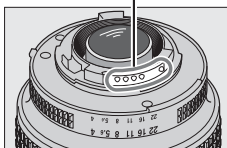
- 11 Phạm vi xoay của bộ phận gắn giá ba chân của AI 80–200mm f/2.8 ED được giới hạn bởi thân máy ảnh. Không thể thay đổi các bộ lọc khi AI 200–400mm f/4 ED được gắn trên máy ảnh.
 - 12 Nếu độ mở ống kính tối đa được xác định bằng cách sử dụng **Non-CPU lens data** (Dữ liệu của thấu kính không CPU) (□ 172), giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển.
 - 13 Chỉ có thể được dùng nếu tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại được xác định bằng cách sử dụng **Non-CPU lens data** (Dữ liệu của thấu kính không CPU) (□ 172). Sử dụng chức năng đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm nếu không đạt được kết quả mong muốn.
 - 14 Để cải thiện độ chính xác, xác định tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại bằng cách sử dụng **Non-CPU lens data** (Dữ liệu của thấu kính không CPU) (□ 172).
 - 15 Có thể được dùng trong chế độ bằng tay **M** với tốc độ của trập chậm hơn tốc độ đồng bộ đèn nháy một bước hoặc nhiều hơn.
 - 16 Độ phơi sáng được xác định bằng cách cài đặt trước độ mở thấu kính. Trong chế độ **A**, cài đặt trước độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính trước khi thực hiện khóa AE và dịch chuyển thấu kính. Trong chế độ **M**, cài đặt trước độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính và xác định độ phơi sáng trước khi dịch chuyển thấu kính.
 - 17 Cần chức năng bù phơi sáng khi sử dụng với AI 28–85mm f/3.5–4.5, AI 35–105mm f/3.5–4.5, AI 35–135mm f/3.5–4.5, hoặc AF-S 80–200mm f/2.8D. Xem tài liệu hướng dẫn bộ chuyển từ xa để biết thêm chi tiết.
 - 18 Với độ mở ống kính hiệu quả cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.
 - 19 Yêu cầu vòng mở rộng tự động PK-12 hoặc PK-13. Yêu cầu PB- 6D tùy thuộc vào định hướng máy ảnh.
 - 20 Sử dụng độ mở ống kính cài đặt trước. Trong chế độ **A**, cài đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng bộ phận lấy nét gần ngoài trước khi xác định độ phơi sáng và chụp ảnh.
- PF-4 Reprocopy Outfit yêu cầu giá giữ máy ảnh PA-4.
 - Nhiều ở dạng đường thẳng có thể xuất hiện trong quá trình lấy nét tự động ở độ nhạy ISO cao. Sử dụng chức năng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét.



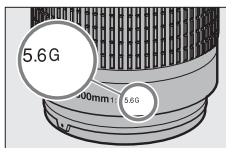
Nhận Diện Thấu Kính CPU và Loại G, E và D

Các thấu kính CPU (cụ thể là các loại G, E và D) được khuyến dùng, nhưng lưu ý là không được dùng các thấu kính IX-NIKKOR. Các thấu kính CPU có thể được nhận biết qua sự hiện diện của các tiếp xúc CPU, các thấu kính loại G, E và D qua chữ cái trên đường biên của thấu kính. Loại thấu kính G và E không được trang bị với vòng mở ống kính.

Tiếp xúc CPU

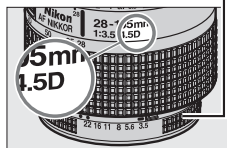


Thấu kính CPU



Thấu kính loại G/E

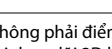
Vòng độ mở ống kính



Thấu kính loại D

Bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I

Bảng dưới cho biết các điểm lấy nét có thể được sử dụng cho lấy nét tự động và máy ngắ m điện từ khi lắp bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I. Lưu ý rằng máy ảnh có thể không lấy nét được đối tượng tối hoặc có độ tương phản thấp nếu độ mở ống kính kết hợp thấp hơn f/5.6. Lấy nét tự động không có khi bộ chuyển từ xa được sử dụng với AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED.

Phụ kiện	Độ mở ống kính tối đa của thấu kính	Điểm lấy nét	Phụ kiện	Độ mở ống kính tối đa của thấu kính	Điểm lấy nét
TC-14E, TC-14E II	f/4 hoặc nhanh hơn		TC-20E, TC-20E II, TC-20E III	f/2.8 hoặc nhanh hơn	
	f/5.6	 ¹		f/4	 ¹
TC-17E II	f/2.8 hoặc nhanh hơn			f/5.6	 ³
	f/4	 ²	TC-800-1.25E ED	f/5.6	 ²
	f/5.6	 ³			

- 1 Dữ liệu lấy nét cho các điểm lấy nét không phải điểm lấy nét trung tâm được thu từ các cảm biến đường thẳng.
- 2 Lấy nét tự động đơn được sử dụng khi theo dõi 3D hoặc AF vùng tự động được chọn cho chế độ vùng AF (□ 99).
- 3 Không có lấy nét tự động.





Thấu kính số f

Số f trong tên thấu kính là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.



Các Thấu Kính Không CPU Tương Thích

Khi sử dụng các thấu kính không CPU và phụ kiện, xoay đĩa lệnh chế độ đến **A** hoặc **M** và đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính. Trong các chế độ khác, chức năng nhả cửa trập bị vô hiệu hóa. **Non-CPU lens data** (Dữ liệu thấu kính không CPU) (□ 172) có thể được sử dụng để kích hoạt rất nhiều chức năng có sẵn trong các thấu kính CPU, bao gồm chức năng đo sáng ma trận màu; nếu không được cung cấp dữ liệu, chức năng đo sáng cân bằng trung tâm sẽ được sử dụng thay cho chức năng đo sáng ma trận màu, trong khi đó nếu không được cung cấp độ mở ống kính cực đại, màn hình hiển thị độ mở ống kính máy ảnh sẽ đưa ra số lượng các điểm dừng từ độ mở ống kính cực đại và giá trị độ mở ống kính thực tế phải được đọc từ vòng mở thấu kính.



Các Phụ Kiện và Thấu Kính Không CPU Không Tương Thích

Phụ kiện sau KHÔNG được dùng với D610:

- Bộ chuyển từ xa TC-16AS AF
- Các thấu kính không AI
- Các thấu kính yêu cầu bộ lấy nét AU -1 (400mm f/4.5, 600mm f/5.6, 800mm f/8, 1200mm f/11)
- Mắt cá (6mm f/5.6, 7.5mm f/5.6, 8mm f/8, OP 10mm f/5.6)
- 2,1cm f/4
- Vòng Mở Rộng K2
- 180-600mm f/8 ED (các số sê-ri 174041-174180)
- 360-1200mm f/11 ED (các số sê-ri 174031-174127)
- 200-600mm f/9.5 (các số sê-ri 280001-300490)
- Các thấu kính AF cho F3AF (AF 80mm f/2.8, AF 200mm f/3.5 ED, Bộ Chuyển Từ Xa AF TC-16)
- PC 28mm f/4 (số sê-ri 180900 hoặc đời trước nữa)
- PC 35mm f/2.8 (các số sê-ri 851001-906200)
- PC 35mm f/3.5 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/6.3 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/11 (các số sê-ri 142361-143000)
- Reflex 2000mm f/11 (các số sê-ri 200111-200310)



Đèn Nháy Gắn Sẵn

Đèn nháy gắn sẵn có thể được dùng với các thấu kính CPU có tiêu cự 24mm (16mm ở định dạng DX) đến 300mm, mặc dù trong một số trường hợp đèn nháy có thể không có khả năng chiếu sáng toàn bộ đối tượng trong một số phạm vi hoặc tiêu cự bởi các phần bóng tạo ra bởi thấu kính, trong khi đó các thấu kính chặn tầm nhìn đối tượng của đèn giảm mắt đỏ có thể gây cản trở cho chức năng giảm mắt đỏ. Gỡ nắp thấu kính để tránh các phần bóng. Đèn nháy sử dụng ở phạm vi tối thiểu là 0,6 m và không thể được sử dụng ở phạm vi vĩ mô của thấu kính thu phóng chụp cận cảnh. Đèn nháy có thể không có khả năng chiếu sáng toàn bộ đối tượng với các thấu kính sau khi ở trong phạm vi nhỏ hơn phạm vi được nêu phía dưới:

Thấu kính		Vị trí thu phóng	Khoảng cách tối thiểu không dùng chức năng tạo họa tiết
DX	AF-S DX NIKKOR 10-24mm f/3.5-4.5G ED	18-24 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	AF-S DX Zoom-Nikkor 12-24mm f/4G IF-ED	18 mm	1,0 m
		20-24 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết



Thấu kính		Vị trí thu phóng	Khoảng cách tối thiểu không dùng chức năng tạo họa tiết
DX	AF-S DX Zoom-Nikkor 17–55mm f/2.8G IF-ED	20 mm	2,0 m
		24–55 mm	1,0 m
	AF-S DX NIKKOR 18–200mm f/3.5–5.6G ED VR II	18 mm	1,0 m
	AF-S DX VR Zoom-Nikkor 18–200mm f/3.5–5.6G IF-ED	24–200 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	AF-S DX NIKKOR 18–300mm f/3.5–5.6G ED VR	28 mm	1,0 m
FX		50–300 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	AF-S NIKKOR 16–35mm f/4G ED VR	35 mm	1,5 m
		28 mm	1,5 m
	AF-S Zoom-Nikkor 17–35mm f/2.8D IF-ED	35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
		24 mm	1,0 m
	AF Zoom-Nikkor 18–35mm f/3.5–4.5D IF-ED	28–35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
		28 mm	1,5 m
	AF-S NIKKOR 18–35mm f/3.5–4.5G ED	35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
		24 mm	1,5 m
	AF Zoom-Nikkor 20–35mm f/2.8D IF	28 mm	1,0 m
		35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	AF-S NIKKOR 24mm f/1.4G ED	24 mm	1,0 m
		35 mm	1,5 m
	AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8G ED	50–70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
		24 mm	1,0 m
	AF-S VR Zoom-Nikkor 24–120mm f/3.5–5.6G IF-ED	35–120 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
		24 mm	2,0 m
	AF-S NIKKOR 24–120mm f/4G ED VR	28 mm	1,0 m
		50–120 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	AF-S Zoom-Nikkor 28–70mm f/2.8D IF-ED	28 mm	1,0 m
		50–70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
		28 mm	1,5 m
	AF-S NIKKOR 28–300mm f/3.5–5.6G ED VR	35 mm	1,0 m
		50–300 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	PC-E NIKKOR 24mm f/3.5D ED *	24 mm	1,5 m

* Khi không trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.

Khi được sử dụng với AF-S NIKKOR 14–24mm f/2.8G ED, đèn nháy sẽ không có khả năng chiếu sáng toàn bộ đối tượng trong mọi phạm vi.

Đèn nháy gắn sẵn cũng có thể dùng với NIKKOR, Nikon Dòng E kiểu AI-S, AI, AI đã được sửa đổi và thấu kính không CPU với tiêu cự 24–300 mm. Các thấu kính AI 50–300mm f/4.5, AI 50–300mm f/4.5 đã được sửa đổi, AI-S 50–300mm f/4.5 ED và AI 50–300mm f/4.5 ED phải được sử dụng ở vị trí thu phóng 70 mm hoặc hơn. Với các thấu kính AI-S và AI 25–50mm f/4 ED, các phạm vi cao hơn mà tạo họa tiết không xuất hiện là: 2,0 m ở vị trí thu phóng 25 mm và 1,0 m ở vị trí thu phóng 28 mm; tạo họa tiết sẽ không xảy ra ở vị trí thu phóng 35 mm hoặc cao hơn.



Chiếu Sáng Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động

Chiếu sáng trợ giúp AF không sẵn có với các thấu kính sau đây:

- AF-S NIKKOR 200mm f/2G ED VR II
- AF-S NIKKOR 200–400mm f/4G ED VR II
- AF-S VR Zoom-Nikkor 200–400mm f/4G IF-ED
- AF-S NIKKOR 300mm f/2.8G ED VR II

Ở các khoảng dưới 0,7 m, các thấu kính sau đây có thể chặn đèn chiếu trợ giúp AF và cản trở việc lấy nét tự động khi ánh sáng yếu:

- AF-S NIKKOR 16–35mm f/4G ED VR
- AF-S Zoom-Nikkor 17–35mm f/2.8D IF-ED
- AF-S DX Zoom-Nikkor 17–55mm f/2.8G IF-ED
- AF-S DX VR Zoom-Nikkor 18–200mm f/3.5–5.6G IF-ED
- AF-S NIKKOR 24–85mm f/3.5–4.5G ED VR
- AF Zoom-Nikkor 24–85mm f/2.8–4D IF
- AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED
- AF Zoom Micro Nikkor ED 70–180mm f/4.5–5.6D
- AF-S NIKKOR 28–300mm f/3.5–5.6G ED VR
- AF-S NIKKOR 35mm f/1.4G
- AF Zoom Nikkor 24–120mm f/3.5–5.6D (IF)
- AF-S NIKKOR 24–120mm f/4G ED VR

Ở các khoảng dưới 1,0 m, các thấu kính sau đây có thể chặn đèn chiếu trợ giúp AF và cản trở việc lấy nét tự động khi ánh sáng yếu:

- AF-S DX NIKKOR 18–200mm f/3.5–5.6G ED VR II
- AF-S Zoom-Nikkor 28–70mm f/2.8D IF-ED
- AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8G ED
- AF Micro-Nikkor 200mm f/4D IF-ED
- AF-S VR Zoom-Nikkor 24–120mm f/3.5–5.6G IF-ED

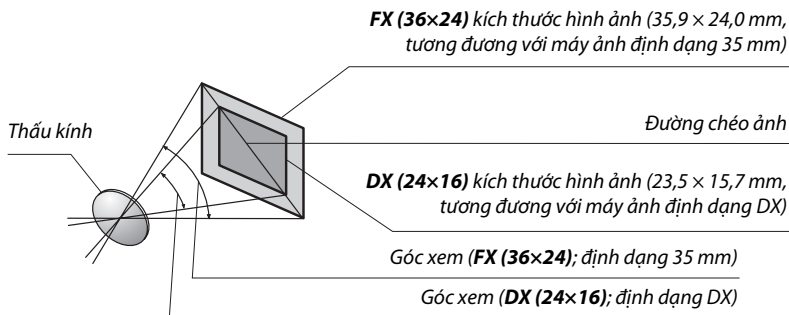
Ở các khoảng dưới 1,5 m, các thấu kính sau đây có thể chặn đèn chiếu trợ giúp AF và cản trở việc lấy nét tự động khi ánh sáng yếu:

- AF-S NIKKOR 14–24mm f/2.8G ED
- AF-S NIKKOR 70–200mm f/2.8G ED VR II
- AF-S DX NIKKOR 18–300mm f/3.5–5.6G ED VR
- AF Zoom-Nikkor 80–200mm f/2.8D ED
- AF-S DX NIKKOR 55–300mm f/4.5–5.6G ED VR
- AF-S Zoom-Nikkor 80–200mm f/2.8D IF-ED
- AF-S VR Zoom-Nikkor 70–200mm f/2.8G IF-ED

Tính Toán Góc Xem

D610 có thể được sử dụng với các thấu kính Nikon cho loại máy ảnh định dạng 35 mm (135). Nếu **Auto DX crop** (Xén DX tự động) bật ( 90) và kèm theo thấu kính định dạng 35 mm, góc xem sẽ giống như khuôn hình phim 35mm (35,9 × 24,0 mm); nếu kèm theo thấu kính DX, góc xem sẽ tự động điều chỉnh đến 23,5 × 15,7 mm (định dạng DX).

Nếu kèm theo thấu kính định dạng 35 mm, góc xem có thể giảm xuống 1,5 × bằng cách tắt **Auto DX crop** (Xén DX tự động) và chọn **DX (24×16)**.



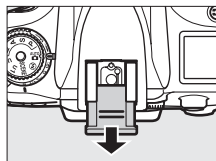
Góc xem **DX (24×16)** nhỏ hơn khoảng 1,5 lần so với góc xem định dạng 35 mm. Để tính toán tiêu cự của thấu kính ở định dạng 35 mm khi chọn **DX (24×16)**, tăng tiêu cự thấu kính lên 1,5 lần (ví dụ: tiêu cự hiệu quả của thấu kính 50 mm trong định dạng 35 mm sẽ là 75 mm khi chọn **DX (24×16)**).



Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn (Đèn Chớp)

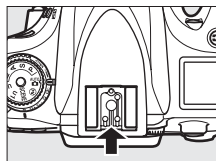
Máy ảnh hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS) và có thể được sử dụng với các bộ đèn nháy tương thích với CLS. Các bộ đèn nháy tùy chọn có thể được gắn trực tiếp vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như mô tả phía dưới. Ngàm gắn phụ kiện được trang bị khóa an toàn cho các bộ đèn nháy bằng chốt khóa.

1 Gỡ nắp ngàm gắn phụ kiện.



2 Gắn bộ đèn nháy vào ngàm gắn phụ kiện.

Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm chi tiết. Đèn nháy gắn sẵn sẽ không nháy sáng khi một bộ đèn nháy tùy chọn được gắn vào.



Khớp Nối Đầu Cuối Đồng Bộ AS-15

Khi khớp nối đầu cuối đồng bộ AS-15 (có sẵn tách rời) được gắn vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh, các phụ kiện đèn nháy có thể được kết nối thông qua một bộ phận đồng bộ đầu cuối.

Chỉ Sử Dụng Các Phụ Kiện Đèn Nháy Nikon

Chỉ sử dụng các bộ đèn nháy Nikon. Việc sử dụng điện áp âm hoặc điện áp trên 250 V cho ngàm gắn phụ kiện không những có thể làm gián đoạn việc hoạt động bình thường, mà còn làm tổn hại dòng điện đồng bộ của máy ảnh hoặc đèn nháy. Trước khi sử dụng một bộ đèn nháy Nikon không được nêu danh sách trong mục này, hãy liên hệ với một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để biết thêm thông tin.

Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)

Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo (CLS) nâng cao của Nikon có giao tiếp đã được cải tiến giữa máy ảnh và những bộ đèn nháy tương thích giúp cải thiện chức năng nhiếp ảnh đèn nháy. Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm chi tiết.

■ Các Bộ Đèn Nháy Tương Thích Với CLS

Máy ảnh có thể được sử dụng với những bộ đèn nháy tương thích với CLS sau:

- SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-400, SB-300, và SB-R200:

Bộ đèn nháy		SB-910 ¹	SB-900 ¹	SB-800	SB-700 ¹	SB-600	SB-400 ²	SB-300 ²	SB-R200 ³
Chức năng									
Hướng Dẫn	ISO 100	34	34	38	28	30	21	18	10
Số ⁴	ISO 200	48	48	53	39	42	30	25	14

- 1 Nếu một bộ lọc màu được gắn vào SB-910, SB-900 hoặc SB-700 khi AUTO hoặc  (đèn nháy) được chọn cho độ cân bằng trắng, máy ảnh sẽ tự động dò tìm bộ lọc và điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp.
- 2 Không có điều khiển đèn nháy không dây.
- 3 Được điều khiển từ xa với đèn nháy gắn sẵn trong chế độ bộ điều khiển hoặc sử dụng bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800, hay SB-700 hoặc bộ điều khiển đèn chớp không dây SU-800.
- 4 m, 20 °C, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, và SB-600 tại vị trí đầu thu phóng 35 mm; SB-910, SB-900, và SB-700 với độ chiếu sáng tiêu chuẩn.

- **Bộ Điều Khiển Đèn Chớp Không Dây SU-800:** Khi được gắn vào máy ảnh tương thích với CLS, SU-800 có thể được sử dụng như một bộ điều khiển từ xa cho các bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 hoặc SB-R200 trong tối đa ba nhóm. Bản thân SU-800 không được trang bị đèn nháy.



Số Hướng Dẫn

Để tính toán phạm vi của đèn nháy hoạt động hết công suất, chia Số Hướng Dẫn cho độ mở ống kính. Ví dụ, nếu bộ đèn nháy có Số hướng dẫn 34 m (ISO 100, 20 °C); phạm vi của nó ở độ mở ống kính f/5.6 là $34 \div 5.6$ hoặc khoảng 6,1 m. Với mỗi mức tăng gấp đôi độ nhạy ISO, nhân số hướng dẫn với căn bậc hai của hai (xấp xỉ 1,4).



Các chức năng sau có sẵn với các bộ đèn nháy tương thích với CLS:

		Bộ đèn nháy					Đèn Không Dây Năng Cao					
		SB-910 SB-900	SB-800	SB-700	SB-600	SB-400 SB-300	Chính/bộ điều khiển			Từ xa		
							SB-910 SB-900	SB-800	SU-800 ¹	SB-910 SB-900	SB-700	SB-R200
Chế độ đèn nháy/chức năng												
i-TTL	Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số	✓ ²	✓ ³	✓ ²	✓ ³	✓ ³	✓	✓	✓	✓	✓	✓
AA	Độ mở ống kính tự động	✓ ⁴	—	—	—	—	✓ ⁵	—	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—
A	Tự động không TTL	✓ ⁴	—	—	—	—	✓ ⁵	—	—	✓ ⁵	—	—
GN	Ưu tiên khoảng cách bằng tay	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—
M	Bằng tay	✓	✓	✓	✓ ⁶	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
RPT	Đèn nháy lặp lại	✓	—	—	—	—	✓	—	✓	✓	✓	—
Đồng Bộ Tốc Độ Cao Tự Động ⁷		✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Khóa FV		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Trợ giúp lấy nét tự động cho lấy nét tự động đa vùng ⁸		✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	✓	—	—	—
Giao Tiếp Thông Tin Đèn Nháy Màu		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—
REAR	Đồng bộ màn phía sau	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
👁	Giảm mắt đỏ	✓	✓	✓	✓ ⁹	✓	✓	✓	—	—	—	—
Thu phóng thông minh		✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	—	—	—	—

- 1 Chỉ có sẵn khi SU-800 được sử dụng để điều khiển các bộ đèn nháy khác. Bản thân SU-800 không được trang bị đèn nháy.
- 2 Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với chức năng đo sáng điểm hoặc khi được chọn với bộ đèn nháy.
- 3 Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với chức năng đo sáng điểm.
- 4 Được chọn với bộ đèn nháy.
- 5 Độ mở ống kính tự động (AA) được sử dụng không phụ thuộc vào chế độ được chọn với bộ đèn nháy.
- 6 Có thể được chọn với máy ảnh.
- 7 Chọn **1/250 s (Auto FP)** (1/250 giây (FP Tự Động)) hoặc **1/200 s (Auto FP)** (1/200 giây (FP tự động)) cho Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed** (Tốc độ đồng bộ đèn nháy), □ 234).
- 8 Cần thấu kính CPU.
- 9 Không có với SB-300.



Độ Mở Ống Kính Tự Động/Tự Động Không TTL

Trừ trường hợp tiêu cự và độ mở ống kính tối đa được xác định bằng cách sử dụng tùy chọn **Non-CPU lens data** (Dữ liệu của thấu kính không CPU) trong menu cài đặt, việc chọn chế độ độ mở ống kính tự động (AA) khi đang gắn một thấu kính không CPU sẽ tự động kích hoạt chế độ tự động không TTL (A).

■ Các Bộ Phận Đèn Nháy Khác

Những bộ phận đèn nháy có thể được dùng trong các chế độ tự động không TTL và bằng tay.

Bộ đèn nháy	SB-80DX, SB-28DX, SB-28, SB-26, SB-25, SB-24	SB-50DX ¹	SB-30, SB-27 ² , SB-225, SB-22, SB-20, SB-16B, SB-15	SB-23, SB-29 ³ , SB-21B ³ , SB-295 ³
Chế độ đèn nháy				
A Tự động không TTL	✓	—	✓	—
M Bằng tay	✓	✓	✓	✓
Đèn nháy lặp lại	✓	—	—	—
REAR Đồng bộ màn phía sau ⁴	✓	✓	✓	✓

- 1 Chọn chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**, hạ đèn nháy gần sẵn, và chỉ sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn.
- 2 Chế độ đèn nháy được tự động cài đặt thành TTL và chức năng nhả cửa trập bị vô hiệu hóa. Cài đặt bộ đèn nháy thành **A** (đèn nháy tự động không TTL).
- 3 Chức năng lấy nét tự động chỉ có sẵn với các thấu kính AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED và AF-S Micro NIKKOR 60mm f/2.8G ED.
- 4 Có sẵn khi máy ảnh được sử dụng để chọn chế độ đèn nháy.

	Đèn nháy đồng bộ	FP tự động (📖 234)
Chế Độ Điều Khiển Đèn Nháy		
Màn hình hiển thị thông tin đưa ra chế độ điều khiển đèn nháy cho các bộ đèn nháy tùy chọn được gắn vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như sau:		
i-TTL		
Độ mở ống kính tự động (AA)		
Đèn nháy tự động không TTL (A)		
Ưu tiên khoảng cách bằng tay (GN)		
Bằng tay		
Đèn nháy lặp lại		—
Đèn không dây năng cao		



Lưu Ý Về Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Tham khảo tài liệu hướng dẫn Đèn chớp để có hướng dẫn cụ thể. Nếu bộ đèn nháy hỗ trợ CLS, tham khảo mục về máy ảnh SLR kỹ thuật số tương thích với CLS. D610 không được nêu trong danh mục “SLR kỹ thuật số” trong các tài liệu hướng dẫn của SB-80DX, SB-28DX và SB-50DX.

Nếu một bộ đèn nháy tùy chọn gắn trong các chế độ chụp khác với , đèn nháy sẽ nháy sáng trong tất cả các lần chụp, ngay cả trong các chế độ mà đèn nháy gắn sẵn không thể được sử dụng. Lưu ý rằng các bộ đèn nháy tùy chọn có thể được sử dụng trực tiếp trên phím ( 57) hoặc khi HDR được kích hoạt ( 139).

Chức năng điều khiển đèn nháy i-TTL có thể được sử dụng với độ nhạy ISO ở mức giữa 100 và 6400. Ở giá trị cao hơn 6400, có thể không đạt được kết quả mong muốn trong một số phạm vi hoặc cài đặt độ mở ống kính. Nếu chỉ báo đèn nháy sẵn sàng nháy trong khoảng ba giây sau khi bức ảnh được chụp, thì đèn nháy đã nháy sáng ở công suất cao nhất và bức ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.

Khi một cặp đồng bộ 17, 28, hoặc 29 thuộc dòng SC được sử dụng cho chế độ chụp ảnh đèn nháy nằm ngoài máy ảnh, có thể không đạt được độ phơi sáng chuẩn xác trong chế độ i-TTL. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên chọn điều khiển đèn nháy TTL tiêu chuẩn. Chụp thử và xem kết quả trên màn hình.

Trong chế độ i-TTL, sử dụng bảng đèn nháy hoặc ống nối nẩy lên được cung cấp kèm với bộ đèn nháy. Không được sử dụng các bảng khác như bảng khuếch tán, vì điều này có thể tạo ra độ phơi sáng không chuẩn xác.

SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SB-400 cung cấp chức năng giảm mắt đỏ, trong khi đó SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SU-800 cung cấp chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động với các hạn chế sau:

- **SB-910 và SB-900:** Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 17-135 mm. Tuy nhiên, chức năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.

		
17–19 mm	20–105 mm	106–135 mm

- **SB-800, SB-600, và SU-800:** Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24-105 mm. Tuy nhiên, chức năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.

		
24–34 mm	35–49 mm	50–105 mm

- **SB-700:** Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24-135 mm. Tuy nhiên, chức năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.


24–135 mm

Ở chế độ P, độ mở ống kính tối đa (số f tối thiểu) được giới hạn theo độ nhạy ISO, như hình dưới đây:

Độ mở ống kính tối đa ở ISO tương:						
100	200	400	800	1600	3200	6400
4	5	5,6	7,1	8	10	11

Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính nhỏ hơn mức nêu trên, giá trị tối đa cho độ mở ống kính sẽ là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

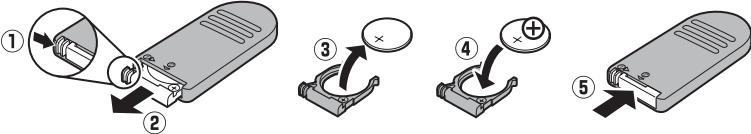
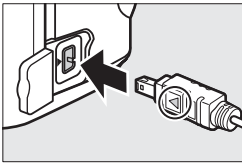
Các Phụ Kiện Khác

Tại thời điểm viết bài, những phụ kiện sau đã có sẵn cho D610.

Các nguồn điện	• Pin Sạc Li-ion EN-EL15 (□ 21, 23): Pin EN-EL15 bổ sung có sẵn tại các nhà bán lẻ và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền ở địa phương. Cũng có thể sử dụng pin EN-EL15b và EN-EL15a. • Bộ Sạc Pin MH-25 (□ 21): Sạc pin EN-EL15b/EN-EL15a/EN-EL15. • Gói Pin Nhiều Nguồn MB-D14: MB-D14 được trang bị với nút nhà cửa trap, nút khóa AE/AF, đa bộ chọn, và đĩa lệnh chính và phụ cho vận hành đã nâng cấp khi chụp ảnh theo hướng chân dung (hướng dọc). Khi gắn MB-D14, gờ nắp tiếp xúc máy ảnh của MB-D14. • Đầu Nối Nguồn EP-5B, Bộ Đổi Điện AC EH-5b: Những phụ kiện này có thể được sử dụng cấp nguồn cho máy ảnh để kéo dài thời gian sử dụng (bộ đổi điện EH-5a và EH-5 AC cũng có thể được sử dụng). Cần có EP-5B để có thể kết nối máy ảnh với EH-5b; xem trang 299 để biết thêm chi tiết. Lưu ý rằng khi máy ảnh được sử dụng với MB-D14, EP-5B phải được lắp vào MB-D14, chứ không phải lắp vào máy ảnh. Không được cố gắng sử dụng máy ảnh với các đầu nối nguồn được lắp vào cả máy ảnh và MB-D14.
Các bộ lọc	• Các bộ lọc dành cho nhiếp ảnh hiệu ứng đặc biệt có thể gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động hoặc máy ngắm điện tử. • D610 không thể được dùng với các bộ lọc phân cực tuyến tính. Thay vào đó hãy sử dụng các bộ lọc phân cực xoay được C-PL hoặc C-PL II. • Sử dụng các bộ lọc NC để bảo vệ thấu kính. • Để tránh bóng ma, không nên sử dụng bộ lọc khi đối tượng được tạo khuôn hình theo hướng ngược với ánh sáng chói, hoặc khi nguồn sáng chói ở trong khuôn hình. • Chức năng đo sáng cân bằng trung tâm được khuyến dùng với các bộ lọc với các yếu tố phơi sáng (các yếu tố bộ lọc) trên 1× (Y44, Y48, Y52, O56, R60, X0, X1, C-PL, ND2S, ND4, ND4S, ND8, ND8S, ND400, A2, A12, B2, B8, B12). Xem tài liệu hướng dẫn về bộ lọc để biết thêm chi tiết.
Các phụ kiện kính ngắm thị kính	• Thấu Kính Điều chỉnh Thị Kính DK-20C: Các thấu kính có thể làm việc với các độ loại -5, -4, -3, -2, 0, +0,5, +1, +2, và +3 m⁻¹ khi máy ảnh điều khiển điều chỉnh độ ở vị trí trung tính (-1 m⁻¹). Chỉ sử dụng thấu kính điều chỉnh thị kính khi không thể đạt được độ lấy nét mong muốn với bộ điều khiển điều chỉnh độ gần sẵn (-3 đến +1 m⁻¹). Thử thấu kính điều chỉnh thị kính trước khi mua để đảm bảo có thể đạt được độ lấy nét mong muốn. Hốc mắt cao su không thể được sử dụng với thấu kính điều chỉnh thị kính. • Thị Kính Phóng Đại DK-21M: DK-21M khuếch đại tầm nhìn qua kính ngắm thêm xấp xỉ 1,17 × (thấu kính 50 mm f/1.4 ở mức vô tận; -1,0 m⁻¹) giúp đạt được độ chính xác cao hơn khi tạo khuôn hình. • Kính Lúp DG-2: DG-2 khuếch đại cảnh được hiển thị phần trung tâm của kính ngắm giúp đạt độ chính xác cao hơn khi lấy nét. Cần Bộ nối thị kính (có bán riêng). • Bộ Nối Thị Kính DK-22: DK-22 được sử dụng khi gắn kính lúp DG-2. • Ống Ngắm Vuông Gắn Ngoài DR-6: DR-6 được gắn vuông góc với mắt kính của kính ngắm, cho phép xem hình ảnh trong kính ngắm từ các góc vuông góc với thấu kính (ví dụ, từ thẳng phía trên khi máy ảnh nằm ngang).

Sự sẵn có sẽ khác nhau theo quốc gia hoặc khu vực. Xem trang web hoặc tài liệu quảng cáo của chúng tôi để có các thông tin mới nhất.



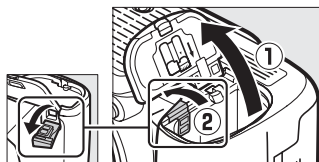
	• Capture NX2: Một gói chỉnh sửa hình ảnh hoàn chỉnh với các tính năng chỉnh sửa tiên tiến như là các điểm điều khiển lựa chọn và một chổi chỉnh sửa tự động. • Camera Control Pro 2: Dùng máy tính để điều khiển máy ảnh ghi phim và hình ảnh từ xa và lưu hình ảnh trực tiếp vào ổ cứng máy tính.
Phần mềm	Lưu ý: Để sử dụng phiên bản phần mềm Nikon mới nhất; truy cập các trang web được nêu ở trang xxiii để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ. Ở các cài đặt mặc định, Trung Tâm Thông Báo Nikon 2 sẽ kiểm tra định kỳ các bản cập nhật phần mềm và vi chương trình Nikon khi bạn đăng nhập vào một tài khoản trên máy tính và máy tính được kết nối với Internet. Tự động hiển thị thông báo khi phát hiện cập nhật.
Nắp thân máy	Nắp Thân Máy BF-1B/Nắp Thân Máy BF-1A: Nắp thân máy giữ gương, màn hình kính ngấm, và bộ lọc qua chậm không bị dính bụi khi không gắn thấu kính.
Điều khiển từ xa/ Điều khiển từ xa không dây	• Điều Khiển Từ Xa Không Dây ML-L3: ML-L3 sử dụng pin 3 V CR2025.  Đẩy chốt nắp khoang pin sang phải (①), luồn móng tay vào khe trống và mở nắp khoang pin (②). Hãy chắc chắn rằng pin được lắp đúng hướng (④). • Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-R10/WR-T10: Khi bộ điều khiển từ xa không dây WR-R10 được gắn, máy ảnh có thể được điều khiển không dây bằng cách sử dụng bộ điều khiển từ xa không dây WR-T10. • Điều khiển từ xa không dây WR-1: Các thiết bị WR-1 được sử dụng theo nhóm hai hoặc nhiều hơn, một chiếc có chức năng làm bộ phát và số còn lại hoạt động như các thiết bị thu. Thiết bị thu được gắn vào đầu cắm phụ kiện của một hoặc nhiều máy ảnh, cho phép sử dụng thiết bị phát để nhả cửa trập máy ảnh.
Các loại phụ kiện đầu cuối phụ kiện	D610 được trang bị với một đầu cuối phụ kiện cho Dây chụp từ xa MC-DC2 (□ 79) và GP-1 và Bộ GPS GP-1A (□ 175), chúng kết nối với điểm ◀ trên đầu nối thẳng hàng với điểm ▶ ở bên cạnh đầu cuối phụ kiện (đóng nắp đầu nối máy ảnh khi không sử dụng đầu cuối). 
Micrô	Micrô Stereo ME-1 (□ 61)
Thiết bị tiếp hợp di động không dây	Đầu nối di động không dây WU-1b: Hỗ trợ thông tin liên lạc hai chiều giữa máy ảnh và các thiết bị thông minh chạy Wireless Mobile Utility.

Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC

Tắt máy ảnh trước khi gắn đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chọn.

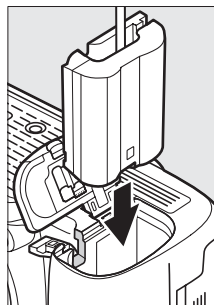
1 Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh.

Mở nắp khoang pin (①) và nắp đầu nối nguồn (②).



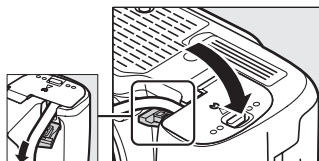
2 Lắp đầu nối nguồn EP-5B.

Nhớ lắp đầu nối chính xác theo hướng như trong ảnh, sử dụng đầu nối để giữ cho chốt pin màu cam được đẩy sang một bên. Chốt sẽ giữ cho đầu nối ở đúng vị trí khi đầu nối được lắp hoàn chỉnh.



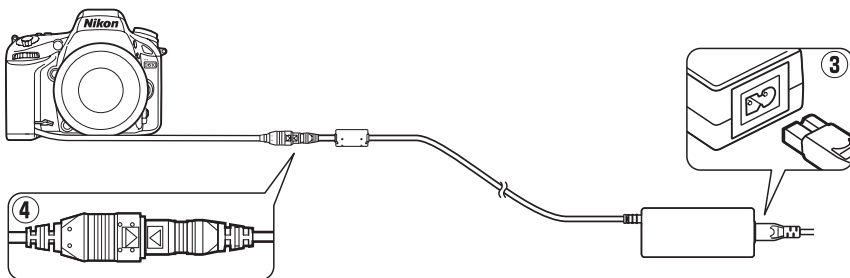
3 Đóng nắp khoang pin.

Đặt nắp đầu nối nguồn sao cho nó đi xuyên qua khe cắm đầu nối nguồn và đóng nắp khoang pin.



4 Kết nối bộ đổi điện AC.

Kết nối cáp nguồn bộ đổi điện AC với hốc AC trên bộ đổi điện AC (③) và cáp nguồn EP-5B vào hốc DC (④). Biểu tượng  sẽ được hiển thị trên màn hình khi máy ảnh được cấp nguồn bởi bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn.



Chăm Sóc Máy Ảnh

Lưu Trữ

Khi không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, lắp lại nắp màn hình, tháo pin, và cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo với nắp phủ đầu cuối ở đúng vị trí. Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Không được cất giữ máy ảnh cùng với hoặc viên long não hoặc naptalin chống côn trùng tại các vị trí:

- không thông thoáng hoặc có độ ẩm trên 60%
- ở gần thiết bị tạo ra vùng từ trường mạnh, như ti-vi hoặc ra-đi-ô
- tiếp xúc với nhiệt độ trên 50°C hoặc dưới -10°C

Lau Chùi

Thân máy ảnh	Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi và vôi vụn, sau đó nhẹ nhàng lau bằng khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước cất và làm khô hoàn toàn. Quan trọng: Bụi hoặc các vật chất từ bên ngoài lọt vào trong máy ảnh có thể gây ra các tổn hại không được hưởng bảo hành.
Thấu kính, gương, và kính ngắm	Những chi tiết thủy tinh này rất dễ bị tổn hại. Loại bỏ bụi và vôi vụn bằng máy thổi. Nếu sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.
Màn hình	Loại bỏ bụi và vôi vụn bằng máy thổi. Khi loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, lau phần bề mặt nhẹ nhàng bằng vải mềm hoặc da dê. Không được tỉ mạnh, bởi điều này có thể dẫn đến tổn hại hoặc trục trặc.

Không được sử dụng chất có cồn, chất pha loãng hoặc các hóa chất dễ bay hơi khác.

Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là thiết bị chính xác nên cần bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến nghị rằng máy ảnh nên được kiểm tra bởi nhà bán lẻ gốc và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền một đến hai năm một lần, và được bảo dưỡng ba đến năm năm một lần (lưu ý rằng các dịch vụ này có tính phí). Nên thường xuyên kiểm tra vào bảo dưỡng nếu máy ảnh được sử dụng một cách chuyên nghiệp. Bất kỳ phụ kiện nào được sử dụng thường xuyên với máy ảnh, như các thấu kính hoặc Đèn Chớp, nên được đi kèm với máy ảnh trong quá trình kiểm tra hoặc bảo dưỡng.

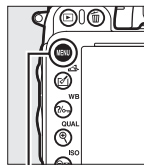
Bộ Lọc Qua Châm

Bộ phận cảm biến hình ảnh có vai trò là nhân tố quyết định ảnh của máy ảnh được khớp với một bộ lọc qua châm để tránh nhòe. Nếu bạn nghi ngờ rằng bụi bẩn trong bộ lọc xuất hiện trên ảnh, bạn có thể làm sạch bộ lọc bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt. Bộ lọc có thể được làm sạch bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean Now** (Làm sạch ngay), hoặc việc làm sạch có thể được tiến hành tự động mỗi khi máy ảnh bật hoặc tắt.

■ "Clean Now" ("Làm Sạch Ngay")

1 Chọn Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt.

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt và nhấn ►.

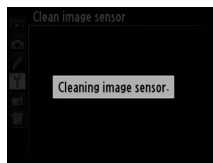
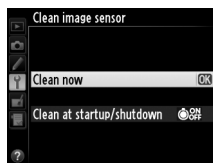


Nút MENU



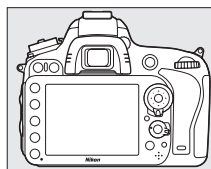
2 Chọn Clean now (Làm sạch ngay).

Máy ảnh sẽ kiểm tra cảm biến hình ảnh và sau đó bắt đầu làm sạch. Quá trình này mất 10 giây; trong thời gian này, các đèn nháy **buzz** trên bảng điều khiển và các hiệu ứng khác sẽ không hiển thị. Không tháo hay ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi hoàn tất việc làm sạch và **buzz** không hiển thị nữa.



✍ Đặt Máy Ảnh với Đế Hướng Xướng.

Chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh đạt hiệu quả cao nhất khi máy ảnh được đặt nằm ngang với đế hướng xuống như hình bên phải.



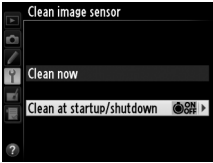
■ ■ “Clean at Startup/Shutdown” (“Làm Sạch khi Bật/Tắt”)

Chọn từ các tùy chọn sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
 Clean at startup (Làm sạch khi bật)	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật máy ảnh.
 Clean at shutdown (Làm sạch khi tắt)	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi tắt máy ảnh.
 Clean at startup & shutdown (Làm sạch khi bật và tắt)	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật và tắt.
Cleaning off (Tắt chức năng làm sạch)	Tắt chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh tự động.

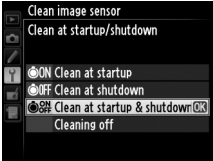
1 Chọn **Clean at startup/shutdown** (Làm sạch khi bật/tắt).

Hiển thị menu **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh) như được mô tả trong Bước 2 ở trang trước. Làm nổi bật **Clean at startup/shutdown** (Làm sạch khi bật/tắt) và nhấn ►.



2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn .



 Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Việc sử dụng các chức năng điều khiển trong khi khởi động máy ảnh sẽ gây cản trở cho quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh. Chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể không được tiến hành khi bật máy nếu đèn nháy đang sạc điện.

Chức năng làm sạch được tiến hành bằng cách lắc bộ lọc qua chậm. Nếu không thể loại bỏ hoàn toàn bụi bằng cách sử dụng các lựa chọn trong menu **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh), hãy làm sạch cảm biến hình ảnh bằng tay (☐ 303) hoặc tham khảo ý kiến của một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Nếu chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành nhiều lần liên tiếp, chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể sẽ bị vô hiệu hóa tạm thời nhằm bảo vệ kết cấu bên trong máy ảnh. Chức năng làm sạch có thể tiếp tục được tiến hành sau một khoảng thời gian ngắn.

■ ■ Làm Sạch Bằng Tay

Nếu vật chất từ bên ngoài lọt vào trong bộ lọc qua chậm không thể được loại bỏ bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt (□ 301), bộ lọc có thể được làm sạch bằng tay như được mô tả phía dưới. Tuy nhiên, lưu ý rằng bộ lọc cực kỳ mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nikon khuyến nghị rằng bộ lọc chỉ nên được làm sạch bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền.

1 Sạc pin hoặc kết nối một bộ đổi điện AC.

Cần một nguồn điện đáng tin cậy cho quá trình kiểm tra và làm sạch bộ lọc qua chậm. Tắt máy ảnh và lắp pin EN-EL15 hoặc kết nối đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện AC EH-5b. Tùy chọn **Lock mirror up for cleaning** (Khóa gương nâng lên để làm sạch) chỉ có ở menu cài đặt khi mức pin sạc qua

2 Gỡ thấu kính.

Tắt máy ảnh và gỡ thấu kính.

3 Chọn **Lock mirror up for cleaning** (Khóa gương nâng lên để làm sạch).

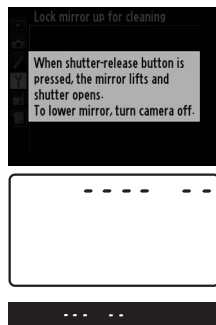
Bật máy ảnh và nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Lock mirror up for cleaning** (Khóa gương nâng lên để làm sạch) trong menu cài đặt và nhấn ►.



Nút MENU

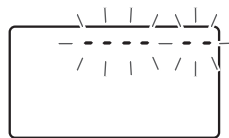
4 Nhấn **OK**.

Thông báo sẽ được hiển thị phía bên phải màn hình và một hàng gạch ngang sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển và kính ngắm. Để phục hồi hoạt động bình thường mà không kiểm tra bộ lọc qua chậm, tắt máy ảnh.



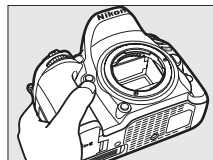
5 Nâng gương.

Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ. Gương sẽ được nâng và màn trập sẽ mở, để lộ bộ lọc qua chậm. Mực xuất hiện trên kính ngắm sẽ bị tắt và hàng gạch ngang trên bảng đèn nháy sẽ nháy.



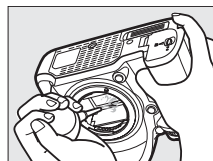
6 Kiểm tra bộ lọc qua chậm.

Giữ máy ảnh sao cho ánh sáng chiếu vào bộ lọc qua chậm, kiểm tra bộ lọc để tìm bụi bẩn. Nếu không thấy vật từ bên ngoài lọt vào, đi đến Bước 8.



7 Làm sạch bộ lọc.

Loại bỏ tất cả bụi bẩn trong bộ lọc bằng máy thổi. Không được sử dụng máy thổi có bàn chải, bởi vì phần lông cứng có thể làm tổn hại bộ lọc. Các loại bụi bẩn không thể loại bỏ bằng máy thổi chỉ có thể được loại bỏ bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền. Trong mọi trường hợp, bạn không được chạm vào hoặc lau chùi bộ lọc.



8 Tắt máy ảnh.

Gương sẽ trở về vị trí hạ và màn trập sẽ đóng lại. Lắp lại thấu kính hoặc nắp thân máy.

Sử Dụng một Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Màn trập rất mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nếu máy ảnh tắt nguồn trong khi gương đang được nâng, màn sẽ tự động đóng lại. Để tránh làm tổn hại màn, tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau:

- Không được tắt máy ảnh hoặc tháo hay ngắt kết nối nguồn điện khi gương đang được nâng.
- Nếu pin sắp hết khi gương đang được nâng, sẽ có một tiếng bip và đèn hèn giờ sẽ nhấp nháy để báo hiệu rằng màn trập sẽ đóng lại và gương sẽ được hạ xuống trong khoảng hai phút nữa. Kết thúc quá trình làm sạch hoặc kiểm tra ngay lập tức.

Các Vật Chất Từ Bên Ngoài lọt vào Bộ Lọc Qua Chạm

Nikon áp dụng mọi nguyên tắc phòng ngừa có thể để tránh tình trạng vật chất bên ngoài tiếp xúc với bộ lọc qua chạm trong quá trình sản xuất và vận chuyển. Tuy nhiên, D610 được thiết kế để sử dụng với các thấu kính có thể hoán đổi cho nhau, và vật chất bên ngoài có thể lọt vào trong máy ảnh khi gỡ hoặc thay đổi thấu kính. Khi đã lọt vào trong máy ảnh, vật chất bên ngoài này có thể bám vào bộ lọc qua chạm, và có thể hiện lên các bức ảnh chụp trong một số điều kiện nhất định. Để bảo vệ máy ảnh khi không gắn thấu kính, nhớ lắp lại nắp thân máy được cung cấp kèm với máy ảnh, trước đó hãy cẩn thận loại bỏ hết bụi và các loại vật chất bên ngoài khác có thể đang bám vào nắp thân máy. Tránh thay đổi thấu kính trong môi trường bụi bặm.

Nếu vật chất bên ngoài lọt vào bộ lọc qua chạm, làm sạch bộ lọc như đã được mô tả bên trên, hoặc để nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền làm sạch bộ lọc. Những bức ảnh bị ảnh hưởng bởi vật chất bên ngoài trong bộ lọc có thể được sửa lại bằng cách sử dụng phần mềm Capture NX 2 (có bán riêng; □ 298) hoặc các tùy chọn làm sạch hình ảnh có sẵn trong một số ứng dụng chỉnh sửa ảnh của hãng thứ ba.



Chăm Sóc Máy Ảnh và Pin: Cảnh báo

Không được làm rơi: Sản phẩm có thể gặp trục trặc nếu bị rung hoặc va đập mạnh.

Giữ khô ráo: Sản phẩm này không có khả năng chống nước, và có thể gặp trục trặc nếu bị ngâm nước hoặc tiếp xúc với độ ẩm cao. Máy móc bên trong bị hạn rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.

Tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột: Thay đổi nhiệt độ đột ngột, như các trường hợp xảy ra khi ra vào các tòa nhà được sưởi ấm trong ngày lạnh, có thể dẫn đến tình trạng đóng hơi nước bên trong thiết bị. Để tránh đóng hơi nước, đặt thiết bị trong hộp cầm hoặc túi nhựa trước khi để chúng gặp tình trạng thay đổi nhiệt độ đột ngột.

Đề xa các vùng từ trường mạnh: Không được dùng hoặc cất giữ thiết bị này trong vùng lân cận của các thiết bị tạo ra vùng bức xạ điện từ hoặc từ trường mạnh. Vùng điện tích mạnh hoặc vùng từ trường tạo ra bởi các thiết bị như bộ truyền tín hiệu ra-đi-ô có thể can thiệp vào màn hình, làm tổn hại dữ liệu lưu trong thẻ nhớ, hoặc gây ảnh hưởng tới mạch điện bên trong sản phẩm.

Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời: Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời hoặc các nguồn sáng mạnh khác trong thời gian dài. Ánh sáng quá mạnh có thể làm cho bộ phận cảm biến hình ảnh hư hỏng hoặc tạo ra hiệu ứng che mờ trắng trong các bức ảnh.

Tắt sản phẩm trước khi gỡ hoặc ngắt kết nối nguồn điện: Không được ngắt nguồn hoặc gỡ pin khi sản phẩm đang bật hoặc khi hình ảnh đang được ghi lại hoặc xóa bỏ. Ngắt nguồn điện cưỡng bức trong các trường hợp này có thể làm mất dữ liệu hoặc gây tổn hại cho bộ nhớ hoặc mạch điện bên trong của sản phẩm. Để phòng ngừa việc gián đoạn nguồn điện bất ngờ, tránh đưa sản phẩm từ nơi này sang nơi khác khi bộ đổi điện AC đang được kết nối.

Lau chùi: Khi lau chùi thân máy ảnh, sử dụng máy thổi để nhẹ nhàng loại bỏ bụi bẩn, sau đó lau nhẹ nhàng với khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước sạch và sau đó làm khô hoàn toàn máy ảnh. Trong một số trường hợp hiếm khi xảy ra, tĩnh điện có thể làm cho màn hình tinh thể lỏng sáng lên hoặc tối đi. Đây không phải dấu hiệu trục trặc, và màn hình hiển thị sẽ sớm trở lại bình thường.

Thấu kính và gương rất dễ bị tổn hại. Bụi bẩn nên được loại bỏ nhẹ nhàng bằng máy thổi. Khi sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác trên thấu kính, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.

Xem “Bộ Lọc Qua Chạm” (□ 301, 303) để biết thêm thông tin về làm sạch bộ lọc qua chạm.

Tiếp xúc thấu kính: Giữ tiếp xúc thấu kính sạch sẽ.

Không được chạm vào màn trập: Màn trập rất mỏng và dễ bị tổn hại. Trong mọi trường hợp, bạn không được tì lên màn, chọc nó bằng các dụng cụ làm sạch, hoặc đưa vào luồng gió mạnh từ máy thổi. Những hành động này có thể làm xước, biến dạng, hoặc rách màn.



Bảo Quản: Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, ngắt bộ đổi điện nhằm tránh cháy nổ. Nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, tháo pin nhằm tránh rò rỉ và cất giữ máy ảnh trong một túi nhựa có chứa chất chống ẩm. Tuy nhiên, không bao giờ được cất giữ hộp máy ảnh trong một túi nhựa, bởi vì việc này có thể làm hư hỏng các chất liệu. Lưu ý rằng chất chống ẩm đó sẽ dần dần mất khả năng hút ẩm và nên được thay thế đều đặn.

Để tránh ẩm mốc, lấy máy ảnh ra khỏi nơi cất giữ ít nhất mỗi tháng một lần. Bật máy ảnh và nhả nút trập vài lần trước khi cất.

Cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo. Lắp lại nắp phủ đầu cuối trước khi cất pin.

Lưu ý về màn hình: Màn hình được chế tạo với độ chính xác rất cao; ít nhất 99,99% điểm ảnh có hiệu quả, không nhiều hơn 0,01% là bị thiếu hoặc bị lỗi. Do đó dù các màn hình này có thể chứa các điểm ảnh luôn sáng (trắng, đỏ, xanh da trời, hoặc xanh lá cây) hoặc luôn tắt (màu đen) thì đây cũng không phải là sự cố và không ảnh hưởng tới hình ảnh được ghi bằng máy.

Ảnh trên màn hình có thể khó nhìn trong ánh sáng chói.

Không được tì vào màn hình, bởi vì điều này có thể gây tổn hại hoặc trục trặc. Bụi bẩn trên màn hình có thể được loại bỏ bằng máy thổi. Các vết bẩn có thể được loại bỏ bằng cách lau nhẹ với khăn mềm hoặc da dê. Nếu màn hình bị vỡ, phải cẩn thận để tránh bị thương do kính vỡ gây ra và để phòng ngừa chất tinh thể lỏng từ màn hình chạm vào da hoặc rơi vào mắt hoặc miệng.

Thay thế nắp phủ màn hình khi di chuyển máy ảnh hoặc khi để máy không có ai trông nom.

Pin: Pin có thể bị rò rỉ hoặc phát nổ nếu không xử lý đúng cách. Tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau khi xử lý pin:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không được để pin tiếp xúc với lửa hoặc nhiệt độ quá cao.
- Giữ cực pin sạch sẽ.
- Tắt sản phẩm trước khi thay pin.
- Tháo pin ra khỏi máy ảnh hoặc bộ sạc khi không sử dụng và lắp lại nắp phủ đầu cuối. Các thiết bị này tiêu hao một lượng pin nhỏ ngay cả khi đang tắt và có thể làm pin hao đến mức không thể hoạt động nữa. Nếu không sử dụng pin trong một thời gian dài, lắp nó vào máy ảnh và làm kiệt pin trước khi tháo và lưu giữ tại nơi có nhiệt độ xung quanh từ 15 đến 25 °C (tránh các nơi nóng hoặc quá lạnh). Lắp lại quy trình này ít nhất sáu tháng một lần.
- Việc bật tắt máy ảnh liên tục khi pin đã xả hết sẽ rút ngắn tuổi thọ pin. Pin đã xả hết phải được sạc trước khi sử dụng.
- Nhiệt độ bên trong pin có thể tăng lên khi pin được sử dụng. Có gắng sạc pin khi nhiệt độ bên trong tăng cao sẽ làm suy yếu hiệu suất pin, và pin có thể không được sạc hoặc chỉ sạc một phần. Đợi pin nguội trước khi sạc.



- Tiếp tục sạc pin sau khi nó được sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của pin sạc đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin mới.
- Sạc pin trước khi sử dụng. Khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng, hãy chuẩn bị sẵn sàng pin EN-EL15 dự phòng được sạc đầy sẵn. Tùy thuộc vào vị trí của bạn, việc mua pin thay thế trong thời gian ngắn có thể gặp khó khăn. Lưu ý rằng vào những ngày lạnh, dung lượng pin có xu hướng giảm. Nhớ sạc đầy pin trước khi chụp ảnh bên ngoài trong thiết lạnh. Giữ pin dự phòng tại nơi ấm và hoán đổi pin khi cần. Khi đã được làm ấm, một viên pin lạnh có thể phục hồi một chút điện.
- Pin đã qua sử dụng là nguồn tài nguyên có giá trị; tái chế chúng theo quy định của địa phương.



Cài Đặt Có Sẵn

Bảng sau là danh sách các cài đặt có thể được điều chỉnh trong mỗi chế độ.

Storage folder (Thư mục lưu trữ)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
File naming (Đặt tên tập tin) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Role played by card in Slot 2 (Vai trò được thể trong Khe 2 đảm nhận) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Image quality (Chất lượng hình ảnh) ^{1, 2}	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Image size (Cỡ hình ảnh) ^{1, 2}	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Image area (Vùng hình ảnh) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JPEG compression (Nén JPEG) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW)) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
White balance (Cân bằng trắng) ^{1, 2}	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
Set Picture Control (Đặt Picture Control) ¹	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự động) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Color space (Không gian màu) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động) ¹	— ³	— ³	✓ ²	✓ ²	— ³	— ³	— ³	— ³	—
HDR (high dynamic range) (Dải động cao) ^{1, 2}	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
High ISO NR (ISO Cao NR) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO) ^{1, 2}	✓ ⁴	✓ ⁴	✓	✓	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴
Remote control mode (Chế độ điều khiển từ xa) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Multiple exposure (Đa phơi sáng) ^{1, 2}	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quảng thời gian) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Time-lapse photography (Chụp ảnh tua nhanh thời gian) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Movie settings (Cài đặt phim) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chế độ lấy nét tự động (kính ngắm)	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵
Chế độ vùng lấy nét tự động (kính ngắm)	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵
Chế độ lấy nét tự động (Xem trực tiếp/phim)	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵
Chế độ vùng lấy nét tự động (Xem trực tiếp/phim)	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵
Giữ khóa tự động phơi sáng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chương Trình Linh Động	—	—	✓	—	—	—	—	—	—
Đo sáng	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
Bù phơi sáng	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
Chụp bù trừ	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
Chế độ đèn nháy	✓ ⁵	—	✓	✓	✓ ⁵	—	✓ ⁵	—	—
Bù đèn nháy	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
FV lock (Khóa FV)	✓	—	✓	✓	✓	—	✓	—	—



									
a1: AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-C)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a2: AF-S priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-S)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a3: Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy nét với khóa-bật)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a4: AF point illumination (Rọi điểm lấy nét tự động)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a5: Focus point wrap-around (Quấn xung quanh điểm lấy nét)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a6: Number of focus points (Số lượng điểm lấy nét)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a7: Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)	✓	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	✓
b1: ISO sensitivity step value (Giá trị bước độ nhạy ISO)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
b2: EV steps for exposure cntrl (Bước EV dành cho điều khiển phơi sáng)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
b3: Easy exposure compensation (Bù phơi sáng dễ dàng)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
b4: Center-weighted area (Vùng ưu tiên trung tâm)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
b5: Fine-tune optimal exposure (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c1: Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c2: Standby timer (Hẹn giờ chờ)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c3: Self-timer (Tự hẹn giờ)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c4: Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c5: Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d1: Beep (Bíp)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d2: Viewfinder grid display (Hiển thị lưới kính ngắm)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d3: ISO display and adjustment (Hiển thị và điều chỉnh ISO)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d4: Screen tips (Mẹo sử dụng màn hình)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d5: CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế độ CL)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d6: Max. continuous release (Ảnh tối đa khi nhả liên tục)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d7: File number sequence (Trình tự số tập tin)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d8: Information display (Hiển thị thông tin)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d9: LCD illumination (Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d10: Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng) ²	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d11: Flash warning (Cảnh báo đèn nháy)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
d12: MB-D14 battery type (Loại pin MB-D14)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d13: Battery order (Thứ tự pin)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

e1: Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
e2: Flash shutter speed (Tốc độ cửa trập đèn nháy)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
e3: Flash cntrl for built-in flash (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn)/ Optional flash (Đèn nháy tùy chọn)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
e4: Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng đèn nháy)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
e5: Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
e6: Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
e7: Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ)	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—
f1: OK button (shooting mode) (Nút OK (chế độ chụp))	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f2: Assign Fn button (Gán nút Fn)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f3: Assign preview button (Gán nút xem trước)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f4: Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f5: Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f6: Release button to use dial (Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f7: Slot empty release lock (Khóa nhả khe trống)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f8: Reverse indicators (Chỉ báo ngược lại)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f9: Assign MB-D14 button (Gán nút MB-D14)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g1: Assign Fn button (Gán nút Fn)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g2: Assign preview button (Gán nút xem trước)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g3: Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g4: Assign shutter button (Gán nút cửa trập)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

- 1 Đặt lại với **Reset shooting menu** (Đặt lại menu chụp) (□ 214).
- 2 Đặt lại với khởi động lại hai nút (□ 151).
- 3 Đặt cố định tại chế độ **Auto** (Tự Động).
- 4 Không có **Auto ISO sensitivity control** (Điều khiển độ nhạy ISO tự động).
- 5 Đặt lại khi đĩa lệnh chế độ được xoay tới cài đặt mới.
- 6 Đặt lại với **Reset custom settings** (Đặt lại cài đặt tùy chọn) (□ 221).



Mặc Định

Cài đặt mặc định cho các tùy chọn trong menu máy ảnh được nêu phía dưới. Để có thêm thông tin về khởi động lại hai nút, xem trang 151.

■ ■ Mặc Định Của Menu Phát Lại

Tùy chọn	Mặc Định	
Playback folder (Thư mục phát lại)	ND610	207
Image review (Xem lại hình ảnh)	Off (Tắt)	212
After delete (Sau khi xóa)	Show next (Đưa ra hình tiếp theo)	212
Rotate tall (Xoay dọc)	On (Bật)	212

■ ■ Mặc Định Menu Chụp ¹

Tùy chọn	Mặc Định	
File naming (Đặt tên tập tin)	DSC	216
Role played by card in Slot 2 (Vai trò được thể trong Khe 2 đảm nhận)	Overflow (Tràn)	96
Image quality (Chất lượng hình ảnh)	JPEG normal (JPEG bình thường)	93
Image size (Cỡ hình ảnh)	Large (Lớn)	95
Image area (Vùng hình ảnh)		
Auto DX crop (Xén DX tự động)	On (Bật)	89
Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)	FX (36×24)	90
JPEG compression (Nén JPEG)	Size priority (Ưu tiên kích cỡ)	94

NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW))

Type (Loại)	Lossless compressed (Nén không giảm)	94
NEF (RAW) bit depth (Độ sâu bit NEF (RAW))	14-bit	

White balance (Cân bằng trắng)	Auto (Tự động) > Normal (Bình thường)	115
--------------------------------	---------------------------------------	-----

Tính chính	A-B: 0, G-M: 0	117
Choose color temp (Chọn nhiệt độ màu).	5000 K	120
Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)	d-1	121

Set Picture Control (Đặt Picture Control)	Standard (Tiêu chuẩn)	129
---	-----------------------	-----

Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự động)	Off (Tắt)	217
Color space (Không gian màu)	sRGB	217

Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)

P, S, A, M, ,	Off (Tắt)	137
Các chế độ khác	Auto (Tự động)	

HDR (high dynamic range) (Dải động cao)

HDR mode (Chế độ HDR)	Off (Tắt)	140
Exposure differential (Độ lệch phơi sáng)	Auto (Tự động)	140
Smoothing (Mượt)	Normal (Bình thường)	141

Tùy chọn	Mặc Định	
Slide show (Trình chiếu slide)		
Image type (Kiểu ảnh)	Still images and movies (Ảnh và phim tĩnh)	213
Frame interval (Quãng khuôn hình)	2 s (2 giây)	

Tùy chọn	Mặc Định	
Vignette control (Quản lý tạo họa tiết)	Normal (Bình thường)	218
Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR)	Off (Tắt)	218
High ISO NR (ISO Cao NR)	Normal (Bình thường)	218

ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO)

ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)		
P, S, A, M	100	105
Các chế độ khác	Auto (Tự động)	
Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)	Off (Tắt)	107
Remote control mode (Chế độ điều khiển từ xa)	Delayed remote (Điều khiển từ xa chụp chậm)	85

Multiple exposure (Đa phơi sáng) ²

Multiple exposure mode (Chế độ đa phơi sáng)	Off (Tắt)	160
Number of shots (Số lần chụp)	2	161
Auto gain (Tăng tự động)	On (Bật)	162
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)	Đặt lại ³	164
Time-lapse photography (Chụp ảnh tua nhanh thời gian)	Đặt lại ⁴	168

Movie settings (Cài đặt phim)

Frame size/frame rate (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình)	1920×1080; 30p	65
Movie quality (Chất lượng phim)	High quality (Chất lượng cao)	
Microphone (Micro)	Auto sensitivity (Độ nhạy tự động)	
Destination (Đích đến)	Slot 1 (Khe 1)	

- Có thể khôi phục về cài đặt mặc định với **Reset shooting menu** (Đặt lại menu chụp) (214).
- Không thể chọn **Reset shooting menu** (Đặt lại menu chụp) trong khi đang chụp.
- Khởi động đặt lại thời gian **Now** (Ngay), quãng thời gian đặt lại về 1 phút, đặt lại số lần quãng thời gian và số lần chụp về 1 và **Start** (Bắt đầu) chuyển đến **Off** (Tắt). Việc chụp sẽ kết thúc khi quá trình đặt lại được tiến hành.
- Đặt lại quãng thời gian về 5 giây, thời gian ghi hình tới 25 phút.



■ **Mặc Định Menu Cài Đặt Tùy Chọn ***

Tùy chọn	Mặc Định	
a1 AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-C)	Release (Nhả ra)	221
a2 AF-S priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-S)	Focus (Lấy nét)	221
a3 Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy nét với khóa-bật)	3 (Normal) (3 (Bình thường))	222
a4 AF point illumination (Rọi điểm lấy nét tự động)	Auto (Tự động)	222
a5 Focus point wrap-around (Quấn xung quanh điểm lấy nét)	No wrap (Không có đường bao)	222
a6 Number of focus points (Số lượng điểm lấy nét)	39 points (39 điểm)	223
a7 Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)	On (Bật)	223
b1 ISO sensitivity step value (Giá trị bước độ nhạy ISO)	1/3 step (1/3 bước)	224
b2 EV steps for exposure cntrl (Bước EV dành cho điều khiển phơi sáng)	1/3 step (1/3 bước)	224
b3 Easy exposure compensation (Bù phơi sáng dễ dàng)	Off (Tắt)	225
b4 Center-weighted area (Vùng ưu tiên trung tâm)	ø 12 mm	226
b5 Fine-tune optimal exposure (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu)		
Matrix metering (Đo sáng ma trận)	0	226
Center-weighted metering (Đo sáng cân bằng trung tâm)	0	
Spot metering (Đo sáng điểm)	0	
c1 Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L)	Off (Tắt)	226
c2 Standby timer (Hẹn giờ chờ)	6 s (6 giây)	227
c3 Self-timer (Tự hẹn giờ)		
Self-timer delay (Độ trễ tự hẹn giờ)	10 s (10 giây)	227
Number of shots (Số lần chụp)	1	
Interval between shots (Quãng thời gian giữa các lần chụp)	0,5 s (0,5 giây)	
c4 Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)		
Playback (Phát lại)	10 s (10 giây)	228
Menus (Các menu)	1 min (1 phút)	
Information display (Hiển thị thông tin)	10 s (10 giây)	
Image review (Xem lại hình ảnh)	4 s (4 giây)	
Live view (Xem trực tiếp)	10 min (10 phút)	
c5 Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng)	1 min (1 phút)	228
d1 Beep (Bíp)		
Volume (Âm lượng)	Off (Tắt)	228
Pitch (Cao độ)	High (Cao)	
d2 Viewfinder grid display (Hiển thị lưới kính ngắm)	Off (Tắt)	229
d3 ISO display and adjustment (Hiển thị và điều chỉnh ISO)	Show frame count (Đưa ra phần đếm khuôn hình)	229
d4 Screen tips (Mẹo sử dụng màn hình)	On (Bật)	229
d5 CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế độ CL)	3 fps (3 khuôn hình trên một giây)	229
d6 Max. continuous release (Ảnh tối đa khi nhả liên tục)	100	230
d7 File number sequence (Trình tự số tập tin)	On (Bật)	230

Tùy chọn	Mặc Định	
d8 Information display (Hiển thị thông tin)	Auto (Tự động)	231
d9 LCD illumination (Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng)	Off (Tắt)	231
d10 Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng)	Off (Tắt)	231
d11 Flash warning (Cảnh báo đèn nháy)	On (Bật)	231
d12 MB-D14 battery type (Loại pin MB-D14)	LR6 (AA alkaline) (LR6 (Kiềm AA))	232
d13 Battery order (Thứ tự pin)	Use MB-D14 batteries first (Sử dụng pin MB-D14 trước)	233
e1 Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)	1/200 s (1/200 giây)	234
e2 Flash shutter speed (Tốc độ cửa trập đèn nháy)	1/60 s (1/60 giây)	235
e3 Flash cntrl for built-in flash (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn)/Optional flash (Đèn nháy tùy chọn)	TTL	236
e4 Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng đèn nháy)	Entire frame (Toàn bộ khuôn hình)	240
e5 Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình)	On (Bật)	241
e6 Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)	AE & flash (Tự động phơi sáng và đèn nháy)	241
e7 Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ)	MTR > under (dưới) > over (trên)	241
f1 OK button (shooting mode) (Nút OK (chế độ chụp))	Select center focus point (Chọn điểm lấy nét trung tâm)	241
f2 Assign Fn button (Gán nút Fn)	Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)	242
f3 Assign preview button (Gán nút xem trước)	Preview (Xem trước)	244
f4 Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	AE/AF lock (Khóa AE/AF)	244
f5 Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh)		
Reverse rotation (Xoay ngược lại)	Exposure compensation (Bù phơi sáng): ☐ Shutter speed/aperture (Tốc độ/độ mở cửa trập): ☐	245
Change main/sub (Thay đổi chính/phụ)	Off (Tắt)	
Aperture setting (Cài đặt độ mở ống kính)	Sub-command dial (Đĩa lệnh phụ)	
Menus and playback (Các menu và phát lại)	Off (Tắt)	
f6 Release button to use dial (Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh)	No (Không)	246
f7 Slot empty release lock (Khóa nhả khe trống)	Enable release (Cho phép nhả)	246
f8 Reverse indicators (Chỉ báo ngược lại)		246
f9 Assign MB-D14  button (Gán nút MB-D14 )	AE/AF lock (Khóa AE/AF)	247
g1 Assign Fn button (Gán nút Fn)	None (Không có)	247
g2 Assign preview button (Gán nút xem trước)	Index marking (Đánh dấu danh mục)	248
g3 Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	AE/AF lock (Khóa AE/AF)	248
g4 Assign shutter button (Gán nút cửa trập)	Take photos (Chụp ảnh)	248

* Có thể khôi phục về cài đặt mặc định với **Reset shooting menu** (Đặt lại menu chụp) (□ 221).

■■
 Mặc Định Của Menu Cài Đặt

Tùy chọn	Mặc Định	
Save user settings (Lưu cài đặt người dùng)		
Save to U1 (Lưu sang U1)	Mặc định chế độ chụp đến P	81
Save to U2 (Lưu sang U2)		
Monitor brightness (Độ sáng màn hình)	Manual (Bằng tay)	250
Manual (Bằng tay)	0	
Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh)		
Clean at startup/shutdown (Làm sạch khi bật/tắt)	Clean at startup & shutdown (Làm sạch khi bật và tắt)	301
HDMI		
Output resolution (Độ phân giải đầu ra)	Auto (Tự động)	205
Device control (Điều khiển thiết bị)	On (Bật)	

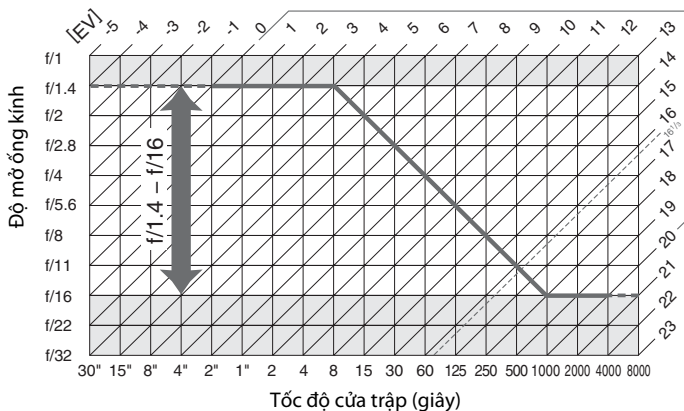
Tùy chọn	Mặc Định	
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)	Auto (Tự động)	252
Time zone and date (Múi giờ và ngày)		
Daylight saving time (Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày)	Off (Tắt)	253
Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh)	On (Bật)	254
GPS		
Standby timer (Hẹn giờ chờ)	Enable (Cho phép)	175
Use GPS to set camera clock (Dùng GPS để đặt giờ máy ảnh)	Yes (Có)	
Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi)	Enable (Cho phép)	260



Chương Trình Phơi Sáng (Chế độ P)

Chương trình phơi sáng cho chế độ **P** được thể hiện trong biểu đồ sau:

— ISO 100; thấu kính độ mở ống kính cực đại ở mức $f/1.4$ và độ mở ống kính tối thiểu ở mức $f/16$ (ví dụ, AF-S NIKKOR 50mm $f/1.4G$)



Giá trị cực đại và tối thiểu cho EV thay đổi theo độ nhạy ISO; biểu đồ phía trên giả định độ nhạy ISO ở mức tương đương ISO 100. Khi chức năng đo sáng ma trận được sử dụng, giá trị trên $16^{1/3}$ EV được giảm xuống $16^{1/3}$ EV.



Xử Lý Sự Cố

Nếu máy ảnh không hoạt động như mong đợi, hãy xem danh sách các lỗi thường gặp phía dưới trước khi tham khảo ý kiến nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện ủy quyền của Nikon.

Pin/Hiển thị

Máy ảnh được bật nhưng không phản hồi: Chờ đợi việc ghi kết thúc. Nếu vấn đề vẫn còn, tắt máy ảnh. Nếu máy ảnh không tắt, tháo và lắp lại pin, hoặc nếu bạn đang sử dụng một bộ đổi điện AC, ngắt kết nối và kết nối lại bộ đổi điện AC. Lưu ý mặc dù bất kỳ dữ liệu hiện đang được ghi sẽ bị mất, dữ liệu đã được ghi sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện.

Kính ngắm không thể lấy nét: Điều chỉnh chức năng lấy nét kính ngắm hoặc sử dụng các thấu kính điều chỉnh thị kính (□ 33, 297).

Kính ngắm tối đen: Lắp pin đã sạc đầy (□ 21, 35).

Màn hình hiển thị tắt đột ngột: Chọn độ trễ dài hơn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer** (Hẹn giờ chờ)) hoặc c4 (**Monitor off delay** (Độ trễ tắt màn hình)) (□ 227, 228).

Màn hình hiển thị bằng điều khiển và kính ngắm phản hồi chậm và mờ: Thời gian phản hồi và độ sáng của những màn hình hiển thị này thay đổi theo nhiệt độ.

Có thể thấy các đường mảnh xung quanh điểm lấy nét hoạt động hoặc màn hình hiển thị chuyển sang màu đỏ khi điểm lấy nét được làm nổi bật: Những hiện tượng này là bình thường đối với loại kính ngắm này và không phải dấu hiệu của trục trặc.



Chụp (Tất Cả Các Chế Độ)

Máy ảnh tốn nhiều thời gian để khởi động: Xóa các tập tin hoặc thư mục.

Chức năng nhả cửa trập đã bị vô hiệu hóa:

- Thẻ nhớ bị khóa, đầy, hoặc chưa được lắp (□ 29, 31).
- **Release locked** (Nhả đã bị khóa) được chọn cho Cài đặt tùy chọn f7 (**Slot empty release lock** (Khóa nhả khe trống); □ 246) và không lắp thẻ nhớ nào vào (□ 32).
- Đèn nháy gần sẵn đang sạc (□ 39).
- Máy ảnh không thể lấy nét (□ 38).
- Thấu kính CPU có gắn vòng độ mở ống kính nhưng độ mở ống kính không được khóa ở số f cao nhất. Nếu **F E** được hiển thị trên bảng điều khiển, chọn **Aperture ring** (Vòng độ mở ống kính) cho Cài Đặt Tùy Chọn f5 (**Customize command dials** (Tùy biến các đĩa lệnh)) > **Aperture setting** (Cài đặt độ mở ống kính) để sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính (□ 245).
- Thấu kính không CPU được gắn nhưng máy ảnh không ở trong chế độ **A** hoặc **M** (□ 288).

Máy ảnh phản hồi chậm với nút nhả cửa trập: Chọn **Off** (Tắt) cho Cài Đặt Tùy Chọn d10 (**Exposure delay mode** (Chế độ trễ phơi sáng); □ 231).

Máy ảnh không chụp ảnh khi nhấn nút điều khiển từ xa nút nhả cửa trập:

- Thay pin của điều khiển từ xa (□ 298).
- Chọn chế độ nhả điều khiển từ xa (□ 85).
- Đèn nháy đang sạc (□ 87).
- Thời gian được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c5 (**Remote on duration** (Chụp từ xa theo thời lượng), □ 228) đã trôi qua: nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập.
- Ánh sáng chói đang cản trở điều khiển từ xa.

Ảnh không được lấy nét:

- Xoay bộ chọn chế độ lấy nét tới **Lấy nét tự động** (□ 97).
- Máy ảnh không thể lấy nét bằng lấy nét tự động: sử dụng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét (□ 102, 103).

Chức năng lấy nét không khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa: Sử dụng nút **AE-L/AF-L** để khóa lấy nét khi **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét hoặc khi chụp các đối tượng di chuyển trong chế độ **AF-A**.

Không thể chọn điểm lấy nét:

- Mở khóa bộ chọn lấy nét (□ 101).
- Lấy nét tự động vùng tự động hoặc lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động: chọn chế độ khác.
- Máy ảnh đang trong chế độ phát lại (□ 177) hoặc các menu đang được sử dụng (□ 207).
- Nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa để tắt màn hình hoặc bắt đầu hẹn giờ chờ (□ 39).

Không thể chọn chế độ vùng lấy nét tự động: Chế độ lấy nét bằng tay đã được chọn (□ 55, 103).

Chỉ một bức ảnh được chụp mỗi lần nhấn nút nhả cửa trập trong chế độ nhả liên tục: Việc chụp liên tục không sẵn có nếu đèn nháy gần sẵn nháy (□ 145).

Không thể thay đổi cỡ ảnh: Image quality (Chất lượng hình ảnh) được đặt ở **NEF (RAW)** (□ 93).

Máy ảnh ghi ảnh chậm: Tắt chức năng giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (□ 218).



Nhiều (điểm sáng chói, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường kẻ) xuất hiện trong ảnh:

- Chọn độ nhạy ISO thấp hơn hoặc chọn chế độ giảm nhiễu ISO cao (□ 105, 218).
- Tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây: sử dụng giảm nhiễu phơi sáng dài (□ 218).
- Tắt D-Lighting Hoạt Động để tránh làm tăng các tác động của nhiễu (□ 137).

Đèn trợ giúp lấy nét tự động không phát sáng:

- Đèn trợ giúp lấy nét tự động sẽ không phát sáng nếu **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét tự động (□ 97) hoặc nếu chế độ lấy nét tự động phần phụ liên tục được chọn khi máy ảnh đang trong chế độ **AF-A**. Chọn **AF-S**. Nếu tùy chọn không phải lấy nét tự động vùng tự động được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động, chọn điểm lấy nét trung tâm (□ 99, 101).
- Máy ảnh đang trong chế độ xem trực tiếp hoặc đang quay một bộ phim.
- **Off** (Tắt) đã được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a7 (**Built-in AF-assist illuminator** (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)) (□ 223).
- Bộ phát sáng tự động tắt. Bộ phát sáng có thể nóng dần với việc sử dụng liên tục; hãy đợi đèn nguội bớt.

Trên ảnh có vết nhòe: Làm sạch các phần phía trước và phía sau thấu kính. Nếu vấn đề vẫn tồn tại, tiến hành làm sạch cảm biến hình ảnh (□ 301).

Phim được quay không có tiếng: Microphone off (Tắt micrô) đã được chọn cho **Movie settings** (Cài đặt phim) > **Microphone** (Micrô).

Độ sáng của hình ảnh trên màn hình khác với độ phơi sáng của ảnh xem trực tiếp:

- Chế độ đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm đã được chọn (□ 109).
- Máy ảnh đang trong chế độ **M**.
- Đối tượng quá sáng hoặc quá tối.
- D-Lighting Hoạt Động đang có hiệu lực (□ 137).
- Bức ảnh có độ phơi sáng thời gian dài (□ 79).
- Đèn nháy đã được sử dụng (□ 143).

Hiện tượng nhấp nháy hoặc dải màu xuất hiện trong chế độ xem trực tiếp hoặc quay phim: Chọn một tùy chọn cho chức năng **Flicker reduction** (Giảm nhấp nháy) phù hợp với tần số của nguồn cấp điện AC cục bộ (□ 252).

Các dải màu sáng xuất hiện trong chế độ xem trực tiếp hoặc quay phim: Một tín hiệu đèn nháy, đèn nháy hoặc nguồn sáng khác đã được sử dụng trong thời gian ngắn trong chế độ xem trực tiếp hoặc quay phim.

Không thể chọn mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong tất cả các chế độ.

Chụp (P, S, A, M)

Chức năng nhả cửa trập đã bị vô hiệu hóa:

- Thấu kính không CPU được gắn: xoay đĩa lệnh chế độ **A** hoặc **M** (☐ 288).
- Đĩa lệnh chế độ được xoay tới **S** sau khi tốc độ cửa trập của **BULB** được chọn trong chế độ **M**: chọn tốc độ cửa trập mới (☐ 76).

Phạm vi đầy đủ của tốc độ cửa trập không có sẵn: Đèn nháy đang được sử dụng. Tốc độ đồng bộ đèn nháy có thể được chọn bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed** (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)); khi sử dụng bộ đèn nháy tương thích, chọn **1/250 s (Auto FP)** (1/250 giây (FP tự động)) hoặc **1/200 s (Auto FP)** (1/200 giây (FP tự động)) để đạt được phạm vi đầy đủ của tốc độ cửa trập (☐ 234).

Màu sắc không tự nhiên:

- Điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng (☐ 115).
- Điều chỉnh cài đặt **Set Picture Control** (Tùy Chỉnh Picture Control) (☐ 129).

Không thể xác định độ cân bằng trắng: Đối tượng quá tối hoặc quá sáng (☐ 123).

Hình ảnh không thể được chọn làm nguồn cho chức năng cài đặt trước độ cân bằng trắng: Hình ảnh không được tạo với D610 (☐ 124).

Chức năng cân bằng trắng bù trừ không có sẵn:

- Tùy chọn chất lượng hình ảnh NEF (RAW) hoặc NEF+JPEG đã được chọn cho chất lượng hình ảnh (☐ 93).
- Chế độ đa phơi sáng đang có hiệu lực (☐ 163).

Hiệu lực của Picture Control thay đổi theo từng hình ảnh khác nhau: **A** (tự động) đã được chọn cho chức năng làm sắc nét, độ tương phản, hoặc độ bão hòa. Để đạt được kết quả nhất quán cho một loạt ảnh, hãy chọn một cài đặt khác (☐ 132).

Không thể thay đổi chức năng đo sáng: Khóa tự động phơi sáng hoặc xem trực tiếp đang hoạt động (☐ 57, 110).

Không thể sử dụng chức năng bù phơi sáng: Chọn chế độ **P**, **S**, hoặc **A** (☐ 75, 76, 77).

Nhiều (các vùng đỏ hung hoặc các ảnh giả khác) xuất hiện trong phơi sáng thời gian dài: Cho phép giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (☐ 218).



Phát Lại

Ảnh NEF (RAW) không được phát lại: Ảnh đã được chụp với chất lượng hình ảnh NEF + JPEG (□ 93).

Không thể xem ảnh ghi lại bởi máy ảnh khác: Ảnh được ghi lại bằng các sản phẩm máy ảnh khác có thể được hiển thị không chính xác.

Tin nhắn được hiển thị thông báo rằng không có ảnh nào sẵn có cho việc phát lại: Chọn **All** (Tất cả) cho **Playback folder** (Thư mục phát lại) (□ 207).

Ảnh (chân dung) có hướng chụp “Đọc” được hiển thị theo hướng “rộng” (phong cảnh):

- Chọn **On** (Bật) cho **Rotate tall** (Xoay dọc) (□ 212).
- Ảnh đã được chọn với **Off** (Tắt) được chọn cho **Auto image rotation** (Tự động xoay hình ảnh) (□ 254).
- Máy ảnh đã được hướng lên trên hoặc xuống dưới khi chụp ảnh (□ 254).
- Ảnh được hiển thị trong chế độ xem lại hình ảnh (□ 212).

Không thể xóa ảnh:

- Hình ảnh được bảo vệ: bỏ bảo vệ (□ 188).
- Thẻ nhớ bị khóa (□ 32).

Không thể sửa lại ảnh: Ảnh không thể được sửa thêm với máy ảnh này (□ 262).

Không thể thay đổi thứ tự in:

- Thẻ nhớ đầy: xóa hình ảnh (□ 36, 189).
- Thẻ nhớ bị khóa (□ 32).

Không thể chọn ảnh để in: Ảnh đang ở định dạng NEF (RAW). Tạo bản sao JPEG bằng cách sử dụng **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) hoặc chuyển sang máy tính và in bằng cách sử dụng chương trình ViewNX 2 (được cung cấp) hoặc Capture NX 2 (có sẵn tách rời).

Ảnh không được hiển thị trên ti-vi:

- Chọn chế độ video (□ 65) hoặc độ phân giải đầu ra chuẩn xác (□ 205).
- Dây cáp HDMI (□ 204) không kết nối đúng.

Máy ảnh không phản hồi với điều khiển từ xa của ti-vi HDMI-CEC:

- Chọn **On** (Bật) cho **HDMI > Device control** (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt (□ 205).
- Điều chỉnh cài đặt HDMI-CEC cho ti-vi như được mô tả trong tài liệu được cung cấp kèm với thiết bị.

Không thể chuyển ảnh sang máy tính: Hệ điều hành không tương thích với máy ảnh hoặc phần mềm chuyển. Sử dụng bộ đọc thẻ để sao chép ảnh sang máy tính (□ 193).

Ảnh không được hiển thị trong Capture NX 2: Cập nhật phiên bản mới nhất (□ 298).

Tùy chọn bụi hình ảnh tắt trong Capture NX 2 không có hiệu quả như mong muốn: Quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh thay đổi vị trí của bụi trong bộ lọc qua chậm. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi sau khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành (□ 252).

Máy tính hiển thị ảnh NEF (RAW) khác với máy ảnh: Phần mềm của hãng thứ ba không hiển thị hiệu ứng của Picture Control, D-Lighting Hoạt Động, hoặc điều khiển tạo họa tiết. Sử dụng ViewNX 2 (được cung cấp) hoặc phần mềm Nikon tùy chọn như Capture NX 2 (có bán riêng).



Khác

Ngày ghi không chính xác: Đặt đồng hồ máy ảnh (□ 27, 253).

Không thể chọn mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong một số cài đặt hỗn hợp nhất định hoặc không có thể nào được lắp. Lưu ý rằng tùy chọn **Battery info** (Thông tin pin) không có sẵn khi máy ảnh được cấp nguồn bởi đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn (□ 255).



Thông Báo Lỗi

Mục này là danh sách các chỉ báo và thông báo lỗi xuất hiện trên kính ngắm, bảng điều khiển, và màn hình.

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Bảng điều khiển	Kính ngắm			
F E E (nháy)		Vòng mở thấu kính không được đặt ở độ mở ống kính tối thiểu.	Đặt vòng về độ mở ống kính tối thiểu (số f cao nhất).	26
		Pin yếu.	Chuẩn bị sẵn pin đã sạc đầy.	21
 (nháy)	 (nháy)	- Pin cạn kiệt. - Không thể sử dụng pin. - Một viên pin sạc Li-ion sắp cạn kiệt hoặc pin của hãng thứ ba đang được lắp vào máy ảnh hoặc gói pin MB-D14 tùy chọn.	- Sạc hoặc thay pin. - Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. - Thay pin, hoặc sạc pin nếu pin sạc Li-ion cạn kiệt.	xxiii, 21, 23
ΔF		Không có thấu kính nào được gắn, hoặc thấu kính không CPU được gắn khi không xác định độ mở ống kính tối đa. Độ mở ống kính được đưa ra theo các điểm dừng từ độ mở ống kính tối đa.	Giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị nếu độ mở ống kính tối đa được xác định.	172
—	 (nháy)	Máy ảnh không thể sử dụng lấy nét tự động để lấy nét.	Thay đổi bố cục hoặc lấy nét bằng tay.	98, 103
F - - (nháy)		- Không có thấu kính nào được gắn. - Không có thấu kính không CPU nào được gắn.	- Gắn thấu kính Nikkor không IX. Nếu thấu kính CPU đã được gắn, gỡ và gắn lại thấu kính. - Chọn chế độ A hoặc M.	25, 285 288



Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Bảng điều khiển	Kính ngắm			
(Chỉ báo phơi sáng và tốc độ cửa trập hoặc độ mở ống kính hiển thị đèn nháy)		Đối tượng quá sáng; ảnh sẽ bị phơi sáng quá mức.	- Sử dụng độ nhạy ISO thấp hơn - Trong chế độ chụp: P Sử dụng bộ lọc ND tùy chọn S Tăng tốc độ cửa trập A Chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn)	105 297 76 77
		Đối tượng quá tối; ảnh sẽ bị thiếu phơi sáng.	- Sử dụng độ nhạy ISO cao hơn - Trong chế độ chụp: P Sử dụng đèn nháy S Giảm tốc độ cửa trập A Chọn độ mở ống kính lớn hơn (số f thấp hơn)	105 143 76 77
bv L b (nháy)		bv L b được chọn trong chế độ S .	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ M .	76, 78
- - (nháy)		- - được chọn trong chế độ S .	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ M .	76, 78
bv 5Y (nháy)	b 5Y (nháy)	Hình ảnh đang được xử lý.	Đợi đến khi xử lý xong.	—
—	 (nháy)	Nếu chỉ báo nháy trong 3 giây sau khi đèn nháy nháy sáng, ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.	Kiểm tra ảnh trên màn hình; nếu bị thiếu phơi sáng, chỉnh sửa cài đặt và thử lại.	177
Fu L L (nháy)	Fu L (nháy)	Không đủ bộ nhớ để tiếp tục ghi ảnh với cài đặt hiện tại, hoặc máy ảnh đã sử dụng hết số lượng tập tin hoặc thư mục.	- Giảm chất lượng hoặc kích cỡ. - Xóa bớt ảnh. - Lắp thẻ nhớ mới.	93, 95 189 29
Err (nháy)		Máy ảnh gặp trục trặc.	Nhà cửa trập. Nếu vấn đề vẫn tồn tại hoặc xuất hiện thường xuyên, hãy tham khảo ý kiến của đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—



Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Màn hình	Bảng điều khiển			
No memory card. (Không có thẻ nhớ.)	(- E -)	Máy ảnh không thể tìm thấy thẻ nhớ.	Tắt máy ảnh và xác nhận là thẻ nhớ đã được lắp chuẩn xác.	29
This memory card cannot be used. Card may be damaged. Insert another card. (Không thể sử dụng thẻ nhớ này. Thẻ nhớ có thể đã bị tổn hại. Lắp thẻ nhớ khác.)	(nháy)	- Có lỗi khi truy cập thẻ nhớ. - Không thể tạo thư mục mới.	- Sử dụng thẻ nhớ được Nikon phê duyệt. - Kiểm tra xem phần tiếp xúc có sạch sẽ không. Nếu thẻ nhớ đã bị tổn hại, hãy liên hệ với nhà bán lẻ hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. - Xóa tập tin hoặc lắp thẻ nhớ mới sau khi sao chép những hình ảnh quan trọng vào máy tính hoặc thiết bị khác.	334 — 29, 189
	(nháy)	Máy ảnh không thể điều khiển thẻ Eye-Fi.	- Kiểm tra xem vi chương trình của thẻ Eye-Fi đã được cập nhật mới nhất chưa. - Sao chép các tập tin trong thẻ Eye-Fi sang máy tính hoặc thiết bị khác và định dạng thẻ, hoặc lắp thẻ mới.	260 29, 31, 193
Memory card is locked. Slide lock to “write” position. (Thẻ nhớ bị khóa. Trượt nút khóa sang vị trí “ghi”.)	(nháy)	Thẻ nhớ bị khóa (được bảo vệ khỏi ghi dữ liệu).	Trượt công tắc bảo vệ-ghi sang vị trí “write” (“ghi”).	32
Not available if Eye-Fi card is locked. (Không có sẵn nếu thẻ Eye-Fi bị khóa.)	(nháy)	Thẻ Eye-Fi bị khóa (được bảo vệ khỏi ghi dữ liệu).		
This card is not formatted. Format the card. (Thẻ nhớ này chưa được định dạng. Định dạng thẻ.)	(nháy)	Thẻ nhớ chưa được định dạng để sử dụng với máy ảnh.	Định dạng thẻ nhớ hoặc lắp thẻ nhớ mới.	29, 31
Clock has been reset (Đã cài đặt lại đồng hồ)	—	Đồng hồ máy ảnh không được đặt.	Đặt đồng hồ máy ảnh.	27, 253
Failed to update flash unit firmware. Flash cannot be used. Contact a Nikon-authorized service representative. (Cập nhật vi chương trình của bộ đèn nháy thất bại. Không thể sử dụng đèn nháy. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.)	—	Vi chương trình của bộ đèn nháy đang được gắn vào máy ảnh đã không được cập nhật chuẩn xác.	Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—
Unable to start live view. Please wait. (Không thể khởi động chế độ xem trực tiếp. Vui lòng đợi.)	—	Nhiệt độ bên trong máy ảnh cao.	Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục chế độ xem trực tiếp hay ghi phim.	64

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Màn hình	Bảng điều khiển			
Folder contains no images. (Không có ảnh nào trong thư mục.)	—	Không có ảnh nào trong thẻ nhớ hoặc (các) thư mục được chọn để phát lại.	Chọn thư mục chứa ảnh từ menu Playback folder (Thư mục phát lại) hoặc lắp thẻ nhớ chứa hình ảnh.	29, 207
All images are hidden. (Tất cả các ảnh đang được ẩn.)	—	Tất cả các ảnh trong thư mục hiện tại đang được ẩn.	Không có ảnh nào có thể được phát lại cho đến khi một thư mục khác được chọn hoặc chức năng Hide image (Ẩn hình ảnh) được sử dụng để cho phép hiển thị ít nhất một hình ảnh.	208
Cannot display this file. (Không thể hiển thị tập tin này.)	—	Tập tin đã được tạo hoặc sửa đổi bằng máy tính hoặc một sản phẩm máy ảnh khác, hoặc tập tin đã hỏng.	Không thể phát lại tập tin trên máy ảnh.	—
Cannot select this file. (Không thể chọn tập tin này.)	—	Không thể sửa lại hình ảnh đã chọn.	Không thể sửa lại hình ảnh được tạo bởi các thiết bị khác.	262
This movie cannot be edited. (Không thể biên tập bộ phim này.)	—	Không thể biên tập bộ phim đã chọn.	- Không thể biên tập các bộ phim được tạo bởi các thiết bị khác. - Phim phải dài ít nhất hai giây.	— 71
Check printer. (Kiểm tra máy in.)	—	Lỗi máy in.	Kiểm tra máy in. Để bắt đầu lại, chọn Continue (Tiếp tục), nếu có sẵn.	196 *
Check paper. (Kiểm tra giấy.)	—	Giấy trong máy in có khổ giấy không giống như đã chọn.	Cho giấy có đúng khổ giấy vào và chọn Continue (Tiếp tục).	196 *
Paper jam. (Kẹt giấy.)	—	Giấy bị kẹt trong máy in.	Dọn giấy bị kẹt và chọn Continue (Tiếp tục).	196 *
Out of paper. (Hết giấy.)	—	Máy in hết giấy.	Cho giấy có khổ giấy được chọn vào và chọn Continue (Tiếp tục).	196 *
Check ink supply. (Kiểm tra nguồn cấp mực.)	—	Mực in có vấn đề.	Kiểm tra mực. Để bắt đầu lại, chọn Continue (Tiếp tục).	196 *
Out of ink. (Hết mực.)	—	Máy in hết mực.	Thay mực và chọn Continue (Tiếp tục).	196 *

* Xem tài liệu hướng dẫn máy in để biết thêm thông tin.



Chi Tiết Kỹ Thuật

■ Máy Ảnh Kỹ Thuật Số Nikon D610

Loại	Máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn		
Gắn thấu kính	Móc gắn Nikon F (với chức năng ghép lấy nét tự động và tiếp điểm lấy nét tự động)		
Góc xem hiệu quả	Định dạng Nikon FX		
Điểm ảnh hiệu quả			
Điểm ảnh hiệu quả	24,3 triệu		
Cảm biến hình ảnh			
Cảm biến hình ảnh	Cảm ứng CMOS 35,9 × 24,0 mm		
Tổng điểm ảnh	24,7 triệu		
Hệ Thống Giảm Bụi	Làm sạch cảm biến hình ảnh, dữ liệu tham chiếu Ảnh Bỏ Bụi (cần phần mềm Capture NX 2 tùy chọn)		
Lưu trữ			
Cỡ ảnh (điểm ảnh)	- FX (36×24) vùng hình ảnh 6.016 × 4.016 (L) 4.512 × 3.008 (M) 3.008 × 2.008 (S) - DX (24×16) vùng hình ảnh 3.936 × 2.624 (L) 2.944 × 1.968 (M) 1.968 × 1.312 (S) - Hình ảnh định dạng FX được chụp trực tiếp trong phim 6.016 × 3.376 (L) 4.512 × 2.528 (M) 3.008 × 1.688 (S) - Hình ảnh định dạng DX trực tiếp trong phim 3.936 × 2.224 (L) 2.944 × 1.664 (M) 1.968 × 1.112 (S)		
Định dạng tập tin	- NEF (RAW): 12 hoặc 14 bit, nén hoặc nén bằng chế độ không giảm - JPEG: JPEG-Baseline tuân thủ chuẩn nét tốt (xấp xỉ 1 : 4), bình thường (xấp xỉ 1 : 8), hoặc cơ bản (xấp xỉ 1 : 16) nén (Size priority (Ưu tiên kích cỡ)); Optimal quality (Chất lượng tối ưu) nén có sẵn - NEF (RAW)+JPEG: Ảnh đơn được ghi với cả hai định dạng NEF (RAW) và JPEG		
Hệ Thống Picture Control	Tiêu Chuẩn, Trung Tính, Sặc Sỡ, Đơn Sắc, Chân Dung, Phong Cảnh; có thể chỉnh sửa chức năng Picture Control đã chọn; lưu trữ cho chức năng Picture Control tùy chọn		
Phương tiện media	Thẻ nhớ SD (Secure Digital) và SDHC và SDXC tuân thủ UHS-I		
Khe cắm đôi	Khe cắm 2 có thể được dùng khi có quá nhiều dữ liệu hoặc làm nơi lưu trữ dự phòng hoặc nơi lưu trữ riêng biệt các bản sao được tạo bằng chức năng NEF+JPEG; ảnh có thể được sao chép giữa các thẻ.		
Tập tin hệ thống	DCF (Quy Tắc Thiết Kế cho Hệ Thống Tập Tin Máy Ảnh) 2.0, DPOF (Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số), Exif 2.3 (Định Dạng Tập Tin Hình Ảnh Có Thể Trao Đổi Cho Máy Ảnh Chụp Kỹ Thuật Số), PictBridge		
Kính ngắm			
Kính ngắm	Kính ngắm độ mắt lằng kính ngắm mặt phản chiếu thấu kính đơn		
Tầm phủ khuôn hình	- FX (36×24): Xấp xỉ 100% theo phương ngang và 100% theo phương đứng - DX (24×16): Xấp xỉ 97% theo phương ngang và 97% theo phương đứng		
Độ phóng đại	Xấp xỉ 0,7 × (50 mm f/1.4 thấu kính ở vô tận, −1,0 m ⁻¹)		
Điểm mắt	21 mm (−1,0 m ⁻¹ ; từ bề mặt trung tâm của thấu kính mắt của kính ngắm)		



Kính ngắm	
Chỉnh đi ốp	-3 – +1 m ⁻¹
Màn hình lấy nét	Màn hình BriteView Clear Matte Mark VIII loạiB với chức năng bù trừ vùng lấy nét tự động (có thể hiển thị lưới khuôn hình)
Gương phản chiếu	Quay lại nhanh
Xem trước độ sâu của trường	Nhấn nút xem trước độ sâu của trường sẽ dừng độ mở ống kính xuống giá trị được chọn bởi người dùng (chế độ A và M) hoặc bởi máy ảnh (chế độ khác)
Độ mở ống kính	Quay lại ngay lập tức, điều khiển điện tử
Thấu kính	
Các thấu kính tương thích	Tương thích với thấu kính AF NIKKOR, gồm thấu kính loại G, E và D (một số hạn chế có ở thấu kính PC) và thấu kính DX (sử dụng vùng hình ảnh DX 24 × 16 1.5×), thấu kính AI-P NIKKOR và thấu kính không CPU (chỉ chế độ A và M). Thấu kính IX NIKKOR, thấu kính cho F3AF, và không thể sử dụng thấu kính không AI. Máy ngắm điện tử có thể được sử dụng với các thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/5.6 hoặc nhanh hơn (máy ngắm điện tử hỗ trợ 7 điểm lấy nét trung tâm với các thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/8 hoặc nhanh hơn và 33 điểm lấy nét trung tâm với các thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/6.8 hoặc nhanh hơn)
Cửa trập	
Loại	Cửa trập điều khiển điện tử di chuyển dọc mặt phẳng tiêu cự
Tốc độ	1/4000 – 30 giây trong các bước của 1/3 hoặc 1/2 EV, bóng đèn, thời gian (yêu cầu điều khiển từ xa ML-L3), X200
Tốc độ đồng bộ đèn nháy	X=1/200 giây; đồng bộ với cửa trập với tốc độ 1/250 giây hoặc chậm hơn (phạm vi đèn nháy ở tốc độ giữa 1/200 và 1/250 giây)
Nhả ra	
Chế độ nhả	S (khuôn hình đơn), C (tốc độ thấp liên tục), Ch (tốc độ cao liên tục), Q (nhả cửa trập tĩnh lặng), Qc (nhả cửa trập tĩnh lặng liên tục), ⌚ (tự hẹn giờ), ■ (điều khiển từ xa), MUP (gương nâng lên)
Tốc độ khuôn hình tốt nhất	1–5 khuôn hình trên một giây (C), 6 khuôn hình trên một giây (Ch), hoặc 3 khuôn hình trên một giây (Qc)
Tự hẹn giờ	2 giây, 5 giây, 10 giây, 20 giây; phơi sáng từ 1–9 với quãng thời gian 0,5, 1, 2, hoặc 3 giây
Chế độ nhả từ xa	Điều khiển từ xa chụp chậm, chế độ từ xa phản ứng nhanh, nâng gương từ xa
Phơi sáng	
Đo sáng	Đo độ phơi sáng TTL bằng cảm biến RGB 2.016 điểm ảnh
Phương pháp đo sáng	Ma trận: Đo sáng ma trận màu 3D II (các thấu kính loại G, E và D); đo sáng ma trận màu II (các thấu kính CPU khác); đo sáng ma trận màu có sẵn với các thấu kính không CPU nếu người dùng cung cấp dữ liệu thấu kính Cân bằng trung tâm: Cân bằng 75% được áp dụng cho vòng tròn 12 mm ở trung tâm khuôn hình. Đường kính vòng tròn có thể được thay đổi thành 8, 15, hoặc 20 mm, hoặc cân bằng có thể được dựa trên trung bình của toàn bộ khuôn hình (thấu kính không CPU sử dụng vòng tròn hoặc trung bình 12-mm của toàn bộ khuôn hình) Điểm: Vòng tròn đo 4 mm (khoảng 1,5% của khuôn hình) tập trung vào điểm lấy nét (vào điểm lấy nét trung tâm khi dùng thấu kính không CPU)
Phạm vi (ISO 100, thấu kính f/1.4, 20°C)	Đo sáng ma trận hoặc cân bằng trung tâm: 0 – 20 EV Đo sáng điểm: 2 – 20 EV



Phơi sáng	
Ghép đo phơi sáng	CPU và AI được kết hợp
Chế độ	Tự động (AUTO tự động; tự động (tắt đèn nháy)); cảnh (chân dung; phong cảnh; trẻ em; thể thao; cận cảnh; chân dung đêm; phong cảnh đêm; tiệc/trong nhà; bãi biển/tuyết; mặt trời lặn; hoàng hôn/bình minh; chân dung vật nuôi; ánh sáng nền; hoa; các mùa mùa thu; thức ăn; hình bóng; khóa cao; khóa thấp); tự động được lập trình với chương trình linh động (P); tự động ưu tiên cửa trập (S); tự động ưu tiên độ mở ống kính (A); bằng tay (M); U1 (cài đặt người dùng 1); U2 (cài đặt người dùng 2)
Bù phơi sáng	Có thể được điều chỉnh -5 – +5 EV với gia số 1/3 hoặc 1/2 EV trong các chế độ P, S, A, và M
Phơi sáng bù trừ	2 – 3 khuôn hình theo các bước 1/3, 1/2, 2/3, 1, 2, hoặc 3 EV
Bù trừ đèn nháy	2 – 3 khuôn hình theo các bước 1/3, 1/2, 2/3, 1, 2, hoặc 3 EV
Cân bằng trắng bù trừ	2 – 3 khuôn hình theo các bước 1, 2, hoặc 3
Bù trừ ADL	2 khuôn hình với giá trị đã chọn cho một khuôn hình hoặc 3 khuôn hình với các giá trị thiết lập sẵn cho tất cả các khuôn hình
Khóa phơi sáng	Độ sáng được khóa ở giá trị đã tìm thấy với nút AE-L/AF-L
Độ nhạy ISO (Danh Mục Phơi Sáng Khuyến Dùng)	ISO 100 – 6400 theo các bước 1/3 hoặc 1/2 EV. Có thể thiết lập EV xấp xỉ 0,3, 0,5, 0,7, hoặc 1 (tương đương ISO 50) dưới ISO 100 hoặc EV xấp xỉ 0,3, 0,5, 0,7, 1, hoặc 2 (tương đương ISO 25600) ISO 6400 ở trên; có sẵn điều khiển độ nhạy ISO tự động
D-Lighting hoạt động	Auto (Tự động), Extra high (Rất cao), High (Cao), Normal (Bình thường), Low (Thấp), Off (Tắt)
Lấy nét	
Lấy nét tự động	Môđun cảm ứng lấy nét tự động Nikon Multi-CAM 4800 với dò tìm pha TTL, tinh chỉnh, 39 điểm lấy nét (gồm 9 cảm biến loại ngang; có 33 điểm trung tâm có độ mở ống kính chậm hơn f/5.6 và nhanh hơn f/8 trong khi 7 điểm lấy nét trung tâm có ở f/8), và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động (phạm vi xấp xỉ 0,5–3 m)
Phạm vi dò tìm	-1 – +19 EV (ISO 100, 20 °C)
Mô tơ của thấu kính	Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S); Lấy nét tự động phần phụ liên tục (AF-C); tự động chọn AF-S/AF-C (AF-A); Chức năng theo dõi lấy nét đoán trước được kích hoạt tự động theo trạng thái của đối tượng Lấy nét bằng tay (M): Có thể dùng máy ngắm điện tử
Điểm lấy nét	Có thể được chọn từ 39 hoặc 11 điểm lấy nét
Chế độ vùng lấy nét tự động	Lấy nét tự động điểm đơn; lấy nét tự động vùng động 9, 21, 39 điểm, theo dõi 3D, lấy nét tự động vùng tự động
Khoá lấy nét	Có thể khóa chức năng lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa (lấy nét tự động phần phụ đơn) hoặc bằng cách nhấn nút AE-L/AF-L
Đèn nháy	
Đèn nháy gắn sẵn	Đèn nháy tự động với chức năng tự động bung P, S, A, M, Tl : Bung bằng tay cùng với nhả nút
Số Hướng Dẫn	Xấp xỉ 12, 12 với đèn nháy bằng tay (m, ISO 100, 20°C)
Điều khiển đèn nháy	TTL: Chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL sử dụng cảm biến RGB 2,016 điểm ảnh sẵn có với bộ đèn nháy gắn sẵn và SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-400 hoặc SB-300; nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với đo sáng ma trận và cân bằng trung tâm, đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số với đo sáng điểm



Đèn nháy	
Chế độ đèn nháy	Tự động, tự động với giảm mắt đỏ, tự động đồng bộ chậm, tự động đồng bộ chậm với giảm mắt đỏ, nạp flash, giảm mắt đỏ, đồng bộ chậm, đồng bộ chậm với giảm mắt đỏ, màn phía sau với đồng bộ chậm, đồng bộ màn phía sau, tắt; hỗ trợ Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP tự động
Bù đèn nháy	-3 – +1 EV với mức tăng là $\frac{1}{3}$ hoặc $\frac{1}{2}$ EV
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	Đèn khi đèn nháy gần sẵn hay bộ đèn nháy tùy chọn được sạc đầy; nháy sau khi đèn nháy nháy sáng ở công suất cao nhất
Ngàm gắn phụ kiện	Ngàm gắn nóng ISO 518 với chức năng đồng bộ và công tắc dữ liệu và khóa an toàn
Hệ thống chiếu sáng sáng tạo Nikon (CLS)	Đèn Không Dây Nâng Cao được hỗ trợ với đèn nháy gắn sẵn, SB-910, SB-900, SB-800, hoặc SB-700 là một đèn nháy chủ và SB-600 hoặc SB-R200 là tách biệt, hoặc SU-800 là bộ điều khiển; đèn nháy gắn sẵn có thể làm chức năng đèn nháy chính ở chế độ điều khiển; Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động và chiếu sáng mô hình được hỗ trợ với tất cả các bộ đèn nháy CLS tương thích trừ SB-400 và SB-300; Giao Tiếp Thông Tin Đèn Nháy Màu và khóa FV được hỗ trợ với tất cả các bộ đèn nháy CLS tương thích
Đồng bộ đầu cuối	Khớp nối đồng bộ đầu cuối AS-15 (có bán riêng)
Cân bằng trắng	
Cân bằng trắng	Tự động (2 loại), sáng chói, huỳnh quang (7 loại), ánh mặt trời trực tiếp, đèn nháy, nhiều mây, bóng râm, cài đặt trước bằng tay (có thể lưu đến 4 giá trị), chọn nhiệt độ màu (2500 K–10000 K), tắt cả với tinh chỉnh tối ưu
Xem trực tiếp	
Các chế độ	Xem nhiếp ảnh trực tiếp (vẫn là hình ảnh), xem phim trực tiếp (phim)
Mô tả của thấu kính	Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S); Lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian (AF-F) Lấy nét bằng tay (M)
Chế độ vùng lấy nét tự động	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt, lấy nét tự động vùng rộng, lấy nét tự động vùng bình thường, lấy nét tự động theo dõi đối tượng
Lấy nét tự động	Lấy nét tự động dò độ tương phản toàn khuôn hình (máy ảnh tự động chọn điểm lấy nét khi chức năng lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt hoặc lấy nét tự động theo dõi đối tượng được chọn)
Phim	
Đo sáng	TTL phơi sáng đo sáng bằng cách sử dụng cảm biến hình ảnh chính
Phương pháp đo sáng	Ma trận
Cỡ khuôn hình (điểm ảnh) và tốc độ khuôn hình	1.920 × 1.080; 30p (tăng dần), 25p, 24p 1.280 × 720; 60p, 50p, 30p, 25p Tốc độ khuôn hình thực tế cho 60p, 50p, 30p, 25p, và 24p là 59,94, 50, 29,97, 25, và 23,976 khuôn hình trên một giây cho từng tốc độ; các tùy chọn hỗ trợ cả chất lượng hình ảnh ★cao và bình thường
Định dạng tập tin	MOV
Nén video	Mã Hóa Video Nâng Cao H.264/MPEG-4
Định dạng ghi âm thanh	PCM tuyến tính
Thiết bị ghi âm thanh	Đơn âm gắn sẵn hoặc micrô stereo bên ngoài; có thể chỉnh sửa độ nhạy
Tùy chọn khác	Đánh dấu danh mục, chụp ảnh tua nhanh thời gian



Màn hình	
Màn hình	8-cm (3,2-in.), khoảng 921 điểm k (VGA), silic đa tinh thể nhiệt độ thấp TFT LCD với góc xem xấp xỉ 170 °, tấm phủ khuôn hình xấp xỉ 100%, và điều khiển độ sáng màn hình tự động sử dụng cảm biến độ sáng chung quanh
Phát lại	
Phát lại	Phát lại theo chế độ toàn khuôn hình và hình thu nhỏ (4, 9 hoặc 72 ảnh hoặc dạng lịch) với chức năng thu phóng khi phát lại, phát lại phim, ảnh và/hoặc trình chiếu slide phim, làm nổi bật, thông tin hình ảnh, hiển thị dữ liệu GPS, và tự động xoay ảnh
Giao diện	
USB	USB tốc độ cao
Đầu ra HDMI	Đầu nối chuẩn nhỏ HDMI loại C
Đầu cuối phụ kiện	Dây chụp từ xa: MC-DC2 (có sẵn tách rời) Bộ GPS: GP-1/GP-1A (bán riêng)
Đầu vào âm thanh	Giắc stereo chân nhỏ (đường kính 3,5 mm, hỗ trợ dây nối nguồn điện)
Đầu ra âm thanh	Giắc stereo chân nhỏ (đường kính 3,5 mm)
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	Tiếng Á Rập, tiếng Trung Quốc (Giản thể và Phồn thể), tiếng Séc, tiếng Đan Mạch, tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Phần Lan, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hy Lạp, tiếng Hindi, tiếng Hungary, tiếng In-đô-nê-si-a, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Na Uy, tiếng Ba Lan, tiếng Bồ Đào Nha (ở Bồ Đào Nha và Bra-xin) tiếng Ru-ma-ni, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thụy Điển, tiếng Thái Lan, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Ukraina
Nguồn điện	
Pin	Một viên pin sạc Li-ion EN-EL15; Cũng có thể sử dụng pin EN-EL15b và EN-EL15a
Gói pin	Gói pin nhiều nguồn MB-D14 tùy chọn với một viên pin sạc Li-ion Nikon EN-EL15 hoặc sáu viên pin kiềm AA, NiMH, hoặc lithium. Cũng có thể sử dụng pin EN-EL15b và EN-EL15a.
Bộ đổi điện AC	Bộ đổi điện AC EH-5b; cần đầu nối nguồn EP-5B (có sẵn tách rời)
Hốc giá ba chân	
Hốc giá ba chân	1/4 in. (ISO 1222)
Kích thước/cân nặng	
Kích thước (Chiều rộng× Chiều cao×Độ dày)	Xấp xỉ 141 × 113 × 82 mm
Cân nặng	Xấp xỉ 840 g kèm pin và thẻ nhớ nhưng không gồm vỏ thân máy; xấp xỉ 760 g (chỉ thân máy ảnh)
Môi trường hoạt động	
Nhiệt độ	0 °C–40 °C
Độ ẩm	85% hoặc ít hơn (không ngưng tụ)

- Trừ khi có quy định khác, mọi số liệu được áp dụng cho máy ảnh có pin sạc đầy hoạt động ở nhiệt độ theo quy định của Camera and Imaging Products Association (CIPA): 23 ±3 °C.
- Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.



Bộ sạc pin MH-25	
Chuẩn đầu vào	AC 100–240 V, 50/60 Hz, 0,23–0,12 A
Chuẩn đầu ra	DC 8,4 V/1,2 A
Các loại pin được hỗ trợ	Pin sạc Li-ion Nikon EN-EL15b, EN-EL15a và EN-EL15
Thời gian sạc	Xấp xỉ 2 tiếng 35 phút với nhiệt độ xung quanh ở 25°C khi hết pin
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng× Chiều cao×Độ dày)	Xấp xỉ 91,5 × 33,5 × 71 mm, không gồm các chỗ lồi ra
Độ dài cáp nguồn	Xấp xỉ 1,5 m
Cân nặng	Xấp xỉ 110 g, không tính cáp nguồn và bộ đổi điện AC gắn tường

Pin sạc Li-ion EN-EL15	
Loại	Pin sạc lithium-ion
Chuẩn dung lượng pin	7,0 V/1.900 mAh
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng× Chiều cao×Độ dày)	Xấp xỉ 40 × 56 × 20,5 mm
Cân nặng	Xấp xỉ 78 g, không kể nắp phủ đầu cuối

Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.



ViewNX 2

	Windows	Mac OS
CPU	• Hình ảnh: Intel Celeron, Pentium 4, dòng Core, 1.6 GHz hoặc cao hơn • Phím (phát lại): 3,0 GHz hoặc cao hơn khi xem phim cỡ khuôn hình 1280 × 720 hoặc cao hơn ở tốc độ khuôn hình 30 khuôn hình trên một giây hoặc cao hơn hoặc phim có cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc cao hơn • Phím (chỉnh sửa): Intel Core i5 hoặc cao hơn	• Hình ảnh: Dòng Intel Core hoặc Xeon • Phím (phát lại): Core 2 GHz hoặc cao hơn; Intel Core i5 hoặc cao hơn khi xem phim cỡ khuôn hình 1280 × 720 hoặc cao hơn ở tốc độ khuôn hình 30 khuôn hình trên một giây hoặc cao hơn hoặc phim có cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc cao hơn • Phím (chỉnh sửa): Intel Core i5 hoặc cao hơn
OS	Phiên bản cài đặt trước của Windows 8, Windows 7, Windows Vista, và Windows XP; lưu ý rằng chỉ các phiên bản 64 bit của Windows XP là được hỗ trợ	OS X 10.8 hoặc 10.7, Mac OS X 10.6
Bộ nhớ (RAM)	• Windows 8 32 bit, Windows 7, hoặc Windows Vista: 1 GB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc cao hơn) • Windows 8 64 bit, Windows 7, hoặc Windows Vista: 2 GB hoặc cao hơn (nên 4 GB hoặc cao hơn) • Windows XP: 512 MB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc cao hơn)	• OS X 10.8, 10.7: 2 GB hoặc cao hơn (nên 4 GB hoặc cao hơn) • Mac OS X 10.6: 1 GB hoặc cao hơn (nên 4 GB hoặc cao hơn)
Không gian đĩa cứng	Tối thiểu 1 GB có sẵn trên đĩa khởi động (nên 3 GB hoặc nhiều hơn)	
Đồ họa	Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc nhiều hơn (nên 1280 × 1024 điểm ảnh hoặc nhiều hơn) Màu: Màu 24 bit (True Color) trở lên	Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc nhiều hơn (nên 1280 × 1024 điểm ảnh hoặc nhiều hơn) Màu: Màu 24 bit (triệu màu) trở lên



■ ■ Các Tiêu Chuẩn Được Hỗ Trợ

- **DCF Phiên Bản 2.0:** Quy Tắc Thiết Kế cho Tập Tin Hệ Thống Máy Ảnh (DCF- Design Rule for Camera File System) là một tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong ngành máy ảnh kỹ thuật số nhằm đảm bảo tính tương thích giữa các sản phẩm máy ảnh khác nhau.
- **DPOF:** Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số (DPOF- Digital Print Order Format) tiêu chuẩn toàn ngành cho phép việc in ảnh theo thứ tự được lưu trên thẻ nhớ.
- **Exif phiên bản 2.3:** Máy ảnh này hỗ trợ Exif (Định dạng tập tin hình ảnh có thể trao đổi cho máy ảnh chụp kỹ thuật số) phiên bản 2.3, một tiêu chuẩn theo đó thông tin lưu cùng ảnh sẽ được sử dụng cho quá trình tái tạo màu tối ưu khi ảnh được xuất tới các máy in theo chuẩn Exif.
- **PictBridge:** Một tiêu chuẩn được phát triển thông qua quá trình hợp tác giữa hai ngành máy ảnh số và máy in, cho phép ảnh được xuất trực tiếp tới máy in mà không cần thông qua chuyển tiếp bằng máy tính.
- **HDMI:** Giao Diện Đa Phương Tiện Độ Nét Cao (High-Definition Multimedia Interface) là một tiêu chuẩn cho các giao diện đa phương tiện được sử dụng trong ngành điện tử tiêu dùng và các thiết bị nghe nhìn có khả năng truyền dữ liệu nghe nhìn và tín hiệu điều khiển tới các thiết bị theo chuẩn HDMI qua một kết nối cáp đơn.

Thông Tin Thương Hiệu

Mac OS, và OS X là các thương hiệu đã được đăng ký của Tập Đoàn Apple tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Microsoft, Windows, và Windows Vista là các thương hiệu đã được đăng ký, hoặc các thương hiệu của Tập Đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. PictBridge là một thương hiệu. Các biểu trưng SD, SDHC, và SDXC là các thương hiệu của SD-3C, LLC. HDMI, biểu trưng HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các thương hiệu đã được đăng ký hoặc các thương hiệu của HDMI Licensing LLC.

HDMI

Tất cả các tên thương hiệu khác được đề cập trong tài liệu hướng dẫn này hoặc các tài liệu khác được cung cấp kèm với sản phẩm Nikon là các thương hiệu hoặc các thương hiệu đã được đăng ký của những chủ sở hữu tương ứng của chúng.



Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt

Máy ảnh hỗ trợ thẻ nhớ SD, SDHC và SDXC, bao gồm thẻ SDHC và SDXC tuân thủ UHS-I. Nên dùng thẻ xếp hạng Tốc Độ SD Cấp 6 trở lên để ghi phim; sử dụng thẻ chậm hơn có thể khiến việc ghi bị gián đoạn. Khi chọn thẻ để dùng trong bộ đọc thẻ, đảm bảo chúng tương thích với thiết bị. Liên hệ với nhà sản xuất để biết thông tin về chức năng, vận hành, và giới hạn khi sử dụng.



Dung Lượng Thẻ Nhớ

Bảng sau đây cho biết số lượng ảnh xấp xỉ có thể lưu trên một thẻ nhớ SanDisk Extreme Pro SDHC UHS-I 8 GB với các chất lượng hình ảnh (□ 93), cỡ hình ảnh (□ 95), và các thiết lập vùng hình ảnh khác nhau (đến tháng Mười, 2013; □ 89).

■ FX (36×24) Vùng Hình Ảnh *

Image quality (Chất lượng hình ảnh)	Image size (Cỡ hình ảnh)	Kích thước tập tin ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 12-bit	—	23,4 MB	190	21
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 14-bit	—	29,2 MB	147	14
NEF (RAW), Đã được nén, 12-bit	—	20,7 MB	258	26
NEF (RAW), Đã được nén, 14-bit	—	25,4 MB	215	14
JPEG nét ³	Large (Lớn)	12,4 MB	506	51
	Medium (Vừa)	7,4 MB	853	100
	Small (Nhỏ)	3,8 MB	1600	100
JPEG bình thường ³	Large (Lớn)	6,2 MB	1000	90
	Medium (Vừa)	3,7 MB	1600	100
	Small (Nhỏ)	1,9 MB	3200	100
JPEG cơ bản ³	Large (Lớn)	3,2 MB	1900	100
	Medium (Vừa)	1,9 MB	3200	100
	Small (Nhỏ)	1,0 MB	6300	100

* Gồm hình ảnh được chụp với các thấu kính không DX khi chọn chế độ **On** (Bật) cho **Auto DX crop** (Xén DX tự động).



■ ■ DX (24×16) Vùng Hình Ảnh *

Image quality (Chất lượng hình ảnh)	Image size (Cỡ hình ảnh)	Kích thước tập tin ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 12-bit	—	10,9 MB	426	55
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 14-bit	—	13,4 MB	332	34
NEF (RAW), Đã được nén, 12-bit	—	9,7 MB	571	73
NEF (RAW), Đã được nén, 14-bit	—	11,7 MB	480	54
JPEG nét ³	Large (Lớn)	5,9 MB	1000	100
	Medium (Vừa)	3,7 MB	1700	100
	Small (Nhỏ)	2,2 MB	2900	100
JPEG bình thường ³	Large (Lớn)	3,0 MB	2100	100
	Medium (Vừa)	1,9 MB	3300	100
	Small (Nhỏ)	1,1 MB	5700	100
JPEG cơ bản ³	Large (Lớn)	1,5 MB	4100	100
	Medium (Vừa)	1,0 MB	6300	100
	Small (Nhỏ)	0,6 MB	10000	100

* Gồm hình ảnh được chụp với các thấu kính DX khi chọn chế độ **On** (Bật) cho **Auto DX crop** (Xén DX tự động).

- 1 Tất cả các chỉ số đều mang tính xấp xỉ. Kích cỡ thay đổi theo cảnh được ghi lại.
- 2 Số lượng độ phơi sáng tối đa có thể lưu trong bộ nhớ đệm với ISO 100. Giảm nếu **Optimal quality** (Chất lượng tối ưu) được chọn cho **JPEG compression** (Nén JPEG) ( 94), độ nhạy ISO được đặt ở mức Hi 0.3 hoặc cao hơn, hoặc giảm nhiều phơi sáng dài hay điều khiển biến dạng tự động đang bật.
- 3 Các chỉ số giả định rằng **JPEG compression** (Nén JPEG) được đặt ở **Size priority** (Ưu tiên kích thước). Việc chọn **Optimal quality** (Chất lượng tối ưu) sẽ làm tăng kích thước tập tin của ảnh JPEG; số lượng ảnh và dung lượng đệm cũng sẽ giảm theo.



d6—Max. Continuous Release (Nhả Liên Tục Tối Đa) (230)

Số lượng ảnh tối đa có thể được chụp trong một lần chụp liên tục có thể được đặt ở số bất kỳ giữa 1 và 100.

Tuổi Thọ Pin

Số lần chụp có thể thực hiện với pin đã sạc đầy thay đổi tùy theo tình trạng pin, nhiệt độ, và cách sử dụng máy ảnh. Trong trường hợp của pin AA, dung lượng cũng thay đổi tùy theo tình trạng sản xuất và bảo quản; một số pin không thể được sử dụng. Các chỉ số mẫu cho máy ảnh và gói pin nhiều nguồn MB-D14 tùy chọn được nêu phía dưới.

- **Tiêu chuẩn CIPA**¹

Một viên pin EN-EL15² (máy ảnh): Xấp xỉ 900 bức ảnh

Một viên pin EN-EL15² (MB-D14): Xấp xỉ 900 bức ảnh

Sáu viên pin AA kiềm (MB-D14): Xấp xỉ 650 bức ảnh

- **Tiêu chuẩn Nikon**³

Một viên pin EN-EL15² (máy ảnh): Xấp xỉ 3500 bức ảnh

Một viên pin EN-EL15² (MB-D14): Xấp xỉ 3500 bức ảnh

Sáu viên pin AA kiềm (MB-D14): Xấp xỉ 1450 bức ảnh

- **Phim**⁴

Một viên pin EN-EL15² (máy ảnh): Xấp xỉ 110 phút cảnh HD

Một viên pin EN-EL15² (MB-D14): Xấp xỉ 110 phút cảnh HD

Sáu viên pin AA kiềm (MB-D14): Xấp xỉ 58 phút cảnh HD

- 1 Được đo ở 23 °C (±2 °C) với một thấu kính AF-S NIKKOR 24–85mm f/3.5–4.5G ED VR dưới các điều kiện kiểm tra sau đây: thấu kính xoay tròn từ tận cùng đến phạm vi tối thiểu và một bức ảnh được chụp ở cài đặt mặc định một lần trong 30 giây; đèn nháy sẽ nháy sáng một lần cho từng lần chụp khác. Xem trực tiếp không được sử dụng.
- 2 Cũng có thể sử dụng pin EN-EL15b và EN-EL15a thay cho pin EN-EL15.
- 3 Đo ở 20 °C với thấu kính AF-S NIKKOR 24–85mm f/3.5–4.5G ED VR dưới điều kiện kiểm tra sau: chất lượng hình ảnh được đặt ở JPEG cơ bản, kích thước hình ảnh được đặt ở M (trung bình), tốc độ cửa trập 1/250 giây, nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa trong ba giây và chức năng lấy nét quay vòng từ vô tận tới phạm vi tối thiểu ba lần; sáu bức ảnh được chụp lần lượt và màn hình được bật trong năm giây rồi tắt; chu kỳ được lặp lại khi hẹn giờ chờ hết hạn.
- 4 Được đo ở 23 °C (±3 °C) với cài đặt mặc định máy ảnh và thấu kính AF-S NIKKOR 24–85mm f/3.5–4.5G ED VR với các điều kiện của Camera and Imaging Products Association (CIPA) (Hiệp hội sản phẩm máy ảnh và ngành ảnh CIPA). Mỗi phim có thể dài lên đến 20 phút (1080/30p và 1080/25p) hoặc có dung lượng 4 GB; việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt được các giới hạn này nếu nhiệt độ máy tăng.

Những điều sau đây có thể làm giảm tuổi thọ pin:

- Sử dụng màn hình
- Giữ nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa
- Quy trình lấy nét tự động bị lặp lại
- Chụp ảnh NEF (RAW)
- Tốc độ cửa trập chậm
- Sử dụng bộ GPS GP-1/GP-1A
- Sử dụng thẻ Eye-Fi
- Sử dụng bộ nối di động không dây WU-1b
- Sử dụng chế độ VR (chống rung) với thấu kính VR

Để đảm bảo rằng bạn tận dụng tốt nhất hiệu suất của pin sạc Nikon EN-EL15:

- Giữ phần tiếp xúc pin sạch sẽ. Tiếp xúc bị bám bẩn có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sử dụng pin ngay sau khi sạc. Pin sẽ bị tiêu hao điện tích nếu không được sử dụng.



Danh mục

Các Biểu Tượng

(Chế độ tự động)	35, 36
(Chế độ tự động (tắt đèn nháy))...	35, 36
SCENE (Cảnh)	40
(Chân dung)	41
(Phong cảnh)	41
(Trẻ em)	41
(Thế thao)	41
(Cận cảnh)	42
(Chân Dung Ban Đêm)	42
(Phong Cảnh Ban Đêm)	42
(Tiệc/Trong nhà)	42
(Biển/Tuyết)	43
(Hoàng hôn)	43
(Chàng Vang/Bình Minh)	43
(Chân Dung Vật Nuôi)	43
(Ảnh sáng đèn nền)	44
(Họa nờ)	44
(Các Màu Mùa Thu)	44
(Thức ăn)	44
(Hình bóng)	45
(Khoá cao)	45
(Khoá thấp)	45
P (Tự động được lập trình)	75
S (Tự động ưu tiên của trập)	76
A (Tự động ưu tiên độ mở ống kính) ..	77
M (Bằng tay)	78
U1/U2	81
S (Khuôn hình đơn)	6, 83
L (Tốc độ thấp liên tục)	6, 83, 229
C (Tốc độ cao liên tục)	6, 83
Q (Nhà cửa trập tĩnh lặng)	6, 83
Qc (Nhà cửa trập Qc)	6, 83
C (Tự hẹn giờ)	6, 83, 85
(Điều khiển từ xa)	6, 83, 85
MUP (Gương nâng lên)	6, 83, 88
(Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)	52
(Vùng lấy nét tự động rộng)	52
(Vùng lấy nét tự động bình thường)	52
(Tự động lấy nét dò tìm đối tượng)	52
(Ma trận)	109
(Cân bằng trung tâm)	109, 226
(Điểm)	109
AUTO (TỰ ĐỘNG) (đèn nháy tự động)	144, 145
(giảm mắt đỏ)	144, 145
SLOW (CHẬM) (đồng bộ chậm)	144, 145
REAR (SAU) (đồng bộ màn phía sau)	144, 145
(Bù phơi sáng)	112
(Bù sáng đèn nháy)	148
(Chương trình linh động)	75
Nút (Xem trực tiếp)	49, 57
Nút (Thông tin)	9, 11
Công tắc 	2
WB (Cân bằng trắng)	115

PRE (Cài đặt trước bằng tay)	115, 121
BKT (Chụp bù trừ)	153, 178
(Trợ giúp)	18
(Chỉ báo lấy nét)	38, 102, 103
(Bộ nhớ đệm)	38, 84
(Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng)	39

Dạng số

12-bit	94
14-bit	94

A

Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	137, 158
Adobe RGB	217
AE và đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động)	153, 241
AF	51–52, 97–102
AF Fine-tune (Tinh chỉnh lấy nét tự động)	259
AF point illumination (Rọi điểm lấy nét tự động)	222
AF-A	97
AF-C	97, 221
AF-F	51
AF-S	51, 97, 221
After delete (Sau khi xóa)	212
Ảnh lượng	67
Ảnh sáng mặt trời trực tiếp (Cân bằng trắng)	115
Ảnh sáng trời (Hiệu ứng bộ lọc)	267
Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	244, 248
Assign MB-D14 button (Gán nút MB-D14)	247
Assign preview button (Gán nút xem trước)	244, 248
Assign shutter button (Gán nút cửa trập)	248
Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)	241
Auto DX crop (Xén DX tự động)	89
Auto FP high-speed sync. (Đồng bộ tốc độ cao FP tự động)	234, 235
Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh)	254
Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)	107
Auto-area AF (Lấy nét tự động vùng tự động)	99, 100
Auto-servo AF (Lấy nét tự động phản phụ tự động)	97

B

Bản in danh mục	199
Bản quyền	182, 256
Bảng điều khiển	7
Bảng tay (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy sẵn sàng)	236
Bảo vệ ảnh	188
Bắt đầu in (PictBridge)	198, 201

Battery info (Thông tin pin)	255
Battery order (Thứ tự pin)	233
Beep (Bíp)	228
Biểu đồ	180, 181, 209
Bộ chọn chế độ lấy nét	51, 97
Bộ chọn xem trực tiếp	49, 57
Bộ đổi điện AC	297, 299
Bộ lọc ám (Hiệu ứng bộ lọc)	267
Bộ nhớ đệm	38, 84
Bóng đèn	78, 79
Bóng râm (Cân bằng trắng)	115
Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ)	241
Bù đèn nháy	148
Bù phơi sáng	112
Bù trừ ADL	158, 241
Bù trừ đèn nháy	153, 241
Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)	223
Built-in flash (Đèn nháy gắn sẵn)	39, 143, 288

C

Các thấu kính tương thích	285
Cài đặt có sẵn	309
Cài đặt lại cài đặt người dùng	82
Cài đặt mặc định	151, 214, 221, 312
Cài Đặt Người Dùng	81
Cài đặt trước bằng tay (Cân bằng trắng)	115, 121
Cài Đặt Tùy Chỉnh	219
Cảm biến độ sáng chung quanh	4, 53, 250
Cảm biến RGB 2.016 điểm ảnh	146, 327
Camera Control Pro 2	298
Cân Bằng Trắng Bù Trừ (Đặt chụp bù trừ tự động)	156, 241
Cân bằng trung tâm	109, 226
Cáp USB	194, 196
Capture NX 2	94, 251, 253, 298
Cắt xén phim	69
CEC	205
Chân dung (Đặt Picture Control)	129
Chất lượng phim (Cài đặt phim)	65
Chất lượng tối ưu (Nén JPEG)	94
Chế độ bộ điều khiển	237
Chế độ cảnh	40
Chế độ đèn nháy	144, 145
Chế độ điều khiển từ xa	85
Chế độ lấy nét	51, 97
Chế độ lấy nét tự động	51, 97
Chế độ nhà	6, 83
Chế độ nhà liên tục	6, 83
Chế độ từ xa phản ứng nhanh (Chế độ điều khiển từ xa)	85
Chế độ vùng lấy nét tự động	52, 99
Chỉ AE (Đặt chụp bù trừ tự động)	153, 241
Chỉ báo đã được lấy nét	38, 102, 103
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	39, 149, 296

Chỉ báo lấy nét	38, 102, 103
Chỉ báo phơi sáng	78
Chỉ đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động).....	153, 241
Chọn nhiệt độ màu. (Cân bằng trắng).....	115, 120
Choose image area (Chọn vùng hình ảnh).....	90, 91
Choose start/end point (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc).....	69
Chương Trình Linh Động.....	75
Chương trình phơi sáng	315
Chụp ảnh tua nhanh thời gian....	168
Chụp bù trừ.....	153, 241
Chụp bù trừ tự động.....	153, 241
Chụp liên tục.....	162, 230, 242
CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế độ CL).....	229
Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh).....	301
CLS	293
Color balance (Cân bằng màu)....	268
Color outline (Phác màu chính) ..	275
Color sketch (Phác họa màu).....	275
Color space (Không gian màu).....	217
Công tắc chế độ A-M.....	26
Công tắc chế độ chống rung.....	25
Công tắc chế độ lấy nét ..	25, 26, 103
Công tắc điện	1
Continuous-servo AF (Lấy nét tự động phân phụ liên tục).....	97, 221
Copy image(s) (Sao chép (các) hình ảnh).....	209
Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh)	245

D

Dải Động Cao (HDR)	139
Danh mục tự lệ tiêu cự	25
Date and time (Ngày và thời gian)....	253
Date format (Định dạng ngày).....	27, 253
Đầu mặt phẳng tiêu điểm	103
Đầu thời gian (PictBridge).....	198
Dây chụp từ xa	79, 88, 298
Daylight saving time (Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày)	27, 253
DCF	333
Delete (Xóa)	47, 189
Distortion control (Điều khiển biến dạng).....	274
D-Lighting	264
D-tính chỉnh cân bằng trắng.....	117
DPOF	199, 202, 333
DPOF print order (Thứ tự in DPOF)....	202
Dữ liệu chụp	182
Dữ liệu GPS	183
Dữ liệu tổng quan	184
Dung lượng thẻ nhớ	335
DX (24 × 16) 1,5 ×	63, 90
Dynamic-area AF (Lấy nét tự động vùng động).....	99

Đánh dấu danh mục	60, 68, 247
Đầu cuối phụ kiện	298
Đầu nối cho micro ngoài	2
Đầu nối nguồn.....	297, 299
Đầu nối pin-mini HDMI	2
Đèn chớp.....	292
Đèn nền	2, 231
Đèn nháy	39, 143, 144, 148, 149, 292
Đèn nháy (Cân bằng trắng)	115
Đèn nháy sớm màn hình	146, 149
Đèn nháy tiêu chuẩn i-TTL cho SLR kỹ thuật số:.....	146
Đèn nháy tự động	145
Đèn nháy tùy chọn.....	237, 292
Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng	2
Đen và trắng (Đơn sắc)	266
Đĩa lệnh chế độ.....	5
Đĩa lệnh chế độ nhả.....	6, 83
Đĩa lệnh chính	12
Đĩa lệnh phụ	12
Đích đến (Cài đặt phim).....	65
Điểm	109
Điểm lấy nét	38, 52, 99, 101, 103, 222, 223
Điều khiển biến dạng tự động....	217
Điều khiển điều chỉnh diốt....	33, 297
Điều khiển máy ảnh	92
Điều khiển thiết bị (HDMI)	205
Điều khiển từ xa.....	6, 83, 85, 298
Điều khiển từ xa chụp chậm (Chế độ điều khiển từ xa)	85
Định dạng DX	89, 90
Định dạng FX.....	89, 90
Định dạng thẻ nhớ.....	31
Định dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số	199, 202, 333
Độ dốc.....	258
Độ lệch phơi sáng	140
Độ mở ống kính.....	74, 77-78
Độ mở ống kính tối đa	103, 147, 296
Độ mở ống kính tối thiểu	26, 73
Độ nét cao.....	204, 333
Độ nhạy	105, 107
Độ nhạy tối đa.....	107
Đo phơi sáng	39, 227
Đo sáng.....	109
Độ sâu bit NEF (RAW)	94
Độ sâu của trường.....	77
Đơn vị đo nhiệt độ màu.....	119
Đồng bộ màu	144, 145
Đồng bộ màn phía sau.....	145
Đồng bộ màn trước	145
Đồng hồ.....	27, 253
Đường chân trời ảo.....	55, 62

E

Easy exposure compensation (Bù phơi sáng dễ dàng)	225
Edit movie (Chỉnh sửa phim)	69
EV steps for exposure cntl. (Bước EV dành cho điều khiển phơi sáng).....	224
Exif	217, 333

Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng đèn nháy).....	240
Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng)	231
Eye-Fi (Tải lên Eye-Fi).....	260

F

Face-priority AF (lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)	52
File naming (Đặt tên tập tin)	216
File number sequence (Trình tự số tập tin)	230
Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc) ..	132, 133, 267
Fine-tune optimal exposure (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu)	226
Firmware version (Phiên bản vi chương trình).....	260
Fisheye (Mắt cá)	274
Flash cntl for built-in flash (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn).....	236
Flash shutter speed (Tốc độ của trập đèn nháy)	146, 235
Flash warning (Cảnh báo đèn nháy) .	231
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)..	252
Focus point wrap-around (Quấn xung quanh điểm lấy nét)	222
Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy nét với khóa-bật).....	222
Format memory card (Định dạng thẻ nhớ).....	250
Frame size/frame rate (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình)	65
FV lock (Khóa FV).....	149
FX (36 × 24) 1,0 ×	90

G

Gán nút Fn	242, 247
Gắn thấu kính	3, 26, 103
Ghi NEF (RAW)	94
Giá ba chân	3
Giảm mắt đỏ	144, 145
Gỡ bỏ các mục (Menu Của Tôi) ..	281
Góc xem	291
Gói pin.....	232, 233, 247, 255, 297
GPS.....	175, 183
Gương	85, 88, 303
Gương nâng lên	6, 83, 88
Gương nâng lên điều khiển từ xa (Chế độ điều khiển từ xa).....	85

H

H.264	329
HDMI	56, 64, 204, 333
HDMI-CEC.....	205
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo ..	293
Hẹn giờ	85, 164
Hẹn giờ chờ	39, 175
Hi (Độ nhay).....	106
Hide image (Ẩn hình ảnh)	208



High ISO NR (ISO Cao NR)	218
Hướng dẫn khuôn hình.....	55, 62
Huỳnh quang (Cân bằng trắng) ..	115

I	
Image area (Vùng hình ảnh)	63
Image comment (Chú thích hình ảnh).....	253
Image Dust Off ref photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi)	251
Image overlay (Lớp phủ hình ảnh)	269
Image quality (Chất lượng hình ảnh) 93	
Image size (Cỡ hình ảnh)	95
Image type (Slide show)	213
In.....	196
Information display (Hiển thị thông tin)	9, 231
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)	164
ISO display and adjustment (Hiển thị và điều chỉnh ISO)	229
ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)	105, 107
ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO)	107
ISO sensitivity step value (Giá trị bước độ nhạy ISO)	224
i-TTL	143, 146, 237

J	
JPEG	93
JPEG basic (JPEG cơ bản)	93
JPEG compression (Nén JPEG).....	94
JPEG fine (JPEG nét)	93
JPEG normal (JPEG bình thường) .	93

K	
Khe	30, 96, 178
Khe và thư mục phát lại	178
Khoá lấy nét	102
Khoá phơi sáng	110
Khoá tự động phơi sáng	110
Khoá tự động phơi sáng	110
Khởi động lại hai nút	151
Khuếch đại màu xanh lá cây (Hiệu ứng bộ lọc)	267
Khuếch đại màu xanh trời (Hiệu ứng bộ lọc)	267
Khung vùng lấy nét tự động.....	8, 33
Khuôn hình đơn.....	6, 83
Kích cỡ	63, 95
Kích thước ảnh	291
Kích thước trang (PictBridge)	198
Kính ngắm	8, 33, 297, 326

L	
L (lớn).....	63, 95
Làm nổi bật	180, 209
Language (Ngôn ngữ)	253
Lắp thấu kính	25
Lấy nét bằng tay	55

Lấy nét kính ngắm.....	33, 297
Lấy nét tự động.....	51–52, 97–102
Lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian	51
Lấy nét tự động vùng động	100
LCD illumination (Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng)	231
Loa	3, 4
Lock mirror up for cleaning (Khóa gương để làm sạch)	303
Long exposure NR (phơi sáng lâu NR) 218	
Lưu cài đặt máy ảnh.....	257
Lưu cài đặt người dùng	81

M	
M (vừa)	63, 95
Ma trận	109
Màn hình	46, 49, 177, 250
Màn hình chéo (Hiệu ứng bộ lọc).....	267
Màn ngắm lấy nét	327
Manage Picture Control (Quản lý Picture Control)	134
Manual (Bảng tay)	78, 103
Manual focus (Lấy nét bằng tay).....	103
Màu nâu đỏ (Đơn sắc)	266
Max. continuous release (Ảnh tối đa khi nhà liên tục)	230
Mây (Cân bằng trắng).....	115
Màn ngắm điện tử	103
Máy tính	193
MB-D14	232, 233, 247, 255, 297
MB-D14 battery type (Loại pin MB-D14).....	232
Mềm (Hiệu ứng bộ lọc)	267
Menu cài đặt	249
Menu chụp	214
Menu phát lại	207
Menu sửa lại	261
Micrô	3, 62, 65
Micrô bên ngoài	61, 65
Microphone (Micrô)	61
Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hơn) 276	
Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình)	241
Monitor brightness (Độ sáng màn hình)	250
Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)	228
Monochrome (Đơn sắc)	129, 266
Movie settings (Cài đặt phim)	65
Múi giờ và ngày	27
Multiple exposure (Đa phơi sáng).....	160
Mượt	141
My Menu (Menu Của Tôi)	280

N	
Nắp màn hình.....	17
Nắp mắt kính của kính ngắm	86
Nắp thân máy	3, 25, 298
Nắp thấu kính.....	25
Nắp thị kính	86

NEF (RAW)	93, 94, 216, 271
NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW)).....	271
Nén (Loại)	94
Nén không giảm (Loại)	94
Ngàm gắn phụ kiện	292
Ngày và thời gian	27
Ngôn Ngữ	27
Nhà cửa trập Qc	6, 83
Nhà cửa trập tinh lặng	6, 83
Nhà khóa đĩa lệnh chế độ nhà.....	5, 6, 83
Nhấn nút nhà cửa trập hết cỡ	38, 39
Nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng	38, 39
Nhiệt độ màu.....	115, 116, 120
Nikon Transfer 2	193, 194
Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU)	172
Normal-area AF (Lấy nét tự động vùng bình thường).....	52
Number of focus points (Số lượng điểm lấy nét)	223
Number of shots (Số lần chụp).....	337
Nút AE-L/AF-L	102, 110, 244, 248
Nút chế độ AF	51, 52, 98, 100
Nút Fn	92, 149, 174, 242, 247
Nút ghi phim	58
Nút nhà cửa trập	38, 39, 102, 110, 226, 248
Nút xem trước	77, 244, 248
Nút xem trước độ sâu của trường 60, 77, 241, 244, 248	

O	
OK button (Nút OK) (chế độ chụp).....	241
Output resolution (Độ phân giải đầu ra) (HDMI)	205

P	
Perspective control (Điều chỉnh phối cảnh)	275
Phạm vi đèn nháy.....	147
Phát lại	46, 177
Phát lại hình thu nhỏ	185
Phát lại khuôn hình đầy	177
Phát lại theo lịch	186
Phim	57, 247–248
Phim định dạng DX.....	63
Phim định dạng FX.....	63
Phơi sáng	74, 109–113
Phơi sáng bù trừ	153, 241
Phong Cảnh (Đặt Picture Control)	129
Phụ Kiện	297
Phục hồi cài đặt mặc định	151, 214, 221, 312
PictBridge	196, 333
Picture Control	129, 131
Pin	21, 23, 35, 255, 331
Pin đóng hồ	28
Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)	209

Playback folder (Thư mục phát lại)	207
Print (DPOF) (In (DPOF)).....	199
Print select (In lựa chọn)	199

Q

Quăng khuôn hình (Trình chiếu slide)	213
Quick retouch (Sửa đổi nhanh) ...	273

R

RAW Khe 1 - JPEG Khe 2 (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận).....	96
Recent settings (Cài đặt gần đây).....	283
Red-eye correction (Điều chỉnh mắt đỏ)	264
Release button to use dial (Nhấn nút để sử dụng đĩa lệnh).....	246
Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng).....	228
Repeating flash (Đèn nhấp lặp lại)	236
Reset (Đặt lại)	151, 214, 221
Reset custom settings (Đặt lại cài đặt tùy chọn)	221
Reset shooting menu (Đặt lại menu chụp)	214
Resize (Thay đổi kích cỡ).....	272
Reverse indicators (Chỉ báo ngược lại)	246
RGB	180, 217
Rotate tall (Xoay dọc)	212

S

S (nhỏ)	63, 95
Sạc Pin	21–22
Sáng chói (Cân bằng trắng)	115
Sao lưu (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận)	96
Save selected frame (Lưu khuôn hình đã chọn)	69, 72
Save/load settings (Lưu/Tải cài đặt) ..	257
Screen tips (Mẹo sử dụng màn hình) 229	
Select date (Chọn ngày)	191, 199, 208
Selective color (Màu chọn lọc)	277
Self-timer (Tự hẹn giờ)	83, 85, 227
Set Picture Control (Đặt Picture Control)	129
Shutter-release button AE-LL (Nút nhả cửa trập AE-L)	226
Side-by-side comparison (So sánh cạnh nhau)	279
Single-point AF (Lấy nét tự động điểm đơn)	99, 100
Single-servo AF (Lấy nét tự động phần phụ đơn)	51, 97, 221
Slide show (Trình chiếu slide).....	213
Slot empty release lock (Khóa nhà khe trống).....	246
số f.....	73, 77, 288

Sống động (Đặt Picture Control) 129	
sRGB.....	217
Standby timer (Hẹn giờ chờ)	227
Storage folder (Thư mục lưu trữ) 215	
Straighten (Nắn thẳng)	274
Subject-tracking AF (Tự động lấy nét dò tìm đối tượng)	52

T

Tai nghe.....	61, 62
Tăng cường màu đỏ (Hiệu ứng bộ lọc)	267
Tháo thấu kính khỏi máy ảnh.....	26
Thấp (Độ nhảy)	106
Thấu kính.....	25–26, 172, 259, 285
Thấu kính CPU.....	26, 285
Thấu kính không CPU. 172, 285, 288	
Thấu kính loại D	285, 287
Thấu kính loại E.....	285, 287
Thấu kính loại G	285, 287
Thẻ nhớ.....	29, 31, 250, 334, 335
Thẻ nhớ SD	29, 31, 96, 334, 335
Thêm các mục (Menu Của Tôi).....	280
Theo dõi 3D	99, 100
Theo dõi lấy nét	97, 222
Theo dõi lấy nét đoán trước.....	97
Thiết bị tiếp hợp di động không dây 298	
Thời gian.....	253
Thông tin	9, 179
Thông Tin Ảnh	179, 209
Thông tin phát lại	179, 209
Thu phóng phát lại	187
Tỉ lệ tiêu cự.....	25
Tiếp xúc CPU.....	287
Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 129	
Tiêu cự.....	173, 291
Time zone (Múi giờ)	27, 253
Time zone and date (Múi giờ và ngày).....	253
Tốc độ bit	65
Tốc độ cao liên tục	6, 83
Tốc độ cửa trập	76, 78
Tốc độ cửa trập tối thiểu	107
Tốc độ đồng bộ đèn nhấp.....	234, 235, 327
Tốc độ thấp liên tục.....	6, 83, 229
Toning (Tông màu)	132, 133
Trần (Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận)	96
Trím (Xén).....	265
Trợ giúp	18
Trợ giúp lấy nét tự động	223, 290, 296
Trung tính (Đặt Picture Control) . 129	
Truyền Hình	204
Tự động (Cân bằng trắng).....	115
Tự động được lập trình	75
Tự động ưu tiên của trập	76
Tự động ưu tiên độ mở ống kính . 77	
Tự hẹn giờ.....	6
Tuổi thọ pin	337
Tỷ lệ cạnh	265

U

USB.....	194, 196
Use GPS to set camera clock (Dùng GPS để đặt giờ máy ảnh)	175
UTC	27, 175, 183
Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG).....	94

V

Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận.....	96
Viền (PictBridge)	198
Viewfinder grid display (Hiển thị lưới kính ngắm)	229
ViewNX 2	193, 217
Vignette control (Quản lý tạo họa tiết).....	218
Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 243, 258	
Vòng lấy nét thấu kính	25, 55, 103
Vùng hình ảnh	26, 63, 89, 91, 95

W

WB	115, 156
White balance (Cân bằng trắng) 115, 156	
Wide-area AF (Lấy nét tự động vùng rộng).....	52

X

Xanh tím (Đơn sắc).....	266
Xem ảnh trực tiếp.....	49
Xem lại hình ảnh.....	171, 177, 212
Xem trực tiếp.....	49–56, 57–64
Xem trực tiếp phim	57, 247–248
Xén DX tự động	91
Xếp hạng mục (Menu Của Tôi).....	282
Xóa ảnh đã chọn.....	190
Xóa hình ảnh hiện tại	47, 189
Xóa tất cả ảnh.....	190



Nghiêm cấm sao chép tài liệu này dưới bất kì hình thức nào, toàn bộ hoặc một phần (ngoại trừ trích dẫn ngắn trong các bài phê bình hoặc giới thiệu), mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của NIKON CORPORATION.